

BÁCH KHOA TOÀN THƯ
TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN
TRUNG QUỐC

Luận Ngữ

THÀNH KINH CỦA NGƯỜI TRUNG HOA

HỒ SĨ HIỆP dịch
TRẦN KIẾT HÙNG hiệu đính

NHÀ XUẤT BẢN
ĐỒNG NAI - 1995



TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC

Handwritten signature and date: 1/10/95

LUẬN NGŨ

THÁNH KINH CỦA
NGƯỜI TRUNG HOA

Người dịch : HỒ SỸ HIỆP

Người hiệu đính : TRẦN KIẾT HÙNG

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

1995

LUẬN NGŨ
THÁNH KINH CỦA NGƯỜI TRUNG HOA

LỜI GIỚI THIỆU

“Luận ngữ” là một bộ sách “Ngôn hành”, do các đệ tử của Khổng Tử ghi chép và chỉnh lý những lời đối đáp giữa Khổng Tử với học trò của mình. Đời nhà Hán lúc bấy giờ có ba bộ sách Luận ngữ mang tên khác nhau. “Cổ Luận ngữ”, “Tề Luận ngữ”, “Lỗ Luận ngữ”. Nội dung toàn bộ sách rất rộng, đề cập tới các mặt chính trị, đạo đức, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật và mỹ học v.v...

Về lĩnh vực mỹ học, “luận ngữ” xuất phát từ nhân học, lấy tư tưởng mỹ học từ trước thời Khổng Tử được tổng kết tương đối có hệ thống, hình thành một bộ lý luận mỹ học cho người đời sau.

Nội dung “Luận ngữ” nhấn mạnh tác dụng của văn học đối với xã hội; nó đề ra khái niệm “Hưng, Quan, Quần, Oán” (Phân tích nghệ thuật thơ ca, tạo nên sức hấp dẫn trong bốn mặt thường thức). Bốn mặt này có mối quan hệ lôgic nội tại giữa văn và chất. Yêu cầu hai mặt “văn và chất” phải hoàn toàn thống nhất

với nhau. Về thưởng thức cái đẹp của tự nhiên, nó đề ra cách nhìn : “Trí giả lạc thủy, nhân giả ái sơn”. Cách nhìn này bao hàm con người thưởng thức, cảm thụ đối với cái đẹp tự nhiên, ý nghĩa cộng hưởng và cảm ứng đến tinh thần, biểu hiện một đặc trưng quan trọng đối với việc thưởng thức cái đẹp tự nhiên của người Trung Hoa thời xa xưa.

Về phê bình văn học, “Luận ngữ” đề ra nguyên tắc “Trung dung” (không thiên về bên nào); nó bao gồm mỹ học Trung Hoa với nghệ thuật sáng tạo lý giải từ thưởng thức biện chứng một cách sâu sắc.

Tư tưởng mỹ học của “Luận ngữ” đối với tư tưởng mỹ học thời đại phong kiến đã sản sinh ảnh hưởng cực kỳ sâu xa...

“Luận ngữ” được biên soạn thành sách sau bốn mươi năm Khổng Tử qua đời. Nó trở thành trước tác kinh điển của Nho gia đời sau.

MỤC LỤC

1. Khổng Tử — Càng nhìn lên càng thấy cao, Càng dùi sâu càng kiên cố.	8
2. Học — Ôn cũ mà biết mới.	52
3. Hiếu với cha mẹ và tôn kính anh em — Cái gốc của điều "Nhân".	94
4. Điều "Nhân" — Gạt bỏ dục vọng, nén mình, thực hành theo đúng lễ.	113
5. Điều "Lễ" — Nếu xa hoa quá đáng thì tiết kiệm còn hơn.	141
6. Cai trị — Chăm sóc cho dân được ngay thẳng.	162
7. Mỗi người đều nói ra cái chí của mình. Một mặt của việc thư thái nhẹ nhàng.	188
8. Bàn về "Lược ngữ".	220

KHỔNG TỬ — CÀNG NHÌN LÊN CÀNG THẤY CAO, CÀNG DÙI SÂU CÀNG KIÊN CỐ.

Khổng Tử (năm Chu Linh Vương thứ 21 — năm Chu Kính Vương thứ 41, tức năm 551 — 479 TCN), người nước Lỗ (Khúc Phụ, Sơn Đông), cha là Thúc Lương Ngột và mẹ là Nhan Chử Tại ⁽¹⁾.

Khổng Tử lúc nhỏ đã không có cha ⁽²⁾. Khổng Tử đã tự nói : “Ta lúc nhỏ cũng hèn” (Ngô thiếu dã tiện). Câu nói này ít nhiều vì ông lúc nhỏ cha mất mà thốt ra. Khổng Tử tuy lúc nhỏ nghèo hèn, nhưng ông không phải vì thế mà tự đánh mất mình. Trái lại, do sự hiếu học của bản thân mà ông đứng sừng sững giữa trời đất, trở thành một vị thánh nhân được mọi người ngưỡng mộ. Điều

(1) Cha của Khổng Tử là Thúc Lương Ngột và mẹ là Nhan Thị là theo ghi chép của thiên “Khổng Tử thế gia” sách “Sử Ký” của Tư Mã Thiên. Sách “Lễ ký đàn cung hạ” viết : “mẹ của Khổng Tử là Chử Tại”.

(2) “Khổng Tử giả nghi” có câu : “Ta sinh ra lúc 3 tuổi thì Lương Ngột chết”.

này không hướng vào tinh thần, số phận trắc trở và tự lập tự cường mà hiện tại nó đã làm cho mọi người kính phục. Khổng Tử tên là Khâu, tự Trọng Ni. Thời xưa, đối với người được tôn trọng thì gọi là “Tử” vì vậy ông được gọi là Khổng Tử. Chúng ta từ “Luận ngữ” để tìm hiểu Khổng Tử.

I

“Tử viết : “Thập thất chi ấp, tất hữu trung tín như Khâu giả yên; bất như Khâu chi hiếu học dã”

(Công Dã Tráng)

“Khổng Tử nói rằng : “Trong một xóm mười nhà ⁽¹⁾, ắt có người trung hậu đáng tin như Khâu này; nhưng chẳng có ai ham học như Khâu này vậy” ⁽²⁾

“Tử viết : “Đức chi bất tư, học chi bất giảng, văn nghĩa bất năng đồ, bất thiện bất năng cải; thị ngô ưu dã” (Thuật nhi)

“Khổng Tử nói rằng :

“Đức hạnh chẳng trau dồi, học vấn chẳng giảng cứu cho

(1) Chu Hy chú : “xóm mười nhà” là xóm nhỏ.

(2) Thiên “Khổng Tử thế gia” sách “Sử Ký” viết : “Hai người cầu tự ở núi Ni Khâu sinh ra Khổng Tử”. Lại viết : “Khi sinh ra, trên đầu gối, giữa lôm cho nên đặt tên là Khâu, tự Trọng Ni, họ Khổng”

(3) Từ đây, phần trích dịch những câu của Khổng Tử trong “Luận ngữ”, chúng tôi lấy lại phần dịch của Đoàn Trung Còn trong sách “Luận ngữ” — Tử đức tông thư. Sài Gòn, 1950 và có sửa chữa theo lời văn bạch thoại trong sách dịch này.

tinh tường, nghe biết điều Nghĩa mà chẳng làm theo, tự mình chẳng phải mà không biết sửa đổi, đó là những việc mà ta lấy làm lạ lắng vậy” (3)

“Diệp Công vấn Khổng Tử. Tử Lộ bất đối. Tử viết : Như hề bất viết : Kỳ vi nhơn giả, phát phần vong thực, lạc dĩ vong mưu, bất tri lão chi tương chi vân nhĩ” (Thuật nhi)

“Diệp Công ⁽¹⁾ hỏi Tử Lộ : Đức Khổng Tử là người như thế nào ? Tử Lộ không đáp. Biết được, Khổng Tử nói với Tử Lộ rằng : “Sao người không trả lời như thế này : ấy là người phân phát và suy ngẫm đạo lý cho đến quên ăn; khi được đạo lý thì vui sướng cho đến quên các nỗi lo buồn; và mãi mê chuyện tâm về đạo lý cho nên chẳng hay cái già nó sắp đến với mình ?”

“Tử viết : nhược Thánh dữ nhơn, tác ngô khởi cảm ? ưc ai chi bất yếm, hối nhơn bất quỵen, tác vi chi Vân dĩ hĩ”. Công Tây Hoa viết : chính duy đệ tử bất năng học dã” (Thuật nhi)

“Khổng Tử nói rằng : Như làm bậc Thánh và bậc Nhân thì ta đâu có dám ? Nhưng làm mà không chán, dạy người mà không mỏi, thì ta chỉ có thể gọi được như vậy mà thôi”. Công Tây Hoa nói rằng : “Chính hai việc đó mà bọn đệ tử chúng tôi chẳng học tập được bằng thầy”.

(1) Diệp Công là vị Tướng công cai trị huyện Diệp, nước Sở. Ông tên là Trần Chu Lượng, tự là Tử Cao. Người ta thường gọi ông là Diệp Công.

“Tử viết : mạc ngã tri dã phù. Tử Cống viết : “Hà vị kỳ mạc tri tử dã ?”. Tử viết : “Bất oán thiên, bất ưu nhân, hạ học nhi thượng đạt : tri ngã giả kỳ thiên hồ !” (Hiển vấn)

Khổng Tử than rằng :

“Ôi ! Đời chẳng ai biết đến ta ! Tử Cống hỏi rằng : “Tại sao thầy than rằng chẳng ai biết đến thầy ?”. Khổng Tử đáp : “Ta chẳng oán trời, ta chẳng trách người. Còn về đạo đức thì ta bắt đầu học từ mức thấp để đạt dần lên mức cao. Biết ta chẳng, chỉ có trời ?”

Một người cần đề cao cảnh giới nhân sinh của cá nhân và thay đổi tốt đẹp thái độ đối xử, làm người của ông, học tập là con đường duy nhất của Khổng Tử. Cả đời của Khổng Tử coi trọng việc học — bất kể là học tập về mặt cá nhân của ông hoặc là học tập có người khác giúp đỡ — Sự kiên trì của thái độ này là lý do quan trọng nhất của người đời sau đề cao và tôn kính Khổng Tử. Khổng Tử cả đời lấy việc dạy học làm công việc chính của mình, nhưng ông không hề tự mãn khoe khoang. Tinh thần tự mình cố gắng này, chính là động lực chính của một người học không biết chán và dạy người không biết mỏi.

“Tử viết : mạc nhi thức chi, học nhi bất yếm, hồi nhân bất quyện, hà hữu ư ngã tai !” (Thuật nhi)

“Khổng Tử nói rằng :

“Im lặng suy nghĩ đạo lý để ghi nhớ trong lòng, học đạo lý mà không biết buồn chán, dạy người mà không biết mệt mỏi; ba cái đức ấy có đầy đủ ở nơi ta chăng ?”

“Tử viết : “Ngô hữu tri hồ tai ? Vô tri dã. Hữu bị phu vấn ư ngã, không không như dã, ngã khấu kỳ lương đoan như kiệt yên” (Tử Hân).

“Khổng Tử nói rằng :

“Ta có biết rộng chăng ? Ta chẳng có biết rộng. Nhưng nếu có kẻ thô鄙 hỏi đến ta, dù là kẻ tối tăm ngu khờ đến đâu, ta cũng đem hai bề từ đầu chí đuôi mà dần giải cho thật tường tận mới thôi !”

“Thuật nhi biên biệt ngoại” có ghi chép lời nói của Khổng Tử : “Nghe nhiều, nhưng chọn lựa lấy điều hay mà làm theo nó. Thấy nhiều mà nhận thức nó; biết nó là việc sau vậy”. Khổng Tử tuy không phải là người sinh ra đã biết, nhưng ông quyết chí học, cố gắng không lười biếng, mở mang việc tiếp thu kiến thức, giáo hóa người, chẳng phân biệt người thiện kẻ ác, ghi nhớ đọc rèn việc học, vốn không phải là cực điểm của Thánh nhân, Khổng Tử đều không làm, thật khiêm nhường mà lại rất khiêm nhường. Biển cả có thể thu nhận nước của trăm con sông, bởi vì đó là nơi

thấp nhất của đại dương. Khiêm nhường là một trong những nhân tố quan trọng nhất của việc học mà nên. Dưới đây là câu chuyện có thể giúp chúng ta nhận thức được thái độ tiếp thu phê bình và sửa chữa của Khổng Tử như thế nào.

Quan Tư bại của nước Trần có lần hỏi Khổng Tử rằng : “Vua Lỗ Thiên Vương có biết lễ không ? Khổng Tử trả lời : “Có biết lễ”. Sau khi Khổng Tử đi rồi, quan Tư bại của nước Trần đã chấp tay vái Vu Mã Kỳ, học trò của Khổng Tử một lạy và nói một cách miễn cưỡng rằng : “Tôi nghe nói người quân tử thì không bè đảng. Con người của Khổng Tử cũng có lòng tư riêng chăng ? Dựa theo lễ thì người cùng họ không được lấy nhau. Vua nước Lỗ đón một tiểu thư từ nước Ngô về làm vợ. Nước Lỗ và nước Ngô đều họ Cơ, cùng họ lấy nhau đó là phạm lễ. Nếu như vua Lỗ Chiêu Công có thể được coi là biết lễ, thế thì ai là người không biết lễ ? Vu Mã Kỳ liền đem lời của quan Tư bại nước Trần nói ngay cho Khổng Tử. Khổng Tử chẳng những không tức giận, mà trái lại ông nói : “Ta thật may mắn, nếu như ta phạm phải, nhất định sẽ có người nhìn thấy ngay”.

II

“Tử viết : Bản nhi vô kỵ nan, phú nhi vô kiêu dị” (Hiển vấn)

“Khổng Tử nói rằng :

“Giàu mà không kiêu căng thì còn dễ; chứ nghèo khổ mà chẳng sâu oán thì thật khó”.

“Tử viết : “Phú nhi khả cầu dã, tuy chấp tiên chi sĩ, ngô diệc vi chi; như bất năng khả cầu, tòng ngô sở hảo” (Thuật nhi)

“Không Tử nói rằng :

“Nếu muốn làm giàu mà được, thì dầu cho làm kẻ cầm roi đánh xe hầu người, ta cũng làm. Còn như muốn giàu mà chẳng được, thì ta cứ theo sở thích của ta”.

“Tử viết : Phan sở thực âm chủ, khúc quảng nhi châm chi, lạc diệc tại kỳ trung hĩ. Bất nghĩa như phú, ư ngã như phù vân” (Thuật, nhi)

“Không Tử nói rằng :

“Ăn cơm thô, uống nước lã, co cánh tay mà gối đầu ở cạnh đơn bạc như vậy, người đạo đức cũng lấy làm vui. Chớ do những hành vi bất nghĩa mà trở nên giàu có và sang trọng, thì ta coi việc đó như mây nổi”

Trên đây chúng ta đã đề cập đến Không Tử lúc nhỏ nghèo hèn, một người thời niên thiếu cam chịu cuộc sống nghèo khổ, trong đó cảnh khổ tự nhiên được ghi nhớ khắc sâu — Cuộc sống của thời niên thiếu tương đối đơn giản, vì thế mỗi một sự việc nếm trải càng lâu càng mới, năm tháng kéo dài vòng tròn cuộc

sống càng lớn, cuộc sống càng phức tạp, thì trái lại điều đáng ghi nhớ rất ít. Không phải như vậy. Cho nên đối với Không Tử để nói cái gì là cuộc sống, cái gì là nghèo hèn ! Ông là người bản thân chịu đựng, am hiểu sâu sắc một người nghèo hèn mà không hề oán trời, trách người, là sự chống đỡ cần phải trải qua biết bao tâm lý mới có thể chiến thắng được bản thân mình, mà thân nhiên đi đến với cái nghèo hèn — Đây cũng là nguyên nhân đặc biệt làm cho Không Tử khen ngợi Nhan Uyên, một trong số nhiều học trò của ông. Một người bản thân tự nhiên thoát khỏi cảnh bản khốn — ai mà không hy vọng sự giàu sang ! Nhưng Không Tử còn suy nghĩ đến “cái nghĩa”. Đó là một vấn đề. Nếu như sự giàu sang có thể tìm kiếm được thì lập tức từ bỏ sự nghèo khổ đó để cầu mong. Không Tử tuyệt nhiên không cho rằng một người cứ cố giữ mãi cái nghèo khổ mà không thể cầu mong. Ông quyết không chấp nhận điều đó ! Sự thực ở thiên “Thái bá” có ghi : Không Tử nói : “Nước có đạo lý, nghèo mà lại hèn, thật đáng hổ thẹn vậy”. Đất nước có đạo lý, thì nên giúp đỡ, nếu như rơi vào cảnh bản cùng mà không chịu nổi, là đáng hổ thẹn ! Nếu như phương pháp chính đáng mà không tìm được sự giàu có, so với đất nước loạn lạc, thì nên an bản lạc đạo, làm theo sở thích của mình, Thiên “Thận nhân” của sách “Lã thị Xuân Thu” đã nói rất hay rằng : “Kẻ đắc đạo của người xưa, bản cùng cũng cảm thấy vui mà khi thành đạt cũng cảm thấy vui. Niềm vui gì chẳng bằng

bàn cùng mà thành đạt. Cái đạo lý được ở đó thì cũng như là bàn cùng mà thành đạt vậy, giống như nóng, lạnh, gió, mưa cũng theo tuần tự đó”. Chữ “làm” (vi) ở đây cũng có nghĩa như chữ “giống nhau” (nhược) và “giống như” (Hào tượng). Một người có thể từ sở thích của mình, bàn cùng mà thành đạt được, đã là vấn đề thứ yếu. Đời người có bàn cùng mới có thành đạt, cũng giống như tự nhiên có nóng, lạnh, gió, mưa. Tất cả đều rất tự nhiên. Chúng ta nên mạnh dạn tiếp thu. Chê cười người khác, sẽ không có ý nghĩa. Cũng không thể gây nên phiền phức hoặc làm cho ông nảy sinh sự thoái chí, bởi vì nghiên cứu và phát minh là điều mà ông ham thích, là sự hứng thú vốn có của ông.

III

“Quý Văn Tử tam tư nhi hậu hành. Tử văn chi viết : “Tái, tư kỳ hĩ” (Công Dã Tràng)

“Ông Quý Văn Tử ⁽¹⁾ hay suy đi nghĩ lại, tính tới tính lui nhiều lần rồi sau đó mới chịu làm”. Khổng Tử biết được điều ấy, bèn nói rằng : “Hai lượt là được rồi !”

“Tử chi Vũ Thành, văn huyền ca chi thanh, Phu Tử hoãn nhi nhi tiểu, viết : Cát kê, yên dụng ngư dao ? Tử Du đối viết :

(1) Quý Văn Tử, tên là Hạnh Phu, làm đại phu nước Sở. Trước khi làm việc gì ông cũng đều đắn đo cân nhắc rất lâu rồi mới làm. Khổng Tử cho rằng người như vậy là không quyết định, dốt khoát.

Tịch gia, Yên dã nhân chư. Phu Tử viết : quân tử học đạo tắc ái nhân, tiểu nhân học đạo tắc dị sử dã. Tử viết, “nhị tam tử, Yên chi ngôn thị dã. Tiền ngôn hĩ chi nhi” (Dương Hóa)

“Khổng Tử đi đến đất Vũ Thành ⁽¹⁾. Ông nghe tiếng đàn ca từ trong nhà dân vọng ra. Ông mỉm cười và nói rằng : “Giết gà, cần gì dùng dao mổ trâu ?” Tử Du đáp lại : “Ngày xưa, Yên ⁽²⁾ này có nghe thầy dạy rằng : “Người quân tử ở ngôi trên nhờ học đạo lý mà biết tuân theo lệnh nhà cầm quyền”. Khổng Tử nói rằng : “Này các đệ tử, trò Yên nói đúng đó. Mấy lời ta thốt ra mới rồi chỉ là lời nói chơi mà thôi !”.

“Tử viết : Đạo bất hành, thừa phù phù ư hải, tòng ngã gia kỳ Do dữ ? Tử Lộ văn chi hĩ. Tử viết : Do dã hào dưng quá ngã, vô sở thủ tài” (Công Dã Tràng)

“Khổng Tử than rằng :

Đạo của ta, người ta chẳng chịu thi hành. Hay là ta bỏ hết mà đi, thả bè lênh đênh trên mặt biển còn hơn ? Theo ta, chỉ có mình trò Do chứ gì ? Ông Do, tự là Tử Lộ tưởng thật, lấy làm vui vẻ. Nhưng Khổng Tử bảo rằng : “Trò Do có tính dưng cầm hơn

(1) Vũ Thành là một ấp ở nước Lỗ, do Tử Du, một học trò của Khổng Tử làm quan Tế. Tử Du phổ cập lễ, nhạc vào cách cai trị dân, cho nên ai nấy đều biết đàn hát.

(2) Yên là tên tự của Tử Du.

(3) Người quân tử cần đủ ba đức tính : nhân, trí, dũng. Khổng Tử có đủ ba đức tính ấy, còn Tử Lộ chỉ có đức Dũng mà thôi.

ta, nhưng tiếc rằng trò chẳng có chí phán đoán !”⁽³⁾

“Tử viết : “y tề uẩn bào, dữ y đồ lạc giả lập, nhi bất si giả, kỳ Do do dã dữ. “Bất kỹ bất cầu, hà dụng bất tàng”. Tử Lộ chung thân tụng chi. Tử viết : “Thị đạo dã, hà túc dĩ “Tàng” (Tử Hân)

“Không Tử nói rằng :

“Mặc áo dài bằng vải cũ rách, đứng chung với những người mặc áo lông hồ và lông lạc ⁽¹⁾, nhưng mà chẳng hổ thẹn, đó là trò Do chứ ai ! Ông bèn đọc tiếp hai câu trong “Kinh Thi” rằng : “Chẳng đồ kỹ và chẳng tham cầu, mình đủ trở nên người tử tế sao ?” ⁽²⁾. Tử Lộ nghe thầy khen thì rất thích suốt đời đọc đi đọc lại hai câu thơ ấy. Không Tử mới dạy rằng : “Với cái đạo pháp ấy, tức là với hai đức tính chẳng đồ kỹ và chẳng tham cầu, mình đủ trở nên người tử tế sao ?”

“Đường lệ chi hoa,

Thiên kỳ phản nhi.

Khởi bất nhi ty (tư),

Thất thị viễn chi.

Tử viết : vị chi tư dã phù ! hà viễn chi hữu” (Tử Hân)

(1) “Hồ”, tức con chồn, “Lạc”, tức con thú hơi giống con chồn. Áo bằng lông hai con thú này mặc rất ấm.

(2) Hai câu này trong bài “Hùng trí”, ở phần “Bội phong” trong “Kinh Thi”.

Dịch nghĩa :

“Cây đường lệ đơm hoa ⁽¹⁾

Dường như nó cảm động mà cho hoa nghiêng

Và quạt lay theo chiều gió.

Ta (vốn có tình cảm) há chẳng tưởng nhớ người sao ?

Ngặt nổi ở xa mà không tới đó thôi.

Không Tử nói rằng : “Như vậy là chưa nhớ tưởng đó, chứ nếu thật nhớ tưởng, thì có quân ngại gì nổi đường xa ?”

“Nguyên Nhưông di sĩ. Tử viết : “Ấu nhi bất tôn đệ, tưởng như cô thuật yêu, lão nhi bất tử, thị ử tặc”. Dĩ trương khẩu kỳ linh” (Hiếu văn)

“Nguyên Nhưông ⁽²⁾ ngồi chồm hồm mà chờ Không Tử. Không Tử trách rằng : “Lúc nhỏ người chẳng biết kính trọng hàng huynh trưởng; lớn lên, người chẳng làm được việc gì đáng khen. Đến già, người chẳng chết cho rồi, một đời như vậy chỉ phá hại thôi”. Ông bèn lấy gậy mà gõ lên ống chân của Nguyên Nhưông.

(1) Hoa đường lệ là loại hoa rất đẹp. Các loại hoa khác có búp trước rồi nở hoa sau. Chỉ có hoa đường lệ là nở hoa trước rồi mới có búp sau.

(2) Nguyên Nhưông là người quen cũ của Không Tử. Ông không biết lễ phép. khi mẹ chết vẫn ca hát mà chẳng khóc than.

Không Tử là Thánh nhân mà từ xưa đến nay mọi người đều công nhận. Vì ông là Thánh nhân, nên người xưa không những đem ông Thánh hóa, thậm chí coi ông là Thần hóa. Ông nghiêm nhiên bất khả xâm phạm. Lời nói của ông đều là thánh chỉ, không được làm trò cười ! Đúng như lời của Lão Phu Tử nói : “Mấy lời ta thốt ra mới rồi chỉ là lời nói chơi mà thôi !” Không Tử thấy Tử Du lấy lễ, nhạc để thi hành giáo hóa, mà còn đạt được thành tích to lớn, có thể không nên được nổi vui sướng. Đúng là ông mỉm cười để làm trò cười. Lời nói : “Ông Quý Văn Tử hay suy đi nghĩ lại, tính tới tính lui nhiều lần rồi sau đó mới chịu làm” có thể là lời nói của cháu Quý Văn Tử hoặc người thời đó tự xưng là cháu của Quý Văn Tử nói ra. “Suy đi nghĩ lại, tính tới tính lui” (Tam tư) cũng giống như “suy nghĩ thận trọng” (Thận tư), nên chưa chắc đã là ba lần. Phê bình này của Không Tử, một thời được nhắc đến, ai nấy đều nói câu nói vui này. Không Tử hà tất gì phải tranh luận về suy nghĩ đó ! Thực tế suy nghĩ ít hay nhiều, cần phải vì sự việc mà thay đổi. Có sự việc nên suy nghĩ đến trăm ngàn lần, nhưng cũng có sự việc chỉ nghĩ một lần là được ! Không Tử ngẫu nhiên theo một câu nói mà làm cho Tử Lộ “vui” (Hi); một chữ “Vui” (Hi) này, không biết bao hàm bao nhiêu sự hưng phấn. Không Tử nhìn thấy trong ánh mắt, lại không tiện trách móc, chỉ thích một mình ông suy nghĩ. Tử Lộ suốt ngày lập đi lập lại câu : “Chẳng dõ kỵ chẳng tham cầu, mình đủ trở nên

người tử tế sao ?” Có người suốt ngày tụng niệm câu : “Ta hà chẳng nhớ tưởng người sao ? Ngặt nổi ở xa mà không tới đó thôi”. Khổng Tử nghe được, cũng chỉ thích mỉm môi im lặng suy nghĩ một mình ! Tình cảm sâu xa, có thể là ông không có lẽ, không nói thành lời, lấy gậy gõ gõ lên ống chân, “lão này lớn lên không tiến bộ”. Từ chỗ này chúng ta không thể không khâm phục kỹ xảo sáng tác cao của “Luận ngữ” — Đúng là hô một tiếng muốn vọt ra, cây khô được sống lại ! Đương nhiên chúng ta càng vui sướng trước sự im lặng cao của Khổng Tử — Không ấm không nóng, phù hợp mọi nơi !

IV

“Tử Lộ tức ư Thạch Môn. Thần môn viết : “Hệ tư ?” Tử Lộ viết : “Tự Khổng thị” viết : “Thị tri kỳ bất khả nhi ai chi giá dữ ?” (Hiển vấn)

“Tử Lộ đi theo Khổng Tử chu du liệt quốc, lỡ đường, phải ngủ qua đêm ở cửa Thạch Môn, nước Tề. Sáng ra, quan giữ cửa thấy Tử Lộ bèn hỏi : “Ông này từ đâu lại đây ?” Tử Lộ đáp : “Từ nơi họ Khổng”. Quan giữ cửa lại hỏi : “Có phải ông ấy biết rằng công việc của mình làm chẳng hợp thời thế, mà cũng vẫn làm mãi chẳng ?”

“Tử viết : “Tiêu văn đạo, tịch tử khả hĩ” (Lý nhân).

“Khổng Tử nói rằng :

“Buổi sáng nghe đạo lý, buổi chiều có chết cũng vui”

“Tử viết : “Thậm hi ngô suy dã ! Cửu hi ngô phục mộng kiến Châu Công” (Thuật nhi)

“Khổng Tử than rằng :

“Ta đã suy yếu lắm rồi ! Đã lâu rồi, ta chẳng còn nằm mộng thấy ông Chu Công” ⁽¹⁾

“Tử viết : “Phụng điều bất chi; Hà bất xuất đồ. Ngô dĩ hi phù” (Tử Hân)

“Khổng Tử than rằng :

“Chim Phụng chẳng đến; bức đồ tám quẻ chẳng hiện ra trên mặt sông. Ôi thôi ! Đạo của ta chẳng thi hành được rồi !”

“Tử Cống viết : “Hữu mỹ ngọc ư tư, uẩn độc nhi tàng chư ? Cầu thiện giá nhi cô chư ? Tử viết : “Cố chi tai ! Ngã đãi giá giá dã” (Tử Hân)

“Tử Cống hỏi rằng : “Giá như có một hộp ngọc tốt tại đây, thì nên bỏ nó vào hộp mà giấu đi chăng ? Hay là mong cho được phải giá mà bán đi ? Khổng Tử đáp rằng : “nên bán đi ! nên bán

(1) Ông Chu Công là con của vua Chu Văn Vương và em của Chu Lỗ Vương. Khi vua Chu Lỗ Vương diệt vua Trụ mà dựng nên nhà Chu, ông Chu Công giúp anh mình trong việc cai trị, định chế độ lễ, nhạc và đặt ra nghi thức các việc quan, hôn, tang, tế.

đi ! Nhưng ta còn đợi cho được giá”

Thời đại của Khổng Tử sống là một thời đại đặc biệt hỗn loạn: tôi giết vua, con giết cha, trau chuốt lời nói, sửa sang sắc diện, vượt phận mình để tiến lên; một quốc gia “Thi hành đạo lớn”, hoặc thực hiện thế giới, là điều mà Khổng Tử mong đợi.

Địa phương của Khổng Tử ở đất Khuông bị tai nạn, ông than rằng : “Vua Văn Vương sau khi mất rồi, nền văn chương (lễ, nhạc, chế độ) do ngài nắm giữ chẳng truyền lại ở nơi ta đây sao ?” Đây là sự xúc cảm về sứ mệnh rất mạnh mẽ, làm cho Khổng Tử thốt ra lời cảm thán : “Buổi sáng được nghe đạo lý, buổi chiều dầu chết cũng vui”. Do đó, càng làm cho chúng ta thấu hiểu được sự khô tâm lo dân lo đời của Khổng Tử. “Thời thế phồn thịnh thái bình” là điều mà Khổng Tử mong ước. “Thời thế phồn thịnh văn võ” cũng là điều mà Khổng Tử hằng ôm ấp. Đến cuối đời, hùng tâm tráng chí đã hết, Khổng Tử là một người “Biết rằng công việc của mình làm chẳng hợp thời thế, mà cũng vẫn làm”. Đối với gánh nặng khôi phục lại trật tự xã hội rối loạn, tuy nhiên không được đặt xuống. Đây thật là “nhiệm vụ nặng nề đi đường xa, đến sau khi chết mới thôi !” Vì vậy thời gian kéo dài, già yếu rồi, nhưng ông vẫn không thể quên Chu Công. Lời than này làm cho chúng ta thấu hiểu cả cuộc đời của Khổng Tử — chỉ có tấm lòng và ý chí mong ước thiên hạ được thái bình. Thời đại

Xuân Thu — Chiến quốc có thể đã lưu hành lời chim Phụng bay đến và bức đồ tám quẻ là điều báo tốt lành của cảnh “Thời thế phồn thịnh thái bình”. Khổng Tử theo thói quen dùng nó để gửi niềm cảm thán. Và từ trong lời than của Khổng Tử, chúng ta có thể hiểu được : kỳ vọng lớn nhất của cuộc đời Khổng Tử là thiên hạ được thái bình. Vì vậy, Khổng Tử trở thành một người “Biết rằng công việc của mình không hợp thời thế mà cứ vẫn làm”. Khổng Tử đã hy vọng thiên hạ thái bình, cá nhân ông tự nhiên không biết cự tuyệt dòng đời; trên thực tế ông đã đi khắp các nước, tức là hy vọng có cơ hội thực hiện hoài bão. Vì vậy, đối với Tử Cống, ông đáp lại rằng : “nên bán đi ! nên bán đi !”. Nói lặp lại “nên bán đi !” cũng giống như nói : “Bán ! Bán !”, nói vội mà có ý nhanh. Theo câu nói chậm rãi là “nhưng ta còn đợi cho được giá”. Như một làn gió xuyên suốt, cũng miêu tả được nhiệt huyết cứu đời của Khổng Tử.

“Vi Sanh Mầu vi Khổng Tử viết : Khâu hà vị thi thê giả dư ? Vô nãi vi nịnh hồ ? Khổng Tử viết : “Phi cảm phi nịnh dã, tật cố dã” (Hiện văn)

“Vi Sanh Mầu nói với Khổng Tử rằng : Này ông Khâu ! Sao ông chăm chăm chú chú trong việc giáo hóa người đời quá vậy ? Chắc là ông dùng tài nói khéo léo mà người ta mê theo ông chứ gì ? Khổng Tử đáp lại rằng : “Chẳng phải ta dám dùng lời nói

khéo léo, nhưng ta ghét kẻ cố chấp không thông hiểu mà thôi !”

“Trần Thành Tử thí Gian Công. Khổng Tử mặc dục, nhi triều cáo ư Ai công, viết : Trần Hằng thí kỳ quân, thỉnh thảo chi. Công viết : “Cáo phù tam tử”. Khổng Tử viết : Di ngô tòng đại phu chi hậu, bất cảm bất cáo dã; Quân viết : Cáo phù tam tử giả !” chi tam tử cáo, bất khả. Khổng Tử viết : Di ngô tòng đại phu chi hậu, bất cảm bất cáo dã !” (Hiển vấn).

“Trần Thành Tử ⁽¹⁾ giết vua của mình là Gian Công. Khổng Tử tẩm gội, vào triều, tâu với vua Ai Công nước Lỗ rằng : Trần Hằng (tên của Trần Thành Tử) giết vua của mình, xin chúa thượng nhận lệnh thiên tử mà xuất binh đến hỏi tội. Vua Ai Công nói rằng : Khanh nên đến cho ba nhà đại phu hay đi !” Khổng Tử nói một mình rằng : “Ta tuy hết làm quan, vẫn còn trong hàng đại phu, nghe biết tội lớn ấy, chẳng dám bỏ qua mà chẳng tâu lên vua. Nay vua lại dạy ta đến cho ba nhà đại phu hay”. Ông bèn đến bàn với ba nhà đại phu. Tất thấy đều chẳng tán thành ý kiến của ông. Khổng Tử nói một mình rằng : “Bởi ta có hàng đại phu nên chẳng dám bỏ qua mà chẳng lo hay vậy”.

“Vệ Linh Công vẫn trần ư Khổng Tử. Khổng Tử đôi viết :

(1) Trần Thành Tử là đại phu của nước Tề. Trần Thành Tử giết vua Gian Công của nước Tề vào năm thứ 14 đời Ai Công, nước Lỗ, lúc ấy Khổng Tử đã thôi làm quan, nhưng thấy sự rối loạn ấy, ngài đến báo cho vua Ai Công hay. Mặc dù Ai Công làm vua, nhưng quyền lực lại nằm trong tay ba nhà đại phu họ Mạnh, là : Mạnh Tôn, Thúc Tôn và Quý Tôn.

“Trợ đạo chi sự, tác thương văn chi hỷ, quân hĩ chi sự, mạt chi học dã” “Mình nhất loại hành” (Vệ Linh Công).

“Vua Linh Công nước Vệ hỏi Không Tử về chiến trận”⁽¹⁾. Ông trả lời rằng : “Việc sắp đặt mâm bàn chén bát, dụng đồ cúng tế với nhà tông miếu (tức là lễ nhạc) thì tôi thường có nghe qua. Còn việc sắp đặt quân binh chiến phạt, tôi chưa từng học.” Sáng hôm sau ông bỏ ra đi.”⁽²⁾

“Tề nhân quý nữ nhạc. Quý Hoàn tử thọ chi. Tam nhật bất triều. Không Tử hành (Vi Tử).

“Vua quan nước Tề đưa tặng một nhóm nữ nhạc. Quý Hoàn thay mặt nước Sở mà thu nhận. Trong ba ngày, vua quan nước Sở mãi vui say với các nữ nhạc mà chẳng lâm triều. Không Tử chán ngán, bèn bỏ chức mà ra khỏi nước Lỗ”⁽³⁾

“Dương Hóa dục kiến Không Tử. Không Tử bất kiến qui Không Tử đồn. Không Tử thi kỳ vô dã, nhi vãng bài chi. Ngô chư đồ, vị Không Tử viết : Lai, dư dữ nhị ngôn.” Viết : “Hoài kỳ bảo,

(1) “Trần” cùng âm với “Trận”; “vấn trần”, tức là hỏi về sự việc của chiến trận.

(2) Không Tử bỏ nước Vệ ra đi, vì ông chê vua Linh Công của nước Vệ là người vô đạo. Không Tử và đệ tử đến nước Trần, bị bao vây mà hết lương thực trong 7 ngày.

(3) Không Tử làm chức Tư Khẩu (Tổng trưởng bộ Hình) và kiêm chức Tể tướng, làm cho nước Lỗ rất cường thịnh. Nước Tề ở bên cạnh, lo sợ uy thế của ông, bèn dùng mỹ nhân kế. Vì mãi vui, nhà vua chẳng ngự triều. Đến kỳ tế lễ, vua chẳng hiến phần thịt cho quan. Lấy cớ nhà vua thất lễ, Không Tử bỏ chức quan mà đi.

nhì mê kỳ bang, khả vị nhân hồ ?” Viết : Bất khả. Hào tưng sự, nhì cực thất thì, khả vị trí hồ ?” Viết : Bất khả. Nhật nguyệt thế hi; Tuế bất ngã dũ. “Khổng Tử viết : Nặc, ngô tương sĩ hi” (Dương Hóa).

“Dương Hóa ⁽¹⁾ muốn gặp Khổng Tử. Nhưng Khổng Tử chẳng muốn gặp. Dương Hóa sai người đem tặng cho Khổng Tử một con heo chín. Khổng Tử chờ lúc Dương Hóa không có ở nhà, bèn đến mà tỏ lời cảm tạ. Đi nửa đường ông gặp Dương Hóa. Dương Hóa nói rằng : “Hãy lại đây, tôi cùng ông nói chuyện.” Dương Hóa hỏi : “Ông có của quý mà ôm giấu, để cho nước nhà rối loạn, có đáng gọi là nhân không ? — Không ! Dương Hóa hỏi tiếp : “Ông muốn ra làm quan, nhưng chần chừ để lỡ mất cơ hội, có đáng gọi là trí không ? — Không ! Dương Hóa lại nói rằng : “Ngày tháng qua mau, năm tháng chẳng chờ ta.” Khổng Tử đáp lại : “Vâng, tôi cũng sắp sửa đi làm quan vậy !”

Cả đời Khổng Tử là lấy thiên hạ để làm nhiệm vụ cho mình, gánh vác biết bao trách nhiệm nặng nề ! Con đường đi xa xôi biết bao ! — Thậm chí ông gặp phải sự mỉa mai, chế giễu của người khác — Vội vàng không yên, không có gì dành phải xu nịnh ! Nhưng Khổng Tử không cúi đầu trước hiện thực; ông biết rõ là

(1) Dương Hóa, là gia thân của quan đại phu họ Qui, nhưng chuyên quyền cai trị, có lần nhốt Qui Tử Hoàn vào ngục. Khổng Tử biết ông ta là kẻ gian, nên chẳng muốn gặp.

không thực hiện được mà vẫn phải làm. Ông ham thích mà làm — Đất nước — nảy sinh chính biến — Bề tôi cuối cùng giết vua ! Thật là “Nhân luân thay đổi lớn, lẽ trời không dung nạp”. Khổng Tử trịnh trọng nói với mọi người trong nước về sự việc này. Vua — Người lớn nhất của một nước, trái lại không thể làm chủ sự việc, mà nói rằng : “Nên đến cho ba nhà đại phu hay đi !” Ba nhà chuyên chính đó, đã tiếm quyền trên, tuy chưa giết vua, nhưng cùng tập hợp lại để làm bậy. Với tình hình này, ba nhà chuyên chính tự nhiên không đồng ý đánh dẹp lũ nghịch thần, như vậy có khác nào tự vả vào mặt mũi xấu xa của mình. Đối với tình thế này thái độ của Khổng Tử không rõ ràng, nhưng ông còn thật thà nói : “Nên đến cho ba nhà đại phu hay đi.” Khổng Tử chỉ làm cái gì đáng làm, ngay cả đến sự việc này làm cũng không được, chỉ ở trong dự tính mà thôi, Khổng Tử đối với con người tuy tế nhị, im lặng, nhưng đối với sự việc thì trái lại làm đến nơi đến chốn và không thỏa hiệp : Vua Vệ Linh Công đã hỏi về chiến trận, có thể thấy vị vua đó không có lòng với văn chương, đức hạnh, chỉ muốn gây chiến, nên Khổng Tử đã bỏ đi — Ngày hôm sau bỏ đi, không hề mây may chần chừ. Năm Lỗ Định Công thứ 10, Khổng Tử 52 tuổi, từ chức quan cai trị thành Trung Đô, ông được thăng làm chức Tư Không, rồi được làm Đại Tư Khẩu ⁽¹⁾. Lỗ Định Công và

(1) Tư Không là chức quan coi việc xây dựng, còn Tư Khẩu là chức quan coi về pháp luật.

Tề Cảnh Công họp nhau ở Giáp Cốc, Không Tử với danh nghĩa là Đại Tư Khẩu nên đi theo cùng. Vua nước Tề muốn đâm chết vua nước Lỗ, do đó Không Tử tìm cách trấn an việc này, lấy việc lễ dè chuẩn bị cho Tề Cảnh Công, mới biến nguy thành yên. Năm Lỗ Định Công thứ 12 để làm suy giảm thế lực của ba nhà đại phu, làm thay đổi cục diện chuyên chính của ba nhà này, Không Tử sai học trò là Trọng Do đi phá hủy Tam Hoàn Thành của ba nhà này, tịch thu hết binh giáp. Sự việc này đời sau gọi là “Ba thành sụp đổ”. Kế hoạch này nếu như thành công, thì cục diện chính trị của nước Lỗ có thể tốt, đáng tiếc là Mạnh Ý Tử đã thắng — Mạnh Ý Tử còn hỏi Không Tử về điều “Hiếu” ! Thực ra, ông còn là học trò của Không Tử ! Do học trò chống đối, Không Tử mới thất bại. Nếu như Quý Hoàn Tử đã từng nhận đội nữ nhạc của nước Tề (chúng tôi nói “nếu như” là bởi vì, đối với việc này — Thôi Thuật, người đời Thanh cho là còn “Tồn nghi”) tức là lúc này. Chúng ta nghĩ rằng Không Tử lúc này nhất định rất đau lòng — Sự việc thất bại ở trên tay đệ tử của mình, khiến ông chán nản — Các nữ nhạc làm cho “trộn ba ngày, vua quan nước Lỗ mãi vui say với các nữ nhạc mà chẳng lăm triều”. Tuy là đất nước của cha mẹ, nơi sinh ra, nhưng Không Tử phải từ bỏ ra đi. “Dương Hóa muốn gặp Không Tử, nhưng Không Tử chẳng muốn gặp. Dương Hóa sai người đem tặng cho Không Tử một con heo chín”. Từ ghi chép này có thể tưởng tượng đến bộ mặt của Dương Hóa — Hân

cho rằng dùng diệu kế để mua chuộc, không muốn Không Tử lấy đạo để tu sửa bản thân ! - Nhưng “Đi giữa đường, ông gặp Dương Hóa”, đúng là đường hẹp gặp nhau, lần tránh không được ! Tiếng gọi : “Hãy lại đây”. Không biết chứa đựng bao nhiêu sự đắc ý, phấn khởi. Hãy xem ! Lúc đi, Dương Hóa tự mình níu kéo, tự mình hỏi và tự mình trả lời, đều là đạo lý, còn muốn phản bác ông không được. Dương Hóa hứng lên nhảy nhót, miệng lưỡi liên thoắt, mở miệng nói điều đạo lý.

Không Tử ý tứ chậm rãi, từ tốn, lấy ngay thẳng làm hơn, chỉ là một câu nói, trước sau phản chiếu, khiến người nhần nhục không chịu được. Nhưng vừa suy nghĩ một lát, Không Tử đã ứng phó trôi chảy với loại người như Dương Hóa. Thật là không có cách nào khác.

V

“Trần Cang vẫn ư Bá Ngự viết : “Tử diệt hữu di văn hồ ?”
Đôi viết : “Vị dã, thường độc lập; Lý xu nhi quá đình. Viết : “Học Thi hồ ?” Đôi viết : “Vị dã.” “Bất học thi, vô dĩ ngôn.” Lý thoái nhi học Thi. Tha nhật, hựu độc lập. Lý xu nhi qua đình. Viết : “Học lễ hồ ?” Đôi viết : “Vị dã ?” “Bất học lễ, vô dĩ lập.” Lý thoái nhi học lễ. Văn tứ nhi giả.” Trần Cang thoái nhi hỉ viết : “Văn nhất đắc tạm, văn thi, văn lễ, hựu văn quân tử chi viên kỳ tử dã”

(Quý thị).

“Trần Cang ⁽¹⁾ hỏi Bá Ngự ⁽¹⁾ là con của Khổng Tử rằng : “Anh có được nghe thầy dạy điều chi lạ chăng ?” Bá Ngự đáp rằng : “Chưa ! Một hôm cha tôi đứng một mình; tôi bước lẹ qua sân. Cha tôi hỏi rằng : “Con có học Kinh Thi chưa ? Tôi đáp : Chưa. Cha tôi dạy rằng : “Nếu chẳng học Kinh Thi thì chẳng biết gì mà nói. Tôi bèn lui đi mà học Kinh Thi.” Một hôm khác, cha tôi lại đứng một mình, tôi bước lẹ qua sân. Cha tôi hỏi rằng : Con có học Kinh Lễ chưa ? Tôi đáp : Chưa. Cha tôi dạy rằng : Nếu chẳng học Kinh Lễ, thì chẳng biết cách đứng được với đời (chẳng biết giữ vững đức mình). Tôi bèn lui đi mà học kinh lễ.” Nghe được hai điều ấy. Trần Cang lui bước, lấy làm mừng rỡ và nói rằng : “Tôi chỉ có hỏi một điều mà biết được đến ba, một là nghe dạy học Kinh Thi, hai là nghe dạy học Kinh Lễ, ba là nghe quân tử không nên gần con cái.”

“Nhan Uyên tử; Nhan Lộ thỉnh Tử chi xa dĩ vi chi quách. Tử viết : Tài, bất tài diệc các ngôn kỳ tứ dã. Lý dã tử hữu quan nhi vô quách. Ngô bất tòng đại phu chi hậu, bất khả tòng hành dã” (Tiên tấn).

(1) Trần Cang, tự là Tử Cầm là học trò của Khổng Tử, còn Bá Ngự là con của Khổng Tử. Bá Ngự tự là Khổng Lý.

“Nhan Uyên chết, Nhan Lộ ⁽¹⁾ đến hỏi Không Tử xin cỗ xe của ông để bán mà mua cái quách chôn con. Không Tử quả rằng : “Dầu cho nó có tài, hoặc bất tài, nó cũng chỉ là con thôi. Con ruột của ta là Lý (tự Bá Ngự) đã chết, ta chỉ tắm liệm bằng một cái quan, chớ chẳng có cái quách bao bọc ở bên ngoài. Chẳng lẽ ta đi bộ, bán xe mà mua cái quách hay sao ? Bởi ta theo sau hàng đại phu, nên chẳng lẽ đi bộ” ⁽²⁾

Hai đoạn ghi chép nêu trên đây, thực rất đáng cười. Trong “Luận ngữ” có hai chỗ khác ghi chép lời nói của Trần Cang (tức Tử Cầm); một đoạn ở thiên “Học nhi” nói : “Tử Cầm ⁽³⁾ hỏi bạn học là Tử Cống ⁽⁴⁾ rằng : “Thầy ta đi chu du, đến nước nào cũng được dự nghe việc chính trị : Đó là tại thầy ta cầu mong được nghe phải không ? Hay là tự nhà cầm quyền những nước ấy thỉnh thầy ta đến để nghe ?” Một đoạn trong thiên “Tử Trương” nói rằng : “Trần Tử Cầm nói với Tử Cống : “Anh khiêm tốn, cung kính đó thôi, chứ thầy Trọng Ni há tài giỏi hơn anh hay sao ?” Đối tượng của cả hai lần nói chuyện này đều là Tử Cống, xem ra là Trần Cang rất đề cao, sùng bái Tử Cống, còn đối với Không Tử thì trái lại. Trần Cang hình như có thói quen sau lưng

(1) Nhan Uyên là học trò đức hạnh của Không Tử, Nhan Lộ là cha của Nhan Uyên.

(2) Câu nói này của Không Tử có ý khiêm nhường, vì mặc dù thôi làm quan lớn, nhưng ông vẫn còn hàng phẩm đại phu.

(3) Tử Cầm, họ Trần, tên Cang, là học trò xuất sắc của Không Tử.

(4) Tử Cống, họ Đoan Mộc, tên Tứ, cũng là học trò xuất sắc của Không Tử.

châm chọc hoặc phê bình người ta. Kỳ lạ là ông ta lại nói cho ca con của Khổng Tử nghe sự việc này. Người quân tử không chút riêng tư, còn Trần Cang ngay cả nửa chút tình riêng cũng không có. Chẳng qua, Trần Cang có thể hiểu được “Chỉ có hỏi một điều mà biết đến ba”, đến cuối cùng là không quen. Nhan Hôi là học trò Khổng Tử thích nhất, 29 tuổi đầu tóc đã bạc trắng, 32 tuổi đã chết ⁽¹⁾. Bậc anh tài sớm qua đời ! Rất kỳ lạ Khổng Tử “khóc rất bi ai”, hơn nữa còn nói : “Ta chẳng vì người ấy mà bi ai, thì lại vì ai mà bi ai ?” Có thể thấy tình cảm tiếc thương đau xót cha dượng với con của ông ! Nhưng yêu thương trở về với yêu thương ! Đau xót trở về với đau xót, môn đệ là môn đệ, con là con; Lý (tức Bá Ngư) chết, có quan tài mà không có quách. Nhan Hôi mất, đã không thể phá xe làm quách, Khổng Tử không đáp ứng yêu cầu của Nhan Lộ không phải là vì ông không yêu Nhan Hôi ! Trái lại, dựa vào lễ, quần áo quan theo lễ của kẻ sĩ, căn bản không được dùng đến “quách” ! Chúng ta thấy lời nói vui của Khổng Tử đối với mọi người sau khi chôn Nhan Hôi “Trò Hôi coi ta như cha, nhưng theo lễ, ta chẳng được coi trò như con. Sự chôn cất trò một cách trọng thể, không phải do nơi ta chủ lễ. Đó là do các học trò của ta vậy” (Nhan Uyên). Có thể hiểu, Khổng Tử cần phải lấy lễ để chôn cất Nhan Hôi — Tất cả phải hợp lý hợp tình, mà không

(1) Xem “Sử ký Trọng Ni đệ tử liệt truyện” và “Khổng Tử gia ngữ”.

thế sau đó đổ lỗi cho người chết.



“Tử ôn nhi lệ, uy như bất mãnh, cung nhi an” (Thuật nhi).

“Không Tử có vẻ ôn hòa mà nghiêm trang, oai vệ mà không bạo tợn, cung kính mà an nhàn”

“Không Tử ư hương đảng, tuân tuân như dã, tự bất ngôn giả. Kỳ tại tông miếu triều đình, biên biên ngôn, duy cẩn nhi” (Hương đảng).

“Không Tử khi ở làng xóm, quê hương thì ông là người thật thà, hình như ông chẳng biết ăn nói. Nhưng đến khi ra nơi tông miếu, triều đình thì ông biện luận rất rõ ràng và cẩn thận”

“Tử, điều nhi bất vãng; dực, bất xạ tức” (Thuật nhi).

“Không Tử, chỉ câu cá mà thôi, chứ ông chẳng đánh lưới. Ông, chỉ bắn con chim đang bay, chứ ông chẳng bắn con chim đang ngủ”.

“Tử thực ư hữu trang giả chi trác, vị thường bảo dã. Tử ư thị nhật khóc, tác bất ca” (Thuật nhi).

“Không Tử ăn tại nhà người có tang thì ông buồn thảm, mà ăn chẳng no. Hôm nào ông đi điều khóc, thì hôm ấy ông đau xót mà chẳng đàn ca”.

“Tử tại Tề văn Thiệu, tam nguyệt bất tri nhục vị. Viết : Bất đồ ư nhạc chi chí ư tư dã” (Thuật nhi).

“Khổng Tử ở tại nước Tề mà nghe nhạc Thiệu ⁽¹⁾. Trong ba tháng ông nghiên cứu nhạc ấy, ông thích mê đến nỗi chẳng biết mùi thịt. Ông khen rằng : Ta không ngờ vua Thuấn làm ra nhạc ấy tận thiện tận mỹ đến thế”.

“Tử dữ nhân ca nhi thiện, tất sử phân chi, nhi hậu tri chi” (Thuật nhi).

“Khổng Tử cùng ca hát với người, mà nghe người ta ca hay thì ông yêu cầu ca trở lại, rồi sau đó ông phụ họa theo” ⁽²⁾

“Bằng hữu tử, vô sở quy, viết : “Ư ngã tần”. Bằng hữu chi quĩ, tuy xa mã, phi tế nhục, bất bá” (Hương đảng).

“Khi bạn bè chết, mà chẳng có ai là thân thuộc để đưa người chết trở về, thì Khổng Tử nói rằng : “Đề ta lo liệu việc chôn cất đó cho”. Bạn bè tặng lễ vật cho ông, nếu chẳng phải là thịt cúng tổ tiên, dù là món gì quý trọng như xe và ngựa, thì ông cũng chẳng bá tạ”.

“Sư Miện kiến. Cập giai, Tử viết : “Giai dã”. Cập tịch, Tử

(1) Nhạc Thiệu tức là thứ nhạc do vua Thuấn làm ra.

(2) Câu này thể hiện sự chu đáo của Khổng Tử. Muốn khảo cứu môn học nào, ông đều tới chỗ chu đáo để nghe.

viết : “Tịch dã”. Giai tọa, Tử cáo chi viết : “Mỗ tại tư, mỗ tại tư”.
Sư Miện xuất, Tử Trương vấn viết : “Dữ sư ngôn chi đạo dư ?”
Tử viết : “Nhiên, cố tướng sư chi đạo dã” (Vệ Linh Công).

“Ông Miện, người mù, làm quan đầu bộ nhạc ở nước Lỗ, đến yết kiến Không Tử. Khi ông sắp bước lên thềm, Không Tử nói : “Thềm đây !” Khi ông ngồi gần chiếu, Không Tử nói : “Chiếu đây !” Khi mọi người ngồi xong, Không Tử cho ông biết rằng : “Ông Mỗ ngồi đây, ông Mỗ ngồi đó”. Đến khi ông Miện, quan đầu bộ nhạc đi rồi, Tử Trương hỏi Không Tử : “Đó là phép nói chuyện với quan nhạc sư phải không ? Không Tử đáp : “Phải như vậy, ta phải nói giúp quan nhạc sư vì các ông thường là người mù”.



Từ những đoạn nhỏ này, cũng cho phép chúng ta có thể càng gần gũi với Không Tử ! “Không Tử có vẻ ôn hòa mà nghiêm trang, oai vệ mà không bạo tợn, cung kính mà an nhàn”. Thật là “Ở xa thì đoan trang đáng kính, lại gần thì ôn hòa đáng yêu” (Tử Trương). Chúng ta nghĩ rằng cả đời của Không Tử làm người, làm việc đều ra sức tìm kiếm sự hợp tình hợp lý; dạy học, vì nhân tài mà thi hành giáo lý. Ở quê hương làng xóm, ở tông miếu triều đình, về mặt và lời nói đều không giống nhau. Tức là câu cá, săn bắn, cũng chỉ là ý nghĩ — ý nghĩ, mà tuyệt nhiên không muốn

giăng lưới để đánh bắt hết, đuổi hết để giết sạch. Đi câu, đi săn cũng là quân tử ! Đối với chim cá cũng đều phải có lòng nhân hậu. Đối với con người lại càng không cần phải nói. Khổng Tử sẽ không lấy sự nhỏ nhặt mà sơ suất, nên đệ tử mới có ghi chép : “Khổng Tử ăn tại nhà người có tang thì ông buồn thảm mà ăn chẳng no”. Chúng ta lại thấy các thứ ông thiết đãi Sư Miên, rất nhiều tế nhị, thể hiện nhiều ý tốt của con người. Bận bề mặt, Khổng Tử tự mình lo liệu việc chôn cất, rất có nghĩa có tình. Ngày nay có lúc nghe mọi người nói : “Người đi, tình người mất”. Ôi ! “Con cái học đàn mà không biết đàn hừ”, thế thì người thích âm nhạc đó nhất định là người đáng yêu. Khổng Tử say mê nhạc ! Ông học nhạc một lúc đến ba tháng, cuối cùng đến cảnh ngộ của người không biết mùi thịt. Khó tưởng tượng hơn nữa là Khổng Tử phải ăn chay, còn chúng ta vừa ăn chay vừa ăn mặn ! Một người có thể học cái mà mình yêu thích, hơn nữa lại học một lúc đến ba tháng, thật là tốt đẹp biết bao ! Khổng Tử thật đáng yêu, đáng kính. Ông không ghen ghét. Người khác hát hay, ông mời hát lại một lần ! Sau đó cùng nhau hòa xướng ! Cùng nhau ca hát vui vẻ.

VI

“Tử úy ư Khuông, viết : “Văn Vương dĩ một, văn bất tại tư hồ ! Thiên chi tương táng tư văn dã, hậu tử giả bất đắc dĩ ư tư

văn dã ! Thiên chi vị táng tứ văn dã. Khuông nhân kỳ như dư hà !” (Tứ Hân).

“Khổng Tử phải cơn lo sợ ở đất Khuông. Ông nói với đệ tử rằng : “Vua Văn Vương đã mất lâu rồi, nền văn chương (lễ, nhạc, chế độ) do ngài nắm giữ chẳng truyền lại nơi ta đây sao ? Nếu trời đất để mất nền văn chương ấy, thì sau khi vua Văn Vương mất, đâu có phó thác cho ta. Bởi trời chưa biết nền văn chương ấy, thì người đất Khuông làm gì được ta ?”

“Tại Trần tuyệt lương, từng giả bệnh, mặc năng hưng. Tử Lộ uẩn, hiện viết : “Quân tử diệc hữu cùng hồ ?” Tử viết : “Quân tử cố cùng, tiểu nhân cùng, tư lạm hĩ” (Vệ Linh Công).

“Khổng Tử và các đệ tử đi đến nước Trần, bị vây khốn mà tuyệt lương thực trong bảy ngày, những người đi theo ngài đều đau yếu vì đói, chẳng ai có sức đứng dậy. Tử Lộ nét mặt lộ vẻ tức giận, vào hầu và thưa rằng : “Bực quân tử có phước đức cũng chịu cảnh khốn cùng nữa sao ? Khổng Tử đáp : “Bực quân tử có khi phải khốn cùng là lẽ cố nhiên. Còn kẻ tiểu nhân gặp khốn cùng thì hay làm bậy”.



Cả cuộc đời của Khổng Tử lưu ly, nhiều gian nan, tai nạn, nghèo hèn của thời niên thiếu, khốn nguy của thời trưởng thành

và lúc về già. Con người này đáng kính, nhưng cũng gặp phải tai nạn liên miên, chịu thử thách từ trên trời giáng xuống hay sao ? Đương nhiên thép phải thông qua lò lửa tôi luyện mới thành. Con người trong lúc bần cùng khốn khổ mới có thể tỏ rõ nhuệ khí của mình. Dương Hồ của nước Lỗ, không biết rằng ở đất Khuông làm hỏng việc mấy lần. Người ở đất Khuông rất oán giận ông. Vì Không Tử và Dương Hồ tướng mạo giống nhau, mà Nhan Hôi đánh xe cho Không Tử lại từng đi theo Dương Hồ đến đất Khuông. Việc nhầm lẫn này giải thích không rõ ràng, nên họ bao vây lại ! Không Tử không hề hoang mang, lo sợ. Hãy xem ! Ở đất Trần lương thực để duy trì cuộc sống cơ bản nhất đều hết. Kéo dài cuộc sống cũng lập tức trở thành vấn đề, nhưng Không Tử không hề oán trời, trách người. Ông chỉ nói với Tử Lộ một cách tức giận : “Con người phải có tư cách”.

VII

“Tử kích khánh ư Vệ. Hữu hà quý nhi quá khổng thị chi môn giả, viết : “Hữu tâm tai ! Kích khánh hồ !” Ký nhi viết : “Bĩ tai kinh kinh hồ ! Mạc ký tri dã. Tư dĩ nhi dĩ hi. “Thâm, tác lệ. Thiên, tác kê. Tử viết : Quá tai ! Mạt chi nan hỹ” (Hiển Vấn).

“Không Tử đánh nhạc khánh ⁽¹⁾ ở nước Vệ. Có người ăn sĩ gánh cò đi ngang trước cửa của ông, than rằng : Người đánh

(1) Khánh là một loại nhạc khí mà người thời cổ đại dùng đá để chế tạo nên.

khánh kia có bụng lo đời thay !” Khen xong, người đó lại chê rằng : “Vụng về thay tiếng sang sảng ấy ! Đời ai chẳng biết mình. Vậy thì thôi đi cho xong. Như Kinh Thi có nói rằng : “Khi qua rạch, nếu gặp chỗ sâu thì vén áo, nếu gặp chỗ cạn thì xắn quần” Nghe được mấy lời ấy, Khổng Tử nói rằng : “Kẻ ấy quả quyết gắt gông thay ! Người chẳng quan về nhân tâm thế đạo, thì đời sống có khó gì ?” (1)

“Sở cường Tiếp Dư ca nhi quá. Khổng Tử viết : Phương hề ! Phương hề ! Hà đức chi suy ! Văn giả bất khả gián; lai giả du khả truy. Dĩ nhi ! Dĩ nhi ! Kim chi tòng chính giả đãi nhi” (Vi Tử).

“Một nhà hiền triết ẩn sĩ nước Sở tên là Tiếp Dư giả làm kẻ điên, hát ngẫu nhiên trước đầu xe của Khổng Tử, khi ông đến nước ấy. Hát rằng : Chim Phượng ơi ! Chim Phượng ơi ! Đời thịnh trị có người hiện ra, đời loạn lạc người hiện ra. Thế là đức của người suy bại lắm rồi ! Việc đã lỡ rồi, không can ngăn được nữa. Còn việc sẽ tới, người tỉnh ngộ còn kịp đó. Hãy thôi đi ! Hãy thôi đi ! Đời nay người ta ra làm chính trị thật nguy hiểm”. Khổng Tử nghe bài ca có ám chỉ mình, bèn bước xuống xe để nói chuyện với người đó”.

(1) Trên đây là hai canh triết lý : Người ẩn học gánh vác việc đời và người thông thái lánh tránh thói đời.

“Trường Thư, Kiệt Nịch ngẫu nhi canh. Khổng Tử quá chi, sử Tử Lộ vấn tân yên. Trường Thư viết : “Phù, chấp dư giả vi thù ?” Tử Lộ viết : “Vi Khổng Khâu”. Viết : “Thị Lỗ Khổng Khâu dư ?” Viết : “Thị dã !”, viết : “Thị tri tân hỹ”. Vấn ư Kiệt Nịch. Kiệt Nịch viết : “Tử ư thù ?” viết : “Vi Trọng Do”, viết : “Thị Lỗ Khổng Khâu chi đồ dư ?” Đối viết : “Nhiên !”, viết : “Thao thao giả thiên hạ giai thị dã. Nhi thù dĩ dịch chi ? Thả nhi dữ kỳ tùng ty nhân chi sĩ dã. Khởi nhược tùng ty thế chi sĩ tai ? Ưu nhi bất chuyết”. Tử Lộ dĩ cáo. Phù tử vũ nhiên viết : “Điều thú bất khả dữ đồng quần ! Ngô phi tư nhân chi đồ dữ, nhi thù dữ ? Thiên hạ hữu đạo. Khâu bất dữ dịch dã”. (Vi Tử)

“Trường Thư và Kiệt Nịch, hai nhà ẩn sĩ ở miền giáp giới nước Sở và nước Thái, cùng chung sức với nhau cày ruộng. Khổng Tử đi xe ngang qua đó, sai Tử Lộ hỏi thăm bên đó. Trường Thư nói : “Con người cầm dây cương là ai đó ?” Tử Lộ đáp : “Đó là ông Khổng Khâu” Trường Thư hỏi : “Khổng Khâu nước Lỗ đấy à ?” Tử Lộ đáp : Phải đó ! Trường Thư nói : “Thế thì ông ta biết bên dò rồi ! Kiệt Nịch bảo Tử Lộ : “Anh là ai ?” Tử Lộ đáp : Tôi là Trọng Do. Kiệt Nịch hỏi : Anh là học trò ông Khổng Khâu phải không ? — Vâng ạ ! Kiệt Nịch nói : “Thiên hạ như nước chảy cuồn cuộn đều thế cả, ai mà thay đổi được ? Và lại ông lại theo

một kẻ sĩ lo tránh người chi bằng theo một kẻ sĩ tránh đời” ⁽¹⁾

Rồi hai người cứ cày miết mà không nói. Tử Lộ nói lại với Khổng Tử. Khổng Tử bùi ngùi mà rằng : “Ta không thể cùng sống chung với chim muông. Nếu thiên hạ có đạo thì ta cần sửa nó làm gì ?”

“Tử Lộ tòng, nhi hậu; ngộ trượng nhân dĩ trượng hà điều. Tử Lộ vấn viết : “Tử kiến phù tử hồ ?” Trượng nhân viết : “Tử thế bất cần, ngũ cốc bất phân. Thực vi phù tử ! Thực kỳ trường nhi vân. Tử Lộ cung nhi lập. Chỉ Tử Lộ tức : Sát kê vi thử nhi thực chi. Kiến Kỳ nhi tử yên. Minh nhật, Tử Lộ hành dĩ cáo. Tử viết : Ân giả dã ! (Vi Tử).

“Tử Lộ đi theo Khổng Tử từ nước Sở đến nước Thái, lạc lại phía sau, gặp một lão trượng ⁽²⁾ quảy giỏ trên vai nơi đầu gậy. Tử Lộ hỏi rằng : “Cụ có thấy thầy tôi không ? Lão trượng nói : “Đời này, người ta phải làm ruộng mà ăn, còn người thì tay chân chẳng siêng cần, lại chẳng phân biệt năm giống lúa ⁽³⁾. Vậy ta biết ai là thầy của người ? Nói xong, ông cắm gậy xuống đất mà bữa cỏ.

Tử Lộ chấp tay tỏ vẻ cung kính và đứng chờ. Lão trượng mời Tử Lộ ở lại nghỉ đêm. Ông giết gà, nấu cơm mà thết đãi, đưa

(1) Ý nói : Khổng Tử muốn tìm vị vua hiền, tránh vị vua dở. Không bằng những người ở đời trốn đời.

(2) Trượng nhân, tức là lão nhân. Vậy lão trượng có nghĩa là ông già.

(3) Ngũ cốc là năm giống lúa gồm : đạo, lương, thức, mạch và tảo.

hai người con trai ra mắt:

Sáng ngày, Tử Lộ ra đi và thuật lại chuyện với Khổng Tử. Ông nói rằng : “Đó là một nhà ẩn sĩ”.



Nếu như chúng ta nói Khổng Tử là một thực hành gia tích cực giúp đời, thế thì những người như Tiếp Dư, Trường Thư và Kiệt Nịch là những người ở ẩn lánh đời tiêu cực. Hai loại người này là do sự khác nhau của nhân sinh quan, nên việc làm phần lớn không giống nhau. Người ở ẩn đối với Khổng Tử, hoặc là than khổ vì nhớ tiếc hoặc là châm biếm, chế cười. Trong trái tim và ánh mắt của người ở ẩn, thiên hạ cuộn cuộn, đã không có cách gì làm điều tốt cho thiên hạ, trái lại không như “độc thiện kỳ thân”. Vì vậy đối với con đường đi chu du thiên hạ, biết rõ việc không thể làm mà vẫn cứ làm của Khổng Tử, họ cảm nhận đến nỗi không hiểu được. Khổng Tử cho rằng sống vì nhân loại, thì sẽ được tiếp xúc với con người, vì con người mà cố gắng. Đây là trách nhiệm của cá nhân, không thể trốn tránh được. Lamanlalan nói : “Trên thế giới chỉ có một loại anh hùng tinh thần, đó tức là chiếu theo hiện thực để nhìn thế giới, đồng thời yêu mến nó.” Đúng ! Thế giới cũng có lẽ quá rối loạn, đời người thường không được như ý muốn, nhưng chạy trốn, chỉ tỏ rõ sự khiếp nhược của

nội tâm — Dũng khí giáp mặt đối với vấn đề, khó khăn đều không có ! Trái lại không có cách gì làm cho vấn đề thay đổi, khó khăn bị loại trừ — nếu như chúng ta không đương đầu với nó ! Không Tử thành thực nhận sự chế riễu và hiểu sai của người khác, để làm theo ý mình, cũng chỉ ở trong lòng, đến ngay cả sự thành bại của sự việc, ông đều không tránh khỏi. Học trò đời sau của Không Tử là Mạnh Tử, nắm vững tinh thần của Không Tử. Mạnh Tử nói : “Đời ngày nay bỏ ta là ai ?” (Công Tôn Sửu hạ). Xuân Thu là một thời đại hỗn loạn. Sự hỗn loạn của thời Chiến quốc, so với thời Xuân Thu, còn hơn nhiều ! “Bề tôi giết vua của mình đều có, con giết cha của mình cũng có” (Mạnh Tử Đằng Văn Công hạ). “Tranh giành đất đai để đánh nhau, chém giết người đây đồng, tranh giành thành trì để đánh nhau, chém giết người đây thành” (Ly Lâu thượng). Lợi dụng phổ biến vũ khí bằng sắt thép, làm cho cuộc chiến tranh trở nên thâm khốc và ác liệt, mà kết quả của cuộc chiến tranh, là cướp đoạt đất đai — Thời Xuân Thu còn có hơn một trăm nước, đến thời Chiến Quốc trái lại chỉ còn có 7 nước mạnh (Thất hùng). Đối mặt với một thời đại hỗn loạn như thế, Mạnh Tử đã phát huy nhiệt huyết cứu đời của ông, khẳng khái nhận lấy trách nhiệm vì sự hưng vong của thiên hạ ! Chúng ta nghĩ rằng đây là lý do quan trọng nhất để người đời sau tôn vinh Mạnh Tử là bậc Á Thánh !



“Thúc Tôn Vô Thúc ngữ đại phu ư triều viết : “Tử Cống hiền ư Trọng Ni”. Tử phục Cảnh Bá dĩ cáo Tử Cống. Tử Cống viết : “Thệ chi cung tường ! Tử chi tường dã cập kiên. Khuy kiến thất gia chi hào. Phu Tử chi tường số nhận, bất đắc kỳ môn nhi nhập, bất kiến tông miếu chi mỹ, bách quan chi phú. Đắc kỳ môn giả hoặc quá hĩ. Phu Tử chi vân, bất diệc nghi hồ !” (Tử Trương).

“Thúc Tôn Vô Thúc, một vị đại phu công tộc ở nước Lỗ, nói với các quan đại phu ở triều đình rằng : “Ông Tử Cống tài giỏi, hiền đức hơn ông Trọng Ni”. Tử Phục Cảnh Bá đem lời nói ấy thuật lại với Tử Cống. Tử Cống nói rằng : “Tôi xin đem vách tường cung thất ra làm ví dụ. Vách tường của tôi cao vừa bằng vai người; đứng ngoài tường nhìn vào, người ta có thể thấy những đồ vật tốt đẹp trong nhà. Vách tường của thầy tôi cao bằng mấy thước. Nếu chẳng được do nơi mở cửa mà vào, người ta chẳng có thể nhìn thấy những vật hoa mỹ trong nhà tông miếu cùng những đồ trang sức lộng lẫy của bá quan. Nhưng số người được vào cửa ắt là ít lắm đó. Vậy thì lời mà thầy Thúc Tôn Vô Thúc đã nói ra, há chẳng sai lẽ phải hay sao ?”

“Thúc Tôn Vô Thúc hủy Trọng Ni. Tử Cống viết : “Vô dĩ vi dã ! Trọng Ni, bất khả hủy dã. Tha nhân chi hiền giả, khâu lãng dã, do khả du dã; Trọng Ni, nhật nguyệt dã, vô đắc nhi du

van. Nhân tuy đục tự tuyệt, kỳ hà thương ư nhật nguyệt hồ ! Đa kiến kỳ bất tri lượng dã” (Tứ Trương)

“Thúc Tôn Vô Thúc chê Trọng Ni. Tử Cống nói rằng : “Chê như vậy chẳng ăn thua gì. Không ai có thể dùng lời phi báng mà làm tổn hại thanh danh của thầy tôi. Tài đức của kẻ khác chỉ cao bằng gò đồng mà người ta có thể vượt qua. Tài đức của thầy tôi cao như mặt trăng, mặt trời, mà chẳng ai vượt qua cho nổi. Dầu cho họ có chê mà tách mình ra khỏi đạo lý của thầy tôi, họ há làm thương tổn đến cái đức cao cả như mặt trăng mặt trời sao ? Như vậy chỉ thấy rằng họ chẳng biết xét mình xét người đó thôi !”

“Trần Tử Cầm ví Tử Cống viết : “Tử vị cung dã, Trọng Ni khởi hiên ư Tử hồ ? Tử Cống viết : “Quân tử nhất ngôn dĩ vi tri, nhất ngôn dĩ vi bất tri : Ngôn, bất khả bất thận dã. Phu Tử chi bất khả cập dã, du thiên chi bất khả giai nhi thăng dã. Phu Tử chi đắc bang gia giả, sơ vị lập chi tư lập, đạo chi tư hành, tuy chi tư lai, động chi tư hòa, kỳ sinh dã vinh, kỳ tử dã ai, như chi hà kỳ khả cập dã” (Tứ Trương).

“Trần Tử Cầm (môn đệ của Không Tử) nói với Tử Cống (cao đệ của Không Tử) rằng : “Anh khiêm tốn và cung kính đó thôi. Chợt thầy Trọng Ni há tài giỏi hơn anh hay sao ? Tử Cống trách rằng : “Người quân tử nói ra một lời, được người ta khen là trí, nói ra một lời bị người ta chê là bất trí. Vậy khi nói, chẳng lẽ

không cần thận. Tài đức của thầy ta chẳng ai sánh kịp, cũng như chẳng ai có thể bắc thang mà lên tới trời. Thầy ta nếu được nước nhà mà cai trị, thì ắt sẽ thành tựu theo như mấy lời cổ nghị này : “Gầy dựng cho dân, thì dân sống tự lập, dẫn đường cho dân thì dân biết đường mà đi, giúp dân yên ổn thì dân đến với mình, cảm động lòng dân thì dân biết hòa thuận. Bực quân tử cai trị được kết quả như vậy, khi sống được dân tôn vinh, khi chết được dân thương tiếc”. Như vậy, còn ai theo kịp người ?”



Chuông đình như rừng, mọi người đều có chí hướng. Những người ở ẩn về nhà làm ruộng, nhìn không quên sự cố gắng ném trái phong trần và bốn ba các nước của Khổng Tử. Vì vậy không tránh khỏi mấy câu phê bình. Ở đây cần phải nói : Một người như Thúc Tôn Vô Thúc và Trần Tử Cam đã chẳng biết gì, nên cố nhiên chê bai Trọng Ni ! Trịnh Huyền, học giả của đời Hán cho rằng Tử Cam là học trò của Khổng Tử ⁽¹⁾.

Chẳng qua trong “Luận ngữ” trước mặt học trò gọi Khổng Tử là “Tử”, còn sau lưng gọi là “Phu tử”; Trần Tử Cam gọi thẳng là “Trọng Ni”. Học trò chẳng biết lễ ! “Trọng Ni đệ tử liệt truyện” trong sách “Sử ký” không ghi chép Trần Cang (Tử Cam),

(1) Xem thiên “Học nhi”, sách “Luận ngữ”. Cuộc chú của thiên này là dẫn theo chú thích của Trịnh Huyền.

nghĩ rằng Thái Sử Công (Tư Mã Thiên) là có lý do của ông. Đối tượng nêu lên của Thúc Tôn Vô Thúc và Trần Tử Cam đều nhằm vào Tử Cống. Tử Cống là một học trò xuất sắc của Khổng Tử, do năng khiếu về mặt ngôn ngữ và am hiểu chính trị vững vàng, nên ông trở thành người rất giàu có trong cửa Khổng. “Tử Cống mới xuất hiện đã làm cho nước Lỗ tồn tại, nước Tề hỗn loạn, nước Ngô bị phá, cương thổ mở rộng mà vượt qua các nước”. Trên vũ đài quốc tế là nhân vật chính lợi hại, tạo nên mâu thuẫn. Ông thích bình luận người khác ⁽¹⁾, nhưng cũng do Tử Cống chưa biết rõ về mình, ngay cả Tử Cống cũng tự thừa nhận mình không được tốt như Nhan Hồi ⁽²⁾ — Một người có thể thừa nhận mình không bằng người khác, đó là động lực để không ngừng nỗ lực vươn tới tiến bộ ! Không phải là có câu nói : “Biết không đủ, sau đó mới đủ phải không”. Đức Hạnh “Thích tán dương vẻ đẹp của người khác” ⁽³⁾ của loại người như Tử Cống, làm cho ông không có chìm say trong tiếng nói của Thúc Tôn Vô Thúc và Trần Tử Cam, mà trái lại là chỉ ra một cách lạnh lùng sự vĩ đại của Khổng Tử, làm thất bại lời nói của Thúc Tôn Vô Thúc và Trần Tử Cam.

VIII

(1) Thiên “Hiển vấn” trong “Luận ngữ có câu : “Tử Cống ưa so sánh người này với người kia.”

(2) Xem thiên “Công dã tràng” sách “Luận ngữ”.

(3) Xem “Đệ tử liệt truyện”, sách “Sư ký” của Tư Mã Thiên.

“Nhan Uyên vị nhiên thán viết : “Ngưỡng chi, di cao, toan chi, di kiên; chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu. Phu Tử tuần tuần nhiên thiên dụ nhân : bác ngã dĩ văn, ước ngã dĩ lễ; dục bãi bất năng. Ký kiệt ngô tài, như hữu sở lập trác nhĩ, tuy dục tông chi, mặt do dã dĩ” (Tữ Hân).

“Nhan Uyên ngậm ngùi khen rằng : “Đạo của thầy ta càng nhìn lên càng thấy cao, càng cúi sâu càng kiên cố, mới nhìn thấy trước mặt, bỗng hiện lại sau lưng. Thầy ta tuần tự mà dẫn dắt người một cách khéo léo. Ông dùng văn học mà mở mang trí thức ta, đem lễ tiết mà thôi thúc thâm tâm ta. Dù ta muốn thôi, cũng không thôi được. Ta đã đem hết tài lực để thông suốt thì hình như có vật gì cao lớn đứng cản ngăn trước ta. Và dù ta muốn theo cho đến cùng, cũng không làm sao theo cho nổi”.

“Nghị phong nhân thỉnh kiến, viết : “Quân tử chí chí ư tứ dã, ngô vị thường bất đắc kiên dã”. Hậu dã kiến chi. Xuất, viết : “nhị tam tử hà hoạn ư tán hồ ! Thiên dã chi vô đạo dã cửu hĩ, thiên tương dĩ Phu Tử vị mộc đặc” (Bát dật).

“Quan trấn áp tên là Nghị xin vào yết kiến Khổng Tử, nói rằng : “Mỗi khi có bậc quân tử đến xứ này, tôi đều được yết kiến”. Những đệ tử theo hầu Khổng Tử bèn đưa quan trấn vào yết kiến thầy mình. Khi trở ra, người nói với các môn đệ của ông rằng : “Mấy ông há phải ưu sầu vì người mất chức quan sao ?”

Trong thiên hạ đã loạn lạc lâu rồi kia mà. Nhưng trời sắp sai đức Phu Tử đứng ra làm chuông cảnh tỉnh ⁽¹⁾ cho nhân dân”.

Chê trách, can ngăn mang ý tốt cũng thôi, chế điều người vô có cũng thôi. Phê bình một cách vu vơ dớ dẩn cũng thôi. Khổng Tử vẫn là Khổng Tử. Ông không sợ khiêu khích, trốn tránh hiện thực, mà đặt cho mình việc nên làm, nhằm thay đổi con đường mà mình nên đi. Khổng Tử là một nhà tư tưởng — Ông biết mình nên làm gì và làm như thế nào ? Ông không hề lo lắng và cũng chẳng sợ hãi — Nếu như một người vì chân lý, vì mục đích cuộc sống của mình mà chịu gian khổ, thậm chí phải hiến dâng sinh mệnh của mình, thì ông cũng sẽ cam lòng. Giá chữ thập (giá treo cổ) vẫn có người khiêng, trách nhiệm vẫn có người đảm đương, công việc vẫn có người làm ! “Ở đó có thể tận dụng như ý người, nhưng cầu mong không sợ ở lòng người”. Tâm chí của mỗi người không giống nhau, mọi người nói rồi rầm, miệng lưỡi không cùng, do đó khó tránh. Nếu như âm thanh lộn xộn của ngoại giới, thì có thể thay đổi cuộc sống của cá nhân. Thái độ của cuộc sống đó biến đổi rất nhiều. Sinh mệnh là bắt đầu gian khổ. Có sinh mệnh tức là có buồn phiền, bực bội. Trốn tránh không phải là biện pháp,

(1) Chuông cảnh tỉnh (mộc đặc) là loại chuông đồng, quả lắc bằng gỗ (mộc), ngày xưa dùng để đánh hiệu vào giờ học. Bực mộc đặc là bực đi du hành giáo hóa chúng dân, hoặc mở trường mà dạy đạo lý cho đệ tử, giống như ngày nay chỉ những người làm công tác văn hóa, giáo dục.

giống như chúng ta không thể sợ buồn phiền bức tức mà kết thúc sinh mệnh — Đó là hành động nhu nhược ! Chúng ta chỉ có đối mặt với hiện thực, khắc phục khó khăn, mới đạt được bờ bên kia của sự giác ngộ ! Vì vậy, đối với loại nhân sinh đó, Khổng Tử luôn luôn ôm ấp, trải qua thực hành để biểu đạt tình yêu lớn lao của ông đối với con người và đối với xã hội. Chúng ta có thể nhìn thấy tất cả bề ngoài tiếng nước chảy róc rách của con khe nhỏ, nhưng trái lại rất ít có dịp tận mắt quan sát tất cả bề ngoài của những con sóng cuộn cuộn của sóng biển; những người có tầm nhìn hẹp đã phê bình Khổng Tử, nhưng cũng chỉ dừng lại ở việc phê bình mà thôi. Khổng Tử không vì người khen và chê mà có sự thay đổi. Nhưng, chúng ta nhìn thấy rõ sự cảm thụ của Nhan Uyên đối với Khổng Tử, để chúng ta một lần nữa nhận thức càng sâu sắc hơn đối với Khổng Tử : “Càng nhìn lên, càng thấy cao, càng dùi sâu càng kiên cố”. Một câu nói là lời dặn dò văng vẳng bên tai. Khổng Tử đề xướng việc giáo hóa người không nên phân biệt người thiện kẻ ác, đề xướng điều Nhân, nêu cao trung hậu. Sách kinh điển lớn nhất trên thế giới cũng lấy cuộc chú của ông. “Sinh mệnh không phải tự mình có, mà cũng cần phải làm cho người khác cùng hưởng thụ lạc thú của sinh mệnh”. Đúng vậy không ?

HỌC — ÔN CŨ MÀ BIẾT MỚI

Bán mẫu phương đường nhất giám khai,

Thiên quan vân ảnh cộng bồi hồi.

Vấn cử na đặc thanh như hứa ?

Vị hữu nguyên đầu hoạt thủy lai.

Định nghĩa :

Nửa mẫu ao vuông như một chiếc gương mờ,

Ánh mặt trời và bóng mây cùng bồi hồi.

Hỏi con suối tại sao nước trong như vậy ?

Tại vì đầu nguồn có dòng nước mát chảy đến.

Đây là một trong hai bài “Quan thư hữu cảm” (Hữu cảm xem sách) của Chu Hy đời Tống, tác giả của sách “Luận ngữ” tập chú”. Dòng nước luôn luôn chảy không ngừng, làm cho cái ao vuông trong suốt giống tựa như chiếc gương soi, chiếu rọi bóng

mây và ánh nắng mặt trời, vẻ đẹp do trời tạo nên. Người sống sử dụng tốt đẹp, thì cần phải học tập. Học tập để làm cho người ta mỗi ngày mỗi mới mẻ và tân tiến không ngừng, đưa đến điều tốt lành. Cả đời của Khổng Tử là nỗ lực học tập và đồng thời cũng giúp đỡ người khác cố gắng học tập. Thực ra, nói “giúp đỡ” cũng không hoàn toàn với sự thực. Khổng Tử đã từng nói : “Trò Hài chẳng giúp cho ta nói vậy. Là vì, không có điều gì ta giảng giải bàn luận mà trò chẳng vui lòng” (Tiên Tấn)

Trong thiên “Lễ ký học ký” có câu : “Người dạy và người học giúp nhau trưởng thành”. Nếu như người dạy vì phát vấn người học mà suy nghĩ sâu sắc, thì tức là người học đã có ích cho người dạy. Nhan Hài là học trò mà Khổng Tử cho là “Hiếu học”, nhưng nói đến Khổng Tử đối với anh ta cũng không phải đã vừa ý. Chúng ta cảm thấy con đường đi vĩ đại nhất của cả đời Khổng Tử, trước hết là mở mang việc dạy học — Phổ cập giáo dục, chỉ dẫn dân chúng về với điều Thiện. Chúng ta biết thời cổ đại học hành là quyền lợi của giai cấp quý tộc. Nói chung người bình dân không có cơ hội để tiếp thu giáo dục. Do người bình dân không có điều kiện để tiếp thu giáo dục như vậy, nên dân trí thấp. Cuộc sống của người dân giống như một dòng nước xoáy. Hoàn cảnh đời người đã làm cho họ không có cách gì ngời lên, càng không nói đến cơ may tham gia chính trị. Do sự xâm lăng của ngoại tộc, nhà

Chu phải dời về phía Đông, thế lực của nhà vua suy yếu, thay thế nó là thế lực của chư hầu. Đây là một loại ý nghĩa tiêu biểu : chỉ cần có lực lượng, thì có thể thay đổi nhân vật chính trị trên vũ đài chính trị. Vũ lực và trí tuệ, đều là lực lượng. Học tập là một con đường duy nhất để nâng cao trí tuệ ! Ngoài phương diện tư tưởng cá nhân của Khổng Tử phải mở mang ánh sáng, chúng ta thấy ông nói với Trọng Cung rằng : “Con bò tơ, con của con bò lang, tuy sắc lông của nó đỏ và sừng của nó đều đặn, tốt đẹp, nhưng người ta hiềm vì mẹ nó (hoặc cha nó) lang, nên chẳng muốn dùng nó mà tế; nhưng thần sông núi đâu có bỏ mà chẳng hưởng” (Ung dã) ⁽¹⁾

Thời đại của Khổng Tử, chế độ của chức vị thế tập ⁽²⁾ còn rất thịnh hành, cha chết con thừa kế là lẽ đương nhiên. Đối với loại chế độ lâu đời này, Khổng Tử vẫn tỏ ra thần nhiên. Khổng Tử nói : “Nếu nhà cầm quyền tự mình giữ theo chính đạo, chẳng đợi ra lệnh, dân cũng ăn ở đúng phép. Còn như tự mình chẳng giữ theo chính đạo, thì dù mình có ra lệnh buộc dân theo, họ cũng chẳng theo” (Tứ Lộ). Tốt và xấu của chính trị là ở con người. Vì

(1) Thấy Trọng Cung là người có tài đức, nên Khổng Tử muốn ông làm quan, nhưng nhà cầm quyền vì thấy cha ông chẳng lành, nên có ý không muốn dùng ông. Khổng Tử đã ví Trọng Cung như con bò tơ, nếu không được dùng sẽ uống phí.

(2) Thế tập là chức vụ của ông cha trong xã hội phong kiến mà cha chết con cháu có thể thừa kế.

vậy làm chính trị cần phải đề cử người có đạo đức và tài năng. Các bậc Thánh chủ, hiền Thần sẽ làm cho nền chính trị tự nhiên sáng sủa, rõ ràng. Trái lại, kẻ hôn quân, bạo chúa và gian thần sẽ làm cho chính trị nhất định thất bại. Đây là chân lý. Lời của Khổng Tử nói với Trọng Cung, dùng “Lê ngư” (con bò tơ) ví với người bình dân, “tinh thả giác” (sắc lông đỏ và sừng đều đặn) để chỉ người hiền tài mà có nhiều tài năng. Tuy xuất thân là bình dân, nhưng bản thân lại hiền lành và có tài năng, thì nên ở phương diện chính trị sẽ gặp cơ hội thi thố tài năng. Nhìn thấy địa vị, bổng lộc của chế độ cha truyền con nối (thế tập) Khổng Tử rất bất mãn. Mỡ mang dân trí, mỡ mang cái mới của trí tuệ cũng có thể nói là con đường duy nhất, tức là việc học.

“Tử viết : Do giả, nhữ văn lục ngôn lục tế hỷ hồ ?” Đới viết : “Vị dã !”. “Cư, ngô nghĩ nhữ. Hảo nhân bất hiếu học, kỳ tế dã đẳng. Hảo tín bất hiếu học, kỳ tế dã giáo. Hiếu dũng bất hiếu học, kỳ tế dã loạn. Hiếu cương bất hiếu học, kỳ tế dã cuồng” (Dương Hóa)

“Khổng Tử gọi tên thật của Tử Lộ mà hỏi rằng : “Này Do ! Người có nghe biết sáu đức tốt bị sáu mối hại ⁽¹⁾ ngăn bít không ? Đáp : Chưa ! Khổng Tử dạy rằng : “Hãy ngồi xuống ta

(1) Sáu đức tốt (lục ngôn) là : nhân, trí, tín, trực, dũng, cương và sáu mối hại (lục tế) là : ngu, đẳng, tặc, giáo, loạn, cuồng.

sẽ nói chuyện cho người rõ : Người thích làm điều Nhân không bằng ham học, thì mỗi hại ngăn bít là cái ngu muội. Người thích Trí xảo mà chẳng ham học, thì mỗi ngăn bít là sự phóng dăng. Người thích Tín mà chẳng ham học, thì mỗi hại ngăn bít là sự thiệt hại. Người thích sự ngay thẳng mà chẳng ham học, thì mỗi hại ngăn bít là tính gắt gao. Người thích Dũng cảm mà chẳng ham học, thì mỗi hại ngăn bít là sự phản loạn. Người ưa cương quyết mà chẳng ham học, thì mỗi hại ngăn bít là tính cuồng bạo”.

“Tứ viết : ngô thường chung nhật bất thực, chung dạ bất tằm, dĩ tư. Vô ích, bất như học dã” (Vệ Linh Công)

“Không Tử nói : “Trước đây, ta mãi trầm tư mặc tưởng mà suốt ngày quên ăn, cả đêm quên ngủ. Xét ra, sự ấy không mấy có gì ích cho ta. Chẳng bằng ta chăm học còn hơn”.



Không Tử coi trọng việc học; tự nhiên có lý do để ông có được đầy đủ mặt này. Từ mặt thực tế có thể phát hiện : Nhân, trí, tín, trực, dũng và cương đều là những đức tính tốt đẹp, nhưng thích Đức không bằng ham học, tức là đi theo sự : Ngu, dăng, tặc, giáo, loạn và cuồng. Cái gọi là “đường thẳng” khi quay sang Bắc, khi quay sang Nam làm cho mọi người ta thán. Một người sở dĩ vẫn theo cách nhìn đó, một mặt cố nhiên là do ảnh

hường sức mạnh bên ngoài (ví như thầy dạy hoặc sách vở), mặt khác là do cá nhân thể hiện càng nhiều. Ví dụ như ông Vương Quán Anh, cá nhân ông thể hiện sâu sắc sự đau khổ của việc thất học, hiểu rõ tầm quan trọng của sự đòi hỏi việc học. Vì vậy ông lấy “Bỏ giấy để chấn hưng việc học”, dùng tiền bạc, sách vở để giúp đỡ người đi học. Chúng ta đều đã từng mơ ước. Trang Tử vì mơ ước mà làm cho ông tiếp xúc với tư tưởng triết học. Có một lần Trang Tử nằm mơ thấy mình hóa thành một con bướm, xòe cánh sặc sỡ bay liệng, thật là con bướm tuyệt đẹp, trong lòng vui sướng ! Chợt tỉnh dậy, giấc mơ tiêu tan, ông kinh hãi thấy Trang Chu vẫn là Trang Chu, hay là Trang Chu nằm mơ làm con bướm ? Hay là bướm mơ làm Trang Chu ? Do giấc mộng kỳ lạ, đẹp đẽ này mà làm cho Trang Tử thể nghiệm được đạo lý của ào giác, mộng tưởng, sống và chết. Chỉ cần chúng ta thể nghiệm chân thực, khắp nơi đều có thi tình, có trực lý, phải vậy không ? Chúng ta trở lại để nói sự thể nghiệm của Khổng Tử : ông đã từng không ăn, không ngủ, lại khổ đau, suy nghĩ không được ! Sự thực chứng minh : Học là có lợi nhất.



“Tử viết : “Tĩnh, tương cận dã; tập, tương viễn dã” (Dương Hóa)

“Không Tử nói rằng : “Người ta hết thầy đều giống nhau, vì ai nấy đều có cái bản tính lành; nhưng bởi nhiễm thói quen, nên họ thành ra xa cách nhau”

“Tử viết : “Duy thượng trí dự hạ ngu, bất di” (Dương Hóa)

“Không Tử nói rằng : “Chỉ có bậc trên biết và kẻ dưới ngu, là không sửa đổi tính nết của mình” ⁽¹⁾

“Tử viết : Trung nhân dĩ thượng, khả dĩ nghi thượng dã; trung nhân dĩ hạ, bất khả dĩ nghi thượng dã” (Ung dã).

“Không Tử nói rằng : “Từ người bậc trung trở lên, mới nên dạy đạo lý chỗ cao. Từ người bậc trung trở xuống, chớ nên giảng đạo lý chỗ cao siêu”.



Không Tử cho rằng con người đại thể chia thành ba bậc : Bậc trên (thượng), bậc giữa (trung) và bậc dưới (hạ). Người trên hiểu biết (Thượng trí) và kẻ dưới đần độn (hạ ngu) chỉ là bộ phận rất nhỏ trong nhân loại. Tuyệt đại đa số người là bậc ở giữa, tài năng tư chất trung bình, vừa làm điều thiện, vừa làm điều ác. Vì vậy Không Tử đặc biệt nhấn mạnh đến phần quan trọng của việc học. Tuy Không Tử cũng thừa nhận giáo dục và hoàn cảnh phát

(1) Theo ý của Không Tử thì “Thượng trí” và “Hạ ngu” đều là khó thay đổi, tức là không chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh và giáo dục.

sinh ảnh hưởng đối với bậc “Thượng trí” và “Hạ ngu”, nhưng “Thượng trí” và “Hạ ngu” chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong nhân loại. Giáo dục có thể đề cập đến biên giới nhân sinh tầng lớp ở giữa của tuyệt đại đa số. Giá trị của học tập là ở chỗ đó. So với Khổng Tử, Mạnh Tử và Tuân Tử muộn hơn một trăm năm đối với tính người (nhân tính), hai ông cũng có những kiến giải sâu sắc. Mạnh tử cho rằng : “Con người đều có lòng bất nhân của con người” (Công Tôn Sửu Thượng). Cái gì là lòng bất nhân của con người ? Chúng ta nhìn thấy một con ốc nhỏ bò đến bên giếng, lập tức quét nó đi khỏi giếng. Một loại tình cảm khẩn trương và thương tiếc, làm cho mọi người lập tức mang nó đi. Đây chỉ là một loại hành vi bề ngoài của lòng đồng tình nhân loại rất tự nhiên. Chúng ta làm như thế, đương nhiên không biết và mỗi giao tình cảm với cha mẹ con ốc con cũng không biết là để lại tiếng tăm tốt ở nơi đó, lại càng không biết là sợ người khác nói chúng ta thấy chết mà không cứu ! Do thể nghiệm này, Mạnh Tử đã chứng minh rằng : “Tính người vốn lương thiện”. Mạnh Tử nói : “Lòng trắc ẩn, mọi người đều có. Lòng cung kính mọi người đều có. Lòng phải trái mọi người đều có. Lòng trắc ẩn, tức là Nhân. Lòng e then và chán ghét, tức là Nghĩa. Lòng cung kính, tức là Lễ. Lòng phải trái, tức là Trí. Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí chẳng phải do bên ngoài tôi luyện mình. Ta vốn đã có vậy, chẳng phải suy nghĩ gì. Cho nên nói : Cầu mong thì được, bỏ đi thì mất” (Cáo Tử

thượng)

Mạnh Tử cho rằng tính người vốn lương thiện. Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí là những đức tính tốt đẹp loài người sẵn có, không chờ đợi bên ngoài. Nhưng tính người đã có gốc ở tính lương thiện và vì sao lại còn có người xấu ? Mạnh Tử cho rằng đó là vì con người không “suy nghĩ” (Tư), bỏ mất cả lương tâm của mình, làm điều xấu, làm điều ác. Con đường giải cứu cho nó là : “Học”. Ông nói : “Cái đạo của học vẫn không có cách nào khác, truy cầu nó và đặt hết tâm trí vào nó mà thôi” (Cáo Tử thượng).

Tính người vốn lương thiện, con người chỉ cần đừng để lòng tốt của mình bị mất đi, phát huy tính người, tức là cái đạo của học vấn. Tuân Tử cho rằng : “Tính là do trời sinh ra tự nhiên” (Thiên “Tính ác”). “Thiên di nhiên cùng với “Tính” có sự thực của “Ly” (cách xa) (vì vậy trên đời có người xấu). Thế thì “Thuyết tính thiện” của Mạnh Tử sẽ đứng không vững (xem thiên “Tính ác”). Tuân Tử chủ trương tính Ác, nhưng tính Thiện và tính Ác cũng chỉ là tương phản trên mặt chữ. Trên nội dung triết học của hai tính này là hoàn toàn trái ngược nhau. Chúng ta cho rằng cần phải hiểu rõ nội dung của triết học, trước hết cần làm rõ hàm ý của danh từ mà các nhà triết học dùng — Ví như “Thánh nhân” của Nho gia và Lão Trang đề ra ranh giới hoàn toàn không giống nhau.

Trong các nhà triết học cổ đại Trung Quốc, Tuân Tử là một người tương đối thực tế, rất ít duy tâm siêu hình. Tuân Tử cho rằng Tính là “Sinh ra rất dĩ nhiên” và “không có việc mà tự nhiên” là trời sinh ra tự nhiên. Tuân Tử lại nói : “Phàm cái gì mà xưa nay thiên hạ gọi là cái Thiện, chính là cái lý đáng trị vì và yên ổn vậy. Cái gọi là cái Ác là Thiên lệnh, nguy hiểm, trái ngược và hỗn loạn. Phân biệt Thiện và Ác là do mình” (Thiên “tính Ác”). “Tiêu chuẩn của cái Thiện, cái Ác, theo Lễ, Nghĩa”. “Lễ nghĩa” là thống trị, là thiện; “Phi lễ nghĩa” là loạn và ác. Tuân Tử đem cái tự loạn phát sinh quan hệ với hiện thực đời sống. Lễ nghĩa và phi lễ nghĩa dùng để giới hạn rạch ròi giữa Thiện và Ác. Ví dụ nói : Bản tính của con người ta là thích điều lợi, nếu như thuận tính mà làm, thế thì làm gì mà sinh ra tranh giành nhau. Chúng ta thấy cướp giết, chiếm đoạt, ăn cắp, ăn trộm và tội phạm kinh tế ở xã hội ngày càng gia tăng. Tính người thích ghen ghét, đố kỵ, nếu như theo ý muốn làm gì thì làm, thì cái gì làm hại người khác mà không tìm cách làm. Mọi người đều muốn sướng tai sướng mắt, lại thích sắc đẹp, tùy theo ý thích mà làm. Loại người đó và loài cầm thú có gì khác nhau ? Chúng ta hiểu qua những dẫn chứng mà Tuân Tử đã nêu trong thiên “Tính ác”, thì “Tính” (tính) mà ông nói thực tế là “muốn” (dục) : đói thì cần phải ăn, chán mỏi thì cần phải ngủ, mệt nhọc thì cần nghỉ ngơi. Đó là ý muốn tự nhiên của con người. Phàm là con người đời.

giống như thế. Tuân Tử nói : “Cho nên Thánh nhân vì vậy mà giống với mọi người. Còn chỗ khác biệt với mọi người, chính là cái Tính vậy. Phàm là cái tính của người, thì giữa Nghiêu Thuấn với Kiệt Trụ, thì tính cũng là một. Giữa quân tử và tiểu nhân, thì tính cũng là một vậy”. (Tiên “Tính ác”). Bản thân của ước muốn không có cái gọi là Thiện hay Ác, nhưng nếu như thuận theo tính thì làm. Ví dụ : Khi đói thì thuận tay lấy bánh bao ở cửa tiệm bánh bao ! Anh ta làm sao có nhiều tiền, tôi cũng cần phải có tiền. Dem tiền của anh ta mua hoa mà chơi ! Được lắm ! Từ đó trộm cắp, cướp đoạt sẽ lập tức xảy ra, xã hội sẽ loạn ngay. Kết quả của việc thuận tính là loạn. Kết quả dẫn đến là ác, vì vậy qui về nguyên nhân của cái ác — “Tính ác luận” sẽ hình thành. Tính đã thành ác, mà tính người đều giống như thế. Thế thì người tốt ở xã hội là từ đó dẫn đến phải không ? Học ! “Tính ác của con người, là từ người thiện mà nguỵ tạo ra thôi” (Thiên “Tính ác”). Chữ “Nguỵ” ở đây cần phải đặc biệt cẩn thận ! “Nguỵ” Không phải là nguỵ trang, không phải là nguỵ quân tử. “Nguỵ” là người làm, tính là do trời sinh ra tự nhiên. Nguỵ là người đời sau làm, là phát huy con người làm nên sức mạnh. Sức mạnh của con người đó làm, tự nhiên tức là việc học. Do Tuân Tử nhận thức sâu sắc đối với tính người; vì vậy ông đặc biệt coi trọng thầy giáo và việc khuyến học. (Chương thứ nhất của “Tuân Tử” tên là “Khuyến học”).

Do sự khác nhau của bản thân bên trong của danh từ triết học, nên cách nhìn của Tuân Tử đối với tính người tuy không giống, nhưng hoàn toàn không trái ngược nhau. Mặc dù Mạnh Tử chủ trương tính Thiện và Tuân Tử là chủ tính Ác, nhưng hai ông đều có một cách nhìn : Đời người là ánh sáng ! Chỉ cần học (Không ngại là tìm về lòng thiện đã mất, hoặc là trói buộc bởi ý muốn tự nhiên). Mọi người đều có thể trở thành người tốt và trở thành Thánh nhân ! Khổng Tử tuy không có đề cập đến vấn đề tính Thiện trở thành tính Ác, nhưng ông nhận thức là “từ người bậc trung trở lên mới nên dạy đạo lý chỗ cao”, làm cho ông có lòng tin đối với đời người, đối với sự sản sinh của giáo dục mà không có gì so sánh được ! Con người chỉ cần học, thì nhất định có thể trở thành tốt. “Mọi người đều có thể trở thành Nghiêu Thuấn”. Ngoại trừ người không biết gì, tự mình coi khinh, tự mình vứt bỏ. Xem ra, cần đề cao phẩm chất của loài người và cải thiện sự rối loạn của thế giới thì giáo dục là phương pháp thực hiện tốt nhất. Hơn hai ngàn năm trăm năm về trước Khổng Tử đã nhìn thấy đạo lý này; hơn nữa dạy học không lùi biếng, thật vĩ đại thay, Khổng Tử ?

“Khổng Tử viết : “Sinh nhi tri chi giả, thương dã; học nhi tri chi giả, thứ dã; khốn nhi học chi, hựu kỳ thứ dã; khốn nhi bất học, dân, tư vi hạ hĩ” (Quý Thị)

“Không Tử nói rằng : “Con người sinh ra, tự nhiên biết được đạo lý, đó là hạng người cao thượng; cần phải học rồi mới biết, đó là hạng người thứ hai. Tự mình tâm tới, nhưng chịu khó học tập đạo lý, đó là hạng người thứ ba. Đã tâm tới mà chẳng chịu khó học tập, đó là hạng người đê hèn vậy”.

“Tử viết : “Ngã nhi sinh nhi tri chi giả; hiếu cổ, mẫn dĩ cần chi gia dã” (Thuật nhi)

“Không Tử nói rằng : “Ta chẳng phải sinh ra là tự nhiên biết được đạo lý. Ta là người hàm mộ Kinh Thi của Thánh hiền thời xưa ⁽¹⁾, cho nên ta cố gắng mà tìm học đạo lý”.

Lời nói thật đầy dũng khí ! Có người trời sinh ra đã thông minh, trí tuệ minh mẫn, liếc mắt đã đọc được mười hàng (nhất mục thập hàng), xem qua là nhớ. Có người tư chất thì bình thường, dùng sức cố gắng để học hỏi, mới có được sự tiến bộ. Xem ra, con người mà trời sinh ra cũng bất bình đẳng ! “Người mà từ một tự mình làm ra trăm; người mà từ mười có thể làm ra ngàn. Nếu như có thể từ đó mà sinh ra đạo, tuy ngu tối nhưng tất là sáng suốt” (Trung Dung). Tư chất của con người do trời sinh ra cũng bất bình đẳng, nhưng loại bất bình đẳng này không phải là không thể thay đổi. Chỉ cần chúng ta quyết tâm, tin tưởng, lâu

(1) Không Tử nói “Hiếu cổ”, có nghĩa là thích đọc sử sách xưa. Ở đây, ông muốn ám chỉ “Kinh Thi”, một trong “Ngũ Kinh” của Nho gia Thánh hiền.

dài, thiên tài có thể liếc mắt đọc mười hàng. Chúng ta có thể một hàng mà đọc mười mắt, để lại công phu cho người khác gấp mười lần, hoặc một trăm lần — Thiên tài có thể liếc mắt mà không quên. Trên thực tế “Thượng trí” của “sinh ra mà để biết” là rất ít. Khổng Tử thừa nhận mình là người nỗ lực học tập mới có được tri thức ! Thiên tài tuy có thể liếc mắt đọc được mười hàng, nhưng ông còn quyết tâm chịu khó. Đương nhiên ông có thể dùng tinh lực tương đối ít mà đạt được thành tích tương đối cao. Nhưng cố gắng cần phải đặt ra. “Thành công là sự cố gắng 99 phần và thiên tài chỉ có một phần” Chúng ta làm thế nào mà không coi trọng việc học tập, không nỗ lực rèn luyện cho người. “Hoặc là sinh ra mà biết; hoặc là học mà biết; hoặc khó khăn mà biết, hoặc cố gắng mà biết”. “Trung dung học” có thể làm cho sự bất bình đẳng của tư chất con người do trời sinh ra được bình quân, ngoại trừ chúng ta không biết gì, tự mình coi khinh, cam chịu làm thứ hạ dân, chịu cảnh khốn khó mà chẳng chịu học hành.

“Tử viết : “Học như bất cập, do khủng thất chi” (Thái Bá)

“Khổng Tử nói rằng : “Phải gắng sức mà học, dường như mình chẳng kịp người; chỉ sợ mình không theo kịp mà bị bỏ rơi”.

“Tử viết : “Ngũ chi nhi bất nọa giả, kỳ Hồi dã dữ” (Tư Hân)

“Không Tử nói rằng : “Nghe ta giảng dạy đạo lý, mà nghe không chán và làm không sai. Đó là trò Hôi (Nhan Uyên) chứ ai”.

“Tử viết : “Thệ như vi sơn : Vị thành nhất quý, chỉ ngô chỉ dã ! Thệ như bình địa, tuy phúc nhất quý, tiến ngô văn dã” (Tử Hân)

“Không Tử nói rằng : “Ví như ta đắp đất cho thành núi, chỉ còn một giỏ nữa là xong, nhưng mình lại thôi, đó là tại mình bỏ vậy. Lại ví như lấp một vực sâu cho thành đất bằng, dù cho mình mới đổ xuống một giỏ, nhưng mình tính đổ thêm, đó là mình đi đến chỗ thành công vậy”.

Tô Đông Pha có hai câu thơ :

“Tác thi hòa cấp truy vong bỏ,

Thanh cảnh nhất thất hậu nan mô.”

(Bài “Tích nhật du hồ sơn phong Huệ Cần Huệ trí nhị tàng)

Dịch nghĩa :

Làm thơ như hòa cấp đuổi tội phạm chạy trốn,, thanh cảnh xưa khó tìm. “Bỏ” có nghĩa là trốn tránh, “vong bỏ” là chỉ tội phạm chạy trốn. Làm thơ dựa vào linh cảm, mà ánh sáng của ngọn lửa linh cảm lập tức bị dập tắt, đã mất rồi không thể có lại được. Vì vậy nắm bắt linh cảm như thế nào là một vấn đề lớn. Tô

Đông Pha lấy việc đuổi chạy kẻ tội phạm làm sự so sánh; đuổi chạy kẻ tội phạm là việc mà một phút cũng không được chậm trễ, một ngày phạm nhân không đi vào đám đông, lại cần phải bắt giữ. Tức là biển lớn bủa vây. Khổng Tử nói đến thái độ của việc học tập, cần phải tích cực, cần phải “như không theo kịp”. Sách “Lễ ký vấn tắng” có câu : “Nhìn nhìn theo, mau thật mau, như có đuổi theo mà chẳng kịp”. Chúng ta bình thường có thể nhìn thấy người nào đó mượn tiền buôn bán để quay vòng, thế thì gấp rút kinh doanh. Loại “Kẻ ấy khi chưa được lộc vị, thì lo lắng luôn cúi đầu lo cho được; khi đã được lộc vị rồi, lại lo sợ mất đi” (Dương Hóa) — Không được, đến khi sợ được lại không đến. Đến trong tay lại sợ mất đi. Đó là đường đi của loại “Bỉ ôi”. Tự nhiên rất đáng nực cười. Nhưng, nếu như chúng ta đem tinh thần chuyên tâm cố sức vì lợi ích, để chuyển thành “Chuyên tâm cố sức làm điều Thiện” (Mạnh Tử tận tâm). Thế thì chúng ta đã nắm vững được thái độ chính xác của việc học tập. Con người, sống là học tập cho đến già. Thời gian là lấy sinh mệnh làm chuẩn. Chết mà sau đó thế xác là ở trong sâu kiến và ở trong dơ bẩn. Còn đạo lý thì không có nơi nào là không có. Lấy sinh mệnh có hạn của chúng ta để tìm kiếm tri thức. Chúng ta chỉ tức giận là mệnh sống không được lâu dài. Chúng ta cần phải có thái độ tích cực và nhiệt tình học tập. Chúng ta thường nói : “Bắt đầu tốt đẹp là một nửa của sự thành công”.

“Tử viết : Bất nhật, như chi hà, như chi hà gia; ngô vị ! như chi hà ! dã di hĩ” (Vệ Linh Công).

“Khổng Tử nói rằng : “Người nào chẳng ra công tìm tòi, như làm việc gì chẳng tự hỏi : Tôi phải làm cách nào ? Tôi phải làm sao ? Người như vậy ta cũng chẳng có cách nào mà chỉ bảo cho được”. Tử viết : “Bất nhẫn, bất khai, bất phi, bất phát. Cử nhất ngưng nhi thị chi, bất dĩ tam ngu phân, tắc bất phục dã” (Thuật nhi)

“Khổng Tử nói rằng : “Kẻ nào chẳng phấn phát lên để thông hiểu, thì ta chẳng giúp cho hiểu thông được. Kẻ nào chẳng cố gắng để tỏ rõ ý kiến của mình, thì ta chẳng khai phát cho được. Kẻ nào đã biết rõ một góc, nhưng chẳng chịu căn cứ vào đó để biết luôn ba góc kia, thì ta chẳng dạy kẻ ấy nữa”.

“Tử viết : “Kiến hiền, tư tề yên; Kiến bất hiền, nhi nội tự tỉnh dã” (Lý nhân). “Khổng Tử nói rằng : “Thấy ai hiền đức, mình nên suy nghĩ để cố gắng cho bằng người. Thấy ai chẳng hiền đức, mình nên tự xét, đừng bắt chước theo họ”.

“Tử viết : “Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yên. Trạch kỳ thiện giả nhi tòng chi; kỳ bất thiện giả nhi cải chi” (Thuật nhi).

“Khổng Tử nói rằng : “Trong ba người ⁽¹⁾ đi đường, mình

(1) Ba người (Tam nhân) là chỉ số người đồng, chứ không nhất định chỉ là ba.

nói với hai người nữa, ắt có người là thầy của mình. Mình chọn điều lành điều phải của người này mà làm theo; mình xét điều dữ điều quấy của người kia để sửa đổi lấy mình”.

Tăng Tử viết : “Ngô nhật tam tỉnh ngô thân; vi nhân mưu nhi bất trung hồ ? Dĩ bằng hữu giao, nhi bất từ hồ ? Huyền, bất tập hồ ? (Học nhi)

“Tăng Tử học trò xuất sắc của Khổng Tử nói rằng : “Hằng ngày, ta thường xét mình về ba điều này :

- 1— Làm việc gì cho ai, ta có hết lòng hay không ?
- 2— Kết giao với bạn bè, ta có giữ lòng tin thật hay không ?
- 3— Đạo lý do thầy truyền dạy, ta có học tập được không ?”

Cái gọi là cha và thầy dẫn dắt vào cửa lớp, còn tu hành là ở cá nhân. Một người làm việc gì — Đặc biệt là học tập, thì cần phải có lòng tự giác cao độ. Một người gặp phải vấn đề, không tự hỏi cũng không hỏi người khác là “Làm thế nào ?”. Bậc Thánh nhân cũng không có biện pháp. Tỉm tôi học tập cũng giống như tập bơi dưới nước. Chúng ta cần phải xuống nước, mới có thể bơi được. Cũng giống như thế, tỉm tôi học vấn, cần phải chiếm lĩnh bề mặt vấn đề, đối diện với vấn đề, tiếp thu sự nảy sinh của vấn đề. Vấn đề mới có khả năng giải quyết. Ông Vương Quốc Duy trong sách “Nhân gian tư thoại” đã nói : “Người thành đạt được

sự nghiệp học vấn lớn nhất từ xưa đến nay, tất cả đều phải trải qua ba loại hoàn cảnh sau đây : Đêm hôm qua gió Tây thổi cây khô héo bên vách tường, chỉ một mình trên lầu cao, nhìn hết đường trên đời”. Đó là hoàn cảnh thứ nhất. “Áo mặc dần dần rộng mà cũng vẫn không sửa đổi, vì nó làm cho người ta trở nên tiêu tụy” — Đó là hoàn cảnh thứ hai. “Ở nơi đông người mà tìm anh ta trăm ngàn lần, bỗng nhiên quay đầu lại, thấy người đó ở chỗ ngọn đèn tàn”. Đó là hoàn cảnh thứ ba. Ông Vương Quốc Duy lấy ba lời đó để ví với ba loại hoàn cảnh tạo nên những sự nghiệp lớn lao của việc học vậy.

Trên thực tế, chúng ta nhìn thấy sự vật, sự việc đều có giới hạn, đều có thể giúp đỡ chúng ta học tập — nếu như chúng ta có thể tự giác, tự hạn chế. Khổng Tử nhìn thấy đủ mọi hạng người — Dù cho người tốt, người không tốt, tất cả đều do ông giúp đỡ. Tử Cống nói : “Thầy của ta đi đến đâu cũng đều có thể học, chứ không có thầy nhất định”. Xem ra Tử Cống rất hiểu thầy.

“Tử viết : “Do, hối nhi tri chi hồ ? Tri chi vi tri chi, bất tri ư bất tri, thị tri dã” (Vi Chính)

“Khổng Tử gọi chính tên của Tử Lộ ra mà nói rằng : “Này Do ! Người muốn cho ta dạy cách hiểu biết thật chăng ? Việc gì biết, thì nhận là biết; việc gì mà mình không biết thì cứ nhận là không biết. Như vậy mới là biết thật !”.

“Tử viết : “Cái hữu bất tri nhi tác chi giả; ngã vô thị dã. Đa văn, trạch kỳ thiện giả nhi tòng chi; đa kiến nhi thức chi; tri chi thứ dã” (Thuật nhi)

“Khổng Tử nói rằng : “Có những kẻ không biết mà cũng làm bày; ta không phải như họ vậy. Sau khi nghe nhiều, ta chọn những điều phải mà theo; sau khi thấy nhiều, ta ghi nhớ những điều ta chú ý. Nhờ vậy, ta trở nên bậc thứ tri” (1)

Khổng Tử có thể là người có thể tránh được khuyết điểm không biết mà nói biết, nhưng người bình thường là người mắc phải khuyết điểm này. Bởi vì con người đều có lòng hư vinh, làm thế nào để từ bỏ đầu óc hư vinh, chính là chúng ta cần phải học tập. Điều mà Khổng Tử muốn nói với Tử Lộ, cũng chính là điểm này.

Thứ Tri là bậc biết hạng nhì. Đối với Thánh nhân là bậc hiểu biết tự nhiên. Bậc thứ tri thông hiểu đạo lý, thi hành đúng phép, nhờ nghe nhiều, thấy nhiều.

Tự viết : “Học nhi bất tư tắc vong, tư nhi bất học tắc đãi” (Vi Chính)

“Khổng Tử nói rằng : “Học mà chẳng chịu suy nghĩ, thì chắc chắn là hiểu sai. Suy nghĩ mà chẳng chịu học thì sẽ nhiều thắc mắc”

Tử viết : “Tứ dã, nhĩ dĩ dư vi đa học nhị trí chi giả dữ ?
Đôi viết : “Nhiên ! Phi dữ ?” Viết : “Phi dã ! Dư nhất dĩ quán
chi” (Vệ Linh Công)

“Khổng Tử gọi tên Tử Cống mà hỏi rằng : “Này Tử ! Người
ta cho rằng nhờ học nhiều ⁽¹⁾ mà nhớ hết phải không ? Tử Cống
đáp : “Đúng ! Chẳng vậy sao ? Chẳng phải vậy. Ta nhờ để tâm
quan sát, nắm bắt một mối mà thông suốt tất cả” ⁽²⁾

Trong Thiên “Lý nhân”, sách “Luận Ngữ” có câu : “Sâm
oĩ ! Đạo của ta là do nói một lẽ mà thông suốt tất cả”. Trong câu
này có câu “Do nói một lẽ mà thông suốt tất cả”. Câu này không
giống với câu “Nắm bắt một mối mà thông suốt tất cả” trong
Thiên “Vệ Linh Công”. Câu “Do nói một lẽ mà thông suốt tất cả”
trong thiên “Lý nhân” là Khổng Tử nói đạo lý của ông dùng làm
trung tâm tư tưởng sẽ có thể quán xuyên tất cả. Trung tâm tư
tưởng này tức là “Trung thứ” mà Tăng Tử nói, là cái vĩnh viễn
bất biến! “Do nói một lẽ mà thông suốt tất cả” ở đây là Khổng Tử
muốn nói đến phương pháp học tập hàng ngày của ông. Chữ
“Một” (nhất) là sự việc đáng chú ý nhất khi ông nắm bắt được tri
thức. Kết quả của việc rộng nhớ lâu, trong đầu óc có thể là một
khối hỗn tạp, nhưng nếu như trong lòng không có chủ định, biết

(1) Học nhiều (Đa học), tức là nghe nhiều (Đa văn) và thấy nhiều (Đa kiến)

(2) Nguyên văn “Nhất dĩ quán tri” là chỉ một môn học cao siêu của nhà Nho :
người ta nắm bắt từ chỗ gần mà xét tới chỗ xa, từ chỗ cạn mà đạt tới chỗ sâu.

việc mà mình định chú ý nhất là cái gì ? Vì sự vật trung tâm này có thể thông suốt điều nghe thấy. Đây là một khuyết điểm có thể tránh được. Sự vật trung tâm chú ý nhất lúc này có lẽ là “Làm điều nhân” (Vi nhân), lúc khác có lẽ là “Kính mến phụng dưỡng cha mẹ và yêu quý anh em” (Hiếu đễ), tùy lúc mà thay đổi. Không Tử trả lời Tử Cống : “Chẳng phải vậy”. Nhưng không phải là “Chẳng phải” học nhiều, mà chỉ là “chẳng phải” một cá nhân đủ sức nghe rộng nhớ lâu, không thể thông suốt được điều mà mình nghe. Học mà không suy nghĩ, thì chỉ là được ghi nhớ một số mẫu đoạn. Nếu như chúng ta có thể dốc sức suy nghĩ những điều lý luận và thông suốt thì đó là “Nghe nhiều thấy nhiều mà biết nó” và “suy nghĩ” ở “Do nói một lẽ mà thông suốt tất cả”. “Suy nghĩ” này là một bộ phận của học tập và là một phương pháp quan trọng nhất trong quá trình học tập. Ví như học Anh văn, chúng ta thuộc từ mới, thuộc động từ biến hóa, thậm chí thuộc cả văn phạm, chúng ta chỉ dùng đầu óc để thuộc. Ví như lợi dụng từ mới, văn phạm tạo câu đã biết. “Suy nghĩ” trong hai câu “Suy nghĩ mà chẳng chịu học” và “Học mà chẳng chịu suy nghĩ” là không giống nhau. Từ “Suy nghĩ” của câu “Học mà chẳng chịu suy nghĩ” là một phương pháp học; nó bao quát phạm vi bên trong của “Học”. Còn từ “Suy nghĩ” của câu “Suy nghĩ mà chẳng chịu học” là sự tương đối của việc học, đương nhiên sẽ không bao quát phạm vi bên trong của việc học. Có lúc chúng ta nhìn thấy có người học,

suốt ngày mơ tưởng làm nhà khoa học, nhà phát minh. Họ tự nhận mình là thiên tài, đi học theo họ là “lãng phí sinh mệnh”. Họ suốt ngày mơ tưởng hão, muốn bay cao bay xa, mắt ngược trông lên cao, tay để xuống thấp. Kết quả là không có việc gì thành công, tự mình sa đà mọi việc vô ích. Vì vậy Khổng Tử nói, suốt ngày không ăn, cả đêm không ngủ, lấy suy nghĩ làm hữu ích. Không gì bằng học tập ! Đương nhiên tri thức mà hiện nay chúng ta tiếp thu, phần lớn là do sự kết tinh trí tuệ của người xưa. Trong đó không ít đều là do “suy nghĩ” sáng tạo ra. Loại suy nghĩ dựa vào sự trống rỗng để phát minh, sáng tạo, so với học nhiều, suy nghĩ nhiều, lấy sự sàng lọc người đi trước thì hậu quả chẳng là bao. Bản thân Khổng Tử cũng nói ông “hâm mộ Kinh Thi của Thánh hiền đời xưa, cho nên ta cố gắng mà tìm học đạo lý” (Thuật nhi)

Chúng ta bỗng nhiên nhớ đến câu thơ của Đỗ Phủ ⁽¹⁾ : “Không khinh người thời nay và yêu lấy người thời xưa, chuyển cái lợi ích của nhiều người làm thầy cho mình”. “Chuyển cái lợi ích” này thật tốt !

“Tử viết : “Ôn cố nhi tri tân, khả dĩ vi sư hĩ” (Vi Chính)

“Khổng Tử nói rằng : “Người nào ôn lại những điều đã học,

(1) Đỗ Phủ (712-770), tự Tử Mỹ, là đại thi hào đời Đường (618 — 907)

từ đó mà biết thêm những điều mới, người ấy có thể làm thầy thiên hạ đó”. Đây là phương pháp học tập của Khổng Tử mà ông nói với các học trò. Phương pháp hiện nay có thể thực hiện được. Chúng ta đi trên bãi cát, hai tay nắm đầy những hạt cát nhỏ li ti, không phải là không công phu. Những hạt cát có thể từ trên tay mà rơi xuống — Một hạt cũng không còn trên tay ! Nếu như chúng ta trong quá trình học tập, vừa học vừa quên. Hoặc là học rồi mà quên đi. Khối lượng đầy đủ chẳng qua là cái trạm giữa đường của trí thức hoặc là cái kho cũ kỹ chứa chất kiến thức ! “Ôn lại những điều đã học” một mặt có thể là “Không quên những kỹ năng đã có”, mặt khác là trong quá trình ôn tập cũng có thể đạt được những ý niệm mới và những phát hiện mới. Ao nước sử dĩ trong sạch, là do nước nguồn chảy không ngừng. Con người cần phải không ngừng tiếp thu tri thức mới, mới không đến nỗi lạc hậu. Mà tiếp thu kiến thức mới làm cho con người “không quên những điều đã biết”. Trình độ và biên giới đạt được của đời người là mỗi ngày mỗi mới và dần dần đến chỗ tốt đẹp. Ôn cái cũ cần phải lấy tri thức mới làm kế thừa; nó chẳng phải là quay lại với cái cũ mà càng vượt lên cái mới. Sự tiến lên là rất có hạn. Tri thức mới cần phải lấy việc ôn cái cũ mà giữ lại. Không có cái gì là không có ích.

“Tử viết : “Hữu giáo vô loại” (Vệ Linh Công).

“Khổng Tử nói rằng : “Thầy giáo thi hành giáo hóa, chẳng phân biệt người giàu kẻ nghèo, người sang kẻ hèn, người tốt kẻ xấu”.

Khổng Tử nhận thức tầm quan trọng của việc học; vì vậy nó phát huy được tác dụng to lớn. Lời nói này của Khổng Tử còn có thể bao hàm một ý nghĩa khác. Chỉ cần thi hành giáo hóa, thế thì con người đều có thể trở thành tốt, đều có thể tự lập mà không phân biệt giữa ngu, hiền, thiện và ác. Đây là sự tin tưởng mãnh liệt của Khổng Tử đối với nhân loại và đối với giáo dục. Mặc dù về mặt đời sống của con người là sáng sủa, hoặc đen tối, thì tiền đồ của loài người là sáng sủa và giáo dục là chìa khóa của ánh sáng đó. Khổng Tử tức giận nhất là “những kẻ quần tụ suốt ngày với nhau, bàn luận những chuyện chẳng đạo nghĩa và thích làm theo cái khiêu thông minh nhỏ hẹp của mình, những kẻ ấy khó làm nên lắm thay” (Vệ Linh Công). Ông lại còn nói : “Kẻ nào suốt ngày ăn no rồi lại nằm không chẳng dụng tâm làm việc gì, thì khó làm nên được thay”. Loại người này tất nhiên không biết tí gì là thành tích.

“Tử viết: “Tự hành thúc tu dĩ thượng, ngô vị thượng vô hồi yên” (Thuật nhi)

Khổng Tử nói : “Kẻ nào xin nhập môn, tự mình làm lễ mà

dâng lên một thức nem ⁽¹⁾; thì chẳng bao giờ ta chê lễ mọn mà chẳng dạy”.

“Hồ Hương nan dữ ngôn. Đồng tử kiến; môn nhân hoặc. Tử viết : “Dữ kỳ tiến dã, bất dữ kỳ thoái dã. Duy, hà thậm ! Nhân kiết kỳ dĩ tiến, dĩ kỳ kiết dã, bất bảo kỳ văn dã” (Thuật nhi).

“Người làng Hồ Hương có tiếng là ác nghịch, khó mà giảng điều lành lẽ phải cho họ nghe. Có một chàng trai từ làng ấy đến yết kiến Không Tử để xin vào học, các học trò lấy làm nghi ngờ về chàng. Không Tử nói : “Người ta có lòng trong trắng mà đến với mình, thì mình không cố chấp những việc đã qua của người. Hơn nữa, ngày nay người ta đến với mình thì mình thu nhận, chớ mình chẳng bảo đảm người khi người thôi ra. Chỉ có thể thôi, cần gì phải nghiêm khắc quá đáng vậy ?”

Khi chúng ta có thể giúp đỡ được người khác, chúng ta tuyệt đối không lo. Cần phải biết : “Chẳng có việc gì tốt mặc dù nhỏ mà không làm”. Khi chúng ta nhìn thấy một bạn nhỏ chạy một mình trong mưa, nước mưa ướt thấm quần áo của em bé, chúng ta dùng dù để che cho em bé và đưa em bé đi một đoạn, thậm chí là chúng ta đưa em bé về đến nhà. Ở đây chúng ta không tính toán gì, nhưng một lần che dù này, che cho một bạn

(1) Người thời xưa lấy mười cái nem bó lại thành một thức. Thức nem là một lễ vật rất phổ biến của thời xưa.

nhỏ trong canh gió mưa đầy trời, làm cho em nghĩ đến tình cảm thân thiết của con người. Thầy giáo vì người mà làm điều tốt. Khổng Tử là người thực tế hành động của việc “Thi hành giáo hóa người, chẳng phân biệt người giàu kẻ nghèo, người sang kẻ hèn, người tốt kẻ xấu”.

“Tử viết : “Dư dục vô ngôn”. Tử Cống viết : “Tử như bất ngôn, tắc tiểu tử hà thuật yên ?”. Tử viết : “Thiên hà ngôn tai ! Tử thời hành yên, bách nhật sinh yên. Thiên hà ngôn tai ?” (Dương Hóa)

“Khổng Tử nói rằng : “Ta chẳng muốn nói nữa”. Tử Cống thưa rằng : “Như thầy chẳng nói nữa, bọn học trò chúng tôi làm sao đem lời dạy của thầy mà truyền đạt lại đời sau cho được ?”. Khổng Tử nói : “Trời có nói chăng ?” Thế mà bốn mùa (Xuân, hạ, thu, đông) cứ xoay vần mãi; trăm vật trong vũ trụ cứ sinh hóa mãi. Mà trời có nói gì chăng ?”.

Chúng ta thường nghe nói : Lời dạy không bằng bản thân mình dạy. Lời của Khổng Tử, tuy có thể là do cảm xúc mà thốt ra, nhưng cũng có thể nhìn thấy Khổng Tử coi trọng ý nghĩa của việc tự học. Trần Canh sau lưng hỏi Bá Ngự rằng : “Anh có được nghe thầy dạy điều gì lạ chăng ?” Trần Canh từ lần nói chuyện này với Bá Ngự đã hiểu được tầm quan trọng của “Kinh Thi” và “Kinh lễ”, càng quan trọng hơn chính là sự vô tư của Khổng Phu

Tử. Không Tử tự mình nói : “Ta đối với các người cái gì cũng không che giấu” (Thuật nhi). Đây là tác phong thẳng thắn, trung thực, tự nhiên làm cho mọi người tôn kính. Tử Mã Quang nói rằng bình sinh ông “Không có việc gì là không nói cho mọi người”. Đây là loại tác phong quân tử, không những làm cho người ta kính phục mà còn tác động đến gió, mây, cây, cỏ. “Kinh Dịch” có nói : “Ba ngày đi khoe, quân tử lấy sức mạnh tự cường mà không nghỉ ngơi”. Nếu như chúng ta đi xa mà mãi không dừng lại nghỉ ngơi mà thể hiện ý nghĩa tự cường không nghỉ, thì đó là tự nhiên cho chúng ta bài học “bản thân mình dạy quý báu nhất”.

“Ai Công Vấn : “đệ tử thực vi hiếu học ?” Không Tử đối viết : “Hữu Nhan Hồi giả hiếu học ! Bất thiên mộ, bất hạnh đoản mệnh tử hĩ ! Kim dã tắc vị văn hiền học dã” (Ung Dã)

“Vua Ai Công nước Lỗ hỏi Không Tử rằng : “Trong hàng đệ tử ông, có những ai ham học Đạo lý hơn hết ? Không Tử đáp rằng : Có ! Nhan Hồi là người hiếu học nhất. Trò ấy khi phải việc mà giận ai, thì không giận lây qua người khác; rủi có làm lỗi, thì chẳng hề tái phạm. Nhưng chẳng may, trò ấy sớm thác rồi. Hiện nay, chẳng có ai được như vậy. Tôi chưa nghe nói ai là người hiếu học”.

“Tử viết : “Quân tử thực vô cầu báo, cư vô cầu an. Mẫn ư sự

nhì thân ư ngôn, tựu hữu đạo nhi chính yên; khả vị hiếu học dã dĩ hĩ” (Học nhì)

“Khổng Tử nói rằng : “Bậc quân tử có chí học đạo lý, miễn có ăn thì thôi, chẳng cần ăn no, miễn có chỗ ở là được, chẳng cần nhà cửa đang hoàng, sang trọng; người thường đến bậc có đạo lý để học hỏi, sửa mình. Đó mới đáng gọi là người ham học vậy” (1)

“Tử viết : Hiền tại Hối dã ! nhất đan thực, nhất biểu ẩm, tại lậu hạng. Nhân bất kham kỳ ưu ! Hối dã bất cải kỳ lạc. Hiền tại Hối dã” (Ung Dã)

“Khổng Tử nói rằng : “Hiền thay cho trò Hối (2). Người ở trong ngõ hẹp với một giỏ cơm, một bầu nước. Ở trong cảnh ấy, người ta không ai chịu kham khổ cho nổi. Thế mà trò Hối chẳng đổi chí vui của mình. Hiền thay cho trò Hối”.

“Tử Hạ viết : “Hiền hiền dịch sắc, sự phụ mẫu năng kiệt kỳ lực, sự quân năng trí kỳ thân, dữ bằng hữu giao, ngôn nhi hữu tín : tuy viết “vị học”, ngô tất vị chi “Học hĩ” (Học nhì)

“Tử Hạ (3) nói rằng : “Người nào biết đối bụng háo sắc ra

(1) Kẻ học đạo quân tử cần có 5 điều : 1— Không trọng cái ăn. 2— Không cần chỗ ở tốt. 3— Chăm chỉ học tập và làm việc. 4— Giữ gìn lời nói. 5— Năng thăm hỏi thầy để học hỏi thêm.

(2) Nhan Hối, tự Tử Uyên, thường gọi là Nhan Uyên, là học trò của Khổng Tử, chăm học đến nỗi quên đi sự nghèo túng.

(3) Tử Hạ, họ Bốc, tên Thương, là học trò xuất sắc của Khổng Tử.

làm bụng một người hiền, đem hết sức mình mà thờ cha mẹ, liêu thân mình mà phụng sự vua, giao tiếp với bạn bè thì ăn nói thật tình. Người như vậy, dù ai nói rằng : Chưa văn chương đạo lý, chứ tôi bảo rằng : Đã có học rồi đó”.

Khổng Tử ca ngợi Nhan Hồi, có lẽ vì ông ta “Hiếu học”, “an bần lạc đạo”, không hay nổi giận, tu dưỡng đức hạnh, không sai phạm hai lần. Khổng Tử cho rằng người quân tử nên có mục đích nhân sinh đúng đắn. Về mặt lời nói cần phải nỗ lực tu rèn, đồng thời gần gũi với quân tử, thánh hiền để có lợi về nhiều mặt. Đây mới là sự hiếu học. Tử Hạ thuật lại tư tưởng của Khổng Tử, bởi vì học vấn là dồn hết sức lực để tu rèn đức hạnh. Rõ ràng cái học trong Khổng Tử là bồi dưỡng và rèn luyện về đức hạnh là chính. Khổng Tử chỉ coi trọng việc bồi dưỡng đạo đức mà hoàn toàn không giảng dạy tri thức sách vở.

“Tử viết : “Đệ tử, nhập tắc hiếu, xuất tắc lễ, cẩn nhi tín, ái chúng nhi thân nhân. Hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn” (Học nhi)

“Khổng Tử nói rằng : “Học trò, khi vào trong nhà thì hiếu thảo với cha mẹ. Khi ra ngoài xã hội thì kính trọng anh chị và người lớn tuổi. Làm việc gì thì phải cẩn thận và ăn nói chín chắn, thương yêu tất cả mọi người, nhưng gần gũi với người có đức nhân. Thực hành được những điều đã nói trên, còn thừa sức lực

thì hãy học văn chương”⁽¹⁾

“Tứ dĩ trí giáo : văn, hành, trung, tín” (Thuật nhi)

“Không Tử lấy bốn khoa này để dạy cho học trò : văn chương lục nghệ⁽²⁾, nét na đức hạnh, trung thực hết mình và tín thật chẳng sai”.

“Còn thừa sức lực thì hãy học văn chương” là mấy chữ quan trọng nhất cần lưu ý. Tư tưởng của Khổng Tử, không phải là một người sau khi làm được việc hiếu thảo, kính trọng, cẩn thận, trung tín, yêu thương và gần với điều Nhân, thì lại dùng sức lực dư thừa còn lại để đuổi theo tư thức ở sách vở. Quả thật như thế, thì chúng ta sẽ mãi mãi không dư thừa sức lực để học tập văn chương, bởi vì các đức tính : Hiếu thảo, kính trọng, cẩn thận, trung tín, thương yêu và các đức hạnh khác đều là đạo lý mà suốt đời phải thực hiện, càng không có cái gì là không làm tốt — Càng làm càng tốt. Một số đức hạnh này đều được cả đời tin giữ và không lừa dối đến sau khi chết mà thôi. Dù ở tình huống nào, đức hạnh và học văn chương, hai điều ấy có quan hệ với nhau. “Còn thừa sức lực”, không thể lấy từ mà làm hại đến ý. Chúng ta nhìn thấy cái gọi là “hiếu học” mà Khổng Tử gọi, đều là chỉ sự tu

(1) Văn, gốc là văn tự. Ở đây chỉ tri thức mà văn tự ghi chú, tức là chỉ sách vở. Thời đại Khổng Tử, sách vở chủ yếu nhất là Thi (Kinh Thi), Thư (Kinh Thư)

(2) Lục nghệ là : Lễ, nhạc, xạ, ngự (đánh xe), thơ, số

dưỡng, giảng giải của đức hạnh; cho nên, chúng ta có thể nói : “Còn thừa sức lực” ở lời nói của Khổng Tử chỉ là biểu thị tầm quan trọng của đức hạnh so với văn chương. “Văn chương” của “Khổng Tử lấy bốn khoa để dạy” tức là “Văn chương” của “Thì hây học văn chương”. Còn “Đức hạnh” tức là “đức hạnh” của “Còn dư sức lực”. Trung tín, giống như “đức hạnh” khi thực hành. Vì vậy nghiêm khắc mà nói Khổng Tử lo sợ chỉ lấy văn chương và đức hạnh để dạy cho học trò. Đương nhiên học trò của Khổng Tử luyện tập “ngự” — đánh xe, “xạ” — săn bắn, không phải là lẽ sống ở đó. Bởi vì, đánh xe và săn bắn là thời bấy giờ mọi người đều biết. Chương “Khổng Tử lấy bốn khoa để dạy”, sợ rằng không phải là sự ghi nhớ của học trò có tư chất thông minh. Người đời sau lấy văn chương, đức hạnh, trung thực và tín thật gộp lại thành “Bốn khoa” càng là vững chắc. Chúng ta biết : Khổng Tử mở đầu việc dạy, chủ yếu là tự bồi dưỡng nhân cách, đức hạnh để dạy. Sau đó mới có thể dạy học trò phẩm chất đạo đức tốt đẹp.

Mặt khác Khổng Tử cũng dùng sách vở của truyền thống cổ đại truyền lại để giảng bài. Khổng Tử dùng những bài giảng gốc gì ? Trong “Luận ngữ” ông không hề đề cập đến “Xuân Thu”. Cá nhân Khổng Tử thích ca hát; đối với phương diện âm nhạc cũng rất quan tâm và những vấn đề gì có liên quan tới lý luận âm nhạc

ông cũng nói đến lúc ban đầu ⁽¹⁾. Cho nên Khổng Tử nhất định coi trọng âm nhạc. Lễ là điều mà Khổng Tử coi trọng nhất. Nhưng chúng ta nghĩ rằng, Khổng Tử và học trò dạy và học lễ, tất nhiên sẽ dần dần hình thành rất nhiều qui tắc mô phạm. Sách với lời nói của ông trở thành những kiến thức của đời sau. Trong “Luận ngữ” chỉ có một chỗ nói đến “Kinh dịch” :

“Tử viết : “Gia ngã số niên, ngũ thập học dịch, khả dĩ vô đại quá hĩ” (Thuật nhi).

“Khổng Tử nói rằng : “Nếu trời cho ta sống thêm một số năm nữa, để đến 50 tuổi ta học xong Kinh Dịch ⁽²⁾ thì ta có thể không phạm lỗi nữa”.

Lời nói này của Khổng Tử, lời lẽ của câu văn nghe không được thuận. Sách “Dục nguyên giới thập tam kinh nan” có nói : “Bậc tiên Nho đọc câu này chưa rõ. Khi “năm” đọc một lần, “mười” đọc một lần, hoặc nói năm, hoặc nói mười : Cho nên nói thêm một số năm nữa”. Dịch văn là : “Học Kinh Dịch, như học chữ. Người nước Lỗ đọc chữ “Dịch” là chữ “Diệc”. Thời nay theo

(1) Trong thiên “Bát dật” có đoạn nói : “Khổng Tử nói chuyện âm nhạc với quan thái sư nước Lỗ rằng : “Phép tấu nhạc vốn không khó. Lúc bắt đầu, nên cho các bản nhạc nổi lên, mọi tiếng đều hiệp ta ?” Qua đây ta có thể thấy kiến thức âm nhạc của Khổng Tử rất phong phú.

(2) Câu này có bản “Luận ngữ” chép là : “Tốt đi học Dịch”, có nghĩa là : “Học cho xong Kinh Dịch”. Ở đây chúng tôi dịch theo câu “Ngũ thập dĩ học Dịch” (Đến 50 tuổi học Kinh Dịch).

thời xưa. Các bản gốc của “Luận ngữ” hiện nay đều ghi là : “Đến 50 tuổi ta học Kinh Dịch” (ngũ thập dĩ học Dịch), nhưng theo như người nước Lỗ nói, thì chữ “Diệc” đọc xuống giọng. Do đó lý lẽ của câu văn mới thuận. Tóm lại, trong “Luận ngữ” duy nhất chỉ có một chỗ nói đến “Kinh Dịch”, còn rất nhiều vấn đề khó khăn tồn tại. Cho nên nếu như chúng ta cứ khẳng khẳng nói : “Về sau Khổng Tử mới thích Kinh Dịch” (Khổng Tử thế gia — Sách “Sử ký”), ngay cả việc giảng Kinh Dịch, hoặc chỉnh lý Kinh Dịch là chưa tránh khỏi cách nói bạo gan đó. “Kinh Thư” là bản tổng hợp của công văn thời cổ đại. Từ trong đó có thể biết được thời xưa và soi sáng thời nay, hiểu được đạo lý chính trị. Khổng Tử chọn nó làm sách giáo khoa là rất tự nhiên. Trong “Luận ngữ” Khổng Tử cũng dẫn sách “Kinh Thư”. Trong “Luận Ngữ” chỉ gọi tên “Thi” (Kinh Thi) và “Thư” (Kinh Thư). Cái tên “Kinh thi”, “Kinh thư” là gọi tương đối, muộn hơn mới có — Cho rằng nói học trò của Khổng Tử cũng lấy lời trong sách đó, để hỏi Khổng Tử, mà “Khổng Tử khi đọc Kinh Thi, đọc Kinh Thư, đều không dùng phương ngôn. Khi tán dương kinh tế, cũng đều không dùng âm thanh tục”. Đối với “Kinh Thi”, Khổng Tử đặc biệt coi trọng. Từ lời của Bá Ngự trả lời Trần Cang chúng ta có thể hiểu sâu sắc điểm này. Do Khổng Tử đặc biệt coi trọng “Kinh Thi”, cho nên ghi chép những lời nói có liên quan đến “Kinh Thi” cũng rất nhiều :

“Tứ Bá Ngự viết : “Nhữ vị Chu Nam, Thiệu Nam hĩ hồ ? Nhân nhi bất vị Chu Nam, Thiệu Nam, Kỳ du chính tường diêu nhi lập dã dư ?” (Dương Hóa).

“Không Tử hỏi con là Bá Ngự rằng : “Con đã học Chu Nam và Thiệu Nam ⁽¹⁾ chưa ? Người chẳng học Chu Nam và Thiệu Nam có khác nào kẻ đứng quay vào mặt tường”.

Tử viết : “Tiểu tử hà mặc học phù thi ? Thi khả dĩ hứng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán. Nhi chi sự phụ, viễn chi sự quân, đa trí ư diêu, thú, thảo, mộc chi danh” (Dương Hóa).

“Không Tử nói rằng : “Này các trò ! Sao chẳng học Kinh Thi ? Kinh Thi có thể làm cho mình hứng khởi tâm trí. Có thể quan sát lấy mình; có thể hợp quần với xã hội và có thể oán giận kẻ ác một cách chính đáng. Kẻ đọc “Kinh Thi”, gần thì biết thờ cha mẹ, xa thì biết phụng sự vua. Phần lớn lại biết tên của nhiều loại chim, thú, thảo và mộc nữa”.

Tử viết : “Thi tam bách, nhất ngôn dĩ tề chi : viết : “Tư vô tà” (Vi chính).

“Không Tử nói rằng : “Toàn bộ ba trăm bài trong “Kinh Thi” chỉ có một câu thâu tóm hết ý nghĩa, đó tức là : “Không suy nghĩ bậy bạ”.

(1) Chu Nam và Thiệu Nam là hai phần trong “Quốc phong” của “Kinh Thi”.

“Tứ viết : Tụng Thi tam bách, thụ chi dĩ chính, bất đạt, sử ư tứ phương, bất năng chuyên đối, tuy đa diệc hề dĩ vi ?” (Tứ Lộ).

“Khổng Tử nói rằng : “Đọc thuộc hết ba trăm bài trong “Kinh Thi”, đem chính sự mà giao cho mình, nhưng làm chẳng nổi. Được cử đi sứ đến các nước bốn phương, nhưng mình chẳng có tài ứng đối, người đó dù học nhiều, nhưng có biết dùng tài học của mình hay không ?”

“Tứ viết : “Quan thư”, lạc nhi bất dâm, ai nhi bất thương” (Bất đạt).

“Khổng Tử nói rằng : Những chương “Quan thư” ⁽¹⁾ trong bài “Kinh Thi” làm cho người ta khoái lạc mà không dâm dật thái quá, làm cho người ta bi ai mà không bi thương”.



“Chu Nam” gồm 11 bài, từ “Quan thư” đến bài “Lân chi” trong “Kinh Thi”. Còn “Thiệu Nam” gồm 14 bài, từ bài “Thước sào” đến bài “Trâu ngư”, Khổng Tử gọi là “Nhị Nam”, cũng có lẽ là để chỉ dân ca 15 nước (thập ngũ quốc phong). Tất nhiên càng có thể chỉ bộ phận chính của “Kinh Thi”, từ lời nói của Khổng

(1) “Quan thư” thuộc “Chu Nam”, gồm 3 chương, được coi là một bài tình ca dân gian hay nhất trong “Kinh Thi”.

Tử, chúng ta có thể hiểu được việc coi trọng dạy và học thơ của ông. Hiện nay chúng ta đọc “Kinh Thi”, thường coi nó là tác phẩm văn học để thưởng thức, hơn nữa học giả thì lấy nó làm tài liệu ngôn ngữ học, xã hội học, thậm chí chính trị học để xử lý. “Kinh Thi” trong con mắt của Khổng Tử trái lại có chức năng khác : Kinh Thi là cuốn sách giáo khoa luân lý, chính trị, sách giáo khoa ngôn ngữ, thậm chí là sách giáo khoa của động thực vật học. Về lời : “Đọc thuộc hết ba trăm bài trong “Kinh Thi”, đem chính sự mà giáo hóa cho mình” của Khổng Tử, chúng ta cần đặc biệt lưu ý. Sự coi trọng “Kinh Thi” của Khổng Tử, ngoài việc đứng vững trên quan điểm luân lý giáo dục, càng coi trọng mục đích là từ phương diện bồi dưỡng nhân tài, chính trị để xem xét. Chúng ta đã nói qua : Khổng Tử phản đối chế độ chính trị cha truyền con nối, tự bồi dưỡng nhân tài chính trị là nguyện vọng của Khổng Tử, trong tình hình nào cũng cần thực hiện lý tưởng thiên hạ thái bình, cũng cần phải phê phán mạnh mẽ chính trị thực dụng. “Kinh Thi” có thể giúp cho việc nuôi dưỡng thành nhân tài chính trị. Lời nói của chúng ta hiện nay, dùng thành ngữ, trích dẫn kinh điển, là một hiện tượng rất phổ biến. Người đi học thời cổ đại thì trích dẫn “Kinh Thi” hoặc “Kinh Thư” — Đặc biệt là “Kinh Thi”, để giúp cho việc làm nên ngôn ngữ hoặc thúc đẩy ý nghĩa của ngôn ngữ. Hiện tượng này ảnh hưởng đến cả trường hợp chính trị, ứng đối ngoại giao và trở thành phong

khí, tạo nên thời thượng. Chúng ta biết rằng : Cái gọi là từ chương ngoại giao, tự nhiên là lấy ngữ ý khó hiểu, thái độ lơ mơ, không đủ làm đầy đủ vai trò. Với tình hình này, cần phải lấy thơ, phú, văn chương để làm vũ khí ngoại giao ⁽¹⁾. Chúng ta thấy ở “Tả truyện” ghi chép rất nhiều cuộc minh hội (tức hội nghị quốc tế đương thời), nói chuyện giữa các minh chủ đều ấp a ấp úng, lúng ta lúng túng ! Còn người bên cạnh thì bối rối, lo lắng. Vì vậy Khổng Tử phải nói : “Không học Kinh Thi, không biết lấy cái gì để nói !” Ẩn dụ, ẩn ý của thơ phú đối phương và ngay cả tâm lý của đối phương đều bắt chước theo cũng không được. Nếu như đối đáp, ứng đối thế nào ? Có thể mở miệng nói những câu gì ? Tất cả nếu như không học thơ ca thì đúng là có miệng mà chẳng nói lên lời. Vì vậy, Khổng Tử phải nói : “Đọc được rất nhiều thơ, đi sứ ra nước ngoài là không thể đơn độc đối đáp mà phần nhiều, là biết lúc nào sử dụng và sử dụng như thế nào ?” Chúng ta thấy các học trò của Khổng Tử tự mình sắp xếp theo danh sách : “Đức hạnh gồm có : Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung. Ngôn ngữ gồm có : Tế Ngã, Tử Cống. Chính trị gồm có : Nhiễm Hữu, Quý Lộ. Văn học gồm có : Tử Du, Tử Hạ” (Tiên Tấn). Ngôn ngữ và đức hạnh, chính trị, văn học đều được xếp như nhau, có thể thấy sự coi trọng của Khổng Tử đối với ngôn

(1) Theo quan điểm của người Trung Quốc hiện nay (BT).

ngữ mà dù cho đức hạnh, ngôn ngữ, chính trị và văn học, sự rèn luyện của nhân tài từng mật đó, thì thơ ca đều có thể phát huy được tác dụng. Mặt khác chúng ta cần phải hiểu là : “Kinh Thi” vốn có thể hát hoặc có thể diễn tấu mà “Kinh thi” chúng ta nhìn thấy ngày nay, chỉ là lời — tức là lời của ca khúc — ngay cả nhạc phả đều đã mất, không truyền lại được. Lời : “Bài “Quan thư” vui vẻ mà không có ý dâm dăng” và “Thiên Nhã và thiên Tụng trong “Kinh Thi” cũng đều được sắp xếp có thứ lớp” của Khổng Tử nói, chỉ sợ rằng đều là từ phương diện âm nhạc của “Kinh Thi” mà ra. Nói đến đây, chúng ta có thể hiểu được Khổng Tử một lần nữa nói với con mình về đạo lý học thơ ca. Từ trong lời dẫn dò của Khổng Tử, chúng ta càng có thể thấy được việc coi trọng “ba trăm bài thơ” của Khổng Tử.

“Tử Lộ vấn : “Văn tư hành chư ? Tử viết : “Hữu phụ huynh tại, như chi hà kỳ văn tư hành chi !” Nhiễm Hữu vấn : “Văn tư hành chư ?” Tử viết : “Văn tư hành chư ! Công Tây Hoa viết : “Do dã vấn; “Văn tư hành chư”, Tử viết : “Hữu phụ huynh tại”. Cầu dã vấn : “Văn tư hành chư”. Tử viết : “Văn tư hành chư. Xích dã hoặc cảm vấn”. Tử viết : “Cầu dã thoái, cố tấn chi. Do dã kiêm nhân, cố thoái chi” (Tiên Tấn)

“Tử Lộ hỏi rằng : “Như tôi nghe được điều phải thì nên làm

liền chăng ? Khổng Tử đáp : “Người còn cha anh thì phải hỏi lại đã, lẽ nào nghe được mà làm liền”. Nhiễm Hữu hỏi rằng : “Như tôi nghe được điều phải thì nên làm liền chăng ?” Khổng Tử đáp : “Nghe được thì làm liền đi !”. Công Tây Hoa hỏi : “Anh Do (Tử Lộ) hỏi : “Như tôi nghe được điều phải thì nên làm liền chăng ? Thầy đáp : “Người còn cha anh”. Anh Câu (Nhiễm Hữu) hỏi : “Như tôi nghe được điều phải thì nên làm liền chăng ? Thầy lại đáp : “Nghe được thì nên làm liền đi”. Xích (Công Tây Hoa) này lấy làm nghi ngờ về hai cách trả lời khác nhau như vậy. Vậy dám xin thầy giải thích cho”. Khổng Tử đáp : “Tính trò Câu thì thoái nhược, nên ta phải đốc thúc tới cho. Còn tính trò Do cường thẳng, nên ta phải triệt cho thoái bớt lại”.

Trong học trò của Khổng Tử, Tử Lộ là người có cá tính rõ nhất. Trong thiên “Dương hóa”, sách “Luận ngữ” ghi chép Tử Lộ hỏi vấn đề : “Quân tử có chuộng sự dũng cảm chăng ?” — “Quân tử lấy sự dũng cảm làm quý phải không ?” Từ chỗ này có thể nhìn thấy tâm thái của Tử Lộ. Ngay cả Khổng Tử cũng phải thốt lên rằng : “Trò Do có tánh dũng cảm hơn ta” (Công Dã Tráng). Tử Lộ quả quyết : “Cần làm thì càng phải làm, muốn nói thì nói”. Có một lần Tử Lộ hỏi Khổng Tử : “Nếu vua nước Vệ dời thầy về để giúp ngài cai trị, thầy sẽ làm gì trước hết ?” Khổng Tử nói : “Ắt là ta sẽ làm cho chính danh chính phận”. Tử Lộ hỏi : “Có

vậy sao ? Thầy nói Vu Khoát đó. Lẽ gì chỉ có sửa cho chính danh chính phận thôi sao ?” ⁽¹⁾ Theo ghi chép của “Trọng Ni đệ tử liệt truyện” của sách “Sử ký”, thì Tử Lộ nhỏ hơn Khổng Tử 9 tuổi, do sự tiếp cận tuổi trẻ, một mặt do sự mở mang trí tuệ của Khổng Tử, nên Tử Lộ mới dám phê bình Khổng Tử là “Vu khoát” ! Trong số đệ tử của Khổng Tử, tuổi của Nhan Lộ (cha của Nhan Hồi) không cách xa với Khổng Tử bao nhiêu, nhưng từ sự ghi chép của “Luận ngữ” để thấy, chỉ có Tử Lộ mới dám nói những lời đó với Khổng Tử. Điều này không thể quy về tính cách của ông ta. Cá tính của Tử Lộ là không thỏa đáng thì không phục. Khổng Tử khen Nhan Uyên mấy câu, ông ta không dám tức giận, chỉ có Tử Lộ là phản ứng cách nghĩ của ông ta. Trong thiên “Công Dã Tràng” và “Tiên tảo” đều có ghi chép “mỗi người cùng đều nói ra cái chí của mình”, chúng ta thấy hai lần đều là Tử Lộ dám phát ngôn ra. Đây là sự biểu lộ tính cách dũng cảm hơn người của Tử Lộ. Đương nhiên sự việc nếu như từ góc độ lập luận bất đồng, thì sẽ nảy sinh cách nhìn bất đồng. Tính cách của Tử Lộ tuy nhiên không được thận trọng, nhưng bởi tính cách này, làm cho ông ta nghe đến đạo lý gì, thì cần phải hành động gì ? Cử chỉ hành động này cũng không phải là người bình thường nào cũng theo kịp. Chúng ta thấy trong thiên “Vi Tử” ghi chép Tử Lộ

(1) Xem thiên “Ung dã”, sách “Luận ngữ”.

gặp lão trượng quảy giỏ trên vai nơi đầu gậy, sau khi nghe lời giáo huấn của lão trượng, Tử Lộ cố nhiên là “chấp tay tỏ vẻ cung kính” ! Thực là trong cái thô cứng có cái tế nhị. Ngay cả Khổng Tử cũng nói về ông ta : “Trò Do với sức học đạo lý của mình, đã bước lên đến thềm rồi, nhưng chưa vào nhà đó thôi” (Tiên tẫn). Cách làm người của Tử Lộ có thể nói là ưu điểm nhiều mà khuyết điểm ít. Khổng Tử nhìn thấy khuyết điểm của ông ta, vì vậy có dịp là ông hạn chế ông ta ngay.

(Xem thiên “Công Dã Tráng”, sách “Luận ngữ”.

Có một lần Nhiễm Cầu nói : “Chẳng phải tôi không hăm mộ đạo lý của thầy. Nhưng tại vì sức của tôi không theo nổi”. Khổng Tử nói ngay : “Kẻ không đủ sức, đi được nửa đường thì bỏ. Còn người chẳng phải không đủ sức, tại người vạch sẵn mức đường, đến mức đó thì người chẳng bước tới nữa” (1). Từ ghi chép này, có thể nhìn thấy cá tính sợ sệt của Nhiễm Cầu. Khổng Tử nhìn thấy khuyết điểm của ông ta, vì vậy đối với căn bệnh này, ông tìm thuốc điều trị, hi vọng ông ta sẽ tiến lên !

HIẾU VỚI CHA MẸ VÀ KÍNH TRỌNG ANH EM — CÁI GỐC CỦA ĐIỀU “NHÂN”

“Hiếu” là hiếu thảo với cha mẹ. “Đễ” là tôn kính anh em. Nghĩa gốc của chữ “Đễ” là chỉ anh em. Sách “Dẫn thân” coi ý nghĩa của chữ “Đễ” là “Tôn kính anh em”. Về sau, ý nghĩa của “Dẫn thân” có một chữ chuyên dùng là “Đễ”. Chẳng qua trong sách cổ dùng rất nhiều “Đễ” là “Tôn kính anh em”. Hiếu thảo có thể bao hàm nghĩa anh em, có thể hiếu thảo tự nhiên là anh em; vì vậy chúng ta thường nói “Hiếu” mà không đề cập đến “Đễ”. Hiếu thảo là tinh thể văn minh tinh thần của người Trung Quốc, là gốc rễ của tất cả đức hạnh. Người xưa nói : “Lấy hiếu thảo để cai trị thiên hạ” (dĩ hiếu trị thiên hạ). “Bậc trung thần tất phải xuất phát từ con người có hiếu” (Trung thần tất xuất ư hiếu tử chi môn). Hiếu là cái đức cao nhất mà vua, tôi, kẻ sĩ và thứ dân đều phải đề cao và thi hành.

“Hữu Tử viết : “Kỳ vi nhân dã hiếu để nhi hiếu phạm thượng giả, tiện lữ ! Bất hiếu phạm thượng nhi hiếu tác giả loạn, vị chi hữu dã. Quân tử vụ bản, bản lập nhi đạo sinh, hiếu để dã giả, kỳ vi nhân chi bản dã” (Học nhi).

Ông Hữu Tử ⁽¹⁾ có nói rằng : “Một người có hiếu thảo với cha mẹ và tôn kính anh em mà ưa trái nghịch với bề trên, ưa gây ra những cuộc phản loạn, người như vậy là chưa từng có. Cho nên người quân tử chuyên chú vào cái gốc. Cái gốc được vững chắc, tự nhiên đạo lý từ đó bắt đầu mà sinh ra. Vậy làm người mà biết giữ gìn hiếu thảo với cha mẹ và tôn kính anh em, tức là biết nắm lấy cái gốc của điều “Nhân”.

Trình Tử nói : “Hiếu thảo với cha mẹ và tôn kính anh em, là thuận với đạo đức”. Một người có thể hiếu thảo với cha mẹ và cũng tôn kính anh em, tâm tư và tình cảm tự nhiên hoà thuận, tự nhiên không biết làm trái nghịch với bề trên, làm trái lẽ phải, gây ra những cuộc phản loạn và tình trạng tranh đấu. Trên chính trị không có loạn thần nghịch tử, thiên hạ sẽ tự nhiên thái bình. Cho nên cần thiên hạ thái bình tức là đề xướng con đường của hiếu thảo với cha mẹ và tôn kính anh em, nhà nhà đều hiếu thảo, tôn kính và người người hòa thuận.

(1) Hữu Tử, họ Hữu, tên Nhược, là học trò xuất sắc của Khổng Tử. Ông là người có tiếng hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính anh em. Trong “Lược ngữ” các học trò thường được gọi là “Tử” : Tử Lộ, Tử Cống, Hữu Tử...

“Mạnh Ý Tử vẫn hiếu. Tử viết : “Vô vi” Phàn Trì ngự, Tử cáo chi viết : “Mạnh Tôn vẫn hiếu vi ngã”. Ngã đối viết “vô vi”. Phàn Trì viết : “Hà vị dã”. Tử viết : “Sinh, sự chi dĩ lễ, tằng chi dĩ lễ, tế chi dĩ lễ” (Vi chính).

Mạnh Ý Tử ⁽¹⁾ hỏi Không Tử về đạo hiếu. Không Tử đáp lại rằng : “Làm con chớ nên trái ngược”. Phàn Trì ⁽²⁾ đánh xe ngựa đưa Không Tử đi. Không Tử nói với Phàn Trì rằng : “Mạnh Tôn có hỏi ta về đạo hiếu”. Ta đáp rằng : “Làm con chớ nên trái ngược”. Phàn Trì hỏi lại : “Như vậy nghĩa là gì ?” Không Tử đáp : “Hễ làm con, khi cha mẹ còn sống thì phải phụng sự cha mẹ cho có lễ, khi cha mẹ mất đi, cần phải chôn cất cho có lễ. Những khi cúng tế, cũng phải giữ đủ lễ cho thật nghiêm trang”.

Đạo hiếu tuy rất nhiều đầu mối, nhưng lấy điều thuận làm chính. Vì vậy “Chớ nên trái ngược” (vô vi) là cơ sở của tất cả hiếu thảo và đức hạnh. Có “chớ nên trái ngược” tự nhiên. Có thể theo điều thuận mà gần với cái chí, theo điều vui sướng mà gần với cái Tâm. Nhưng, việc của thiên hạ sẽ không phải nhất thành bất

(1) Mạnh Ý Tử, họ Trọng Tôn hay Mạnh Tôn, tên thật là Hà Ky, là quan đại phu của nước Lô. Mạnh Ý Tử hay làm nhiều điều trái ngược.

(2) Phàn Trì, họ Phàn tên Trì, học trò xuất sắc của Không Tử.

biến. Đạo lý tuy dễ nói, trái lại đến khi làm sự thì không phải việc gì cũng dễ.

Chúng ta hãy xem ghi chép của “Tả truyện” : Vua Tấn Hiến Công lập thái tử Thân Sinh, mà Trùng Nhĩ (tức Tấn Văn Công về sau) và Di Ngô đang chờ để làm thái tử. Có một lần nước Tấn đánh giặc Ly. Giặc Ly dâng Ly Cơ. Sau đó Ly Cơ sinh ra Hê Tề và bà được lập làm phu nhân. Nhưng Ly Cơ đã không vừa ý. Để củng cố địa vị của mình, bà hi vọng lập con trai của mình làm thái tử. Bà ta đã cấu kết với bọn tiểu nhân trong triều, dụ thuyết để Hiến Công khinh rẻ thái tử Thân Sinh, Trùng Nhĩ, Di Ngô. Bọn bè đều bị đuổi khỏi kinh thành phải đi đóng giữ ở những nơi xa xôi. Bà thường xuyên khiêu khích tình cảm giữa cha con họ. Để đạt được mục đích phế bỏ con trưởng lập con thứ, đưa Hê Tề lên làm thái tử, Ly Cơ đã cùng bọn tiểu nhân vạch ra mưu kế độc hại. Ly Cơ nói với Thân Sinh : “Nhà vua nằm thấy mẹ của anh, vì vậy anh nhất định phải đi cúng tế đi”. Khi đó mẹ của Thân Sinh đã qua đời. Thân Sinh lập tức trở về Địa Khúc Ốc, nơi có đặt miếu thờ để giữ lễ. Sau khi cúng lễ xong, đem thịt rượu cúng về kinh thành dâng cho thân phụ — Đây là lễ tiết của thời cổ đại. Không ngờ vua Hiến Công đi săn bắn. Tất cả điều này đều nằm trong sự sắp xếp của Ly Cơ.

Ly Cơ đem rượu thịt bày ra trong sáu ngày. Vua Hiến Công

trở về, Ly Cơ bỏ thuốc độc vào rồi bỏ đi. Vua Hiến Công dùng rượu thịt bày trên đất. Thần đất nổi lên nói : “Có thuốc độc ! Cho chó ăn chó chết rồi, cho tiểu thần ăn, tiểu thần cũng chết rồi !” Ly Cơ khóc và nói : “Mưu hại này do thái tử đấy !” Vua Hiến Công liền giết Đỗ Nguyên Khoản là thầy của Thân Sinh để đỡ tức giận. Thật oan cho Đỗ Nguyên Khoản. Có người khuyên thái tử :

— Thái tử phải đem chuyện này để nói với nhà vua rõ. Nhà vua nhất định sẽ điều tra sự thật.

Thân Sinh nói :

— Nhà vua nếu như mất Ly Cơ thì nhất định ăn không ngon ở không yên. Tôi đi nói với vua, bà ta nhất định có tội phải không ? Nhà vua đã già rồi có thể không phải !

— Thế thì phải chạy nhanh đi.

Thân Sinh nói tiếp :

— Phụ vương không hiểu rõ sự việc này, con sẽ gánh chịu tội danh giết cha, rồi bỏ chạy, ai sẽ tha thứ cho con ?

Tranh luận cũng không xong, chạy cũng không thoát. Thân Sinh đã treo cổ tự tử ở Khúc Ốc theo ý của phụ thân và Ly Cơ. Thân Sinh chết, Ly Cơ không còn lo sợ gì cả, lại còn nói : “Cả đám công tử đều biết chuyện này”. Mục đích là bà ta muốn đánh lạc hướng. Trùng Nhĩ và Di Ngô đã bỏ chạy. Hai mươi năm sau

Trùng Nhĩ trở về nước, lập lại cái uy của nước Tấn trở thành một trong “Xuân Thu ngũ bá” mà người đời sau gọi là Tấn Văn Công. Đối với sự kiện này, sử gia ghi một câu tuyệt bút : “Tấn hầu đã giết Thân Sinh thế tử của mình”. Để làm theo ý cha, Thân Sinh đã đem sinh mệnh của mình trả thù, nhưng ngược lại cha ông lại phạm vào tội danh giết con mình. Vì vậy, sử gia đời sau đều gọi Thân Sinh là “Cung thế tử” mà không lấy chữ “hiếu” dùng cho ông ta ! Khổng Tử nói “Gậy nhỏ thì chịu, gậy to thì chạy. Không hăm hại cha để phạm tội bất nghĩa”. (Khổng Tử gia ngữ). Cha dùng gậy nhỏ để đánh chúng ta, chúng ta bỏ chạy. Đánh chết rồi làm sao ? Câu chuyện này rất đáng để chúng ta suy nghĩ. “Hiếu” là gì ? Làm điều “Hiếu” như thế nào ? Nếu như chỉ cần “chớ nên trái ngược” tức là làm được điều Hiếu thì thiên hạ sẽ gặp rắc rối như chuyện này.

“Tử viết : “Sự phụ mẫu, cơ gián, kiến chí bất tòng hựu kính nhi bất vi, lao nhi bất oán” (Lý Nhân).

“Nghĩa là “Làm con thờ cha mẹ, nếu như ta thấy cha mẹ làm lỗi thì nên can ngăn một cách dịu ngọt. Nếu cha mẹ không thuận theo lời khuyên của mình thì mình vẫn một lòng cung kính và chẳng trái nghịch. Nếu như cha mẹ giận mà làm cho công việc cực khổ thì ta chớ đem lòng oán hờn”.

“Nhạc ký” trong “Lễ ký” có câu : “Nhạc, cái tình của nó

không thể biến đổi; Lễ, cái lý của nó không dễ chuyển lay. Cái thuyết Lễ Nhạc còn ở cái tình người vậy”. Trên thực tế, bất cứ việc gì cũng dựa vào lý, phù hợp với tình người mới là hợp lý. Đạo Hiếu tự nó không ngoài luật lệ đó. Lấy tình người để nói, thì đạo Hiếu lấy điều thuận làm đức. Nếu cha mẹ có chỗ nào không đúng, chúng ta vẫn dựa vào cái thuận mà theo, “chớ nên trái nghịch”, tức là hành vi không hợp lý. Từ những câu trả lời của Khổng Tử sau khi Nhan Uyên chết, Nhan Lộ xin thầy phá xe làm quách, chúng ta có thể biết được : Sự hợp tình hợp lý của Khổng Tử biểu hiện ở mọi việc ! Tuy Khổng Tử cho rằng Hiếu là “chớ nên trái nghịch” nhưng không phải là không phân biệt điều trái, lẽ phải, nhất nhất đều làm theo ! Dĩ nhiên không bằng lòng tất nhiên là phản đối. Phản đối cũng phải hợp tình hợp lý. Cha mẹ có điều không phải, nhưng cha mẹ là cha mẹ. Và không phải cha mẹ có chỗ không phải mà thay đổi. Đã như thế thì không thể lấy thái độ đối xử với kẻ thù, kẻ địch, với phạm nhân để đối xử với cha mẹ. Điều này không hợp tình. Chúng ta khuyên mà cha mẹ không nghe phải không ? Thì lia bỏ hay sao ? Sự việc bị hỏng thì vứt bỏ — Đây thật là không hợp lý. “Hiếu kinh” có nói rằng : “Cha có tranh giành với con, thì bản thân cha không phạm điều bất nghĩa. Cho nên làm điều bất nghĩa thì con không thể tranh giành với cha, bề tôi không thể tranh giành với vua. Cho nên khi làm điều bất nghĩa làm theo sự sai khiến của cha lại để tiếng là làm điều

hiếu vậy.

Tranh giành tức là can ngăn thẳng thắn, là dùng lời nói để khuyên ngăn. Quanh co không làm theo lời sai bảo của cha sẽ không được hiếu. “Một người phụng sự vua, trên thái độ cấp thiết thái quá, tức là biết tìm đến sự khinh lờn và làm nhục người ta. Một người quan hệ với bạn bè, trên thái độ khuyên ngăn thái quá thì sẽ bị xa lánh” (1)

Trên thái độ phụng sự vua và kết giao với bạn bè cố nhiên không thể khuyên ngăn mãi. Khuyên ngăn cha mẹ còn phải dùng lời lẽ uyển chuyển, dịu ngọt, chớ nên vội vã, nóng nảy làm tổn hại đến tình cảm cha con. Mạnh Tử nói : “Nhà vua đối xử với bề tôi như đất như cỏ, thì bề tôi cũng coi nhà vua như thù địch” (2).

Nhưng tình bạn không thể cưỡng ép, cưỡng ép cũng không được ! Cái gọi là hợp thì đến, không hợp thì đi. “Cha con bất đồng với nhau, quan hệ cha con không phải đăng lên báo thì giải quyết được”. “Nếu coi cha mẹ như kẻ thù thì càng là suy nghĩ của kẻ mọi rợ. Quan hệ cha con không được phép coi thường. Cha mẹ vẫn là cha mẹ, mà chúng ta có cách nhìn và lập trường của chúng ta để cầu toàn. Khổng Tử đã nói : “chớ nên trái nghịch”, lại nói : “Làm con thờ cha mẹ, nếu như chúng ta thấy cha mẹ làm lỗi thì

(1) Xem thiên “Lý Nhân” trong “Luận ngữ”.

(2) Xem thiên “Ly Lâu hạ” sách “Mạnh Tử”.

nên can ngăn một cách dịu ngọt”.

Rõ ràng Khổng Tử hy vọng hiếu thảo sẽ vì đạo lý là rất hợp tình hợp lý. Nếu như, vì làm theo lời dạy “chớ nên trái nghịch” mà thể hiện hành vi ngu dốt về hiếu thảo thì đó thực không phải là ý gốc của lời Khổng Tử nói. Chúng ta không thể không nói một câu : “Câu chuyện 24 điều Hiếu của thời cổ đại lưu truyền đến nay, trong đó tinh túy là sự chối lợi từ cổ đến kim, nhưng nếu như chúng ta biết câu chuyện mà quên mất tinh thần của nó, tức là bỏ đi cái gốc mà theo cái ngọn. Ví dụ như câu chuyện Vương Tường ngồi trên băng mà câu cá, tinh thần của nó rất có thể tiếp thu, nhưng việc đó gần với chuyện hoang đường. Nước có thể đẩy thuyền đi, nhưng có thể lập úp thuyền. Thuốc có thể trị người, cũng có thể giết người. Tri thức có thể giúp đỡ con người, nhưng cũng có thể hại người — Nếu như chúng ta không vận dụng một cách cẩn thận !

“Tăng Tử hữu tật, triệu môn đệ tử, viết : “Khải dư túc ! Khải dư thư !” Thi vân : “Chiến chiến canh canh như lâm thâm uyên, như lý bạc băng” Nhi kim nhi hận, ngô tri miễn phù ! Tiểu tử” (Thái Bá).

“Tăng Tử bị bệnh nặng, bèn cho mời các học trò của ông đến và dạy rằng : “Hãy đỡ chân ta ra xem ! Hãy đỡ tay ta ra xem ! Trong “Kinh Thi” có câu : “Phải nơm nớp, chăm chăm như

đi xuống vực sâu, như đi trên băng mỏng”. Từ đây về sau, ta mới biết rằng ta giữ được thân ta khỏi điều hư hỏng, tàn tật đó các trò”.

“Mạnh Vũ Bá vấn hiếu. Tử viết “Phụ mẫu duy kỳ tật chi ưu” (Vi chính).

“Vũ Mạnh Bá ⁽¹⁾ hỏi về đạo Hiếu; Khổng Tử đáp rằng :
“Làm cha mẹ chỉ lo sợ cho con mang bệnh tật mà thôi”

Chương “Khai tông minh nghĩa”, sách “Hiếu Kinh” có câu :
“Thân thể phát phù lên thì cha mẹ phải chịu không dám phá hủy vết thương. Đạo hiếu bắt đầu vậy. Lập thân phải thi hành đạo lý, để tiếng cho đời sau, lấy vinh hiển ở cha mẹ, đạo hiếu cuối cùng vậy”

Việc làm thơ của nhà thơ đời Đường Lý Hạ (790-816) rất đặc biệt. Tương truyền mỗi sáng tinh mơ ông cưỡi con ngựa yếu ra đi, sai đứa nhỏ đeo túi gấm ở sau lưng đi theo. Nếu như ông làm được một câu hoặc nửa câu thơ, thì ông viết ném vào trong túi đó. Đến buổi chiều trở về nhà, mới phân biệt thành bài, thành chương. Cách sống này, trừ khi quá say hoặc khi chết đi, chứ không hề bị gián đoạn. Mỗi lần ông về đến nhà, mẹ của ông là

(1) Mạnh Vũ Bá, tên là Trệ, là con của Mạnh Ý Tử. Mạnh Vũ Bá tính cần cù, không thận trọng lấy thân, cho nên khi ông hỏi về đạo Hiếu, Khổng Tử dạy nên giữ gìn thân mình để khỏi làm buồn cha mẹ.

Trịnh phu nhân sai người kiểm tra trong túi gấm thì thấy rất nhiều thơ. Bà vừa tức giận, vừa thương và nói : “Con muốn nôn ra từ trong lòng khi đó mới chịu nghĩ sáng tác”. Có người nói tất cả văn học mà ta yêu đều lấy từ những cuốn sách bằng máu ! Mỗi một tác phẩm nghệ thuật, như các tác giả nói thì đều là kết quả của lòng giận máu sôi. “Làm cha mẹ chỉ lo sợ con cái mang bệnh tật mà thôi”. Bài “Khải phong” trong “Bội phong” của “Kinh Thi” như sau :

*Gió nam từ phương Nam thổi tới,
Lòng khóm gai phơi phới thổi qua.
Ngon gai tươi tốt nồn nà,
Riêng lòng mẹ chịu xót xa nhọc nhằn*

*Gió nam từ phương Nam đưa lại
Thổi lùa vào trong mấy cành gai.
Mẹ ta hiền sáng trên đời.
Còn ta con cái chẳng người giỏi ngoan.*

*Nước suối lạnh một dòng tuôn chảy
Dưới tuần đều nhờ đấy tốt tươi.
Mẹ ta con có bấy người
Thế mà phải chịu một đời khổ đau.*

*Chim hoàng ly véo von giọng hát
Đem tiếng ca lãnh lót hòa vui.
Chúng ta có cả bấy người
Mà không an ủi mẹ với lòng sầu.*

(Tạ Quang Phát dịch thơ)

Mầm cây táo non tơ mềm mại, lớn lên thành cây táo vững chãi, chắc chắn. Cha mẹ đã đổ vào đó biết bao công lao đau khổ. Lúc nhỏ, nếu như chúng ta không vừa ý, chúng ta chỉ cần mở miệng ra và khóc — khóc thật to. Mẹ dỗ không nín thì ôm con chạy đi. Người mẹ vừa thương, vừa cười, vừa ôm con vào lòng. Khát nước, đói ăn, ướt át... Bình nước, bình sữa, nước tiểu... Một đứa trẻ con — người mẹ phải vì con mà rửa biết bao nhiêu nước tiểu, tiêu độc bao nhiêu bình nước. Thân thể được khỏe mạnh, đầu óc linh hoạt, thì người mẹ hao tổn biết bao công sức, chịu biết bao nỗi lo sợ. Nếu người mẹ không chú ý, thì con trẻ có thể đem bàn tay nhỏ dùi cắm vào đầu, con trẻ có thể làm mực là nước hoa quả, chúng có thể làm đổ bể ấm nước, các em có thể... Cha mẹ mang đến cho chúng ta sinh mạng, làm cho cuộc sống của chúng ta thêm vững vàng. Chúng ta không nỡ lòng, cũng không có quyền làm tổn hại đến sinh mạng. Nếu chúng ta yêu mến cha mẹ thì bắt đầu giữ gìn từ tình yêu thân thể mình. Đương nhiên con người ăn ngũ cốc pha tạp, tất nhiên sẽ bị nhiều bệnh tật, đó cũng là điều khó tránh. Chẳng may chúng ta tự mình gây ra tai vạ, bạo ăn bạo uống, suốt ngày đêm rong chơi, đều không phải là con đường đúng của cuộc sống. Tâm trí và sức lực của cha mẹ dồn nén trên thân thể của chúng ta, thật là vô cùng vô tận, đến khi chết mà thôi. Nếu như mọi việc chúng ta đều tự mình làm tốt, thì cha mẹ cũng ít lao tâm khổ tứ.

“Tử Du vấn hiếu. Tử viết : “Kim chi hiếu dã, thị vị năng dưỡng. Chí ư khuyến mã, giai năng hữu dưỡng, bất kính, hà dĩ diệt hồ !” (Vi chính).

“Tử Du ⁽¹⁾ hỏi về đạo hiếu. Khổng Tử nói rằng : “Đời nay, hễ ai nuôi được cha mẹ, thì người ta khen là người có hiếu. Nhưng những con thú như chó, ngựa, người ta cũng nuôi được vậy. Cho nên nuôi cha mẹ mà chẳng kính trọng thì có khác gì nuôi thú vật đâu ?”

“Tử Hạ vấn Hiếu. Tử viết “Sắc nan ! Hữu sự, đệ tử phục kỳ lao, hữu tửu thực, tiên sinh soạn : Tâng thị dĩ vi hiếu hồ” (Vi chính).

“Tử Hạ ⁽²⁾ hỏi về đạo Hiếu. Khổng Tử đáp rằng : “Làm con đối với cha mẹ lúc nào cũng tỏ vẻ hòa vui, giữ được như vậy mới khó, mới đáng gọi là hiếu. Chớ cha, anh có việc mà mình chịu khó giúp đỡ, cũng là mình có đồ ngon với rượu quý mời cha, anh đến thết đãi. Làm những việc ấy há gọi là hiếu sao ?”

Chúng ta thường cảm thấy vật chất không thể thay thế tất cả. Tình cảm mới là quan trọng nhất. Bạn nhớ gửi một tấm danh

(1) Tử Du, họ Ngôn, tên Yên, là học trò xuất sắc của Khổng Tử. Ông chỉ biết nuôi cha mẹ mà chẳng biết kính trọng, nên Khổng Tử mới dạy những lời này.

(2) Tử Hạ, học trò xuất sắc của Khổng Tử. Tử Hạ hay phụ giúp và thết đãi cha mẹ, nhưng hay tỏ ra tức giận. Cho nên Khổng Tử mới dạy vậy.

thiếp cho người chiến sĩ ở ngoài tiền phương. Cuối năm, học trò gửi một bó hoa tươi tặng thầy cô giáo. Lễ vật tuy nhỏ, nhưng trái lại cái tình rất lớn. Hiếu thảo với cha mẹ, không phải là đặc quyền của gia đình giàu có mà trên thực tế “Từ cửa nhà nghèo ra đời những đứa con có hiếu” (Hàn môn xuất hiếu tử). Chúng ta cần tận dụng hết sức mạnh của mình để phụng thờ cha mẹ, đó tức là đạo Hiếu. Tuy là cơm canh đạm bạc, tuy là nhà nhỏ ngõ hẹp, chỉ cần hòa thuận tôn kính bề trên, hiếu thảo, sẽ là thơm ngọt, sẽ thấy thoải mái. Ngày Quốc tế phụ nữ 8 tháng 3 bạn nữ sinh nhỏ dâng một bức tranh nhi đồng, hát một bài hát : “Ánh mắt của mẹ giống những vì sao”.

Ôi ! Thật là quý. Thiên “Diêm thiết luận hiếu dưỡng” có nói : “Đạo hiếu trên hết là nuôi dưỡng ý chí, thứ đến là nuôi dưỡng niềm vui và sau cùng là nuôi dưỡng thân thể”. Nuôi dưỡng ý chí không phải một lúc, một phút mà là cả đời, hết năm này đến năm khác, mọi lúc mọi giờ. Cho nên không lấy làm lạ khi Khổng Tử nói : “Làm con đối với cha mẹ lúc nào cũng tỏ vẻ hòa vui, giữ được như vậy mới khó”. Chẳng qua chúng ta cần ghi nhớ : Đối với người đang đói, không thể nói “Ăn đi ! Cơm đây !” hướng hồ gì cha mẹ đã sinh ra bản thân mình.

“Tăng Tử viết : “Thận chung truy viễn, dân đức qui hậu hĩ” (Học nhi).

Tăng Tử nói rằng : “Như người ở ngôi trên mà thận trọng trong cuộc tang lễ đối với cha mẹ khi mãn phần và lo tế tự tổ tiên các đời trước, thì ở dưới dân cảm hóa cái đức dày của mình mà quay về đạo hiếu”.

Đạo hiếu có nhiều đầu mối. Chúng ta cần phải hết lòng với hiếu. Chúng ta có thể làm từ rất nhiều mặt. Ví dụ như tuổi tác của cha mẹ thì không thể không biết. Một mặt chúng ta vì tuổi tác của cha mẹ tăng lên mà phấn khởi, mặt khác cũng vì bản thân cha mẹ già yếu mà lo lắng ⁽¹⁾.

Ví như, lúc cha mẹ còn sống, không được đi chơi ở những nơi xa. Nếu như đi chơi xa, thì phải cố phương hướng nhất định ⁽²⁾.

Không có một người con cái nào không mong cha mẹ mình mãi cùng sống chung với mình. Họ thấy tuổi tác của cha mẹ mình càng tăng tự nhiên phấn khởi, nhưng nghĩ lại, tuổi tác tăng thì người cũng trở nên già yếu, trong lòng tự nhiên sợ hãi, sợ hãi rằng những ngày sống chung với cha mẹ chẳng còn là bao. Hiện tại, con người có loại khuyết điểm chung này, thiếu cái gì, hy vọng cái gì, ngay cả những điều có trước mắt không biết quý tiếc.

(1) Trong thiên “Lý Nhân”, Khổng Tử có nói : “Làm con phải biết tuổi của cha mẹ. Nhớ biết như vậy, một là để vui mừng cha mẹ sống lâu, hai là để lo sợ cho cha mẹ già yếu.

(2) Trong thiên “Lý Nhân”, sách “Luận ngữ”

Người có bệnh thì mong được khỏe mạnh, người không có cha mẹ thì khát khao có sự quan tâm tình cảm thân tình. Nhưng người khỏe mạnh không biết giữ gìn thân thể. Người còn cha mẹ trước mắt mà không biết hưởng niềm vui, thậm chí còn ngỗ ngược, hỗn láo, làm đau lòng mẹ cha. Mọi người nhận được sự giáo huấn từ lịch sử không nhiều, vì vậy lịch sử thường tái diễn lại. Lời cảnh tỉnh “Cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng, con muốn phụng dưỡng mà cha mẹ chẳng đợi” không có thức tỉnh được bao nhiêu lòng người. Vì vậy cha mẹ tức giận. Chúng ta tĩnh tâm suy nghĩ, người sống ở đời, không có cái gì không làm được. Sự khốn nhiều của “gần không coi là con cháu, xa thì trở nên oán giận” cũng thường có. Phải không ? Chúng ta đối với con người rất gần gũi và thân thiết thì người khác nói chúng ta giả dối, thậm chí nói chúng ta muốn chiếm cái lợi của người ta. Tương đối xa lánh, người khác nói chúng ta làm bộ làm tịch, có cái gì cũng không dám làm ! Trên thực tế, con cái cần phải tận lòng hiếu thảo. Cha mẹ cũng phải để cho con cái mãn nguyện.

Có câu chuyện : “Tiếng cười cõi lừa” rất có ý nghĩa : “Có hai anh em dắt một con lừa đi trên phố. Anh thì cưới con lừa, còn em thì chạy bộ. Người bên đường nhìn thấy mới giải thích : người anh này không thương yêu em. Thế là em được cưới lừa, còn anh thì đi bộ. Lại có người nói : “Em không hiểu rõ lý do vì sao không

nhường cho anh cưới lừa nhỉ ? Sau đó cả hai anh em đều cưới lên con lừa mà đi. Người khác lại nói hai anh em ngược đãi con lừa. Cuối cùng thì cả hai đều không cưới con lừa. Người khác lại chê có lừa mà không cưới là ngu”. Chúng ta phải nói rằng : Làm sao mà hiểu cho hết ý của con người, nhưng cầu mong nhất là không sợ ở tấm lòng.

Ném một viên đá xuống dưới hồ nước, lập tức gây nên một trận dao động của nước. Chúng ta có thể nhìn thấy do những đợt sóng lan ra. Giống như thế giữa người và người ăn ở với nhau, có người yêu kẻ ghét, người thích kẻ không ưa. Do đó chúng ta cần phải tự mình trói buộc lấy mình. Chúng ta không mong gì lời khen của người khác, nhưng chúng ta cần phải tự mình tìm thấy nhu cầu cho mình. Chúng ta không thể, cũng không có cách nào cầu xin người khác. Có cha mẹ, mới gọi là con cái. Có con cái giống như thế mới gọi là cha mẹ của mình. Đây là quan hệ tương đối mà không phải là tuyệt đối. Đạo lý mà Mặc Tử đã từng nói rất rõ.

“Con cái tự mình yêu hay không yêu cha, cho nên có lỗi với cha mà tự mình có lợi. Em tự mình yêu hay không yêu anh, cho nên có lỗi với anh mà tự mình có lợi. Bề tôi tự mình yêu hay không yêu vua, có lỗi với vua mà tự mình có lợi. Cái đó gọi là loạn vậy. Tuy cha không yêu thương con, anh không yêu thương em,

vua không yêu bề tôi, từ đó thiên hạ cũng gọi là loạn vậy. Cha tự mình yêu lấy mình hơn là yêu thương con cái cho nên có lỗi với con mà tự mình có lợi, anh tự mình yêu lấy mình không bằng thương yêu em, cho nên có lỗi với em mà tự mình có lợi, vua tự yêu lấy mình không bằng thương yêu bề tôi, cho nên có lỗi với bề tôi mà mình có lợi là như thế nào ? Đều là không thương yêu nhau". (Kiêm ái thượng).

Lời nói này của Mặc Tử, mới đọc lần đầu không tránh khỏi cảm giác mệt mỏi, khó hiểu. Nhưng Mặc Tử sở dĩ không muốn dùng từ phiền phức, từ chỗ của con, em và bề tôi để nói, không phải cường điệu bên ngoài mà là quan hệ giữa người với người. Do làm con, làm em, làm bề tôi ở sự tư riêng mình mà có lỗi với cha, có lỗi với anh, có lỗi với vua. Đó là cái loạn của thiên hạ. Cũng giống như vậy, do kẻ làm cha, làm anh, làm vua vì tự tư tự lợi mà có lỗi với con, có lỗi với em, có lỗi với bề tôi. Đây cũng là cái loạn của thiên hạ. Thế thì cái loạn của thiên hạ chẳng phải là do con người làm tư lợi cho mình mà dẫn đến sự tổn hại cho người khác, vì cái lợi của riêng mình mà không bao dung lẫn nhau ư ? Chỉ cần người với người yêu thương nhau như yêu thương chính bản thân mình, thì vua tôi, cha con, anh em đều có cả ở trong đó, không một ngoại lệ nào ! Tinh thần "kiêm ái" này với "phiếm ái" của Khổng Tử và "bác ái" của đạo Cơ đốc chẳng khác gì nhau.

“Tà truyện” có ghi chép câu chuyện anh em Trang Công đánh nhau. Đây là một ví dụ rõ ràng. Việc của thiên hạ không ngoài hai chữ “Tình” và “Lý”. Mỗi người nhận thức cho hết góc độ và bốn phận của mình. Giống như cha mẹ có trách nhiệm của cha mẹ, con cái có bốn phận của con cái. Không đổ kỵ và không tham cầu, cố nhiên là làm cha làm mẹ không thể không muốn cho con cái một tí gì cũng phải theo mình, nhưng trên thực tế mong cũng được. Làm con cần phải “Hiếu” với cha mẹ. Tất cả đều bắt đầu ở “Tình” và hợp ở “Lý”. Xã hội tự nhiên sẽ hài hòa và thiên hạ tự nhiên thái bình.

ĐIỀU “NHÂN”— GẠT BỎ DỤC VỌNG, NÉN MÌNH, THỰC HÀNH THEO ĐÚNG LỄ

Sách “Thuyết văn” nói : “Nhân, có nghĩa là “Thân” vậy. Theo hai người”. Ở thiên “Lương Huệ Vương hạ”, sách “Mạnh Tử” nói : “Nhân tức là người vậy”. Thế thì “điều Nhân nên là đạo lý của con người; mà hai người cùng với nhau, thì tự nhiên sẽ sản sinh ra vấn đề giữa cái nọ và cái kia. Quan hệ giữa người và người từ đó mà phát sinh. “Nhân”, tức là duy trì quan hệ giữa người và người, vì vậy, “theo hai người một người ở độc lập, thì tự nhiên không có cái gọi là quan hệ giữa người và người. Giữa người và người ăn ở được với nhau là việc rất khó, là vấn đề rất phiền phức. Vì thế chữ “Nhân” trong tư tưởng của Khổng Tử là một bộ phận có giá trị nhất.

“Tử viết, lý, nhân vi mỹ; trạch bất xử nhân, yên nhi đắc tri ?” (Lý nhân)

“Khổng Tử nói rằng : “Xóm ở ⁽¹⁾ có nhân hậu là xóm tốt. Người nào chọn chỗ ở mà chẳng ở xóm có nhân hậu thì sao gọi là người có trí được.

Thiên “Ly Lâu thượng”, sách Mạnh Tử có nói : “Nhân, tức là nơi ở yên của con người” (Nhân, nhân chi an trạch dã).

Một con người làm người cần phải dựa vào điều nhân mà thi hành. Người thi hành điều nhân là làm người có nhân. Lấy cái đạo lý của điều Nhân để mà thi hành chính sự, tức là Nhân chính. “Vua thi hành nhân chính, thì dân mới gần gũi kẻ bề trên, đến chết mới thôi vậy” (Mạnh Tử — Lương Huệ Vương thượng). Điều Nhân, là đạo lý mà khắp bốn biển đều lấy làm chuẩn mực. Cái đạo của điều Nhân thật lớn ! Cái gì là điều “Nhân” ?

“Nhan Uyên vấn nhân. Tử viết : “Khắc kỷ phục lễ vi nhân. Nhất nhật khắc kỷ phục lễ, thiên hạ qui nhân yên. Vi nhân do kỷ, nhi do nhân hờ tai ? Nhan Uyên viết : “Thỉnh vấn kỳ mục”. Tử viết : “Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động”. Nhan Uyên viết : “Hồi tuy bất mãn, thỉnh sư tư ngữ hĩ” (Nhan Uyên)

“Nhan Uyên hỏi về điều Nhân. Khổng Tử đáp rằng : “Gạt bỏ dục vọng, nén mình, thực hành theo đúng Lễ, tức là làm điều

(1) Một xóm có 25 nhà thì gọi là Lý — lý nhân có nghĩa là xóm ở có phong tục nhân hậu. Người có trí thức, có đạo đức, nên chọn nơi đó mà ở.

Nhân. Hằng ngày cố nén mình, gạt bỏ dục vọng xấu xa, làm cho mọi lời nói và hành động của mình đều phù hợp với Lễ, thiên hạ sẽ công nhận mình là người có đức Nhân. Làm điều Nhân là do mình chứ đâu phải là do người khác ?” Nhan Uyên nói : “Xin hỏi (sâu vào) chi tiết của điều thầy vừa nói ?”. Khổng Tử đáp : “Những cái gì trái với Lễ, chớ có nhìn, những cái gì trái với Lễ, chớ có nghe, những cái gì trái với Lễ, chớ có nói, những cái gì trái với Lễ, chớ có làm”. Nhan Uyên nói : “Nhan Hời này tuy ngu đần, xin tuân theo lời dạy bảo ấy”.

Điều Lễ là chính đạo mà mọi người nên thi hành. Chẳng qua có lúc do sự xao động của tình cảm mà đi trái ngược chính đạo, tức là trái ngược với điều Lễ. Một người có thể tự khống chế tình cảm của mình, tránh đi hành vi sai trái mà phát sinh sự việc trái ngược với điều Lễ; đó tức là gạt bỏ dục vọng, cố nén mình, thực hành theo đúng Lễ, cũng tức là điều Nhân. Kẻ thù lớn nhất của con người chúng ta, không phải là người khác mà trái lại là bản thân của chúng ta. Một người vấp ngã, không chịu bò dậy, người khác đỡ lên không được, thì tự mình đỡ lên, cũng khó giữ mình không vấp ngã nữa. Thiên “Thương quân liệt truyện” của sách “Sử ký” có nói : “Tự chiến thắng được mình mới gọi là sức mạnh”. Lời nói này rất hay. “Không có sức mạnh bên ngoài có thể đánh ngã chúng ta — nếu như chúng ta tự lập tự cường !”

“Một vị nguyên soái thống lĩnh ba quân, người ta còn bắt được; chứ chí khí của một kẻ tầm thường thì không ai đoạt nổi” (thiên “Tử Hân”, sách “Luận ngữ”). Tức là làm một người bình thường, chỉ cần ý chí kiên định. Tất nhiên con người chịu nén khí giữa trời đất, có lúc khó tránh khỏi tình cảm tức giận, không kìm hãm được mình; Có lúc lại không chịu nén mình trước tính tự nhiên, so sánh như thế để tránh tội ác. Nếu như chúng ta không thể nén mình, thì việc gì cũng làm không nên. Con người cần phải tự mình kiềm chế, cần phải nén mình, cần phải tự thắng lấy mình để được sự “gắng gượng” cho mình. (Trong tiếng Nhật, ý nghĩa của từ học tập, cố gắng và nỗ lực, thì chữ Hán đều viết là “Gắng gượng”) nếu như chúng ta không thể “gắng gượng” mình, thì làm cái gì cũng không thành công. Bởi vì chúng ta hay tìm cách vịn cứ rất dễ dàng : khí trời không tốt, sức khỏe không thích hợp, tình cảm không được đẹp... Nhiều lắm ! Chúng ta cần phải tùy theo từng lúc mà ghi nhớ : Người đàn ông chân chính không phải là người thô lỗ, ngang bướng mà lúc nào tự mình cũng tỉnh táo, tự mình kiềm chế, tự mình cố gắng. Không Tử đã nói với Nhan Hồi rằng : “Làm điều Nhân là do mình, chứ đâu phải là do người khác”. Chúng ta cảm thấy con người thường mắc phải một căn bệnh : rất coi trọng việc đánh giá người khác mà thiếu sự soi xét bản thân mình. (Người xưa nói : biết địch, biết ta, trăm trận trăm thắng ! Một người không tự biết rõ về mình, làm thế nào nắm

chắc lẽ sống ở đời ?). Nhiều khi say sưa trong thanh danh mà tự đánh mất mình.

Nhan Uyên là người tư chất cao nhất trong số học trò của Khổng Tử.

Điều Nhân là đức hạnh cao nhất trong con mắt của Khổng Tử ⁽¹⁾. Nhan Uyên hỏi về điều Nhân, Khổng Tử nói với ông ta rằng : “Những cái gì trái với Lễ, chớ có nhìn, những cái gì trái với Lễ, chớ có nghe, những cái gì trái với Lễ, chớ có nói, những cái gì trái với Lễ, chớ có làm”. Nhìn, nghe, nói và làm đều là hành động của mỗi người thường ngày. Một học trò có tư chất rất cao hỏi về điều đức hạnh rất cao, Khổng Tử trái lại chỉ nói cho anh ta bốn câu đơn giản. Đây là một việc đáng kinh ngạc ! Từ đây, chúng ta có thể hiểu rằng : Bậc thánh nhân dạy người bằng cách dưỡng tâm và dưỡng đức hạnh, chỉ nỗ lực trên hành vi thường ngày, tất cả lẳng lặng và chịu khó mà làm. Giữa công việc đó không có đạo lý cao siêu hoặc huyền diệu mà không đạt tới. Cái gọi là “chớ có nhìn, chớ có nghe, chớ có nói và chớ có làm” chỉ là yêu cầu mọi người lúc nào cũng chú ý đến việc làm hằng ngày của mình mà không hề có chút câu thả, có chút hồ đồ. Đây là công việc chân chính của “Làm điều Nhân là do mình”. Nếu như chúng ta “Không bao giờ lia bỏ điều Nhân, dẫu cho trong khoảng

(1) Xem thiên “Công Dã Tráng”, sách “Luận ngữ”.

thời gian một bữa ăn; không bao giờ ở trái điều Nhân, dẫu cho trong lúc vội vàng; trong lúc điên đảo, người cũng ở theo điều Nhân”⁽¹⁾. Thế thì điều Nhân không phải là cái gì cao siêu không đạt tới, không phải là điều mà người bình thường không làm được. Nếu như chúng ta cần điều Nhân, thế thì điều Nhân đã đến⁽²⁾. Đạo lý của Thánh nhân nhìn hình như cao xa, nhưng thực ra là bình thường, có thể thực hiện được. Trên thực tế, đạo lý tốt đẹp nhất trên thế giới đều rất dễ hiểu và rất dễ thực hành. Đạo lý này giảng ra, nếu như người bên cạnh nghe không hiểu, thì người nói đó, không phải lừa dối được người khác, mà là đã lừa dối mình.

“Trọng Cung vấn nhân. Tử viết : “Xuất môn như kiến đại tân, sử dân như thừa đại tể. Tại bang vô oán, tại gia vô oán”. Trọng Cung viết : “Ung tuy bất mãn thỉnh sự tư ngữ lữ” (Nhân Uyên)

“Trọng Cung hỏi về đức Nhân. Khổng Tử đáp rằng : “Khi ra khỏi nhà, mình phải giữ cho thật nghiêm trang, kính cẩn như sắp gặp được khách quý; khi sai dân làm việc công, mình sốt sắng, thận trọng như thừa hành một việc cúng tế lớn. Trong nước chẳng có ai oán mình. Ở nhà chẳng có ai ghét mình. Đó là đức hạnh của người có đức Nhân”. Trọng Cung thưa rằng : “Trong

(1) Xem thiên “Lý nhân”, sách “Luận ngữ”.

(2) Xem thiên “Thuật nhi”, sách “Luận ngữ”.

này tuy chẳng minh mẫn, nhưng cũng xin làm theo mấy lời mà thầy mới vừa dạy”.

“Tử viết : “Sâm hồ ! Ngô đạo nhất dĩ quán chi”. Tăng Tử viết : “Duy”. Tử xuất, môn nhân vấn viết : “Hà vi dã ?”. Tăng Tử viết : “Phu Tử chi đạo, trung thứ nhi dã lữ” (Lý nhân)

“Khổng Tử gọi tên thật của Tăng Tử mà nói rằng : “Sâm ới ! Cái đạo của ta là do nói một lẽ mà thông suốt tất cả”. Tăng Tử đáp : “Dạ”. Khổng Tử đi ra, các học trò hỏi Tăng Tử rằng : “Thầy dạy như vậy là nghĩa gì ?” Tăng Tử đáp : “Đạo của thầy, chỉ gom vào hai cái đức trung và thứ mà thôi”.

“Tử Cống vấn viết “Hữu nhất ngôn nhi khả dĩ chung thân hành chi giả hồ ?” Tử viết : “Kỳ thứ hồ ! Kỳ sở bất dục, vật thi ư nhân” (Vệ Linh Công)

“Tử Cống hỏi rằng : “Có một chữ nào mà trọn đời, mình có thể làm theo chẳng ? Khổng Tử đáp : “Có chữ “Thứ” ⁽¹⁾ Nghĩa là : Việc mình không muốn chớ làm cho người khác.

“Tử Cống viết : “Ngã bất dục nhân chi gia chư ngã dã, ngô diệc dục ngô gia chư nhân”. Tử viết : “Tứ dã, phi nhi sở cập dã” (Công Dã Tràng).

“Tử Cống nói rằng : “Ta không muốn việc của người khác

(1) Chữ “Thứ” nghĩa là mình thương yêu.

gia cho ta, thì ta cũng không muốn gia cho người khác". Không Tử gọi tên thật của Tử Cống mà nói rằng : "Này Tử, người chưa tới mức đó đâu !".

Những lời giáo huấn thường ngày của Không Tử đối với học trò rất nhiều; vì vậy, ông đặc biệt lấy "cái đạo của ta là do nói một lẽ mà thông suốt tất cả" để chỉ rõ nội dung. Đạo, vốn để chỉ con đường đi, rồi dẫn tới việc giảng giải đạo lý. Nghìn lời vạn tiếng vẫn qui về một chữ : "Thứ" ! Chữ "Thứ" này nằm trong đạo lý của Thánh nhân từ xưa đến nay dạy người làm người — Một chữ đáng quý nhất. Vì vậy, Tử Cống hỏi : "Có một chữ nào mà trọn đời, mình có thể làm theo chẳng ?" Không Tử đáp rằng : "Có chữ "Thứ". "Thứ" là điều mình không muốn, đừng có áp dụng cho người khác. Cũng tức là cái mà "Lễ ký" và "Trung dung" gọi "Áp dụng cho mình mà không muốn, cũng đừng áp dụng cho người khác". Và "Trung thứ" của Tăng Tử nói với chữ "Thứ" mà Không Tử nói ý nghĩa hoàn toàn giống nhau.

Triết học gia Tây Phương nói : "Mọi người đều được tự do, nhưng tự do của người khác là có giới hạn". Ví như : Chúng ta có sự tự do giữ gìn thân thể. Chúng ta không cần mong đến sự thương hại của người khác. Chúng ta cũng không thể thương hại thân thể của người khác. Chúng ta có tự do thông tin bí mật, không mong người khác xem lén thư từ của chúng ta. Chúng ta

tự nhiên không thể xem lại thư từ của người khác. Chúng ta không mong bị lừa gạt, thì chúng ta cũng không thể lừa gạt người khác. Chúng ta không thích bị người khác đánh, bị người khác chửi mắng thì chúng ta cũng không thể đánh người khác và chửi mắng người khác. Chúng ta chỉ cần đem lòng so với lòng, đem việc người khác làm để mình xem, tức là có thể làm được “Thứ”. Lời này dễ nói, còn làm có thể không dễ ! Chữ “Tu” của chúng ta viết hiện nay ở “Thuyết văn” viết là “Tu”.

Đây là hình dáng của con tim (Tâm) chúng ta. Có thể nhìn thấy người cô đại đã nhận thức một sự thực : Sự riêng tư của lòng người ! Dĩ nhiên con người đều có lòng riêng tư, phải làm đến nơi vì người khác mà nghĩ đến ! Đồng thời nghĩ đến cái tốt, xấu của mình cũng có thể nghĩ đến sự tiếp thu của người khác. Điều này sẽ không dễ dàng ! Ví như : Chúng ta chờ xe mà không có xe, mong xe dừng lại, mong để được đi ! Nhưng khi lên được xe, chúng ta lại tức giận vì xe không chạy thẳng — Đến trạm, ta cần xuống xe, xe lại không dừng.

“Phía sau còn chỗ trống ! Chen lấn quá !”

Xuống xe rồi còn nói : “Còn lên nữa ! Còn lên nữa ! Chen lấn chết người rồi !”

Lên xe rồi còn nói : “Chen lấn, xuống xe đi ! Dưới xe còn

biết bao nhiêu người, nhường chỗ đi !”

Cô điều khiển xe có thể nói công khai — nếu như cô là người điều khiển xe hết trách nhiệm. Con người do không thể kiềm chế được mình, vì vậy bộc lộ sự tự tư tự lợi. Do đó, nhìn thấy việc “nén mình, gạt bỏ dục vọng xấu xa” thực tế là một loại phương pháp thực hành đạo “Thứ”. Chúng ta cần kiềm chế lòng tư riêng, sự thèm muốn của riêng mình, mới có thể làm được “Việc gì mình không muốn, chớ làm cho người”.

Đây tự nhiên không phải là việc giản đơn, mà cần có sự tu dưỡng đức hạnh tương đối mới có thể làm được. Mà một người có thể làm được “Thứ”, thì tự nhiên cũng sẽ làm được đức “Nhân”. Nói đến đây, chúng ta cũng cho phép có thể hiểu được nguyên nhân Khổng Tử rất ít lấy “Nhân” hiển cho con người.

Chúng ta nói : “Việc gì mình không muốn, chớ làm cho người”. Nếu như chúng ta nói : “Lấy việc mình muốn, làm cho người” là có thể được không nhỉ ? Ví như, tôi thích uống rượu, sẽ bắt ép người khác cũng uống. Tôi thích hút thuốc, cũng bắt ép người khác chịu sự hăm đốt. Tôi thích đánh bài, người khác sẽ phải hầu hạ. Việc này có nên không ? Tất nhiên là không nên. Vì sở thích của một người, dù là chính đáng, thì người khác cũng chưa chắc cảm thấy hứng thú. Chúng ta thích đánh đàn, nhưng người khác có thể cho rằng đó là âm thanh ồn ào ! Chúng ta

thích nuôi chó mèo, nhưng người khác có thể cho đó là nguyên nhân lây bệnh truyền nhiễm ! Nếu như chúng ta hoàn toàn lấy thước đo của mình để đo người khác, thì xuất phát điểm của chúng ta tuy tốt, nhưng kết quả mỗi cái có thể vô ích hoặc có hại.

Thiên “Lương Huệ Vương thượng”, sách “Mạnh Tử” có nói : “Mạnh Tử nói : “Kinh Thi” dạy rằng : “Hình phạt ở người vợ kém đạo đức, ảnh hưởng đến cả anh em và chế ngự cả nước nhà”. Mạnh Tử nói thêm rằng : “Cho nên, thúc đẩy cái ân đức đủ để giữ gìn khắp nơi, không thúc đẩy cái ân đức thì không lấy gì để giữ gìn vợ con. Vì vậy, người xưa giới thúc đẩy việc làm mà thôi vậy”. Cái gọi là “thúc đẩy cái ân đức” của Mạnh Tử chính là mặt tích cực của đạo “Thứ”. Khổng Tử nói : “Này, người Nhân hề muốn tự lập cho mình thì cũng lo mà lập cho người khác; Hề muốn cho mình thông đạt, thì cũng lo làm cho người khác được thông đạt” (Thiên Ung dã). Đây là sự biểu hiện tích cực của đạo “Thứ” và đạo lý của việc thực hành đức Nhân.

“Tư Mã Ngưu vấn nhân. Tử viết : “nhân giả, kỳ ngôn, dã nhân”. Viết : “Kỳ ngôn dã nhân, tự vi chi nhân kỳ hồ”. Tử viết : “Vi chi nan, ngôn chi hồ vô nhân hồ !” (Nhân Uyên)

“Tư Mã Ngưu hỏi về đức Nhân. Khổng Tử đáp rằng : “Người có Nhân phải biết nhịn nói”. Tư Mã Ngưu lại hỏi nữa : “Chỉ biết nhịn nói đủ thành người có Nhân sao ?”. Khổng Tử

đáp : “Nói là dễ, làm là khó. Vậy chẳng nên nhịn nhục ngay trong khi mình muốn nói sao ?”.

Đầu lưỡi so với tay chân là nhanh hơn. Nó là căn bệnh mà mọi người thường mắc phải. Vì vậy, Khổng Tử phải nói : “Người quân tử muốn cho lời của mình ít ỏi, chậm chạp, mà công việc của mình thì cần mẫn, siêng năng” (Lý nhân) và “người xưa chẳng dám khinh dễ lời nói, vì e chẳng theo kịp lời nói mà xấu hổ” (Lý nhân). Người xưa không dám tùy tiện mà nói. Bởi vì nói mà làm không được là đáng xấu hổ ? Một người có đạo đức bình sinh đã giao ước điều gì thì dầu bao lâu cũng chẳng nên quên” (Hiến vấn). Lão Tử nói : “Dễ bằng lòng thì rất khó tin”. Một người phải làm được việc gì khi lời nói đi đôi với hành động, tức là cần coi trọng lời hứa. Vợ của Tăng Tử vì con khóc mãi không nín, đã nói : “Đừng khóc nữa, mẹ giết heo cho con ăn”. Tăng Tử phải giết heo, vợ không cho và nói : “Con còn nhỏ, tôi chẳng qua tùy tiện mà nói vậy thôi, hà tất gì phải nói thực”. Tăng Tử nói : “Đôi với trẻ nhỏ, không thể nói tùy tiện được. Trẻ nhỏ không hiểu gì, chúng nó hoàn toàn bắt chước theo cha mẹ. Bây giờ chúng ta lừa dối nó, tức là dạy cho nó lừa dối. Một người mẹ nói dối con, con nó sẽ không tín nhiệm mẹ. Đây không phải là đạo lý của sự giáo dục”. Kết quả là heo bị giết.

Thời Xuân Thu, Tấn Văn Công đánh nước Nguyên, mang

lượng thực ăn trong ba ngày, dự tính trong ba ngày là có thể đánh xong. Nhưng sau ba ngày, quân Nguyên không đầu hàng, đã chuẩn bị rút quân về nước. Lúc này gián điệp trong thành loan ra tin tức : “Quân Nguyên đã phải đầu hàng”. Mọi người đều muốn chờ đợi. Nhưng Tấn Văn Công nói : “Đức tin là của quý của nước, là chỗ che chở của dân. Người Nguyên thất tín, thì sao còn chỗ che chở nữa ?” Quân Tấn bèn rút lui ba mươi dặm thì quân Nguyên đã đầu hàng (Tả hi truyện năm thứ 25). Đức tín có thể làm cho kẻ địch cúi đầu, làm cho bạn bè gần gũi nhau. Thời Xuân Thu, Quý Trác đi qua đất Từ. Từ Quân rất thích mang cái kiếm của Quý Trác nhưng không dám nói ra miệng. Quý Trác trong lòng hiểu rõ, nhưng lúc đó ông có nhiệm vụ bên mình, vì vậy, không thể đem kiếm cho Từ Quân. Đợi đến khi làm xong việc, Quý Trác trở về đất Từ, thì Từ quân đã qua đời. Quý Trác bỏ kiếm ra, treo lên cây trước nhà của Từ Quân, rồi ra đi. Ánh sáng rực rỡ của bảo kiếm chính là ánh sáng rực rỡ của tình bạn hữu. Cổ nhân đã nói : “Được trăm cân vàng, không bằng được một cái bằng lòng của Quý Bố” (1)

Chúng ta thấy trật tự của xã hội là dựa vào con người có lời nói đi đôi với việc làm. Lời nói và việc làm phải nhất trí với nhau, liên kết với nhau. Một người không thận trọng, nói nhiều, “nói

(1) Quý Bố là người của thời Hán — Sở, đã từng làm tướng của Hạng Vũ. Quý Bố bằng lòng nổi danh ở đất Quan Trung.

nhieu nhất định là thất bại !”. Lời nói và việc làm không phù hợp sẽ làm tổn hại đến đạo đức của cá nhân, phá hoại nhân tố của quan hệ hòa hợp giữa người với người.

Tục ngữ nói : “Chim kêu mãi không mập được”. Người Phi châu nói : “Không nói những lời vô ích, tránh được miệng khô khát”. Chúng ta thực không thể không thận trọng ! “Họa từ miệng mà ra !”.

Khổng Tử cho rằng : “Lời nói không cần trau chuốt, dài dòng, miễn biểu đạt hết ý tưởng của mình như vậy là đủ rồi ⁽¹⁾”. Nếu như chúng ta gắng tìm việc tu từ, tạo câu cũng chỉ là biểu đạt ý tưởng chuẩn xác của chúng ta, để phát huy khả năng, công dụng của ngôn ngữ (văn tự), chứ quyết là không phải lấy lời bóng bẩy, khách sáo để lừa bịp mọi người. Chúng ta nghĩ rằng Khổng Tử rất hiểu rõ khả năng và công dụng của ngôn ngữ, vì vậy ông cũng không tránh lời nói ngược.

“Đối diện với người thì quan sát lời ăn tiếng nói và xem xét sắc mặt của họ để hiểu tâm ý của họ” (Nhan Uyên). Nhưng, nếu như lời ăn, tiếng nói của một người chỉ ở việc tu sức hình thức, thì cái tai hại so với cái căn bản sẽ không có lời nào có thể nói hết được. Đối với căn bệnh này Khổng Tử có nhận thức sâu sắc. Vì vậy, ông không chỉ có một lần nói : “Kẻ nào miệng nói lời hoa

(1) Xem thêm “Vệ Linh Công”, sách “Luận ngữ”.

mỹ, mặt mày trang điểm, hình dáng kiêu cách, áo quần loe loẹt thì kẻ ấy hẳn là ít lòng “Nhân” ⁽¹⁾. Hoặc nói : “Những lời hoa ngôn xảo ngữ hay làm xáo trộn đức hình” (Vệ Linh Công)

Hoặc nói : “Trau chuốt lời nói, trang điểm sắc diện, cung kính thái quá, ông Tả Khâu Minh lấy làm hổ thẹn” (Công Dã Tráng). Người với người đối xử nhau, quý nhất là ở chỗ hòa khí. Trau chuốt lời nói, trang điểm sắc diện, thái độ cung kính, trong lời nói nghe thấy, trong sắc diện hòa vui... Không những không phải là hồng việc mà còn là thái độ làm người cần phải có. Chẳng qua một người chỉ tìm kiếm bề ngoài mà không chú trọng đến việc tu dưỡng bên trong, thì không đủ đạo. Một người trau chuốt lời nói, trang điểm sắc diện mà không chờ đợi ở anh ta làm được điều Nhân, coi trọng điều Nhân trong việc cúc cung tận tụy thì hành đạo đức thì quyết không thể chỉ dựa vào sự bóng bẩy, hình thức bề ngoài để đánh giá. Chúng ta cần phải ghi nhớ là : Nếu như chúng ta cần nói chuyện, chúng ta sẽ nói chậm chậm. Chúng ta cần phải làm chủ lời nói. Tất cả không phải là hoa ngôn, xảo ngữ, sau đó nhớ lại và hồi hận — Trở thành đầy tớ của lời nói.

“Tứ Trương vấn nhân Khổng Tử. Khổng Tử viết : “Năng hành ngữ giả vi thiên hạ, ư nhân lữ !”. “Thỉnh vấn chỉ viết :

(1) Ý này trong hai thiên “Học nhi” và “Dương hóa” sách “Luận ngữ” Khổng Tử đều có nói như vậy; không chỉ có 1 lần mà 2 lần Khổng Tử nói.

“Cung, khoan, tín, mẫu, huệ. Cung tắc bất hối, khoan tắc đắc chính, nhân tắc nhân nhiệm yên, mẫu tắc hữu công, huệ tắc túc dã sử nhân” (Dương Hóa)

“Tử Trương hỏi Khổng Tử về cách làm điều Nhân. Khổng Tử đáp rằng : “Người làm điều Nhân là người có thể làm cho 5 điều đức hạnh thông thường trong thiên hạ”. Xin thầy cho biết 5 điều ấy. “Khổng Tử đáp rằng : “ấy là tự mình nghiêm trang tề chỉnh — có lòng rộng lượng — có đức tín thật — mau mắn, siêng năng — thì ân bố đức.

Nếu mình nghiêm trang, tề chỉnh thì chẳng ai dám khinh dễ mình. Nếu mình có lòng rộng lượng, thì mình thu phục được lòng người. Nếu mình mau mắn, siêng năng, thì làm được công việc hữu ích. Nếu mình thi ân bố đức, thì mình sai khiến được mọi người”

Khổng Tử nói với Nhan Uyên : “Điều Nhân là gạt bỏ dục vọng, nén mình, thực hành theo đúng Lễ, những cái gì trái với Lễ thì không nhìn, những cái gì trái với Lễ thì không nghe, những cái gì trái với Lễ thì không nói, những cái gì trái với Lễ thì không làm. Ông nói với Trọng Cung : “Điều Nhân là việc gì mình không muốn, chớ làm cho người”. Ông nói với Mã Tử Ngưu : “Người có Nhân phải biết nhịn lời nói. Chúng ta cho rằng, có thể nghiêm trang, tề chỉnh, mau mắn, siêng năng, mới có thể có sức

để tự mình gạt bỏ dục vọng, nén mình và thi hành điều Lễ, mới có thể từng phút, từng giờ không nhìn, không nghe, không nói và không làm những điều phi Lễ. Có lòng rộng lượng, thì ân bố đức mới có thể dung thứ để đối xử tử tế với mọi người; có thể có đức tin thật mới có thể thận trọng nói năng, hạn chế lời nói. Đừng phạm vào điều phi Lễ, điều gì mình không muốn, chớ làm cho người khác, thận trọng trong lời nói và nói ít — Là người cần phải làm điều Nhân, những việc trên hành vi cần phải chú ý như : nghiêm trang, tề chỉnh, có lòng rộng lượng, có đức tin thật, mau mắn, siêng năng và thi ân bố đức — Vốn là một người cần phải là đến điều Nhân.

Trên tính cách nên có điều kiện chuẩn bị đầy đủ. Một người có thiên tính đầy đủ tư chất cung kính, rộng lượng, tin thật, siêng năng và yêu thương, nếu như lại thêm sự nỗ lực của bản thân, thì về mặt và lời nói gặp nhiều tu rèn, tự nhiên có thể dừng ở lòng thiện và đạt đạo đức cao. Phàn Trì hỏi về điều Nhân, Khổng Tử nói với anh ta rằng : “Yêu người” (ái nhân). Hai chữ này thật giản dị, nhưng nghìn vạn lời không nói hết được. Chúng ta nghĩ đến trật tự xã hội và quan hệ giữa người và người đều dựa vào một chữ ràng buộc : “yêu”. Nếu như nhân loại không có lòng yêu thương, mọi người lại không yêu thương nhau, thì xã hội sẽ đầy sự lo lắng sợ hãi, quan hệ giữa người và người cũng sẽ trở nên

hận thù nhau. Bài “Cây độc” của thi hào Anh quốc Uy-li-bơ-la như sau :

*“Tôi đối với bạn cảm thấy phần nộ,
Tôi nói ra phần nộ này sẽ mất đi.
Tôi đối với kẻ địch cảm thấy phần nộ,
Tôi không nói ra nó cứ lớn lên !*

Con người nếu như thiếu sự tươi tốt của tình yêu, tình thân của con người dễ dàng biến thành thứ không có sức sống, mất đi sức mạnh và sinh khí của nó. Chỉ cần có tình yêu, thượng đế sẽ ở trong lòng chúng ta, thiên đường sẽ ở bên cạnh chúng ta. Nói đến đây bỗng nhiên chúng ta nhớ đến Đỗ Phủ, nhà thơ vĩ đại của Trung Quốc. Để nhìn thấy một mặt vĩ đại của ông, chúng ta hãy đọc bài thơ “Mao ốc vi thu phong sở phá ca” (Bài ca gió thu thổi tốc mái nhà).

*“Tháng Tám thu cao gió thổi lồng lộng,
Tranh mái nhà ta bốc sạch không !
Bay qua lạch nước rắc bên đồng :
Mảng cao, ngọn liễu giắt lung tung,
Mảng thấp, lều bều nổi dưới sông.
Xóm nam, đứa trẻ khinh ta già lạt đặt,
Mở ra ăn cướp ngay trước mắt !
Lũ trẻ ngỗ nghịch cướp tranh vào,
Khản tiếng, rách hầu, đành chịu mất !
Trở về, tựa gậy, thở dài vất.
Chốc lát, gió yên, mây xám ngắt,
Mạn mác hồi thu vừa tối bật.*

Chân vải lâu năm lạnh hơn sắt !
Con thơ nằm hồn đạp rách tung.
Nhà đột !... đầu giường ướt như giặt.
Gió mưa sinh sịch còn chưa dứt,
Từ hồi chạy loạn ngủ ít đi,
Ướt át suốt đêm không nhắm mắt !
Ước gì có được nhà rộng nghìn muôn gian,
Che chung gầm trời, dân rét đều hân hoan.
Gió mưa không núng, vững như Thái San.
Trời ơi ! Bao giờ trước mắt ngắt nghêu tòa nhà đó.
Riêng lâu ta đổ, chịu chết cồng cồng bỏ"

Do tình cảm cá nhân của Đỗ Phủ sâu sắc, đùm bọc lớn lao, nên ông mới có thể viết ra bài thơ xúc cảm lòng người như thế : một trận cuồng phong thét gào giận dữ, cuốn đi ba lớp cỏ trên mái nhà. Cỏ lợp nhà bay rác qua bên sông, có thể nhìn thấy sức gió mạnh thổi đến ! Trẻ con không biết cử thân nhiên ẩn nấp để đánh lừa. Mắt nhìn thấy cỏ lợp nhà ngang nhiên bị cướp mất, tức giận ngen cả cổ mà chỉ biết than thở. Tâm lý của nhà thơ lúc này tràn đầy tức giận : Nhà đột liền gặp ngay đêm mưa !. Bên ngoài, mưa như trút nước, trong nhà, nước mưa thấm đột, thêm vào đó, chân rách nát, lạnh như sắt. Con nhỏ không biết cũng vô tâm, ông không nghĩ đến sự buồn khổ của mọi người nhưng ông làm cho mọi người chán ghét tất cả. Ông chán ghét tất cả ! Khổ vì mưa người không ngủ được, phải thức chờ đến ngày mai. Trời đất biết bao vô tình, đời người biết bao khổ sở ! Tâm tư, tình cảm nhà

thơ của chúng ta chuyên biên : mong sao có tòa nhà rộng muôn ngàn gian để che ủ cho tất cả hàn sĩ trong thiên hạ, làm cho mặt ai cũng được hân hoan. Một con người với tình cảm tự bản thân mình khó giữ gìn được, không hề oán trời, trách người, dấm ngực, bó gối mà trái lại chỉ mơ tưởng hoàn cảnh của ta cũng giống với mọi người. Trong lòng của ông không giận, không oán, trái lại tràn đầy tình thương. Đây là ánh sáng rực rỡ của đức “Nhân”. Đây cũng là nguyên nhân Đỗ Phủ được người đời sau coi là nhà thơ xuất sắc của Nho gia ⁽¹⁾

“Tử Cống vấn ư Nhân. Tử viết : Công đức thiện kỳ sư, tất tiện lợi kỳ khí. Cự thị bang dã, sự kỳ đại phu chi hiến giả. Hữu kỳ sĩ chi nhân giả”. (Vệ Linh Công)

“Tử Cống hỏi về điều Nhân. Khổng Tử đáp rằng : “Người muốn làm nên món đồ tốt, trước hết phải sửa chữa khí cụ cho thật sắc bén để giúp mình làm việc. Cũng giống như thế, người muốn làm điều Nhân, cần có thầy, có bạn để giúp đỡ cho mình”.

“Tử Hạ viết : “Bác học nhi đốc chí, thiết vấn nhi cận tư : nhân tại kỳ trung lữ” (Tử Hân).

“Tử Hạ nói rằng : “Sự học phải cho sâu rộng, chí hướng

(1) “Ta truyện” là tác phẩm phản ánh tư tưởng Nho gia. Chuyên gia “Ta truyện” của thời Tây Tấn là Đỗ Dự, thế tổ thứ 13 của Đỗ Phủ. Muốn nói Đỗ Phủ phản ánh tư tưởng thuần túy Nho gia, cũng tức là bắt nguồn từ đây.

phải cho chuyên nhất, việc học hỏi phải cho cần thiết, điều suy nghĩ phải gần gũi với mình. Trong những điều ấy, hẳn đã có đức Nhân rồi”.

Một người có thể gạt bỏ dục vọng, nén mình, thực hành đúng lễ, có thể việc gì mình không muốn, chớ làm cho người, có thể thận trọng trong lời nói và nói ít, có thể nghiêm trang, tề chỉnh, có lòng rộng lượng, có đức tín thật, mau mắn, siêng năng và thi ân bố đức, có thể yêu thương con người, đó tức là làm được đức Nhân rồi.

Cần phải dùng phương pháp gì để mới có thể làm được đức Nhân nhỉ ?

Socrate ⁽¹⁾ nói : “Tri thức tức là đạo đức”. Mà đạo đức lại bắt nguồn từ tri thức, vẫn là đức tín chung của thầy và trò của Khổng. Phải tìm kiếm tri thức tự nhiên, chỉ có một con đường là học tập. Cái gọi là “ngọc không mài dũa, không thành khí cụ, người không học, không biết được nghĩa” (Tam tự Kinh). “Nghĩa tức là con đường chính của con người vậy” (Ly lâu thương — sách “Mạnh Tử”). Trên con đường đi của đời người, có con đường chính, có con đường tà, chúng ta cần phải suy nghĩ kỹ mới có thể có sự chọn lựa đúng đắn. Suy nghĩ cần phải lấy tri thức làm cơ

(1) Socrate (468 — 399 TCN) là nhà triết học duy tâm cổ đại Hy Lạp

sở, vì vậy học là sự việc quan trọng nhất của đời người. Chúng ta có thể nói đời người là quá trình học tập không ngừng — Sống đến chết và học đến già ! Phải không ?

Phạm vi gì không thể tham, nhưng lòng tìm kiếm tri thức ngày càng nhiều càng tốt. Bởi vì, chỉ có như thế, tri thức đối với chúng ta mới sản sinh ra tình cảm tốt đẹp. Ý chí học tập mới trở nên mạnh mẽ. Sách “Trung dung” nói : “Học rộng, hỏi kỹ, suy nghĩ chín chắn, biện luận rõ ràng, làm việc hằng hái”. Tìm kiếm tri thức nếu không vui đầu vào sách vở thì không được cái gì, không được tinh thông; nhưng nếu như chỉ có vui đầu trong sách vở thì không khỏi tránh khỏi bội thực mà không tiêu hóa. Vì vậy, chúng ta một mặt mở rộng việc tìm kiếm tri thức và đồng thời dùng tư duy tốt của mình để làm tốt việc đào sâu suy nghĩ. Chúng ta thường nói đến học hỏi. Học hỏi vì vậy, cần phải học ! Cần phải không ngừng hỏi. “Khi tri thức tăng, chỉ có ích. Để giải thích sự nghi ngờ, chúng ta chỉ có nhiệt tâm học tập càng cao, mà hỏi cũng là con đường đáng dựa vào đó để giải đáp. “Người thầy để truyền đạo, dạy nghề mà giải đáp vậy” (Lời của Hàn Dũ). Học từ thầy, học ở thầy, đó là phương thức học tập đáng tin cậy nhất. Chẳng may Thánh nhân không có thầy là do sự thể nghiệm của cá nhân Khổng Tử. Để mở rộng phạm vi học tập, Khổng Tử nói :

“Trong công việc, trong giao du, chúng ta đều có thể lấy cách của người khác, để đạt được mục đích học tập của mình. Học tập là một quá trình mà mục đích là “Thực hành”. Nếu như chúng ta biết vì sao cần phải yêu thương con người, biết yêu thương con người như thế nào”.

Đức Nhân là gốc rễ của tất cả đức hạnh trong trái tim và con mắt của Không Tử, quan trọng tự mình không dợi nói lên. Đức Nhân tuy quan trọng, nhưng không phải cao xa. Quan trọng trái lại sẽ không khó làm ! Chúng ta chỉ cần trong lòng muốn đức Nhân, cần phải làm người Nhân, cần phải làm người giống người, như vậy, tiếc là có thể làm được điều Nhân. Chỉ cần chúng ta cố gắng tìm hiểu để biết, chỉ cần chúng ta từ những việc làm dốt lòng, dốt sức thiết thực hàng ngày; chỉ cần chúng ta từ lòng tử tế nhận thức được mình, hơn nữa, lấy loại cảm thụ này để hiểu rõ người bên cạnh mình. Chỉ cần chúng ta nói ít, làm nhiều; chúng ta tuy không nhất định là người có đức Nhân tuyệt vời, nhưng cũng không phải là không có đức Nhân.

“Đọc nhiều những sách này, nói ít mấy lời kia” (Đa đọc tá tử thư, thiểu thuyết diêm nhi thoại)

Tử viết :

“Nhân chi ư nhân dã, thậm ư thủy hòa. Thủy hòa, ngô kiến

đạo nhi tử giả hỹ. Vì kiến đạo nhân nhi tử giả dã” (Vệ Linh Công)

“Khổng Tử nói rằng : “Đức Nhân cần thiết cho dân, còn quan trọng hơn nước và lửa. Tuy vậy, ta thấy người dẫm vào nước và lửa mà phải chết, chứ ta chưa thấy ai dẫm vào đức Nhân mà chết bao giờ”.

Tử viết : “Do, trí đức giả tiến lữ” (Vệ Linh Công)

Khổng Tử nói rằng : “Này Do ⁽¹⁾, hiểu người có đức thật chẳng có mấy người”.

Tử viết : “Ngô vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã” (Tư Hân)

“Khổng Tử nói rằng : “Ta chưa từng nhìn thấy ai hiếu đức bằng hiếu sắc” ⁽²⁾



Khổng Tử lấy đức Nhân để làm tiêu biểu cho đời sống tinh thần, lấy nước và lửa làm tiêu biểu cho đời sống vật chất. “Dân lấy việc ăn làm trước” (dĩ thực vi tiên). Vấn đề lớn lao của trời

(1) Tức Tử Lộ. Khổng Tử dạy Tử Lộ về đức hạnh.

(2) Khổng Tử đến nước Vệ. Vua Vệ Linh Công mời ông dạo phố. Vua và phu nhân ngồi xe trước. Khổng Tử ngồi xe sau. Xe chạy qua chợ, dân chúng cười nói : “Nhà đạo đức thay cho sắc đẹp”. Nhân đó Khổng Tử buồn rầu mà nói ra câu đó.

mà trời không giải quyết được, thì người sẽ không thể sống được. Có ăn mới nuôi sống được con người và nuôi sống được các động vật khác. Nếu con người chỉ là để sống — lấy vật chất để duy trì sự sống, thì con người và loài cầm thú có gì khác nhau. Mạnh Tử nói : “Vì vậy, con người so với loài cầm thú khác ít nhiều là ở chỗ đó” (Ly lâu hạ). Ranh giới giữa con người và cầm thú rất nhỏ. Con người có sinh tồn, cầm thú cũng có. Nhu cầu của con người có ăn uống, cầm thú cũng có, vậy con người và cầm thú có gì khác nhau ? Về mặt sinh lý cấu tạo, con người và cầm thú cũng “đại đồng tiểu dị”, mà trong sự “tiểu dị” đáng được chú ý nhất là : Bộ não của con người so với cầm thú thì phức tạp, nếp nhăn cũng đặc biệt nhiều. Con người, ngoài tính tự nhiên và còn có lý tính; con người, ngoài đời sống nhu cầu vật chất, còn có nhu cầu đời sống tinh thần. Vấn đề quan trọng nhất của đời người, ngoài yêu cầu sinh tồn như thế nào, còn có yêu cầu làm thế nào để càng tốt đẹp hơn, càng mỹ mãn hơn ! Điều đáng than là : “Người vì tiền tài mà chết, chìm muông vì ăn mà chết !”. Người có hành vi chạy theo lợi, chúng ta có thể nhìn thấy khắp nơi. Người siêng năng làm việc tốt, trái lại, rất ít. Ngay cả Thánh Khổng Tử cũng phải than lên rằng : “Hiếu người có đức thật chẳng có mấy người”. Thật không sai chút nào. Ăn uống và sắc đẹp là đặc tính của con người. Nhưng người đời trên thế gian, ngoài sắc đẹp cần phải có đạo đức tốt đẹp. Những kẻ hiếu sắc có thể nhìn thấy khắp

nơi. Còn người hiếu đức, thì trái lại, không có bao nhiêu. Vì vậy, Không Tử cũng phải kêu lên rằng :

“Ta chưa từng nhìn thấy ai hiếu đức bằng hiếu sắc” ⁽¹⁾

Tử viết : “Ngã vị kiến hiếu nhân dã, ác bất nhân giả. Hiếu nhân giả, vô di thượng chi, ác bất nhân giả, kỳ vi nhân hỹ, bất sử bất nhân giả gia hồ kỳ thanh. Hữu năng nhất nhật dụng kỳ lực ư nhân hỹ hồ” ngã vị kiến lực bất túc giả ! Cái hữu chi hỹ; ngã vị chi kiến giả”. (Lý nhân)

“Không Tử nói rằng : “Ta chưa từng thấy người nào thật tình yêu điều Nhân và ghét điều bất Nhân : người thật yêu điều Nhân đó thì không cho điều gì là hơn điều Nhân được. Người thật ghét điều bất Nhân, trong khi làm điều Nhân chẳng để cho điều bất Nhân vướng vào mình. Có ai suốt ngày dùng hết sức của mình mà làm điều Nhân chẳng ? Ta chưa thấy ai đủ sức mà làm điều Nhân. Hoặc cũng có, nhưng chính mắt ta thì chưa nhìn thấy !

Tử viết : “Hồi dã, kỳ tâm tam nguyệt bất vi nhân kỳ dư, tác nhật nguyệt chí yêu nhi dĩ hĩ” (Ung Dã)

Không Tử nói rằng : “Trò Hồi, trong ba tháng lòng chẳng lia khỏi điều Nhân, còn các đệ tử khác của ta, kẻ thì giữ được một ngày, người thì giữ được một tháng là cùng”.

(1) Lời than này của Không Tử có trong hai thiên “Tư Hân” và “Vệ Linh Công”

“Cố công mài sắt, có ngày nên kim” Lời của câu này vốn là có ý khuyến khích con người siêng năng chăm chỉ.

Điều này chứng minh một việc : Chúng ta nên nhận rõ bản thân mình, mà không nên mù quáng.

Vì vậy, Không Tử nói : “Ta chưa thấy một người nào thật suốt ngày dùng hết sức lực của mình làm điều Nhân ! Chỉ cần chúng ta quyết tâm làm, chúng ta sẽ đạt được”. Trên lý luận là như thế, nhưng trên thực tế thì trong nhiều học trò của Không Tử, chỉ có Nhan Hôi là có thể có thời gian dài không vi phạm điều Nhân, còn người khác chỉ ngẫu nhiên làm rồi đạt được ! Đây là thái độ có quan hệ đến việc học tập.

Mặc dù hoàn cảnh bên ngoài thay đổi như thế nào, chúng ta cần phải kiên trì, cần phải không thay đổi, không thể dao động ! Cần phải biết “Tiết kiệm là đạo đức tốt đẹp !” Chúng ta nếu kiềm chế ý muốn của chúng ta — Tham ngủ, ham chơi... sẽ làm cho cố gắng của chúng ta không đạt được hiệu quả đã dự định. Đúng là chúng ta đã đánh thắng một trận.

Chiến thắng bản thân mình ! Vì vậy, Không Tử nói : “Người phương Nam thường nói câu này : Người ta nếu như chẳng có lòng Hằng (hằng tâm), thì dù có muốn làm thầy cúng hay thầy thuốc cũng chẳng làm được”. Câu nói này rất hay ! ⁽¹⁾

(1) Câu này dựa ý một câu nói của Không Tử. Thiên “Tư Lộ”, sách “Luận ngữ”

“Làm điều thiện như leo trèo, làm điều ác như đổ bê”. Một người cần phải học tốt, có quyết tâm, tin tưởng, bền bỉ, kiên trì, nghị lực, cố gắng... rất nhiều điều không dễ dàng. Đức Nhân chỉ là một tiêu chuẩn của việc làm hàng ngày, mỗi phút, mỗi giờ đều dựa vào đức Nhân để hành động, tức là người Nhân. Nhưng biết bao học trò của Khổng Tử, cũng chỉ có một mình Nhan Uyên ở mặt này đáng được ngợi khen. Chúng ta đều biết “Có chi ắt thành công”, nhưng ở phạm vi của chúng ta, những người thành công không nhiều, thường thất bại là nhiều hơn ! Muốn được cái chí, phải có tấm lòng. Thật không phải dễ làm được.

ĐIỀU LỄ — NẾU XA HOA QUÁ ĐÁNG THÌ TIẾT KIỆM CÒN HƠN

Khổng Tử lấy “Gạt bỏ dục vọng, nén mình, thực hành theo đúng lễ”, “những cái gì trái lễ chớ nhìn”, “những cái gì trái lễ chớ nghe”, “những cái gì trái lễ chớ nói” và “những cái gì trái lễ chớ làm” để trả lời câu hỏi về đức nhân của Nhan Uyên. Đức Nhân là sự tu dưỡng đức hạnh cá nhân được Khổng Tử coi trọng nhất và Khổng Tử cho rằng dựa vào Lễ mà thực hành. Không phạm vào điều Lễ thì có thể trở thành người Nhân; do đó có thể lấy tính quan trọng của Lễ. Khổng Tử nói với Bá Ngự : “Nếu chẳng học Lễ ⁽¹⁾ thì chẳng biết cách đứng được với đời” (Quý thị). Lời nói này trong thiên “Nghĩu viết” cũng có nói tới ⁽²⁾. Nghĩ đến ngôn luận của việc này, Khổng Tử không chỉ có nói hai lần — “Tử nhập thái miếu, mỗi sự vấn. Hoặc viết : “Thực vi Trâu

(1) Lễ ở đây còn là để chỉ sách “Lễ ký”.

(2) Trong thiên “Nghĩu viết”, Khổng Tử nói : “Không biết lễ, thì chẳng biết cách đứng được với đời”.

nhân chi tử tri lễ hồ ? Nhập thái miếu mỗi sự vấn”. Tử vân chi, viết : “Thị lễ dã” (Bát dật).

“Khổng Tử vào nhà thái miếu ⁽¹⁾, thấy mỗi việc mỗi hỏi. Có người cười rằng : “Ai bảo con người ấp Trâu ấy là biết lễ ? Nếu biết Lễ tại sao vào nhà thái miếu mỗi việc mỗi hỏi ? Khổng Tử nghe vậy, nói rằng : “Chính ta hỏi vậy mới hợp với lễ”.

“Tử kiến tư thôi già, miện y thường già, dữ cổ già : Kiến chi, tuy thiên, tất tác, quá chi tất xu” (Tử Hân).

“Khổng Tử thấy người mặc đồ tang, hoặc người đội mũ nhà quan, hoặc người mù, dù còn nhỏ tuổi ông cũng đứng dậy liến. Còn như có đi qua mặt mấy người ấy thì ông cũng đi rất mau”.

Khổng Tử lấy ngôn ngữ để biểu đạt ý nghĩ coi trọng lễ của mình, đồng thời cũng lấy hành động để biểu đạt sự coi trọng lễ của ông. Một người mới bước vào nhà thái miếu, tự nhiên có rất nhiều việc không được biết rõ. Không biết mà không hỏi, sẽ trở thành có biết thật hay không ? “Mỗi việc mỗi hỏi” tất nhiên là việc không biết mới hỏi. Hỏi việc không biết rõ, mới có thể là kính cẩn, mới đáng gọi là Lễ. Nếu như việc đã biết rõ, trái lại cũng hỏi, đó là làm rối loạn trật tự, là coi thường người coi giữ nhà thái miếu, không thể gọi là Lễ được — Nói thẳng ra là vô lễ

(1) Nhà thái miếu là nhà thờ Chu Công, người sáng lập ra nước Lỗ.

quá đáng ! Vì vậy chúng ta cần phải đọc đoạn văn này thì mới biết. “Vào” là việc đầu tiên mới bước vào, “mỗi việc” cũng là mỗi việc không biết. Từ “mỗi việc mỗi hỏi”, có thể thấy được sự coi trọng lễ của Khổng Tử và tình cảm kính cẩn của ông. Hoặc có người không hiểu tấm lòng của Khổng Tử nên cho rằng từ “mỗi việc mỗi hỏi” có thể thấy Khổng Tử không biết lễ, thì làm gì cứ mỗi việc mỗi hỏi. Lại không biết “mỗi việc mỗi hỏi” chính là biểu thị sự kính cẩn đối với lễ. Những người mặc đồ tang, hoặc người mù, tự nhiên đáng thành thực, chu đáo; những người đội mũ nhà quan, tự nhiên đáng kính trọng. Khổng Tử đối với những người thành thực, chu đáo thì biểu lộ sự kính trọng, mặc dù họ còn rất trẻ và không coi thường. Đứng lại là vì lễ hoặc bước nhanh là biểu thị sự kính trọng (người xưa đi đường mà đi qua trước mặt người khác, và lấy việc đi nhanh đó để tỏ vẻ tôn kính). “Khổng Tử đứng một mình, Bá Ngự bước nhanh qua sân”. Đó là một ví dụ. Còn chúng ta ngày nay, nếu như đi qua trước mặt các bậc lớn tuổi, cũng là hành vi rất không có giáo dục. Đây là việc rất nhỏ, hành động rất dễ làm, nhưng do dễ làm mà trái lại không làm. Do việc rất nhỏ, nên có khi thường làm qua loa hoặc sơ suất. Đối với những việc rất nhỏ đó, Khổng Tử cũng không bỏ qua. Có thể thấy ông rất coi trọng lễ, kính cẩn việc thực hành lễ.

“Khổng Tử vị Quý thị bát dật vũ ư đình ! “Thì khả nhĩn

dã; thực bất kha nhân dã” (Bát dật).

“Không Tử trách họ Quý ⁽¹⁾ rằng : “Người ấy dám dùng lễ bát dật ⁽²⁾ mà múa ở miếu đình của nhà mình, việc đó mà người nhân tâm làm được, thì việc gì mà người chẳng nhân tâm làm ?”.

“Tam gia gia di ung triệt : Tử viết : “Tương duy tích dịch công; thiên tử mục mục ! Hề thù ư tam gia chi đường” (Bát dật).

“Ba nhà quyền thế ⁽³⁾ khi tế ông bà ở nhà thờ trong, bèn tụng bài thơ “Ung” để triệt đồ cúng. Không Tử chê ba nhà ấy và đọc hai câu đầu trong bài thơ “Ung” :

“Trợ tế chi có hành tích công đức, là vua chư hầu

Chủ tế là bậc thiên tử, phúc đức sâu rộng thay”.

Nay ba nhà ấy chẳng phải là ngôi thiên tử, cũng chẳng phải là bậc chư hầu, vậy lấy danh nghĩa gì mà đọc bài thơ “Ung” ở nơi miếu đường ?”

“Quý thị lữ ư Thái sơn. Tử vị Nhiễm Hữu viết : “Nhữ phát năng cứu dư ?” Đôi viết : “Bất năng”. Tử viết : “Ô hô ! Tăng vị Thái sơn bất như Lâm Phổng hồ ?” (Bát dật).

(1) Ông Quý Khương Tử làm quan Đại Phu nước Lỗ là một nước chư hầu mà lấy lễ Bát dật của thiên tử để tế tổ tiên. Không Tử nói câu này để chê trách họ Quý.

(2) Bát dật là tám hàng học trò tế lễ. Tám hàng, mỗi hàng tám người. Bát dật là 64 người. Chỉ có thiên tử mới dùng bát dật.

(3) Ba nhà quyền thế là họ Mạnh Tôn, Thúc Tôn và Quý Tôn.

“Họ Quý đi tế Lũ ⁽¹⁾ ở núi Thái Sơn. Không Tử hỏi Nhiễm Hữu rằng : “Nhà ngươi không ngăn cản được sự lạm quyền đó sao ?” Nhiễm Hữu đáp : “Không được”. Không Tử than rằng : “Ôi thôi ! Một người tầm thường như Lâm Phong ⁽²⁾ còn biết gốc lẽ, huống chi thần núi Thái Sơn lại chẳng biết lẽ mà hưởng sao ?”.

Người thiếu cái gì, sẽ hy vọng cái gì. Mà một sự việc, một hiện tượng, sẽ bị người ta đề ra bàn luận, thông thường là vì : một sự việc quan trọng mà trái lại mọi người không chú ý; một hiện tượng không hợp lý, mà trái lại mọi người nhìn không thấy. Tình hình này, người có học thức tự nhiên cần đưa ra cách nhìn của mình về sự việc và hiện tượng đó. Vì vậy Không Tử coi trọng lẽ, vì thực tại người đương thời nhận thức đối với lẽ có sai lệch và có hiện tượng tiếm lẽ đến mức tương đối nghiêm trọng. Ba nhà là Trọng Tôn (sau đổi tên là Mạnh Tôn), Thúc Tôn và Quý Tôn là những nhà quý tộc có quyền thế nhất của nước Lỗ. Hành vi của họ có thể coi là đại biểu cho quý tộc đang lên đương thời. Từ họ chúng ta nhận thấy : Họ Quý chẳng qua là đại phu của nước Lỗ, chỉ có thể dùng tứ dật, mà cuối cùng lại dùng bát dật ở trong nhà thờ. Việc này vượt quá phận, trái ngược với lẽ, rất đáng chê

(1) Lũ là tên tế. Thời xưa các chư hầu thường đi tế lũ ở núi Thái Sơn.

(2) Lâm Phong là người nước Lỗ, người đã hỏi Không Tử về cái gốc của điều lẽ.

trách ! Tể lễ ở tông miếu của thiên tử, khi tể lễ tụng ca thơ “Ung”. Ba nhà chằng qua cũng là đại phu, cũng tụng lấy thơ “Ung”. Trên miếu đường của ba nhà, đã không có chư hầu, lại càng không có thiên tử mà tụng thơ “Ung” nói rằng : “Trợ tể chỉ có hàng tích công đức, là vua chư hầu. Chủ tể là bậc thiên tử, phúc đức sâu rộng thay”. Không giả vờ, thì lại có ý gì ? Thiên tử được tể núi sông trong thiên hạ, còn chư hầu thì được tể núi sông ở trong vùng đất được phong. Thế mà đại phu tể ở núi Thái Sơn, thì còn thể thống gì ? Nó giống như việc làm của Tam Hoàn (ba họ đều là con cháu của Hoàn Công, vì vậy cũng xưng là Tam Hoàn), chỉ có thể là ấn tượng không tốt của người ta. Giống như một người điên hi vọng đem giấy bạc đeo đầy toàn thân, đem vàng bạc châu báu đội lên đầu. Họ chỉ sợ người khác không biết họ có tiền bạc và có thể lực. Vì vậy thường làm những việc đặc biệt, để đập vào tai vào mắt, để làm thỏa mãn lòng hư vinh của cá nhân. Khổng Tử lâm bệnh, bệnh tình nguy hại tính từng ngày từng ngày. Tử Lộ lấy danh nghĩa sai khiến những học trò của ông, lấy danh nghĩa là gia thần để chuẩn bị hộ tang. Sau đó, bệnh tình của ông đỡ hơn chút ít, ông gọi Tử Lộ đến mà trách rằng : “Việc làm giả dối của Trọng Do làm cho mọi người đau lòng ! Ta vốn không có gia thần, mà làm ra vẻ có gia thần ! Như vậy, ta lừa dối ai ? Ta lừa dối trời hay sao ?” ⁽¹⁾. Khổng Tử đã từng làm đại phu. Lúc

(1) Xem thiên “Tư hân”, sách “Luận ngữ”.

này ông đã rời bỏ chức vị, lo việc tang tất nhiên không nên có gia thần. Tử Lộ làm như thế, đương nhiên là để tôn trọng Khổng Tử, nhưng có hành vi giả dối, cái có lại làm không và cái không lại làm có, làm cho Khổng Tử rất tức giận ! Vì vậy Khổng Tử không đồng tình với Tử Lộ ! Nhan Uyên chết rồi, mọi người muốn chôn cất chu đáo cho ông ta. Khổng Tử nói : “Không nên !” Các trò cũng muốn làm mai táng trọng hậu cho Nhan Uyên. Khổng Tử nói : “Trò Hôi coi ta như cha. Nhưng theo lễ, ta chẳng được coi trò như con. Sự chôn cất một cách trọng thể, không phải là ý muốn của ta, mà là do ý muốn các học trò của ta vậy” ⁽¹⁾. Cha của Nhan Uyên là Nhan Lộ cũng đã từng yêu cầu Khổng Tử đem xe làm quách để mai táng Nhan Uyên ⁽²⁾. Về lễ, lễ mai táng của kẻ sĩ cơ bản không dùng đến “quách” ! Từ luật lệ này, có thể thấy ngọn gió vượt phạm tiếm lễ cũng đã thổi đến cửa Khổng, đến nỗi Khổng Tử phải lấy lời nói điều Nhân của Nhan Uyên là “những cái gì trái với lễ, chớ có nhìn, những cái gì trái với lễ, chớ có nghe, những cái gì trái với lễ, chớ có nói, những cái gì trái với lễ, chớ có làm”. Khổng Tử là người chủ trương : Chớ có phạm vào điều phi lễ, không làm điều phi lễ, tức là có thể đạt đến điều Nhân ! Có thể thấy tầm quan trọng của việc giữ gìn lễ. Còn thực tại “Đức vị của người quân tử, tức là nhà cầm quyền, ví như gió,

(1) Xem thiên “Tiên tấn”, sách “Luận ngữ”.

(2) Xem thiên “Tiên tấn”, sách “Luận ngữ”.

đức vị của kẻ tiểu nhân tức là dân chúng, ví như cỏ. Gió thổi qua thì cỏ rạp xuống” ⁽¹⁾. Giống như trọng thần của họ Quý nắm giữ hết quyền hành của nước Lỗ. Nhất cử nhất động, tự nhiên nảy sinh sự ảnh hưởng rất lớn, mà họ hành động trái ngược với lễ, làm hại cho đất nước rất lớn; vì vậy Khổng Tử đã ba lần đau xót nói về con đường đi của họ !

“Tử Viêt : Cò bắt cò, cò tai ! Cò tai !” (Ung dã).

“Khổng Tử nói rằng : “Cái bình đựng rượu có khóa, có góc gọi là “Cổ”.

“Tử viết : “Sự quân tận lễ, nhân dĩ vi siểm dã” (Bất dật).

“Khổng Tử nói rằng : “Làm quan đối với nhà vua mà biết giữ hết lễ, thì người ta bảo rằng mình nịnh hót”.



Khổng Tử nói : “Nhà vua cho rượu mà bề tôi ở dưới bực thềm mà lấy, đó là theo lễ xưa ! Nhưng đời nay, bề tôi đều đứng ở bực thềm trên mà lấy, như vậy là bất kính. Tuy ta trái ngược với mọi người, chứ ta vẫn theo lễ xưa là ở bực thềm dưới mà lấy” ⁽²⁾. Người bình thường không thể biện minh là phi lễ, có thể chê trách, lại có thể cười chê ! Con người cần phải có dũng khí, đạo

(1) Xem thiên “Nhan Uyên”, sách “Luận ngữ”.

(2) Xem thiên “Tử Hân”, sách “Luận ngữ”.

đức, lễ không thể phá bỏ, tức là dù có trái ngược với mọi người cũng cần phải giữ lấy lễ.

Bây giờ chúng ta suy nghĩ kỹ : Vì sao chúng ta cần phải đọc sách ? Là để giải quyết vấn đề cơm ăn phải không ? Bán sức lao động cũng có thể giải quyết vấn đề cơm ăn. Dân sinh là vấn đề lớn nhất của đời người và cũng là vấn đề dễ giải quyết nhất. Cái khó ở việc giải quyết vấn đề này, không phải ở bản thân của vấn đề mà là ở sự ham muốn quá nhiều của lòng người — Ăn rồi còn muốn ăn thật ngon, mặc rồi còn muốn mặc cho thật đẹp, có truyền hình đen trắng rồi còn muốn truyền hình màu, có máy ảnh rồi còn muốn có máy Video. Vấn đề càng lớn, phiền phức càng nhiều. Giải quyết những vấn đề này, sẽ phải cần có tri thức. Tri thức làm cho chúng ta có thể phân biệt được phải trái, biết được cái tốt, cái xấu, biết được cái gì nên làm và cái gì không nên làm ? Làm như thế nào là hợp lý nhất ?

Trong thiên “Vinh nhục”, Tuân Tử nói : “Nhân, nghĩa, đức, hạnh, cái thuật của nó thường thường là được yên, nhưng không vì thế mà không nguy vậy. Dơ bẩn, hư hỏng, trộm cắp, cũng là thuật thường bị nguy hiểm, nhưng không vì thế mà không yên. Cho nên cái đạo của người quân tử là ở việc bình thường, còn cái đạo của tiểu nhân là kỳ lạ”. Sự phân biệt giữa quân tử và tiểu nhân là ở chỗ có hay không có tri thức.

“Sóc” là ngày đầu tiên của mỗi tháng âm lịch Trung Quốc. “Cốc sóc” là thiên tử đem “sóc chính” (Lịch thứ) của 12 tháng trong một năm để bố cáo nghi thức của chư hầu. Dê sống của “Cốc sóc” là con dê sống mà mỗi nước chư hầu chuẩn bị để các sứ thần phân chia nhau chiêu đãi thiên tử. Đối với cách nói : “Dê sống của cốc sóc” này vẫn là căn cứ có trong “Luận ngữ” của Lữ Đại Cung. Tuy nhiên cách nói này có lẽ nhiều cách chú giải, nhưng có một điều chúng ta có thể biết rõ ràng : “Cốc sóc” là một loại lễ; “Dê sống” là vì “Cốc sóc” mà có. Thời Khổng Tử lễ “Cốc sóc” đã bãi bỏ, thế thì việc lễ “Cốc sóc” mà lễ “Dê sống” trôi dạt, tự nhiên không có sự tất yếu để tái lập lại. Vì vậy Tử Cống chủ trương bỏ đi. Chúng ta nghĩ rằng, Khổng Tử là người thực tế, đối với loại dê sống trở nên vô vị, nên chủ trương bỏ đi, nhưng Khổng Tử trái lại nói : “Này Tử ! Người thương con dê của người, còn ta trái lại ta mến cuộc lễ” ⁽¹⁾. Khổng Tử có biết hay không biết sự vô vị của việc dâng dê sống ? Nhưng nghĩ đến việc không thi hành chính lệnh của Khổng Tử, nước chư hầu hình như việc gì cũng đều lạm dụng chủ trương. Vốn đất đai khắp thiên hạ đều là đất đai của thiên tử, người khắp thiên hạ, đều là dân con cháu của thiên tử mà từ sau khi vương thất của nhà Chu dời về phía đông, thế lực của thiên tử đã suy yếu. Chư hầu vốn là do thiên tử phân

(1) Xem thiên “Bát dật” trong “Luận ngữ”.

chia đất đai, nhưng ngày nay thiên tử trái lại được các chư hầu “ủng hộ nhiều”. Việc tế dè sống thể hiện sự luyến tiếc của Khổng Tử.

Khổng Tử cho rằng mỗi người nên tìm hiểu tri thức rộng rãi. Hơn nữa từ trong tri thức mà thu nhận được bỏ bớt phần đáng nghi ngờ, để xây dựng tiêu chuẩn của đức hạnh. Tuân Tử cho rằng : “Con người mà không có lễ thì không sống được. Sự việc mà không có lễ thì không thành. Quốc gia không có lễ thì không thể yên ổn được” (Tu thân). Lễ là đạo lý quan trọng nhất trên con đường sống của con người.

Tử viết : “Chất thẳng văn tắc dã, văn thẳng chất tắc sử. Văn chất bản bản, nhiên hậu quân tử” (Ung dã).

“Khổng Tử nói rằng : “Người nào chất phác thật thà thái quá mà kém phần văn vẻ, thì thành ra què mùa thô kệch. Người nào văn vẻ trau chuốt thái quá mà kém phần chất phác, thì giống như vị quan chép sử. Có văn có chất bằng nhau mới nên người quân tử”.



Chúng ta làm người, xử sự, mỗi người mỗi việc sẽ phát sinh sự sai lệch về tư tưởng và hành động. Không phải là thái quá, tức là bất cập. Trên thực tế điều này đều là căn bệnh, bởi vì : trải qua

sự bất cập ! Vì vậy Khổng Tử đặc biệt coi trọng đức hạnh của “Trung dung”. Trong “Tứ thư” ⁽¹⁾ (Bốn cuốn sách) còn có “Trung dung”. Có thể thấy trong tư tưởng của người Trung Quốc, sự phân chia chất lượng của đạo “Trung dung” : “Những nỗi mừng, giận, thương và vui chưa phát hiện ra ngoài, ấy là “Trung”; phát ra ngoài mà đến mức ấy là “Hòa” (Trung Dung). Tất cả tình cảm của mừng, giận, thương và vui đều là chứa đựng ở “Trung”, nếu như biểu hiện ra mà có thể biểu đạt trong phép tắc là “Hòa” và trong mọi phép tắc, xã hội tự nhiên tiếp xúc dung hòa; Vì vậy “Trung dung” là đức hạnh tốt nhất thiên hạ. Người Trung Quốc phạm là việc gì cũng nói đến Trung dung. Chúng ta hãy nghe một bậc lớn tuổi nói với chúng ta : “Lời không cần phải nói thái quá, phúc không cần phải hưởng quá lâu. Rất vui thì sẽ sinh ra đau khổ, đều là đạo lý của “từ mạnh đến yếu”. Khổng Tử cho rằng : Chất trắng văn, hoặc văn trắng chất, đều là khuyết điểm, khiến cho người ta không được thỏa mãn. Chúng ta có lẽ phải nói : “Chất” là vẻ đẹp bên trong và “Văn” là vẻ đẹp bên ngoài. Nếu như một người học văn đầy người, đầu bù tóc rối, không năng chải chuốt sửa soạn, thì không phải là việc làm cho mọi người buồn phiền hay sao ? Kê Khang là một trong bảy người hiền sĩ ở Trúc Lâm” (Trúc Lâm thất hiền), học vấn của ông ta rất tốt, thơ văn đều cự phách, nhưng bản thân ông tự thú nhận : “mặt

(1) Tứ thư gồm có : Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học và Trung dung.

thường là một tháng 15 ngày không rửa, không đau ốm gì lớn, nhưng không thể tắm gội”. Thiết nghĩ, một người mà mặt một tháng 15 ngày không rửa, thì đức hạnh là cái gì ?

“Cúc Tử Thành viết : Quân tử chất nhi dĩ hĩ, hà dĩ văn tử vi ? Tử Cống viết : “Tích hồ ! Phu tử chi thuyết quân tử dã ! Tử bất cập thiết ! Văn, du chất dã; Chất du văn dã. Hồ báo chi quách du Khuyển dương chi quách” (Nhan Uyên).

“Cúc Tử Thành ⁽¹⁾ nói với Tử Cống rằng : “Bực quân tử cần cái chất là đủ rồi. Cần gì tới cái văn ? Tử Cống đáp : “Tiếc thay ! Ngài có bụng quân tử muốn cứu đời mà nói vậy. Nhưng một lời đã nói ra, xe bốn ngựa khó theo ! Nay, văn cũng như chất, chất cũng như văn, người quân tử phải chuộng cả hai cái như nhau. Kìa người ta phân biệt da cộp, da beo với da chó, da dê là bởi nó có cái lớp lông ở ngoài, nếu tẩy hết cái lớp lông ấy đi, thì da cộp, da beo cũng giống như da chó, da dê vậy thôi”.

Xem ra điểm quan trọng của văn và chất như thế nào ? Vấn đề này còn đang tranh luận. Nhưng, lấy người mà nói, sự cầu toàn của văn thái (bên ngoài) là tương đối dễ dàng, mà sự đầy đủ của thực chất (bên trong) là tương đối khó khăn. Cho nên Tô Đông Pha có câu thơ : “Bụng có Thi, Thư, khí tự nhiều”. Thế thì thực

(1) Cúc Tử Thành là đại phu nước Vệ, thấy người đời chuộng văn vẻ lóc lõm bề ngoài mà bỏ tư chất thành thực bên trong, nên nói câu này với Tử Cống.

chất hình như quan trọng hơn văn thái (màu mè) bên ngoài. Thế thì lời của Tử Cống, lại nói như thế nào ? Tử Cống ví như hồ, báo, chó, dê, chỉ là để bài bác lại câu hỏi : “Cần gì tới cái văn” của Cúc Tử Thành ? Mà không phải biểu thị ý tưởng của Tử Cống coi trọng Văn thái (Nếu thế thì tương đối coi nhẹ thực chất). Tử Cống không phải là nói : “Văn cũng như chất, chất cũng như văn”. Thực tế, có văn có chất bằng nhau mới là thúc đẩy người ta vươn lên !

“Tử viết : “Lễ vân, lễ vân, ngọc bạch vân hồ tai ! Nhạc vân, nhạc vân, chung cổ chi hồ tai ?” (Dương Hóa).

“Không Tử nói rằng : Người ta bàn về lễ, người ta luận về lễ, đó là họ kể số ngọc quý và lụa tốt chứ gì ? Người ta khen nhạc, người ta ngợi nhạc, đó là họ nói chuông, trống rinh rang chứ gì ?”

“Lâm Phóng vấn lễ chi bản. Tử viết : “Đại tai vấn ! Lễ, dư kỳ xa dã ninh kiệm, tang dư kỳ dị dã, ninh thích” (Bất dật).

“Lâm Phóng hỏi về gốc của lễ. Không Tử khen rằng : “Người biết tìm gốc mà bỏ ngọn. Ý nghĩa của câu hỏi ấy lớn thay ! Trong cuộc lễ vui, nếu xa hoa quá đáng thì tiết kiệm còn hơn ! Trong việc tang khó, nếu lờ lợt thái quá, thì lòng đau xót còn hơn”.

“Tử viết : “Xa tác bất tổn, kiệm tác cố. Dữ kỳ bất tổn dã, minh cố” (Thuật nhi).

“Khổng Tử nói rằng : “Thói xa xỉ làm cho con người ta trở nên phách lối, lãng phí, thói tiết kiệm làm cho con người ta trở nên cố lậu. Thà chịu tiếng cố lậu còn hơn là mang tiếng phách lối, lãng phí”.

“Tử viết : Dĩ ước thất chi giả tiền hi” (Lý Nhân).

“Khổng Tử nói rằng : “Người nào biết tiết kiệm lấy mình, biết theo qui củ mà làm việc, thì ít bị lầm lạc và thất bại”

“Tử Du viết : Tang trí hồ ai, nhi chi” (Tử Trương).

“Tử Du nói rằng : “Trong việc tang khó, chỉ có điều này là gốc thôi, đó là lòng đau thương hết sức”.



Ở trước chúng ta đã nói qua : Điều lễ mà nhà Nho nói, thực tế là bao hàm phạm vi nhân sinh của tất cả, ngay cả đến ngọc, lụa, thù, tạc cũng là những biểu hiện cuối của điều lễ. Ý nghĩa của nhạc là ở thực hành mà vui, thay đổi phong tục, ngay cả khoa chuông đánh trống, chỉ là những hình thức của nhạc. Ngoài thứ đó ra, mọi người đều biết, nắm vững tinh thần rất khó. Do đó chủ nghĩa hình thức lan tràn, việc nào cũng chỉ tìm kiếm vẻ bề ngoài.

Không quan tâm gì đến bên trong. Vì vậy Lâm Phóng cần phải hỏi nguyên tắc của việc thực hành điều lễ. Việc hỏi của Lâm Phóng thực tế đã phản ánh sự quan tâm và lo lắng của ông đối với hiện tượng bất hợp lý này. Vì vậy Khổng Tử cho rằng câu hỏi có giá trị, mà câu trả lời của Khổng Tử lại càng có giá trị. Đương nhiên, “Trung dung” chẳng qua hai chữ này, nhưng cần làm để không sai lệch thật không phải dễ. Vì vậy Khổng Tử đề ra nguyên tắc quan trọng nhất “Lễ, xa hoa quá đáng thì tiết kiệm còn hơn ! Trong việc tang mà nếu lờ lợt thái quá, thì lòng đau xót còn hơn”. Xa xỉ và tiết kiệm, đều chưa đạt được ở giữa của Đạo, nhưng tai họa của sự xa xỉ không cần phải nói đến, vì tiết kiệm mà sinh ra lòng ham muốn mất đi là rất ít. Khổng Tử nắm chắc điều này. Vì vậy ông nói như thế. Việc tang tế, chỉ cần thể hiện nỗi đau xót là đủ rồi. Hình thức là để biểu đạt ý đau xót đến độ vừa phải - Chúng ta nói độ vừa phải là bởi vì “Tĩnh hỷ mà không diệt” (Hiếu Kinh). Ví như đau xót, tan nát quá độ thì dẫn đến thương xót, bi thương, cũng không phù hợp. Nếu như bỏ mất cái gốc mà tiến dần đến cuối, chỉ coi trọng hình thức, thì dĩ nhiên trôi lạc theo sự xa xỉ, lại không có tinh thần nắm vững, xử lý việc tang lễ, thì chính là điều Khổng Tử phản đối. Ngọc, lụa, thù, tạc, gõ chuông, đánh trống chỉ là hình thức. Đối với con người mà nói là hết sức quan trọng - Không có nó thì làm thế nào biểu đạt được lễ, nhạc ? Nhưng cũng chỉ là việc sau cùng. So với đáng về mà

nói, là việc rất quan trọng — Ai lại không coi trọng danh vẻ của mình và người bên cạnh ? Nhưng cũng là việc sau cùng.

“Hữu Tử viết : Lễ chi dung, hòa vi quý ! Tiên vương chi đạo tư vi mỹ, tiêu đại do chi, hữu sở bất hành. Tri tri như hòa, bất dĩ lễ tiết chi, diệc bất khả hành dã” (Học nhi).

“Hữu Tử nói rằng : “Trong việc giữ lễ, có niềm hòa khí là quý trọng. Đạo của những vị vua xưa rất tốt ở chỗ đó, từ những việc lớn cho đến những việc nhỏ, các ngài dùng niềm hòa khí mà phổ cập vào lễ. Nhưng có việc chẳng nên làm, đó là biết rằng hòa là quý, rồi trong mỗi việc, cứ dùng lấy hòa, chớ chẳng dùng lễ mà kiềm chế, như vậy là phóng dăng, xuê xoa quá. Đó là việc không nên làm.”

Chúng ta vẫn cảm thấy đạo lý trong thiên hạ rất ít nhất thành bất kiến. “Nhiều con, nhiều cháu, nhiều phúc, nhiều thọ” là quan niệm lâu đời của Trung Quốc. Các bài “Chung tư” và “Lân chi chi” trong “Kinh Thi” là những bài thơ ca tụng vẻ đẹp thịnh vượng của con cháu người khác. Con người thay đổi thời đại cũng thay đổi, quan niệm giá trị cũng không ngừng thay đổi theo. Người xưa nói : “Một bữa cơm để đủ cho bụng ta no, một chiếc áo đủ che tấm thân của ta”. Hiện nay mọi người trái lại nói : “Dinh dưỡng ! Thời trang”. Hãy nhìn xem sách dạy nấu ăn ngon và tạp chí thời trang bày đầy trên giá sách, chúng ta không thể không

nói : “Ăn cơm đã đủ, ăn mặc đã đủ, còn dinh dưỡng cái gì ? Thời trang cái gì ? Lãng phí ! Xa xỉ ! Có lãng phí không ? Có xa xỉ không ? Người thời cổ đại ở trong hang trong hốc, còn ngày nay người ở nhà rộng rãi. Người thời cổ đại ăn sống nuốt tươi, còn người ngày nay ăn uống cần phải tinh ngon. Người thời cổ đại chỉ mong được che thân, người thời nay chạy theo trào lưu. Thời cổ đại chỉ có xe ngựa, thuyền gỗ, người thời nay thì máy bay, tàu thủy, xe hơi... Từ bề ngoài mà nhìn thì người thời xưa tiết kiệm và người thời nay xa xỉ ? Văn minh mang đến xa xỉ ? do đó có người phản văn minh nên chán sự xa xỉ ? Rút-Xô của nước Pháp và L.Tônxtôi của nước Nga đều là những người đó. Ví dụ như những công trình xây dựng lớn, mỗi công trình đều rất lãng phí tiền của, thế thì nên tính toán lãng phí đó vào đâu ? Những con đường cao tốc cho xe chạy nhanh biết bao nhiêu. Những xe đồ chạy nối tiếp nhau, hàng vạn người thoải mái. Đây không phải là sự lãng phí mà là văn minh.

Vương Mậu của đời Tấn đã sang mà lại giàu, nhưng ông ta là một người tiết kiệm nổi tiếng. Đến khi cháu kết hôn, ông chỉ cho một chiếc áo đơn, sau đó còn đưa cháu của ông về nhà ! Ông gả con gái cho Bùi Ngụy và cho ông ta mượn tiền. Con gái trở về nhà thấy vẻ mặt của ông rất khó chịu. Biết ý, con gái vội chạy nhanh lấy tiền để trả. Nhìn thấy tiền, sắc mặt của ông mới cười mở.

Thạch Sùng, đời Tấn cũng là người giàu có, xa xỉ nổi tiếng : Mỗi lần mời khách, đều gọi mỹ nhân chuốc rượu cho khách. Khách không vừa lòng, ông có thể sai chém đầu mỹ nhân. Heo quay của nhà Vương Vũ Tử rất béo ngon và mùi của nó thường khác nhau, vì vốn loại heo quay này do người nuôi bằng sữa người mà lớn lên ! Thật là xa xỉ tột độ, thậm chí xa xỉ đến mức hoang đường ! Tuy tiết kiệm rất ít mang lại lỗi lầm, nhưng tiết kiệm quá mức là keo kiệt, sẽ không hợp tình hợp lý. Tiền bạc là để dùng chứ không phải để nhin, nhưng dùng không thỏa đáng thì sẽ sinh ra hoang phí ! Lễ, tức là qui tắc làm cho tất cả hợp tình hợp lý. Nhưng thời đại đã thay đổi, rất nhiều sự vật và quan niệm cũng thay đổi theo. Nếu như tất cả dựa vào lễ của sự bất biến mà thi hành, thì tự nhiên có thi hành mà không thông. Ở thời cổ đại dùng gai bó ra cái mũ. Đây là lễ. Mọi người thời Khổng Tử đều dùng tơ để làm ra mũ, nó vừa đẹp mà lại dễ làm, tiết kiệm nhân công. Khổng Tử đã không giữ lệ cũ. Có thể thấy Khổng Tử không phải là người cố chấp ! Nhà vua đãi rượu bề tôi lay ở dưới thềm, vẫn là chính lễ. Có thể thời Khổng Tử bề tôi đều chỉ lay tạ ở nhà trên. Đây thực tế là sự giản đơn, bất kính. Khổng Tử thà có thể đi ngược lại dân chúng để kiên trì giữ lễ của việc bái lay dưới thềm ! Giữ lấy lễ tiết đó ! Học trò của Khổng Tử cho rằng ông không có khuyết điểm : “Không có ý riêng” (vô ý), “không có kỳ

tất” (vô tất), “không có cố chấp” (vô ngã)⁽¹⁾. Thực tế, Không Tử là người tiên tiến, thông tình đạt lý nhất.

“Tử viết : “Nhân nhi bất nhân như lễ hà ! Nhân nhi bất nhân như lạc hà !” (Bất dật).

“Không Tử nói rằng : “Một người mà chẳng có lòng Nhân, làm sao mà thi hành lễ tiết được ? Một người chẳng có lòng Nhân, làm sao mà dùng âm nhạc được :”

Không Tử nói câu này có thể còn có một ý nghĩa nữa : Một người bất nhân, thì thực hành lễ, làm âm nhạc cũng không nơi nào dùng. Chúng ta cảm thấy được làm người rất khó mà nhận chính là đạo lý làm người lớn nhất. Chỉ cần chúng ta đi từ những việc làm hằng ngày, chỉ cần lấy những suy nghĩ đó của mình, giữ lấy lòng yêu thương, thì chúng ta có thể làm được điều Nhân. Lễ là đạo chính đáng. Chỉ cần chúng ta làm một cách tích cực, không ham vươn cao, bay xa, không cầu thả háo huyền ! Thế là đã hòa hợp được với Lễ. Trong “Ly Lâu hạ” sách “Mạnh Tử” có nói : “Người quân tử sở dĩ khác người ở chỗ, là lấy sự tồn tâm. Người quân tử lấy Nhân đức làm sự tồn tâm, lấy Lễ đức làm sự tồn tâm. Người Nhân là yêu thương con người, người có Lễ đức là kính trọng con người. Người thương yêu con người thường có tình yêu

(1) Xem thiên “Tứ Hân”; trong thiên này Không Tử nói đến “tuyệt tứ” là . Vật ý, vật tất, vật cố và vật ngã.

đó. Người tôn kính con người thường có sự tôn kính đó. Có người, ở chỗ tự mình lấy sự ngang ngược, thì người quan tự tự mình chống lại : Ta tất nhiên là bất nhân, tất nhiên là vô lễ. Sự việc đó không thể thích nghi ! Tự mình phan lại mà trở thành nhân, tự mình phan lại mà có Lễ. Ngang ngược là do đó vậy. Người quân tử tất là tự mình phan lại : Ta sẽ là kẻ bất trung. Tự mình phan lại mà trung được thì ngang ngược là do đó. Quân tử nói : Đó cũng là người không biết gì là do mình vậy. Con người khác ở loài cầm thú là do đó vậy”.



Giữa người và người cần phải yêu thương nhau, kính trọng lẫn nhau, nhưng có lúc chúng ta vài ba lần làm ngược lại, thì tự nhiên không cảm thấy hổ thẹn với lòng mà đôi phương trước sau vẫn “ngang ngược” thế thì con người này chỉ có thể là “người không biết gì” và khoảng cách với loài cầm thú không xa ! “Con người sơ di khác với loài cầm thú là ít lắm !”. Con người và loài cầm thú khác nhau, chỉ là ở sự “tôn tâm” mà thôi ! Hai chữ “Tôn tâm” của Mạnh Tử nói rất hay. Chỉ cần động cơ của chúng ta làm là có ý tốt, chỉ cần chúng ta lấy Nhân đức, Lễ đức làm động cơ của việc làm, thì chúng ta đã có sự bắt đầu tốt đẹp. Ngoài ra, hành vi của chúng ta thiết thực, chính đáng, như thế tự nhiên có thể từ nhân đức mà dẫn đến lễ đức. Tình cảm đều có hết trong đó.

CAI TRỊ - CHĂM SÓC CHO DÂN TRỞ NÊN NGAY THẲNG²

Sự nghiệp cả cuộc đời của Khổng Tử là ở việc dạy học, mà lý tưởng của ông trái lại là chính trị. Khổng Tử nhìn thấy các nước rối ren, dân không sung sướng, vì vậy chu du thiên hạ, hi vọng có thể phát triển hoà bình trên chính trị, làm cho thiên hạ thái bình. Đi khắp nơi, Khổng Tử phát hiện ra rằng : Sự việc và ý nguyện trái ngược nhau, do đó ông nghĩ đến việc dùng giáo dục để phát huy sức ảnh hưởng thay đổi xã hội, đồng thời đào tạo hàng loạt tài năng chính trị mới bước vào con đường chính trị, phát huy sức mạnh lay trời chuyển đất. Vì thế, Khổng Tử có một tư tưởng triết học hoàn chỉnh.

“Tử viết : Vi chính di đức, thế như Bắc thần; cử kỳ sở nhi chúng tinh cộng chi” (Vi Chính)

“Khổng Tử nói rằng : “Như ai thi hành việc chính trị, cầm

quyền cai trị đất nước mà biết đem cái đức của mình tỏa ra, thì mọi người đều phục tùng theo. Ví như ngôi sao Bắc đẩu ở một chỗ, mà có mọi vì sao vây quần theo”.

Lời nói này của Khổng Tử có thể chia thành hai ý : “Thi hành việc chính trị, cầm quyền cai trị đất nước mà biết đem cái đức hạnh của mình tỏa ra” và ví như ngôi sao Bắc đẩu “ở một chỗ, mà có mọi vì sao vây quần theo”. “Đức chính” là lý tưởng chính trị quan trọng nhất của Nho gia. Sau đây chúng ta sẽ nghiên cứu tỉ mỉ về vấn đề này.

Ở đây, trước hết cần nói là thái độ chính trị của sự “vô vi”. Lão Tử nói : “Cai trị một nước lớn như nướng một con cá tươi nhỏ”. Cách nướng một con cá vàng càng nhỏ càng phải khéo, chỉ cho một ít dầu là có thể nướng xong. Nếu như cần cạo vẩy, mổ mang và mổ bụng cá, con cá đó sẽ bị cháy ! Cai trị đất nước như những con cá tươi nhỏ, trên chính trị càng đơn giản càng tốt. Chúng ta thấy pháp luật ngày nay có Dân luật, Hình luật... Nhưng kẻ phạm pháp lại rất nhiều. Đây thật tương ứng với cái mà Lão Tử gọi là “Pháp lệnh từ chương, trộm cắp có nhiều”. Lão Tử cho rằng : “Ta vô vi mà dân tự thay đổi !” Đề xướng quay quần mà ở, không làm gì mà cai trị. Khổng Tử cho rằng trong vua chúa của thời cổ đại, vua Nghiêu, Thuấn là người đáng được kính trọng nhất. Chúng ta “Không làm gì một nhọc mà thiên hạ thái

binh”. “Ngài chỉ cung kính giữ mình, ngự trên ngôi mà quay mặt về hướng Nam mà thôi” ⁽¹⁾. Các ông làm cho “Dân chúng khen tặng đức nghiệp của ngài không xiết” ⁽²⁾. Trên mặt chính trị, Không Tử đưa ra một hình ảnh quan trọng : “Ở một chỗ mà có mọi vì sao vây quanh theo”. Vì vậy Diệp Công hỏi về việc cai trị, Không Tử nói với ông ta rằng : “Nhà cai trị cần phải được lòng dân, khiến kẻ ở gần vui lòng và khiến cho kẻ ở xa kéo nhau đến gần với mình” ⁽³⁾. Là vui lòng, là kéo nhau đến gần mình, mà không phải tranh thành chiếm đất, chém giết bữa bãi.

“Quý Khương Tử vấn chính ư Không Tử. Không Tử đối viết : “chính giả, chính dã. Tử xuất dĩ chính, thực cảm bất chính” (Nhan Uyên)

“Quý Khương Tử ⁽⁴⁾ hỏi Không Tử về việc chính, tức là cách cai trị. Không Tử đáp rằng : Chữ “Chính” (cai trị) là do nơi chữ “chính” (ngay thẳng) mà ra. Cai trị (chính), tức là chăm sóc cho dân trở nên ngay thẳng. Nay đại phu là bậc dẫn đầu trong dân chúng mà tự mình ngay thẳng, thì còn ai dám ăn ở bất chính”

(1) Xem thiên “Vệ Linh Công”, sách “Luận ngữ”.

(2) Xem thiên “Thái bá”, sách “Luận ngữ”.

(3) Xem thiên “Tư Lộ”, sách “Luận ngữ”.

(4) Ông Quý Khương Tử là đại phu của nước Lỗ.



“Cai trị, tức là chăm sóc cho dân trở nên ngay thẳng”. Có thể nói đây là cách ngôn chính trị hay nhất từ xưa đến nay. Tất cả tư tưởng chính trị của Khổng Tử đều lấy quan niệm này làm cơ sở. Tự thân mình “chính”, thì các chòm sao khác mới vây quần theo ! Và lý tưởng không làm gì một nhọc mà thiên hạ được thái bình mới có thể thực hiện được. Lấy việc “ngay thẳng” để “cai trị” thì lý tưởng “ai thì hành việc chính trị, cầm quyền cai trị đất nước mà biết đem cái đức của mình tỏa ra” mới có thể có hy vọng. Nếu không thì chỉ có nghiêm hình khát khe, mở rộng xét xử. Quý Khương Tử đã từng lấy “giết kẻ vô đạo để có đạo” để tranh luận với Khổng Tử. Khổng Tử đã trả lời ông ta rằng : “Ông muốn cai trị, hà tất cần gì phải dùng sự chém giết ? Nếu tự bản thân ông thích làm điều thiện, thì dân chúng sẽ trở nên thiện tất cả. Nay, địa vị của người quân tử là nhà cầm quyền ví như gió, địa vị của kẻ tiểu nhân tức là dân chúng ví như cỏ. Gió thổi qua thì cỏ rạp xuống” (1)

Tục ngữ nói : “Cột ở trên không thẳng thì cột ở dưới sẽ bị cong”. “Một người cầm quyền, bản thân mình giữ theo chính đạo, chẳng đợi ra lệnh, dân cũng ăn ở đúng phép tắc; còn buộc dân theo, thì họ cũng không theo” (2)

(1) Xem thiên “Nhan Uyên”, sách “Luận ngữ”

(2) Xem thiên “Tư Lộ”, sách “Luận ngữ”

Đối với nạn trộm cắp Quý Khương Tử rất buồn rầu, lo lắng, bèn đến xin Khổng Tử chỉ giáo. Khổng Tử trả lời rằng : “Ở trên, nhà cầm quyền không tham lam, thì ở dưới dân chúng bị cảm hóa mà trở nên trong sạch” ⁽¹⁾. Trong sách “Hàn Phi Tử ngoại trừ thuyết tà thượng” có ghi chép như sau : “Vua Tề Hoàn Công thích ăn mặc quần áo màu tía, do đó người dân cả nước đều ăn mặc quần áo màu tía, hiện nay vải rất mắc, người khắp nước còn liều chết mà mặc đồ màu tía, ta làm thế nào mà thích nhỉ ?” Quan Trọng đáp : “Bệ hạ muốn chấm dứt việc này, sao không thử làm : Trước hết là bệ hạ không mặc quần áo màu tía. Bệ hạ nói với những người xung quanh rằng : “Ta chán ghét mùi hôi thối của màu tía”. Những người xung quanh đang thích mặc quần áo màu tía, thì bệ hạ nhất định phải nói : “Đi xa ra ! Ta sợ mùi hôi thối của màu tía”. Tề Hoàn Công nghe những lời nói của Quan Trọng rất thích hợp, nên nói : “Tốt lắm !”. Ngay hôm đó, ca nơi làm việc không có người mặc đồ tía. Đây đúng như “Kinh Thi” nói : “Không thân thể, không thân thiện, dân chúng không tin”. Theo sự ghi chép của thiên “Hiếu Văn bản kỷ” trong sách “Sử ký” của Tư Mã Thiên : “Hán Văn Đế tại vì trong thời gian 23 năm, cung thất vườn uyển, chó ngựa, trang phục, đều không có gì thêm, đã từng muốn làm Lộ Đài trị giá một trăm cân vàng. Hán

(1) Xem thiên “Nhan Uyên”, sách “Luận ngữ”

Văn Đế nói : “Trăm cân vàng này hình như là gia sản của mười gia đình trung lưu. Ta thừa hưởng cung thất của tiên đế, thường sợ hổ thẹn với tiên đế, mới làm cái dài gì để lại !”. Hán Văn Đế thường mặc áo hậu điều, phu nhân thích áo ngắn, rộng, không cho phép áo dài kéo trên mặt đất (thời cổ áo quần lấy dài làm đẹp, áo dài kéo trên mặt đất nhìn mới đẹp), màn trướng không được thêu thùa. “Không cho phép” ở đây rất nhiều, cũng chỉ để biểu thị sự “giản dị” - Chất phác đơn hậu, vì vậy mà thiên hạ được nhờ. Lăng Trĩ Bá dùng toàn gạch đá, không được dùng vàng, bạc, đồng, thiếc để làm trang sức. Mộ Bất Trĩ để tiết kiệm mà không làm phiền phức quấy rối trăm họ. Một vị hoàng đế đối với một cuộc đời và hậu sự của bản thân mình, đều là hết sức tiết kiệm, ảnh hưởng lan rộng rất lớn. Hán Vũ Đế là một vị quân chủ hùng tài đại lược, trong đó rất có công lao đối với việc đánh dẹp quân Hung Nô ở biên giới phía Bắc. Công lao này là kho tàng quý báu trong việc bao vệ đất nước. Nếu như không phải là tiên đế tự mình tiết kiệm dè dặt quốc gia tích trữ sự giàu có của cải, củng cố sức mạnh của quốc gia thì thanh danh và uy thế của nhà Hán thời bây giờ làm sao có thể lan xa như thế ! Nghĩ đến lời của Khổng Tử nói : “Nếu như người nào đã tự sửa trị lấy mình thì đứng ra cai trị dân chúng có khó khăn gì ? Nếu như mình chẳng có thể sửa tự lấy mình thì làm sao cai trị nhân dân được ?” (1).

(1) Xem thiên “Tứ Lộ”, sách “Luận ngữ”

Đó là điều rất có đạo lý. Tuân Tử nhận thức được tính quan trọng của vua : “Vua, tức là nghi thức vậy. Nghi thức mà ngay thẳng thì cảnh cũng ngay thẳng. Vua, tức là cái bàn vậy. Cái bàn tròn thì nước cũng tròn. Vua là cái chậu vậy. Cái chậu vuông thì nước cũng vuông” ⁽¹⁾. Địa vị lãnh đạo cao nhất của vua ở một nước, thì hành vi của ông ta có thể làm gương mẫu cho thiên hạ”. (Quân Đạo). Tuân Tử cho rằng : Vì nước mà lấy việc tu thân làm trước hết ⁽²⁾. Vua không những là đầu não chủ yếu trong cơ cấu chính trị mà cũng là nghi thức mẫu mực của giáo hóa xã hội. Ông đã chuẩn bị đầy đủ tài năng chính trị và bản thân cũng hóa thân đạo đức. Ông là nguyên tắc của chính trị cũng là cái gốc của giáo hóa. Tuân Tử thường được gọi là “Quân sư” và “Thánh vương” là chính vì ông lấy “Đạo đức thuần khiết, trí tuệ sáng suốt”, “chuẩn bị đạo đức hoàn mỹ” để biểu hiện lý tưởng, quan niệm của vua. Sự coi trọng lý luận chính trị, đạo đức của vua này của Tuân Tử rõ ràng là sự phổ biến lý luận “cai trị ngay thẳng” của Khổng Tử.

“Tử viết : “Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình : dân miễn nhi vô sĩ. Đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ hình : Hữu sĩ thả cách” (Vi Chính)

“Khổng Tử nói : “Nếu nhà cầm quyền chuyên dùng pháp chế, cấm lệnh mà dẫn dắt dân chúng; chuyên dùng hình phạt mà

(1) (2) Xem thiên “Quân đạo” của Tuân Tử

cai trị dân, thì dân sợ mà chẳng phạm pháp đó thôi, chứ họ chẳng biết hô thẹn. Vậy muốn dân dốt dân蠢, nhà cầm quyền phải dùng đức hạnh; muốn cai trị dân, nhà cầm quyền phải dùng lễ tiết, thì chẳng những dân biết hô thẹn, họ còn cam hóa mà trở nên tốt lành”.



“Sự giáo hóa của Lễ rất nhỏ, ngăn cấm gian tà cũng chưa bị hình phạt; làm cho con người đi theo điều thiện, cách xa tội lỗi mà không tự biết được mình”. (Lễ Ký Kinh giai). Tác dụng của Lễ, ở việc ác xấu chưa hình thành đã ngăn chặn được tai họa. Ở ý nghĩa xấu nảy sinh, đã trừ diệt từ gốc rễ, làm cho dân “không tự mình biết” mà thay đổi lỗi lầm để tiến tới điều Thiện. Lễ là cái lễ của Nho gia, ý muốn vượt qua rất ít. Không Tử cho rằng pháp trị tuy có thể phát sinh tác dụng hỗ trợ, nhưng đây chỉ là công phu ở bề mặt. Làm cho người ta không dám làm điều phi pháp; chỉ có lễ trị mới có thể dùng mọi cách làm cho người ta dần dần hưởng được sự giáo dục để sửa đổi tính nết, làm cho một người căn bản không muốn làm một điều gì phi pháp. Đương nhiên, ở “Chu lễ” có câu : “Nước hình pháp rối loạn thì dùng điều lễ”. Người theo chủ nghĩa pháp trị thì đức hóa lễ trị là không đủ chỗ dựa mà “lấy pháp trị để giáo dục” (Hàn Phi Tử - Thiên “Ngũ đế”). Ở ngoại quốc. Xôbôxki, người Anh cho rằng tính người là ghen ghét, nghi

ngũ, hư vinh - tất cả lấy cái lợi của mình làm xuất phát điểm. “Người người cần phải tranh giành, một tập đoàn hỗn chiến”. Sự hạn chế của sức mạnh tự nhiên là không thể thiếu được. Kant, triết gia người Đức cũng từ “ác căn bản” của tính người mà bàn về sự không thể thiếu của luật pháp. Trên thực tế Khổng Tử đã không loại bỏ pháp trị : “Lễ nhạc chẳng thịnh vượng, thì hình phạt chẳng đúng phép” (Tư Lộ). Có thể nhìn thấy Khổng Tử cũng lấy Lễ và hình phạt để bàn luận. Đến Mạnh Tử chủ trương “những người tốt không du thì lấy làm việc chính, những người theo hình pháp không thể tự mình làm được” (Ly Lâu thượng). Ông cho rằng lễ, pháp không thể thiên lệch và bị phế bỏ. Cách nhìn đối với lễ, pháp như vậy càng đi tới chỗ gây náo. Câu chuyện Đề Vinh cứu cha ở đời Hán, chúng ta rất quen thuộc. Đề Vinh sau khi viết lên sách, Hán Văn Đế đã từng hạ chiếu : “Ta từng nghe thời Đại Thuấn, nhân dân phạm tội, chỉ cho họ mặc quần áo đặc biệt, tượng trưng có hình phạt. Tội nhục hình gồm có ba loại là : khắc chữ lên trên mặt, xỏ mũi và chặt chân, coi là kẻ gian phạm tội. Còn người khác không bị như thế thì phạm tội ở chỗ nào ? Còn trăm dây đức mông mà dạy dỗ không được sáng rõ, thật là tự thấy đáng hổ thẹn. Cho nên dạy dỗ không đến nơi đến chốn, thì làm cho dân ngu mà phạm tội. “Kinh Thi” có câu : “Quân tử vui vẻ, như cha mẹ của dân”. Nay có người có làm lỗi, chưa dạy dỗ đến nơi đến chốn mà lại thêm hình tội, hoặc muốn cải tạo thành

người tốt, thật chưa từng có vậy. Hình phạt đến mức chặt tay chân, xẻo thịt da, tội cả đời không sống lại được. Đau xót biết bao mà lại thất đức. Thế mà xưng là ý của cha mẹ dân ! Mà chẳng trừ tội nhục hình”.

Chiếu mệnh của Hán Văn Đế hoàn toàn là đạo đức chính trị của một ông vua có lòng nhân đức. Coi trọng điển lễ không phải là không có, nhưng đó là lúc quốc gia đặc biệt hỗn loạn, không thể không làm, hơn nữa lễ trị là kế lâu dài. Bởi vì cơ sở lý luận của phép cai trị thiên hạ, trong tâm lý là sợ người lợi dụng. Nếu như người không sợ, thì phép cai trị đó không thể phát huy được khả năng. Và xử tội thật nặng rất nhiều, quá lâu, người ta cũng sinh ra đau ốm. “Dẫu không sợ chết, thì sao lấy cái chết để làm cho họ sợ ?” (Lão Tử). Phép cai trị bằng pháp luật tuy có thể tương đối nhanh, mang lại hiệu quả cai trị bình thường. Nhưng pháp luật không phải là vạn năng, thay đổi đạo đức, hiệu quả tuy chậm, nhưng trái lại hiệu quả lại bất rã rất sâu. Một quốc gia cần phải duy trì sự bình ổn chính trị lâu dài, ngoài sự vận dụng rất thận trọng ra, sự thay đổi của đạo đức, lễ trị cần phải từng bước tiến hành.

“Tử viết : “Thính tụng, ngộ du nhân dã. Tất dã, sử vô tụng hồ” (Nhan Uyên)

“Không Tử nói rằng : “Xử kiện, ta cũng biết xét xử như

người, nhưng nếu dạy cho dân biết nghĩa vụ, biết nhường nhịn, biết luật pháp mà giữ gìn, để cho họ chẳng đem nhau đến kiện tụng, như vậy chẳng hay hơn sao ?”

“Mạnh thị sư Dương Phù vi sĩ sư, vấn ư Tăng Tử. Tăng Tử viết : “Thương thất kỳ đạo; dân tán cửu lữ. Như đắc kỳ tinh, tắc ai cặng nhi vật lữ” (Tử Trương).

“Ông Dương Phù ⁽¹⁾ được họ Mạnh mời ra làm chức sĩ sư, tức là trường quan ty hình pháp. Ông hỏi ý kiến thầy mình là Tăng Tử. Tăng Tử dạy rằng : “Bề trên lỗi đạo, khiến dân lìa tán lương tâm mà phạm pháp đã lâu rồi. Như người làm quan, xử kiện mà biết tình trạng tội lỗi của họ, hãy thương xót họ, chẳng nên vui thích về tài minh quyết của mình”



Một nhà chính trị nên lấy nhân tâm và lấy thiện ý làm xuất phát điểm, không thể coi mọi người là giặc để đề phòng, coi mọi người xung quanh là thù địch muốn đánh. Sự “tồn tâm” của một kẻ làm người là chú ý nhất; mà việc nhà chính trị cần quản lý quần chúng, thì cử chỉ của người ấy ảnh hưởng rất sâu rộng, vì vậy đặc biệt quan trọng nhất là “tồn tâm” ! Khổng Tử nói : “Để họ chẳng đem nhau đến kiện tụng”. Tăng Tử nói : “Chẳng nên

(1) Dương Phù là học trò của Tăng Tử

vui thích về tài mình quyết của mình”. Cái tâm biết bao nhân hậu. Thái độ biết bao lỗi lạc ! Chúng ta đọc chiếu mệnh của Hán Văn Đế, xúc cảm cũng chính là ở đây. Lời của Không Tử nói : “Nếu nhà cầm quyền chuyên dùng pháp chế, cấm lệnh mà dẫn dắt dân chúng; chuyên dùng hình phạt mà cai trị dân”, chẳng qua là nói lẽ tự rất tốt ở pháp trị, chẳng qua là vì “cai trị là ngay thẳng”. Hiệu quả của Lễ trị tương đối lâu dài. Đây là lý do ở Lễ trị rất tốt ở Pháp trị, nhưng Lễ trị làm tương đối khó, cũng tương đối mất thời gian. Hiệu quả của Pháp trị nhanh, nhưng uy lực của nó ngược lại có lúc lại tận cùng. Lễ trị và Pháp trị có thể vận dụng điều hòa, mới là điều mà Không Tử hy vọng. Nhìn thấy những cái hoàn hao rất nhỏ của thế gian ! Hoa thơm hình như đều là màu trắng và hoa màu sắc diễm lệ phần lớn đều không có hương thơm. Chỉ có hoa hồng vừa đẹp vừa có hương thơm dịu ngọt, được coi là sắc, hương, vị đều vẹn toàn và lại nhiều gai.

“Tử Lộ viết : “Vệ quân dãi tử nhi vi chính. Tử tượng hề tiên ? Tử viết : “Tất dã chính danh hồ ! Tử Lộ viết : “Hữu thi tai, Tử chi vu dã. Hề kỳ chính ? Tử viết : Dã tai Do dã ! Quân tử vi kỳ sở bất tri, cái khuyết như dã. Danh bất chính tắc ngôn bất thuận. Ngôn bất thuận tắc sự bất thành; sự bất thành tắc lễ nhạc bất hưng; lễ nhạc bất hưng tắc hình phạt bất chúng; hình phạt bất chúng tắc dân vô sở thố thủ túc. Cố quân tử danh chi tất khả

ngón dã, ngón chi tất kha hành dã. Quân tư ư kỳ ngôn, vô sở cầu nhi dĩ hi” (Tư Lộ)

“Tư Lộ hỏi rằng : Nếu vua nước Vệ đợi thầy về dè giúp ông ta cai trị. Vậy thầy sẽ làm việc gì trước ? Không Tử đáp : “Tất nhiên là ta sẽ làm cho ra chính danh chính phận”. Tư Lộ lại hỏi : “Có vậy sao ?” Thầy nói vu khoát đó. Lê gì chỉ sửa cho chính danh chính phận thôi sao ? Không Tử giải thích rằng : “Trò Do (Tư Lộ) què mùa lắm thay ! Người quân tử hể điều gì chẳng biết thì bỏ qua mà không nói. Nay, nếu danh mà không chính, thì lời nói không thuận. Lời nói không thuận thì công việc không thành; Công việc không thành, thì lễ tiết và âm nhạc không thịnh, thì sử dụng hình phạt chẳng đúng phép, nếu sử dụng hình phạt không đúng phép, thì dân biết chỗ nào mà đặt tay chân. Cho nên người quân tử xưng danh thì đúng với phận, với nghĩa; đã xây dựng đúng với danh phận, thì phải tùy theo đó mà làm. Cho nên người quân tử rất dè dặt trong việc xưng danh gọi phận”.

Đây là chữ nghĩa chính danh của Không Tử : “Vua cho ra vua, bề tôi cho ra bề tôi, cha cho ra cha, con cho ra con” (Nhan Uyên). đó tức là “chính”. Đạo lý của chính chỉ là một chữ “chính” ! Vua của một nước không thể “ở ngôi trên mà chẳng có lượng khoan hồng, hành lễ mà chẳng tỏ vẻ cung kính, đang lúc

tang gia mà chẳng đau thương" ⁽¹⁾. Một bề tôi tôn thờ vua thì phải "trước làm nên phận sự mình một cách kính cẩn, sau mới nghĩ tới lương bổng" ⁽²⁾. Nếu vua không có thực chất của vua, bề tôi không có cách thức của bề tôi. "Vua không ra vua, bề tôi không ra bề tôi", cái danh và cái thực không thể dung hợp với nhau, chính trị hỗn loạn, kết quả tuy có thóc, nhưng không được ăn ! Cha không nhân từ, con bất hiếu. Cha không có cái thực chất của người cha, con không có dáng dấp của người con. "Cha không ra cha, con không ra con". Cái danh và thực không thể phù hợp nhau, lời nói và việc làm không thể tương xứng với nhau, gia đình úp lên bóng mặt trời. Kết quả là cha con oán giận nhau, anh em tranh giành, lục đục với nhau. Chính danh của Khổng Tử thực có ngụ ý khen, chê, phân biệt thiện, ác. Tuân Tử cho rằng chính danh đang ở trong "Đạo mà thi hành thì tất ý chí sẽ thông suốt" (Chính danh), làm cho ý chí của con người hiểu nhau mà đạt đến sự thành công của cai trị, để trở thành lẽ phải của cai trị. Đây là thuyết chính danh của Nho gia truyền thống

"Tử thích Vệ, Nhiễm Hữu bộc. Tử viết : "Thứ hi tai !" Nhiễm Hữu viết : "Ký thứ hi, hựu hà gia yên ?" viết : "Phú chí", viết : "Ký phú hỹ, hựu hà gia yên ?" viết : "giáo chi" (Tử Lộ).

(1) Xem thiên "Bát dật", sách "Luận ngữ"

(2) Xem thiên "Vệ Linh Công", sách "Luận ngữ"

“Không Tử đi đến nước Vệ. Nhiệm Hữu đánh xe theo hầu. Không Tử khen rằng : “Dân nước Vệ đông đúc thay !” Nhiệm Hữu hỏi : “Dân đã đông, nhà cầm quyền phải làm gì cho họ nhờ ?” Đáp : “Phải giúp cho họ giàu có”. Hỏi : “Đã giàu có rồi, nhà cầm quyền phải làm gì nữa cho họ ?” Đáp : “phải giáo hóa cho họ”.

“Ai Công vẫn ư Hữu Nhược viết : “niên cơ, dung bất túc : như chi hà ?” Hữu Nhược đổi viết : Hạp triệt hồ ? viết : “nhị, ngô du bất túc, như chi hà kỳ triệt dã !” Đổi viết : “Bách tính túc, quân thực dư túc” (Nhan Uyên)

“Vua Ai Công nước Lỗ hỏi Hữu Nhược, đệ tử của Không Tử rằng : “Năm nay mất mùa, thuế của ta thu vào chẳng đủ dùng, phải làm sao đây ? Hữu Nhược đáp : “Sao ngài không dùng phép triệt tức là thu một phần mười huê lợi của dân ?”

Vua nói : “Ta đã thu hết hai phần mười mà còn chẳng đủ, huống chi là một phần ?”. Hữu Nhược đáp rằng : “Dân được no đủ, thì vua thiếu thốn với ai ? Nếu dân chẳng no đủ, thì vua giàu có với ai ?”



Đoạn “Không Tử đi đến nước Vệ” tuy là một đoạn hỏi đáp đơn giản, nhưng trái lại rất có ý nghĩa. Chính sách trị quốc “trước làm cho dân giàu, sau mới chăm lo dạy bảo” của Nho gia.

được nhìn thấy sớm nhất trong đoạn nói chuyện này. Trên lĩnh vực chính trị có một nguyên tắc quan trọng nhất : Làm giàu cho dân. Tuân Tử nói : “Kẻ dưới nghèo thì bề trên tham lam, kẻ dưới giàu thì bề trên cũng giàu có” (Phú quốc). Một người làm chính trị, nếu tranh lợi với dân, đặt ra nhiều sưu cao thuế nặng, thì tất là dẫn đến chỗ dân nghèo nước loạn ! Thế thì Không Tử cần phải chê trách đạo lý của Nhiễm Câu ⁽¹⁾, chúng ta có thể thấy rõ. Nhà Nho đời sau này giống như Mạnh Tử đối với đạo lý trị quốc trước làm cho dân giàu, sau mới chăm lo dạy bảo, đều là sự phát huy to lớn. Trong thiên “Lương Huệ Vương thượng”, Mạnh Tử nói :

“Không luôn luôn no đủ mà luôn luôn giữ được “thiện tâm”, riêng chỉ có kẻ sĩ làm được như vậy. Còn như đối với dân thì luôn luôn no đủ, do đó không luôn luôn giữ được “thiện tâm” ! Nếu như không luôn luôn giữ được “thiện tâm”, phóng túng, sai trái, gian xảo, quá đáng, không điều gì xảy ra mà không làm. Đến khi mắc vào vòng tội lỗi, rồi sau đó theo đấy mà ghép tội cho họ, như vậy là giảng lưới (để lừa dân vào vòng tội lỗi). Làm gì có chuyện người có đức nhân ở ngôi vua lại (có thể) làm được việc giảng lưới để lừa dân vào vòng tội lỗi như thế”.

Kẻ sĩ là người có học. Người có học biết lẽ phải tức là cho dù trong cảnh khốn cùng vẫn giữ được nhân cách. Ngay cả bách

(1) Xem thiên “Tiên tân”, sách “Luận ngữ”

tính nói chung, nếu như nhà không luôn luôn no đủ thì không biết lê phải. Có thể vì hoàn cảnh khốn cùng mà sinh ra tham lam, cái gì cũng đều làm được. Chúng ta nói đói rét sinh ra trộm cắp, tức là từ đạo lý này. Vì vậy một bậc quốc vương có đạo lý rõ ràng, nhất định làm cho nhân dân duy trì đầy đủ nhu cầu của đời sống cơ bản, sau đó lại để cho họ học tập tốt, thì mọi người sẽ nghe không thông. Cuối cùng, cuộc sống sẽ như thế nào ? Đây là vấn đề lớn đời người ! Nếu như, mặc cho mọi người sống hay chết mà vẫn cao giọng về luận điệu giáo dục, đó là cách làm không thực tế. Vì vậy Tuân Tử cũng nói :

“Không giàu thì không thể lấy gì nuôi dưỡng dân tình; không dạy dỗ thì không lấy gì để sửa sang nhân tính. Cho nên nhà có 5 mẫu để ở, một trăm mẫu để cày, cốt là ở nghề nghiệp mà đừng tranh giành nhau. Vì vậy mà giàu có. Xây dựng trường học lớn, mở mang trường lớp nhỏ, tu rèn 6 điều lễ, làm sáng tỏ môn dạy. Vì vậy mà dân có đạo. “Kính Thi” có nói : “Cho họ uống, cho họ ăn, dạy cho họ, chỉ dẫn cho họ. Việc của vua đều phải có” (Đại lược).

Có một điểm chúng ta cần nói rõ : Cái giàu mà Mạnh Tử và Trang Tử nói đều là để duy trì cuộc sống căn bản của bách tính. Thời cổ đại do tài nguyên của cái tự nhiên và tài nguyên, của cái, nhân lực không phát triển đầy đủ. Vì vậy có thể vật chất của tư

lợi sử dụng rất ít. “Năm mươi người có thể mặc áo lụa” và “Bảy mươi người có thể ăn thịt” mà Mạnh Tử nói trong sách, thì ăn thịt là việc lớn ! Đây là sự phản ảnh một cách chân thực cuộc sống lụi bại của nhân dân lúc đó. Năm tháng sung túc an lạc còn có thể duy trì. Đến năm mất mùa đói kém, thì khắp nơi dân chúng cơ hàn, chết chóc. Mạnh Tử và Tuân Tử hy vọng triều đình sẽ phát huy sức mạnh, yêu thương bảo vệ dân chúng, làm cho trăm họ không vì thiên tai mà lâm vào cảnh khốn cùng, thậm chí tổn thất tính mạng.

“Tử Cống vấn chính. Tử viết : “Túc thực, túc binh; dân, tín chi hê”. Tử Cống viết : “Tất bất đắc dĩ nhi khử, ư tư tam giả, hà tiên ?” Viết : “Khử Binh”. Tử Cống viết : “Tất bất đắc dĩ nhi khử ? ư tư nhị giả, hà tiên ?” viết : “Khử thực. Tử cổ giai hữu tử; dân vô tín bất lập” (Nhan Uyên)

“Tử Cống hỏi về cách cai trị. Khổng Tử đáp rằng : “Nhà cầm quyền cần phải lo lương thực cho đầy đủ, binh lực cho đầy đủ, bảo vệ dân, lòng tin cậy của dân đối với mình”. Tử Cống hỏi tiếp : “Trong ba điều ấy, bất đắc dĩ phải bỏ bớt, thì bỏ điều nào trước ?” Đáp : “Bỏ binh lực”. Tử Cống hỏi nữa : “Còn lại bất đắc dĩ mà phải bỏ bớt, thì bỏ điều nào trước ?” Đáp : “Bỏ lương thực là vì từ xưa đến nay, trong nước thiếu lương thực thì xảy ra nạn chết đói; chớ dân mà không tin nhà cầm quyền thì triều đình

phai đồ”.

“Dân dĩ thực vi thiên” ! Lương thực đầy đủ đương nhiên là rất quan trọng. Không Tử giảng nhân, thứ, thế nào là đề xuất việc binh lực đầy đủ, nhấn mạnh việc vũ lực ? Thiên “Nghĩa Binh” của Tuân Tử đối với vấn đề này giảng rất hay :

“Kẻ nhân, tức yêu thương con người; kẻ nghĩa, tức tuân theo việc mà làm, nhưng sao lại dùng đến binh khí ? Tôn Khanh Tử ⁽¹⁾ nói : “Chẳng phải điều mà người biết. Kẻ nhân kia yêu người, tức yêu thương con người, cho nên ghét kẻ hại người. Kẻ nghĩa theo việc làm, tức tuân theo việc mà làm, cho nên ghét kẻ gây loạn cho người. Binh khí kia vì vậy mà ngăn cấm để trừ hại vậy; chẳng để tranh đoạt nhau !”

“Bàn việc binh” không phải là chủ trương bạo lực, lấy đất rộng dân đông, chiến tranh chém giết để làm mục đích mà là ngăn cấm bạo lực và từ bỏ ác hại. Chúng ta cảm thấy sâu sắc rằng : Đối phó với bạo lực thì có thể lấy sức mạnh để ngăn ngừa. Tiêu diệt chiến tranh chỉ có thể lấy việc chiến tranh để ngăn chặn chiến tranh. Chữ “Vũ” trong tiếng Trung Quốc có nghĩa là : chấm dứt chinh phạt sẽ có ý trở thành “vũ”, tức là ngăn ngừa chiến tranh, tiêu diệt bạo lực, mới là “vũ” ! Có người nói : Tội

(1) Tôn Khanh Tử, tức Tuân Tử. Tuân Tử tên là Huống, tự là Khanh. Trong sách xưa, Tuân Tử thường xưng là Tôn Khanh Tử.

yêu hòa bình, vì vậy mà phản đối chiến tranh. Tôi yêu nhân loại vì vậy mà không làm người lính ! Đây giống như một lối nguy hiểm. Thử nghĩ mọi người đều chạy trốn chiến tranh, cự tuyệt với việc chết chóc, thì bạo lực càng hoành hành, chiến tranh càng tăng lên, tử thương càng trầm trọng. Chiến tranh là một tấm gương : Đối với kẻ thù nhân từ, tức là tự mình tàn nhẫn ! Chúng ta cần nói : Quân bị là bức tường thành để bảo vệ tổ quốc, đây du binh lực tất nhiên là quan trọng. Con kiến càng có thể nuốt con rắn to, mà con rắn chỉ có run sợ. Sức mạnh quần chúng rất lớn ! Nhiệm vụ quan trọng nhất của việc làm chính trị là tư tưởng ở nhân dân, làm cho nhân dân có lòng tin tưởng ở chính phủ. Trong thiên “Thương Ưng liệt truyện” của sách “Sử ký” có một câu chuyện rất có ý nghĩa. Chuyện kể rằng : Tần Hiến Công tiếp thu đề nghị của Thương Ưng, thi hành biến pháp. Đây là một loại cải cách, thay đổi lớn, làm rất thận trọng. Tuy nhiên tất cả đều chuẩn bị đầy đủ, nhưng tân pháp nhất thời còn chưa công bố. Thương Ưng chỉ sợ mọi người không tin tưởng, đối với tân pháp có vẻ lơ là, không dám làm. Đó là ở cửa phía nam của quốc đô, dựng một cây gỗ cao ba trượng để tuyên bố với mọi người : Ai có thể dời đến cửa phía Bắc sẽ cho 10 lượng vàng ! Mọi người cảm thấy việc này kỳ lạ. Không có gì hứng thú. Lại tuyên bố : có thể cho 50 lượng vàng. Có một người trai tráng khỏe mạnh đến dời cây gỗ đi. Được thưởng là 50 lượng vàng. Người đó không nhận. Ồ !

Đề biểu thị lời nói và việc làm của chính phủ - đây mới là tân pháp. Kết quả Thương Ưởng đã thi hành tân pháp đi đến thành công to lớn.

“Ai Công vấn : “Hà vi tắc dân phục ?” Không Tử đối viết : “Cử trực thố chư uổng, tắc dân phục; cử uổng thố chư trực, tắc dân bất phục” (Vi Chính)

“Vua Ai Công nước Lô hỏi Không Tử rằng : “Nhà vua phải làm thế nào để dân phục ? Không Tử đáp rằng : “Cử dụng những bậc chính trực, bỏ phế những kẻ cong queo, thì dân phục. Còn như cử dùng những kẻ cong queo, bỏ phế những kẻ chính trực, thì dân chẳng phục”.

“Tử Lộ vấn chính. Tử viết : “Tiên chi, Lao chi. Thịnh ích. Viêt : vô quỵen” (Tử Lộ)

Tử Lộ hỏi về cách cai trị. Không Tử đáp rằng : “Nhà cầm quyền nên tự mình làm lành làm phải trước để làm gương cho dân; và nhà cầm quyền phải chịu khó mà lo liệu giúp đỡ cho dân”. Tử Lộ xin giải thích thêm. Không Tử nói : “Cứ giữ lại điều ấy cho siêng cần, chẳng biết mệt mỏi thì đủ”.

“Tử Trương vấn chính. Tử viết : “Cư chi vô quỵen; hành chi dĩ trung” (Nhan Uyên)

“Tử Trương hỏi về đạo lý của việc cai trị. Không Tử đáp

rằng : “Trong tâm của mình lúc nào cũng lo việc dân việc nước, chẳng biết mệt chán, và thi hành việc gì vẫn giữ niềm trung chính, hết mình”.

“Tử viết : “Đạo thiên thặng chi quốc; kính sư nhi hĩ; tiết dụng nhi ái nhân; sử dân dĩ thời” (Học nhi)

“Cầm quyền cai trị một nước lớn có ngàn cổ binh xa, để dùng lúc trận mạc, thận trọng trong công việc và phải giữ được lòng tin của mọi người, tiết kiệm trong chi dùng và thương yêu mọi người; sử dụng sức dân phải theo đúng thời vụ, bảo đảm cho họ có thời gian cày cấy trồng trọt”.

“Quý Khang Tử vấn : “Lâm chi dĩ trang, tắc kính; hiếu tử, tắc trung; cử hiền nhi giáo bất năng, tắc khuyến” (Vi Chính)

“Quý Khương Tử ⁽¹⁾ hỏi Khổng Tử rằng : “Muốn cho dân cung kính mình, trung thành với mình và khuyên nhau làm lành, nhà cầm quyền phải làm như thế nào ?” Khổng Tử đáp rằng : “Nhà cầm quyền khi đến với dân, nên giữ cốt cách cho trang nghiêm, thì dân cung kính. Đối với cha mẹ nên hiếu thuận. Đối với con em và mọi người, nên nhân từ yêu thương, thì dân sẽ trung thành với mình. Nên cử dùng người tốt, có tài; còn những kẻ sức yếu nên dạy bảo cho họ, thì dân khuyên nhau làm lành, vui theo điều lành”.

(1) Ông Quý Khương Tử là đại phu nước Lỗ, họ Quý Tồn, tên Phi.



Chính trị là sự vụ xử lý với con người. Sự vụ của mọi người rất phiền phức. Vì vậy chính trị là phức tạp. Một người làm chính trị tự nhiên cần phải tu dưỡng mình về nhiều phương diện mới có thể ứng phó với sự vụ phức tạp. Ở trên chúng ta nói : “Công việc trước tiên của việc cai trị là cần phải giữ gìn sự tín ở dân, giữ sự tín ở dân là như thế nào ? Cai trị tất nhiên là cần phải dùng người. Trên lĩnh vực dùng người chỉ khi xử lý được thỏa đáng, thì có thể giữ được sự tín ở dân. Các nhà tư tưởng chính trị của Trung Quốc như : Khổng Tử, Tuân Tử và Hàn Phi Tử đều nói rất rõ về việc dùng người. Tư tưởng của Nho gia Trung Quốc là “Thánh chư hiền thần” !

Vậy “Thánh chư hiền thần” như thế nào ?

“Tử viết : Vũ, ngô vô gián nhiên hĩ ! Phi ẩm nhi chí hiếu hồ qui thần. Ố y phục nhi chí mỹ hồ nhất miễn. Ty cung thất nhi tận lực hồ câu hức. Vũ ngô vô gián nhiên hĩ” (Thái Bá)

“Khổng Tử nói rằng : “Vua Vũ nhà Hạ, ta chẳng chê trách được. Trong việc ăn uống mỗi bữa, ngài giữ đạm bạc, nhưng trong việc cúng tế qui thần, lễ vật ngài dâng lên rất trọng hậu. Quần áo ngài thường mặc thì xấu, nhưng áo mũ ngài trang sức trong việc cúng tế thì rất đẹp. Cung thất của ngài thì nhỏ hẹp, nhưng ngôi

lạch trong nước, ngài tận lực sửa sang cho dân nhờ. Vua Vũ nhà Hạ, ta chẳng chê trách được”

Không Tử nói : “Một câu nói có thể làm cho quốc gia tiêu vong”. Câu nói đó là : nhận thức của một người làm vua, niềm vui lớn nhất của vua là : Không có người phản nghịch lại lời nói của ta ! Chủ nhân nếu như lợi dụng địa vị của mình, chạy theo lòng ham muốn của cá nhân, thì quốc gia nhất định sẽ tan nát. Một câu nói có thể làm cho nước hưng thịnh, nếu như hiểu được thì làm vua là khó. Chủ nhân tuy ở địa vị cao, trái lại có thể tự hạn chế lòng ham muốn riêng tư, thì có thể làm cho quốc gia yên ổn, vững mạnh ⁽¹⁾. Việc làm của vua Vũ là ông có thể tự nén mình, có thể tiết kiệm trong việc tiêu dùng và yêu thương nhân loại. Người bình thường tự nén, kiềm chế sự tư lợi và ham muốn của mình đã không dễ dàng, huống chi là một vị vua nghĩ như thế nào và làm như thế nào ?

Tử vị Tử San : “Hữu quân tử chi đạo tứ yên : kỳ hành kỳ dã cung : kỳ thượng sự dã kính : kỳ dương dân dã huệ ; kỳ sử dân dã nghĩa.” (Công Dã Tráng)

“Không Tử khen ông Tử San ⁽²⁾ là người giữ đạo quân tử được 4 điều : 1- Đối với người thì tự khiêm tốn cung kính. 2- Thờ

(1) Xem thiên “Tứ Lộ”, sách “Luận ngữ”.

(2) Tử San, họ Công Tôn, tên là Kiêu, tự là Tử San, làm quan đại phu của nước Trịnh.

vua thì một niềm kính trọng. 3- Thường đem ân huệ mà thi thố cho dân. 4- Sai khiến dân một cách phải lẽ”.

Tử Sản là Công Tôn Kiêu, đại phu của nước Trịnh. Ông là người mà Khổng Tử kính trọng. Chúng ta thấy Khổng Tử phê bình Quan Trọng đã làm cho Tấn Văn Công làm bá chủ thiên hạ. “Như vậy sao gọi là tiết kiệm được?”. “Quan Trọng mà biết lẽ, thì ai chẳng biết lẽ” (Bất dật), cũng có ý mỉa mai, nhưng đối với Tử Sản trái lại ông lại đề cao. Tử Sản chết, Khổng Tử nghe tin, chảy nước mắt và nói : “Người đáng yêu của người thời xưa còn sót lại”. Tử Sản có thể được coi là bậc hiền thần. Ông tự mình lập thân bằng cách tiết kiệm, cung kính, tôn thờ vua và kính cần chăm sóc dân một cách phải lẽ. Ông là chỗ dựa vững chắc của vua và dân, trên thì thành đạt, ở dưới thì hành động, trong lòng mình lúc nào cũng lo việc dân việc nước chẳng biết mệt chán, thì hành việc gì vẫn giữ niềm trung chính hết mình.

“Một người có công, đông đảo nhân dân dựa vào”. Câu nói này có thể thuyết minh đầy đủ tư tưởng chính trị của Khổng Tử. Chính trị là sự nghiệp mang lại phúc lợi cho muôn dân, không phải là công cụ làm uy làm phúc. Cái dựa vào của đông đảo nhân dân là : một người có công ! Là thánh chủ, là hiền thần. Vì vậy trọng tâm tư tưởng chính trị của Khổng Tử là ở “con người”. Người tốt tất nhiên có thể làm việc tốt. Làm việc tốt, nhân dân tự

nhiên mang ân huệ. Khổng Tử ba lần nói đến “người tốt làm việc nước” (Tứ Lộ), tức là biểu hiện bề ngoài của tư tưởng này. Khổng Tử đề xướng giáo dục là đề bồi dưỡng “quân tử”, là lấy việc “yên dân” (Dương Hóa). Tiêu biểu cho tấm gương đó, là vua Nghiêu, vua Thuấn, là những tấm gương mẫu mực của các bậc thánh thời xưa, lấy ngọn gió tốt thổi đến muôn đời.

MỖI NGƯỜI ĐỀU NÓI RA CÁI CHÍ CỦA MÌNH - MỘT MẶT CỦA VIỆC THỤ THÁI NHẸ NHÀNG

“Nhan Uyên Quý Lộ ? Tử viết : “Hạp các ngôn nhi chí ?”
Tư Lộ viết : “Nguyễn quân, mã, y, cưỡi, dư bằng hữu cộng, tề chí
nhi vô hãm”. Nhan Uyên “Nguyễn vô phạt thiện, vô thi lao” ! Tử
Lộ viết : “Nguyễn văn chí chí”. Tử viết : “Lão già, an chí ! Bằng
hữu, tín chí ! Thiếu gia hoài chí”. (Công Dã Tràng)

Nhan Uyên (tức Nhan Hôi) và Quý Lộ (tức Tử Lộ) theo hầu
Không Tử. Không Tử hỏi rằng : “Sao chẳng nói cái chí của các
người cho ta nghe ?” Tử Lộ thưa : “Tôi nguyện có cái xe mà đi,
có ngựa mà cưỡi, có áo lông màu mà mặc và dê cho chúng bạn
cùng hưởng những vật ấy với tôi, dầu họ có dùng đến hư nát, tôi
cũng chẳng buồn”. Nhan Uyên nói rằng : “Chí nguyện của tôi là
không khoe khoang những điều thiện của tôi và không tăng bốc
công lao của tôi”.

Chúng ta cảm thấy “Luận ngữ” là tác phẩm văn xuôi sớm nhất của thời cổ đại Trung Quốc, mà kỹ xảo sáng tác rất thành thực. Trong đó, ngoài sự ghi chép rất ít học trò tư chất không cao, còn các phần khác đều có thể lấy những bài ghi chép giản đơn, nhưng nội dung rất phong phú. Lấy văn bản gốc mà nói : văn trần thuật mở đầu gọn gàng, sáng rõ, dẫn dắt người đọc vào không khí đơn, thuần, hòa điệu. Lời Khổng Tử nói : “Sao các người chẳng nói cái chí cho ta nghe ?”. Tử Lộ lập tức trả lời không cần đắn đo suy nghĩ. Nhan Uyên cũng nói. Tử Lộ trái lại muốn thầy cũng nói — Nhan Uyên sẽ không biết làm như thế ! Chí nguyện của Khổng Tử là mang màu sắc nghĩa khí hào hiệp, phần lớn giống như sự khảng khái : “Ngựa cừu, áo gấm dề dàu, gọi con đem đổi vài bầu rượu ngon” của Lý Bạch trong bài “Tương Tiểu tửu”. Chí nguyện của Nhan Uyên là “không khoe khoang điều thiện của tôi”. Chúng ta nghĩ rằng Nhan Uyên vì vậy mà đức hạnh tốt. E rằng đây là nguyên nhân chủ yếu. Do thái độ khiêm tốn ở trên, tự nhiên dễ gây tình cảm tốt cho người khác, chỉ đạo cho người khác.

Ý nguyện của Nhan Uyên là “không tăng bóc công lao của tôi”, tức là một điểm của “việc gì mình không muốn chờ làm cho người”. Đây là hành vi của “Thứ” và biểu hiện của “Nhân”. Chí nguyện của Nhan Uyên và Tử Lộ không phải người bình thường

nào cũng theo kịp. Nhưng so với chí nguyện của Khổng Tử thì trái lại rất nhỏ bé. Bởi vì nguyện vọng của Khổng Tử là làm cho người khắp thiên hạ đều có thể “mọi người đều nói ra cái chí của mình”. Cũng tức là thiên hạ một nhà và cảnh tượng hòa bình của thế giới đại đồng mà trong thiên “Đại Đồng” sách “Lễ vận” ghi chép : “Già thì có nơi để an dưỡng, thanh niên trai tráng thì có nơi sử dụng, tuổi ấu thơ thì được trưởng thành, những kẻ bất hạnh cô độc, bệnh tật đều được nuôi dưỡng”.

Từ Lộ. Tàng Tích, Nhiệm Hữu, Công Tây Hoa thi tọa. Từ viết : “Dĩ ngô nhất nhật trường hồ vi hí, vật ngô dĩ dã ! Cư tắc viết : “Bất ngô tri dã” như hoặc chi nhĩ tắc hà dĩ tai ?” Từ Lộ suất nhĩ nhĩ đôi viết : “Thiên thặng chi quốc, nhiếp hồ đại quốc chi gian; gia chi dĩ sự lữ, khốn chi dĩ cơ cần; Do dã vi chi, tĩ cập tam niên, khả sử hữu dũng, thả tri phương dã”. Phu Tử thăm chi : “Cầu, nhĩ hà như ?” Đôi viết : “Phương lục thất thập, như ngũ lục thập, cầu dã vi chi, tĩ cập tam niên, khả sử túc dân. Như kỳ lễ nhạc, dĩ sĩ quân tử”. Xích, nhĩ hà như ? Đôi viết : “Phi viết, “năng chi”. Nguyên học yên. Tông miêu chi sự như hội đồng, đoạn chương phủ nguyện vi tiểu tương yên ! “Điểm nhĩ hà như ?” cổ cầm, hí; khanh nhĩ; xá đắc tư tác, đôi viết : Dị hồ tam tử giả chi soạn”. Từ viết : “Hà thương hồ ! Diệc các ngôn kỳ chi dã” viết : “mộ xuân giả, xuân phục ký thành, quan giả ngũ lục

nhân, đồng tư lục thất nhân, dục hồ nghi, phong hồ Vũ Vu vịnh như qui". Phu tử vị nhiên thán viết : "ngô dữ diêm d'ã. Tam tư gia xuất. Tăng Tích hậu. Tăng Tích viết : "Phù tam tư gia chi ngôn hà như ? Tử viết : "Diệc các ngôn từ chí dã lữ" viết : "Phu tử hà thâm Do dã ? viết : Vị dã quốc di lễ, kỳ ngôn bất nhượng, thị cố thâm chi". Duy cần tắc chi bang dã dĩ hi ? . Viết : Phu Tử hà thâm do dã ? Viết : Vô quốc dĩ lễ; kỳ ngôn bất nhượng, thị cố thâm chi. Duy cầu tắc phi bang dã dữ. An kiến phương lục thất, thập như ngũ lục thập nhi phi bang dã giả. Duy xích tắc phi bang dã dữ ? Tông miếu hội đồng, phi chư hầu nhi hà ! Xích dã vi chi tiểu, thực năng vi chi đại" (Tiên Tần).

"Tử Lộ, Tăng Tích ⁽¹⁾, Nhiễm Hữu và Công Tây Hoa ngồi hầu Khổng Tử. Khổng Tử dạy rằng : "Các người ngại vì ta lớn tuổi hơn mà chẳng dám nói rõ chí của mình, nhưng đừng ngại chỗ đó. Bình thường ở nhà các người hay nói rằng : "Thiên hạ chẳng biết ta ví như thiên hạ biết mà dùng các người, thì các người sẽ trở tài như thế nào ?"

Tử Lộ bỗng nhiên đứng dậy đáp rằng : "Ví như một nước có ngàn cỗ binh xa, bị ép giữa hai nước lớn, lại có thêm nạn chiến tranh, nhân đó mà dân chúng đói khổ.

(1) Tăng Tích tên là Diêm, là cha của Tăng Sâm.

Do này nếu lãnh quyền cai trị nước ấy kịp đến ba năm thì làm cho người trong nước trở nên dũng can và biết nghĩa vụ". Không Tử mỉm cười và hỏi Nhiên Hữu : "Còn trò Cầu, trò sẽ làm gì ?".

Nhiên Hữu đáp : "Như có một địa phương vuông vức sáu, bảy chục dặm hay năm sáu chục dặm. Cầu này lãnh quyền cai trị, kịp đến ba năm thì có thể làm cho dân chúng được no đủ. Còn về lễ và nhạc thì tôi chẳng đủ sức chấn chỉnh, xin đợi bậc quân tử". Không Tử hỏi Công Tây Hoa :

"Trò Xích, trò sẽ làm gì ?" Công Tây Hoa đáp : "Về lễ và nhạc, tôi cũng chẳng cần cò tài, song cũng muốn học tập. Trong những dịp tế tự ở nhà Tông miếu, trong cuộc hội nghị của các vua chư hầu, tôi sẽ mặc áo lễ "Huyền đơn", đội mũ lễ "Chương phu", tự nguyện dự phần tiêu tướng vậy thôi". Không Tử lại hỏi Tăng Tích : "Còn trò Diêm, trò sẽ làm gì ?" Tăng Tích đang gay đàn sắt nghe Không Tử hỏi tới mình thì ngừng tay, nhưng tiếng đàn còn ngân. Ông bỏ đàn, đứng dậy và đáp rằng : "Chí của tôi khác hẳn với sở nguyện của ba anh bạn tôi". Không Tử nói : "Có hại gì ? Mỗi người cũng đều nói ra cái chí của mình vậy thôi !". Tăng Tích thưa rằng :

"Về cuối xuân tiết tháng ba, bây giờ áo mỏng và nhẹ trong mùa đã may xong, cùng với năm, sáu người cỡ hai mươi tuổi, sáu

bảy cậu trai mười sáu tuổi, dắt nhau đi tắm ở sông Nghi, hứng gió ở đàn Vũ Vu rồi trên đường về cùng nhau ca vịnh cho vui. Đó là chí của tôi vậy”.

Khổng Tử ngậm ngùi than rằng : “Ta khen cái chí cao thượng của trò Điểm vậy”

Khi ba đệ tử kia đi rồi, Tăng Tích còn ở lại với Khổng Tử. Ông hỏi rằng :

“Đôi với lời nói của ba anh bạn kia, Thầy nghĩ như thế nào ? Khổng Tử đáp : “Cũng đều cho biết cái chí của mình vậy thôi”. Tăng Tử lại hỏi : “Nhưng tại sao nghe anh Do nói mà thấy mỉm cười ? Khổng Tử đáp : “Bậc trị quốc cần phải có lễ nhượng; mà trong lời nói của trò Do, chẳng có một điểm lễ nhượng. Vì vậy, cho nên ta mỉm cười đó thôi. Tăng Tích hỏi nữa : “Còn anh Cầm chẳng phải nói việc trị nước đó sao ?” - “Một địa phương đầu vuông vức sáu, bảy mươi dặm hay năm, sáu mươi dặm đó chẳng phải là một nước nhỏ, chứ là gì ?”

Tăng Tích lại hỏi : “Còn anh Xích cũng chẳng phải nói việc trị nước đó sao ? - Việc tế tông miếu và việc hội đồng, đó chẳng phải là việc của nước chư hầu, chứ là việc của ai ? Trò Xích khiêm nhượng xin dự làm tiểu tướng, vậy còn ai có thể làm đại tướng ?”.

Đây là một đoạn văn dài nhất và hay nhất trong “Luận ngữ”. Bởi vì trong câu “Tại sao nghe anh Do nói mà thầy mỉm cười ?” dùng từ “thầy”, do đó Thôi Thuật, đời Thanh cho rằng đoạn này là đáng nghi ngờ. Sự hoài nghi của Thôi Thuật tự nhiên là có lý của ông ta. Nhưng đã có lời “ngôn chí” qui mô nhỏ trong thiên “Công Dã Tràng” thì Khổng Tử lúc còn sống sẽ không có việc tọa đàm như đoạn văn này ! Cần phải nói là nó đã bị đời sau tu sửa, nhuận sắc, đó là điều khó tránh khỏi. Trên thực tế, trong bản “Luận ngữ” hiện nay có thể đại bộ phận là thời Chiến quốc mới viết xong. Đã qua tay của người thời Chiến Quốc, thì ngẫu nhiên xuất hiện những chỗ đệ tử trước mặt gọi Khổng Tử là “Thầy”, cũng không lấy gì làm lạ ! Chữ nghĩa của đoạn văn này rõ ràng trải qua sự chọn lựa sâu sắc : Tử Lộ vội vàng tháo vát : Tăng Tích thì từ từ có lý lẽ; sự xung đột tính cách mãnh liệt tăng dần theo tính chất của chữ nghĩa, tạo nên không khí đặc biệt dẫn dắt mọi người vào chỗ cao hứng, ý vị. Tăng Tích lạnh lùng nhìn mọi người mà tiếng đàn sắt để lộ ra không thể, thế nào được.



Tấn Văn Công thời Xuân Thu không phải là hình mẫu của ông Vua : ông ta vợ vét thuế má, của cải thật nhiều của dân để trang sức lâu đài, cung điện. Từ trên lầu cao, ông ta dùng cung

đạn bắn người. Thấy chạy tránh viên đạn thì lấy làm vui (thật không nói sai). Người làm bếp nấu thức ăn không chín, thì sẽ bị giết đặt trên rương làm bằng gỗ, để cho phụ nữ dùng xe đẩy đi diễu qua triều đình cho tất cả mọi người nhìn, làm cho mọi người sợ hãi. Triệu Thuấn, Sĩ Hối và mọi người nhìn thấy đều để lộ ra bên ngoài, hỏi đầu đuôi sự việc, họ rất lo lắng, quyết tâm khuyên bảo nhà vua. Họ chuẩn bị thay phiên nhau ra trận. Sĩ Hối đi trước. Vua vừa nhìn thấy Sĩ Hối đã biết được ý nghĩa anh ta và lập tức nói : “Lỗi của ta, ta biết rồi. Ta sẽ sửa đổi”. Lời nói vội vã trước tiên này không phải là nhận lỗi lầm mà không muốn để cho Sĩ Hối mở miệng nói ra liên miên rất lỗ tai. Lời thừa nhận này chính là : Lấy việc nhận lỗi để biện hộ cho lỗi lầm. Mọi người đều nhận biết còn nói được không ? Sĩ Hối không thể tránh khỏi; biết rõ nhà vua không biết sửa đổi cũng chỉ dằn dò một lần : “Con người ai chẳng có lỗi lầm, lỗi lầm mà có thể sửa đổi, đức thiện ấy tốt lắm thay” (1)

Đúng biết bao ! Con người ai không có lỗi lầm ! Thánh nhân cũng phạm phải lỗi lầm” (2)

Tử viết : “nhân chi quá dã, các ư kỳ đẳng, Quan quá, tư tri nhân hĩ” (Lý Nhân)

(1) Xem “Tả truyện nhi niên truyện”

(2) Xem thiên “Thuật nhi” sách “Luận ngữ”.

“Khổng Tử nói rằng : “Mỗi người tùy theo đảng phái của mình mà phạm lỗi lầm. Cho nên, khi quan sát lỗi lầm của mỗi người, mình có thể biết người ấy có lòng Nhân hay không ?”.

Thời cổ, nước Trịnh có một bà ra chợ mua cá đem về, lúc đi qua sông Dĩnh ⁽¹⁾, bà ta cho rằng cá có thể khát nước, nên thả nó xuống sông uống nước. Lập tức, con cá của bà đi mất ⁽²⁾. Nếu như có người trách mắng bà, tức là trách mắng tấm lòng tốt của bà ! Cuối đời Tần, các nơi anh hùng nổi lên, Tư Mã Hân dẫn quân Tần đánh nhau không thắng, nên đầu hàng Hạng Vũ. Hạng Vũ cho rằng cái tâm của quân Tần không ổn định, sợ hỏng việc thì nguy, bèn đêm chôn sống 20 vạn quân Tần đã đầu hàng ở phía nam thành Tân An thật là thất đức. Hiện nay chúng ta thường nghe thấy tiếng than của lớp người lớn : Ngày nay không như ngày xưa ! Khổng Tử cũng đã từng than như thế :

“Cổ giả dân hữu tam tật. Kim dã hoặc thị chi vong dã ! Cổ chi cường dã tứ. Kim chi cường dã đang. Cổ chi cảnh dã liêm; kim chi cảnh dã phần lệ. Cổ chi ngu dã trực, kim chi ngu dã trá nhi dĩ hĩ” (Dương Hóa)

Khổng Tử nói rằng : “Đời xưa, dân có ba tật. Đời nay, có lẽ

(1) Sông Dĩnh bắt nguồn từ huyện Đặng Phong, tỉnh Hà Nam, rồi nhập vào sông Hoài hà.

(2) Xem “Hàn Phi Tử ngoại chủ, thuyết tả thượng”.

chẳng còn ba tật ấy nữa. Người xưa tuy cuồng vọng, nhưng chẳng tự trói buộc vào tiểu tiết. Người nay nếu cuồng vọng thì phóng đáng cần dỡ. Người xưa tuy kiêu căng, nhưng giữ tiết thanh liêm. Người nay nếu kiêu căng thì hay giận bậy mà nghịch đời. Người xưa tuy ngu khờ, thất học nhưng ngay thẳng chân chất. Người nay nếu ngu khờ, thất học thì hay giả dối, lừa đảo”.

Cuồng vọng, kiêu căng và ngu khờ tự nhiên là thứ bệnh của con người, nhưng người thời cổ đại mắc những bệnh này còn là có thể chấp nhận được. Người cuồng vọng vẫn có chí tiến thủ; Người giữ sự kiêu căng nhưng vẫn giữ tính thanh liêm; người ngu khờ bản chất chân chất. Thời Khổng Tử, người có một số căn bệnh đó trái lại không thể giữ gìn được : người phóng đảng, cuồng gian mà không có sự kiềm chế; người kiêu căng thì giận bậy và nghịch đời. Người ngu khờ chỉ có giả vờ dối trá. Thật là thời thế thay đổi, nhân tâm chẳng được như xưa !

Tử viết : “Quá nhi bất cái, thị vị quá hĩ” (Vệ Linh Công)

“Nếu như người phạm lỗi lầm, mà không chịu sửa chữa, như vậy mới thật là lỗi lầm”.

Tử Hạ viết : “Tiểu nhân chi quá dã tất văn” (Tử Hân)

Tử Hạ nói rằng : “Kẻ tiểu nhân phạm phải lỗi lầm, nhất định muốn tìm cách che đậy”.

Tử Cống viết : “Quân tử chỉ quá dã, như nhật nguyệt chi thực yêu. Quá dã, nhan gia kiêu chi, canh dã, nhân giai ngưỡng chi” (Tử Trương)

“Tử Cống nói rằng : “Người quân tử khi có lỗi làm giống như mặt trời, mặt trăng tròn trịa sáng soi trở lại, ai nấy đều ngưỡng vọng”.

Chúng ta hiểu rằng : Con người dĩ nhiên không tránh khỏi phạm lỗi lầm, thế thì từ thái độ của cá nhân đối với lỗi lầm mà mình phạm phải, cũng có thể phán đoán phẩm chất cá nhân đó. Có một loại người vẫn thường nói : “Tôi không có sai !” — lý lẽ thẳng thắn mạnh mẽ. Trên thực tế, câu : “Tôi không có sai”, tức là sai rồi ! Một người không tự tâm kiểm điểm mà dám nói mình không sai, thái độ này sẽ không được. Đã không sai, đương nhiên là không có cái gọi là sửa chữa. Cần phải tìm nhiều cách để che đây — Thường thường, càng muốn che đây càng lan ra. Mà để che đây một lỗi lầm, thì lại mắc phải nhiều lỗi lầm khác. Thật mệt biết bao ! Chẳng qua đã không có lòng sửa chữa lỗi lầm, vì vậy, kẻ tiểu nhân cuối cùng vẫn là kẻ tiểu nhân. Có một người khác, biết rằng sai, cũng thấy đau khổ, muốn sửa chữa nhưng nghị lực không có, lòng quyết tâm có thừa, nhưng sức lực không đủ, nên chẳng bao lâu, lỗi lầm cũ lại nảy sinh. Khổng Tử chê trách Nhan Hồi “Không quá hai lần”. Đây không quá hai lần yêu cầu tự mình

kiềm chế và nghị lực tương đối mới có thể làm được. Còn người không biết che đậy lỗi lầm đã mất của mình, vì vậy tất cả mọi người đều có thể nhìn thấy làm lỗi của mình.

Chẳng qua “lỗi lầm mà sửa đổi, là không phải lỗi lầm” ⁽¹⁾. Đã sửa chữa lỗi lầm để đi dần đến tốt, tất cả mọi người cũng đều có thể nhìn thấy lỗi lầm mà có thể sửa chữa, cái tốt lớn lắm thay ! Đây tức là cái mà người quân tử làm để trở thành người quân tử.

Trong bốn người quân tử phong lưu, nhân tài thời Chiến quốc, Tín Lăng Quân, công tử của nước Ngụy là nhân vật đặc ý nhất trong đầu óc của Thái Sử Công ⁽²⁾. Thái Sử viết : về Mạnh Thường Quân, Bình Nguyên Quân và Xuân Thân Quân liệt truyện đều gọi là “Quân”. Chỉ riêng trong một Thiên “Tín Lăng Quân liệt truyện” thì gọi “Tín Lăng Quân là “công tử” hơn 140 lần. Có thể thấy sự tôn vinh của Thái Sử Công đối với Tín Lăng Quân. Những kẻ sĩ ở dưới Tín Lăng Quân cố nhiên là làm cho mọi người tán thưởng; nhưng ông ta còn có một loại người thường đức hạnh không dễ gì đạt được : sửa chữa lỗi lầm để đi đến tốt. Chúng ta biết Trung Quốc ở thời đại Chiến Quốc gồm bảy nước mạnh cát cứ, đến cuối thời Chiến quốc, thế lực của nước Tần chiếm ưu thế.

(1) Xem “Hàn thi ngoại truyện”.

(2) Tức nhà văn và nhà sử học Tư Mã Thiên (145 TCN — 90 TCN)

Quân Tần bao vây và tấn công nước Triệu, nước Triệu rất nguy cấp, phải cầu cứu binh lực của nước Ngụy — Phu nhân của Bình Nguyên Quân nước Triệu là chị của Công tử. Vua nước Ngụy bị sự uy hiếp của nước Tần, nên hạ lệnh bỏ việc đem binh đến cứu. Công tử lấy cấp binh phù của vua nước Ngụy, cứu nước Triệu.

Sau cùng, công tử không dám trở về nước Ngụy mà ở lại nước Triệu mười năm. Vua Triệu cảm kích, đối đãi rất tôn kính với quân tử. Công tử đã không tránh khỏi sự vui mừng, ưa nước mắt, cho rằng làm được việc tốt đẹp. Có người nói với công tử : “Có sự việc không thể quên, cũng có sự việc thể không quên. Công tử có ơn ở người khác, mong rằng công tử quên đi ! Huống gì lấy cấp binh phù, giành quân đội cứu nước Triệu, có công với nước Triệu. Đối với nước Ngụy, Công tử không thể coi là bề tôi trung thành. Công tử cuối cùng vẫn tự mình kiêu căng cho rằng đã làm được một việc tốt, riêng ý của tôi là không đồng tình với thái độ của công tử”. Công tử lập tức tự trách mình, cảm thấy hổ thẹn như muốn chui xuống đất. Về sau, nước Tần xuất binh đánh nước Ngụy, vua nước Ngụy vội vàng phái người đi mời Công tử. Công tử hạ lệnh : “Ai dám làm người truyền đạt cho sứ giả của vua Ngụy sẽ bị giết”. Có hai người ở ẩn là Mao Công và Tiết Công đến, nói rằng : Công tử ở nước Triệu được coi trọng mà tên tuổi chưa hầu đều nghe thấy, nguyên nhân vì có nước Ngụy. Bây giờ,

nước Tần đánh nước Ngụy, nước Ngụy bị nguy cấp mà Công tử trái lại không lo đến. Nếu như nước Tần đánh vào kinh đô của nước Ngụy, san bằng tông miếu của tiên vương, thì đến lúc đó, Công tử còn mặt mũi nào để sống không?”. Lời nói chưa dứt, nét mặt của Công tử đã biến sắc, cho người nhanh chóng chuẩn bị xe cộ, lên đường trở về nước - Mao Công và Triệt Công ăn nói rất thông minh, Công tử Tín Lăng Quân làm được việc rất tốt. Nhưng nhận thức được lỗi lầm cần phải tự xé da mặt? Ai lại không yêu bộ mặt của mình? Sửa chữa lỗi lầm cần phải có nghị lực. Vì vậy, Khổng Tử cũng không thể không than rằng: “Thôi thì thôi! Ta chưa thấy người nào biết được lỗi lầm của mình mà trong lòng tự trách, ăn năn hối hận”⁽¹⁾



“Con người ta khi sinh ra, bản tính vốn ngay thẳng - nếu họ tà khúc mà sống được, đó là họ may mắn mà không chết đó thôi!”⁽²⁾. Thế thì, hành vi như thế, sao còn là chính trực? Nước Lỗ có một người gọi là: Vi Sinh Cao. Có một người khác đến xin anh ta tí dấm. Anh ta không dám nói thẳng là mình không có, trái lại, chạy đến xin bên nhà láng giềng để cho người ấy. Vi Sinh Cao này là người rất ân cần, nhưng không phải là

(1) Xem thêm thiên “Công Đà Tráng”, sách “Luận ngữ”

(2) Xem thêm thiên “Tư Lộ”, sách “Luận ngữ”

“nét” của người “chính trực”. Minh không có, thì sao không nói thẳng là không có ! Diệp Công của nước Sở nói với Khổng Tử rằng : “Ở xóm tôi, có những người giữ phép ngay thẳng rất mực, như cha ăn trộm dê, thì con đứng ra làm chứng khai thật” ⁽¹⁾. Sách “Hiếu Kinh”, tập thượng, nói rằng : “Cha có tranh giành với con thì bản thân cha không phạm vào tội bất nghĩa”. Cha có lỗi thì can ngăn, vì vậy có thể tránh được tội bất nghĩa. Đây là việc ngăn người trước khi sự việc xảy ra. Nếu sự việc đã xảy ra thì nghĩ cảnh lấp vá và thu lại; hăng hái mà tiến ra, làm chứng cho tội của cha, tức là không hợp với tình người.

Vì vậy, Khổng Tử mang điểm này để làm khẩu khí khôi hài, dùng tình người bình thường để nói “làm chứng cho cha ăn trộm dê” không thấy được, tức là “chính trực” ! Đương nhiên Khổng Tử không phải nói hành vi ăn trộm dê là không có sai trái, bởi vì hành vi này không tốt, vì vậy, con cần phải vì cha mà che đậy, bưng bít, bào chữa. Đây là biểu hiện tình yêu thiên tính của con đối với cha. Ví như Đê Vinh cứu cha là một ví dụ ! Nếu như với tình cảm yêu thương cha thuần chất chính trực, sửa chữa lỗi lầm để tiến tới cái tốt, thế thì “chính trực” đã ở trong đó rồi. Sách “Hàn thi ngoại truyện thứ 7” có câu : “Người chính trực cứ theo đạo lý mà làm, theo lý lẽ mà nói, công bằng, vô tư. Không xếp đặt

(1) Xem thêm thiên “Tứ Lễ”, sách “Luận ngữ”.

chí hướng, không làm nguy hại quá đáng”.

Tử viết : “Trúc vực sử ngữ ! Bang hữu đạo như thi; Bang vô đạo như thi” (Vệ Linh Công)

“Khổng Tử khen rằng : “Ngay thẳng thay quan Sử Ngữ ! Trong khi nước nhà được thái bình thì ông vẫn ngay thẳng như mũi tên, trong khi nước nhà loạn lạc, ông cũng vẫn thẳng như mũi tên”.

Một người ở trong tình huống nào cũng đều thuận theo đạo lý mà làm, thuận theo lý lẽ mà nói, kiên trì giữ vững nguyên tắc làm người. Đó tức là chính trực ! Trong nhà của Minh Sơn Tân đã có lúc tương đối bần khổ, cần phải bán con bò kéo xe. Đã bán rồi, nhận được tiền, Minh Sơn Tân cuối cùng nói với người mua bò rằng : “Con bò này đã bị đau chân, chữa khỏi đã rất lâu, sợ về sau lại tái phát, nên không thể không nói với nhau”. Người mua mới nghe nói lập tức đòi tiền lại, không mua nữa. Thà bò bán không được, nhưng cũng cần phải nói thực. Đây là “Chính trực” ! Đương nhiên ngay thẳng nhiều lúc làm cho người ta ghét ! Chúng ta thấy Phạm Băng thời Đông Hán vì chính trực mà bị chê bai, bản thân lại gặp phải “Họa bè đảng”, 33 tuổi đã bị giết. Đọc “Truyện Phạm Băng”, sách “Hậu Hán thư” chúng ta thực không thể không che miệng mà than thở. Chẳng qua “chính trực” giống như rượu, càng bày ra càng thơm. càng lâu càng làm

cho người ta biết ! Lạc Dương, người thời xưa làm tướng của nước Ngụy, tấn công đánh Trung Sơn, “Con của Lạc Dương ở Trung Sơn, Vua Trung Sơn thiêu sống con của Lạc Dương mà đem thịt nấu canh. Lạc Dương ngồi ở dưới lầu vãi, húp canh thịt, ăn hết một chén - không hợp tình hợp lý ! Ngụy Văn Hầu nói với Đỗ Sư Tán rằng, Lạc Dương vì ta (tức nhà vua) mà ăn thịt của con ông ta”. Đỗ Sư Tán nói : “Ngay cả con mình ông ta cũng ăn, thế thì ai ông ta lại không ăn ?”. Lạc Dương đánh được Trung Sơn trở về, Ngụy Văn Hầu ban thưởng cho ông ta, nhưng trái lại, đối với lòng dạ của ông ta, thì nhà vua vẫn nghi ngờ. Mạnh Tôn đi săn được con nai, để cho Tần Tây Ba mang về. Mẹ của con nai cũng kêu khóc, Tần Tây Ba không nỡ đá thả con nai con. Mạnh Tôn trở về hỏi : “Con nai con đâu ?” Tần Tây Ba đáp : “Tôi đã không nỡ bắt, mà đã đem nó trả cho mẹ nó rồi”. Mạnh Tôn rất tức giận, liền đuổi Tần Tây Ba đi trong 3 tháng. Sau đó lại gọi Tần Tây Ba đến để dạy cho con của mình. Người hầu của Mạnh Tôn không hiểu được, hỏi rằng :

“Ngày trước, ông tức giận anh ta, bây giờ lại gọi anh ta làm thầy, thế là đạo lý gì ?”. Mạnh Tôn nói : “Anh ta ngay cả chỉ vì con nai nhỏ mà tỏ lòng thương hại, thế thì chẳng lẽ anh ta lại không tỏ lòng thương hại con của ta hay sao ?”. Thật đúng cái gọi là “Xảo trá không bằng vụng về”.



Trên đường đời, chúng ta thường gặp phải con đường quanh co khúc khuỷu. Chúng ta có thể hòa nhập, cũng có thể kịp thời quay đầu lại. Chắc chắn là vì chúng ta có nhận thức đối với con đường quanh co, khúc khuỷu đó. Thế thì cái gì là “nghĩ ngờ” ?

“Tử Trương vấn sùng đức, biên hoặc. Tử viết : “Chữ trung tín; tỳ nghĩa, sùng đức dã. Ái chi dục kỳ sinh; ô chi dục kỳ tử : Ký dục kỳ sinh, hựu dục kỳ tử, thị hoặc dã” (Nhan Uyên).

Tử Trương hỏi cách tôn sùng đức tánh và biết rõ mỗi làm. Không Tử đáp rằng : “Lấy sự trung hậu, đức tín làm chủ và làm theo việc nghĩa, đó là cách tôn sùng đức tín. Khi thương, muốn cho người ta sống; Khi ghét, muốn cho người ta chết. Trước đã muốn cho người ta sống, sau lại muốn cho người ta chết, đó là mỗi làm cần phải biết rõ để mà tránh xa vậy”.

“Phản Tri tòng du ư Vũ Vu chi hạ; viết : “Cảm vấn sùng đức, tu khắc, biện hoặc” ? Tử viết : “Thiên tai vấn ! Tiên sự hậu đắc, phi sùng đức dư ! Công kỳ ác vô công nhân chi ác, phi tu thắc dư : nhất triêu chi phần, vong kỳ thân dĩ cập kỳ thân, phi hoặc dư ?” (Nhan Uyên)

“Phản Tri theo Không Tử dạo chơi ở dưới đàn Vũ Vu ⁽¹⁾,

(1) Xem thêm thiên “Hiển vấn”, sách “Luận ngữ”.

nhân hỏi Không Tử rằng : Xin hỏi thầy về cách tôn sùng đức tính, sửa trị điều lỗi và biết rõ mối lầm”. Không Tử đáp rằng : “Phải thay câu hỏi ấy ! Trước hết, mình phải làm điều lành; rồi sau mới nói rằng mình được điều lành, đó chẳng phải là cách tôn sùng đức tính đó sao ? Mình phải tấn công điều lỗi của mình, chứ đừng tấn công vào điểm lỗi của người khác, đó chẳng phải là cách sửa trị điều lỗi đó sao ?”.

Trong hai đoạn này, Không Tử nói đến việc phân biệt của sự nghi ngờ ! Cần phải nghĩ đến tình cảm tiêu diệt tất cả sự phần nộ, đó là việc không thể thực hiện được. Nhưng chúng ta có thể ghi nhớ rằng :

“Sinh khí lại không cần phải phạm tội. Không thể ngâm đắng nuốt cay đến khi mặt trời lạnh”. Khi ông mặt dốt vào người, ngay lập tức sinh mệnh cũng bị đe dọa ! Tức giận một lúc, quên thân mình mà làm một người khác.

Chúng ta không thể chỉ dựa vào một lúc cao hứng, muốn làm thì làm, muốn suy nghĩ thế nào thì suy nghĩ. Người có đầu óc này, tức là dùng sự tưởng tượng ! “Yêu được thì cần phải liều mạng, giận được thì cần phải liều chết”. Đó là việc thường tình của con người. Nhưng sự việc “Trước đã muốn cho người ta sống, sau lại muốn cho người ta chết” cũng không phải hiếm. Ví như cha mẹ ít yêu thương con gái, mọi việc thông dong tự tại : Đó là

tự để : “muốn cho người ta sống”. Kết quả là tạo cho con gái học tập yếu kém, phẩm hạnh, tính nết không được đoan trang, sức khỏe không tốt. Điều này với việc muốn cho người ta chết có gì khác nhau. Cha mẹ đương nhiên là mong muốn cho con gái mình “sống”, mà không biết mong muốn con gái của mình “chết”, nhưng bởi vì cách yêu thương con không đúng, giống như đồng thời có hai loại tâm lý, tức cái gọi là “Trước đã muốn cho người ta sống, sau lại muốn cho người ta chết”. Đây tự nhiên là sự nghi ngờ ! Đây chỉ là ví dụ tương đối, thường nhìn thấy ! Việc khác, chúng ta làm việc, học tập, tuy nhiên mục tiêu rất lớn, lý tưởng rất cao, nhưng phương pháp không đúng thì kết quả thường ngược lại với ý muốn ban đầu. Đây cũng là sự nghi ngờ.



Hữu nghị tốt có thể ví như nước sương mai ngon ngọt, thấm dần trong tim của mỗi người. Lúc thành công, vui vẻ, chúng ta mong bạn bè chia sẻ nỗi vui mừng. Nhưng khi thất bại đau thương thì chúng ta càng mong mỗi bạn bè tránh xa. Thời Xuân Thu, Bảo Thúc Nha và Quản Trọng là hai người bạn có mối giao hảo rất tốt, họ cùng nhau đến Nam Dương để buôn bán. Thúc Nha biết Quản Trọng có thể làm quên nghèo khổ, nên phân chia tiền lời cho Quản Trọng nhiều hơn một ít. Về sau, Tề Nhường Công vô đạo, Bảo Thúc Nha theo Công tử Tiểu Bạch, Quản Trọng

theo Công tử Cù chạy ra nước ngoài lánh nạn. Sau khi Nhượng Công chết, Tiêu Bạch trở về nước lên ngôi vua là Tề Hoàn Công, trở thành một trong năm ngũ bá. Công Tử Cù bị người Lỗ giết hại, Quân Trọng bị bắt giam; Bào Thúc Nha tiến cử Quân Trọng cho Tề Hoàn Công. Quân Trọng làm tướng giúp cho Tề Hoàn Công làm bá chủ chư hầu. Ngay đến Khổng Tử cũng nói : “Nếu chẳng có Quân Trọng thì chúng ta phải búi tóc và vắt vạt áo bên tả như người Mandi” (1). Chúng ta trái lại, cần phải nói : Không có Bào Thúc Nha thì sẽ không có một Quân Trọng, cũng có thể không có bá chủ thiên hạ của Tề Hoàn Công. Ngay cả Quân Trọng cũng phải nói : “Sinh ra ta là cha mẹ, còn biết ta là Bào Thúc”. Đến hôm nay, chúng ta còn gọi sự giao hảo tình bạn tốt là sự giao hảo của Thúc Nha. Người xưa nói : “Đời người được một người biết mình, chết mà không giận”. Có thể thấy sự đáng quý của tình bạn.

Tử Hạ chỉ môn nhân văn giao ư Tử Trương. Tử Trương viết : “Tử Hạ văn hà ?” Đối viết : “Tử Hạ viết : khả giả dữ chi; kỳ bất khả giả cự chi”. Tử Trương viết : “Dị hồ ngô sở văn ! Quân tử tôn hiền nhi dung chúng; gia thiện nhi cang bất năng. Ngã chi đại hiền dư ? Nhân tương cự ngã; Như chi hà kỳ cự nhân dã !” (Tử Trương)

“Học trò Tử Hạ hỏi Ông Tử Trương về sự kết giao với bạn

bè. Tử Trương hỏi lại rằng : “Về việc ấy, thầy Tử Hạ dạy như thế nào ?” Đáp : “Thầy Tử Hạ dạy rằng : “Đôi với người tốt mình nên làm bạn, đôi với người không tốt mình nên tuyệt giao”. Tử Trương nói rằng : “Điều ấy khác với điều ta đã nghe. Ta từng nghe rằng người quân tử tôn trọng trang hiền đức, mà bao dung kẻ tầm thường; khuyến khích trang khéo léo, mà thương xót kẻ bất tài. Ta là bậc hiền chăng ?” Thì có ai mà ta chẳng bao dung ? Ta là kẻ chẳng hiền chăng ? Ai người sẽ tuyệt giao ta vậy. Như thế, lẽ nào mình tuyệt giao với người sao ?”

“Khổng Tử viết : Ích giả tam hữu, tổn giả tam hữu. Hữu trực, hữu lượng, hữu đa văn, ích hĩ ! Hữu tiên tịch, hữu thiện nhu, hữu tiện nịnh : tổn thất” (Quý Thi)

“Khổng Tử nói rằng : “Có ba hạng bạn bè ích lợi, và có ba hạng bạn bè tổn hại. Bạn ngay thẳng, bạn đáng tin, thành thật, bạn nghe nhiều, hiểu rộng : đó là ba hạng bạn bè có ích lợi cho mình. Bạn hay làm bộ làm tịch, bạn khéo léo chiều chuộng, bạn hay xảo trá làm bộ làm tịch, bạn khéo léo chiều chuộng, bạn hay xảo trá lường gạt : đó là ba hạng bạn bè có tổn hại đến mình”

Khổng Tử cũng nói : “Chẳng nên làm bạn với những kẻ chẳng như mình” ⁽¹⁾. Lời này với lời của Tử Hạ nói : “Đôi với người tốt mình nên làm bạn, đôi với người không tốt mình nên

(1) Xem thiên “Học nhi”, sách “Luận ngữ”

tuyệt giao”, hình như đều nảy sinh từ lời mà Tử Trương nói : “Ta là bậc đại hiền chăng ? Thì có ai mà ta chẳng bao dung ? Ta là kẻ hiền chăng ? Ất người ta sẽ tuyệt giao ta vậy. Như thế lẽ nào mình lại tuyệt giao với người sao ?”. Nhưng kết giao bạn bè có kết giao sâu sắc (thâm giao), có kết giao bạn bè rộng rãi (phiếm giao). Tử Hạ chủ trương kết giao với bạn bè có ích lợi, và không kết giao với bạn bè có tổn hại đến chúng ta mà Tử Trương nói đến chỉ là giao thiệp, quan hệ thông thường. Mục đích không giống nhau, đối tượng tự nhiên có khác nhau. Nhưng, trái lại chúng ta thấy rằng : kết giao bạn bè cần phải lựa chọn, trừ phi gặp mặt một lần mà không được gặp lại, thì một lần sống bằng hai lần quen. Kết giao rộng rãi trở thành kết giao sâu sắc, mà kết giao sâu sắc là cũng do kết giao rộng rãi mà ra. Cái gọi là “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng” là không thể không thận trọng.

“Tử Cống vấn hữu. Tử viết : “Trung cáo nhi thiện đạo chi. Bất khả, tắc chỉ, vật tự nhục yên” (Nhan Uyên)

“Tử Cống hỏi về tình bạn bè. Khổng Tử đáp rằng : “Như bạn có lỗi, mình nên hết lời can ngăn, mà phải nói một cách khéo léo dịu ngọt. Như bạn bè không nghe, thì mình nên thôi, đừng nói dai mà mang nhục”

Tử Du viết : “Sự quân số, tự nhục hĩ, bằng hữu số, tư sơ hĩ”
(Lý nhân)

“Tư Du nói rằng : “Mình làm quan, thấy vua làm điều không hay, thế mà hay can gián làm cho vua chán ghét, thì thân mình phải bị nhục đó thôi. Mình làm bạn, thấy bạn bè chẳng sửa tính nết, mà cứ khuyên răn mãi, làm cho bạn bè tức giận, thì tình bạn bè phải xa”.

Cần phải kết giao với bạn bè không. Nhưng nếu như không cần thận duy trì, bạn bè có thể xa lánh chúng ta mà đi. Giữa bạn bè, nên quan tâm khuyến khích lẫn nhau, nên can ngăn bạn bè. Bạn bè có chỗ nào không đúng, chúng ta không thể vì sợ chịu tội mà không dám nói — Chúng ta nhất định phải nói — Đây mới là bạn bè mà bạn bè đáng quý cũng chính ở chỗ đó — Nhưng trên thái độ, cần phải xem xét kỹ : “như bạn có lỗi mình nên hết lời can ngăn” nói một cách khéo léo, dịu ngọt : “như bạn không nghe, thì mình nên thôi”. Bạn nghe không được thì cũng nên chấm dứt việc can ngăn. Bạn bè chân chính, không phải suốt ngày bám chặt vào nhau mà có lúc, có việc dứt ra mà đi. Giữa bạn bè nói cười vui vẻ là rất khó tránh. Nhưng bắt đầu vui cười, không thể nóng nảy, tức giận, mà gần gũi thân mật. Có lẽ chúng ta cho rằng bạn bè tốt thì một số lời nói tùy tiện, không quan hệ gì, nhưng cũng có khi cần cân nhắc nếu như nó làm tổn hại đến sự tự trọng của bạn bè, tình bạn có thể vì thế mà chấm dứt. Người đời sau gọi Đỗ Phủ là Đỗ Công Bộ (Đỗ Thi tập còn gọi là

Đỗ Công Bộ tập). Đỗ Phủ đã bị biến loạn của An Lộc Sơn, cuối đời chạy vào đất Thục dựa vào Tiết Độ sứ Nghiêm Vũ. Chức vụ của Công Bộ tức là Nghiêm Vũ tranh thủ phong cho. Có thể là có lúc Đỗ Phủ uống say, gượng mặt nói : “Nghiêm Đĩnh Chi (tức cha Nghiêm Vũ) vẫn có người con đó” — Nghiêm Đĩnh Chi cuối cùng vẫn có loại con đó”. Nghiêm Vũ trong lòng tức hận, một hôm muốn tìm cách giết Đỗ Phủ, may có người bên cạnh nói cho cha mẹ Nghiêm Vũ biết nên mới can ngăn việc này. Nhưng tình bạn giữa hai người tan vỡ không để lại dấu vết gì. Nghiêm Vũ chịu không được mấy câu nói đó, tất nhiên là không có lòng độ lượng; nhưng Đỗ Phủ không phải là không có lỗi ? Và kết giao bạn bè không thể thận trọng được.



“Tử vấn Công Thúc Văn Tử ư công minh giả viết : “Tín hồ, phu tử bất ngôn, bất tiểu, bất thù hồ ?” Công Minh giả đối viết : “Dĩ cáo giả, quá dã ! Phu tử thời, nhiên hậu ngôn, nhân bất yếm kỳ ngôn : Lạc, nhiên hậu tiểu, nhân bất yếm kỳ tiểu. Nghĩa, nhiên hậu thù” Nhân bất yếm kỳ thù”. Tử viết : “Kỳ nhiên ? khởi kỳ nhiên hồ ?” (Hiển vấn)

“Khổng Tử hỏi về Công Thúc Văn Tử ⁽¹⁾ với một người nước

(1) Công Thúc Văn Tử là đại phu của nước Vệ.

Vệ là Công Minh Giả rằng : “Thầy người không hay nói, không thích cười, không nhận món chi tiết, có phải như vậy không ? Công Minh Giả đáp : “Ai đồn như vậy là thái quá đó. Thầy tôi phải lúc nói thì mới nói. Cho nên người ta nghe chẳng chán. Có vui thầy tôi mới cười, cho nên người ta thấy cười mà chẳng chán. Lúc phải nghĩa, thầy tôi mới nhận, cho nên người ta thấy nhận mà chẳng chán”. Nghe người già khen quá lời, Khổng Tử không tin, bèn gạn hỏi rằng : “Thật vậy chăng ? Có thật vậy chăng ?

“Cử Bá Ngọc sử nhân ư Khổng Tử. Khổng Tử dữ chi tọa nhi vấn yên, viết : “Phu tử hà vi ? Đối viết : “Phu tử dục quả kỳ quá nhi vị năng dã”. Sử giả xuất. Tử viết : “Sử hồ ! Sử hồ !” (Hiển vấn)

“Cử Bá Ngọc phái đến thăm viếng Khổng Tử ⁽¹⁾. Ông coi trọng tình cảm của Cử Bá Ngọc nên mời sứ giả ngồi mà hỏi rằng : “Thầy ở nhà làm gì ?”. Đáp : “Thầy tôi hằng ngày muốn bớt dần những điều lỗi lầm của mình, nhưng sức chưa làm được”. Khi sứ giả đi rồi, Khổng Tử khen rằng : “Sứ giả khôn khéo thay ! Sứ giả khôn khéo thay !”

“Lưu Huyền Đức ⁽²⁾ tam cố thảo luận” là một đoạn xuất sắc

(1) Khi Khổng Tử bỏ nước Lỗ mà qua nước Vệ, đã từng ở nhà quan đại phu Cử Bá Ngọc, khi Khổng Tử về nước Lỗ, Cử Bá Ngọc nhớ đến, nên phái sứ đến thăm ông.

(2) Tức Lưu Bị trong “Tam Quốc diễn nghĩa”

trong “Tam Quốc diễn nghĩa”. Mà xem : “Huyền Đức trước khi đến trại, xuống ngựa, tự mình gõ cửa, một đứa trẻ ra hỏi. Huyền Đức nói : “Ta là Hán tử tướng quân Nghi Thành đình hầu lĩnh dự châu Mục Hoàng Thúc Lưu Bị đến đây bái kiến tiên sinh”. Đứa trẻ nói : “Tôi nhớ không được nhiều danh tự”. Huyền Đức nói : “Cậu chỉ cần nói là có Lưu Bị đến đây”. Đứa trẻ nói : “Ông ấy sáng nay đi rất sớm”. Huyền Đức hỏi : “Ông ta đi đâu ?”. Đứa trẻ đáp : “Đi nơi nào không cố định, không biết là đi đâu”. Huyền Đức lại hỏi : “Lúc nào thì trở về ?” Đứa trẻ trả lời : “Lúc nào trở về cũng không cố định, hoặc là ba, năm ngày, có khi mười ngày”. Lời nói của đứa trẻ này thật giống nhau : đối đáp trôi chảy, không cao không thấp, thật đúng là trẻ con của nhà Không Minh.

Khi Không Dung 10 tuổi, ông đã theo cha đến Lạc Dương. Lúc đó Lý Nguyên Lễ tên tuổi đã có tiếng tăm, muốn gặp rất khó. Không Dung đến cửa nhà họ Lý, nói với người coi cửa rằng : “Tôi là họ hàng thân thuộc của Lý Phủ quân”.

Sau khi thông báo, muốn gặp mặt ông ta. Lý Nguyên Lễ hỏi : “Ông và tôi quen thân thế nào ?” Không Dung trả lời : “Tiên nhân Trọng Ni ⁽¹⁾ của tôi và tiên nhân Bá Dương ⁽²⁾ của ông trước đây có tôn trọng nhau như thầy, vì vậy tôi và ông là

(1) Tức Không Tử

(2) Bá Dương là tự của Lão Tử. Lão Tử họ Lý, tên Nhữ. Không Tử đã từng hỏi ông về lễ.

người quen thân”. Nguyên Lễ và tân khách đều tấm tắc khen ông là kỳ tài. Thái Trung đại phu Trần Vĩ đến sau, người khác đem lời của Khổng Dung nói với ông. Trần Vĩ nói : “Lúc nhỏ thông minh, lớn lên chưa chắc đã tốt !” Khổng Dung đáp :

“Tôi nghĩ rằng : lúc nhỏ ông cũng rất thông minh ?” Con của Khổng Dung cũng rất thông minh. Đứa lớn 6 tuổi, đứa nhỏ 5 tuổi. Một hôm cha ngủ trưa, đứa nhỏ lấy cắp rượu ở đầu giường để uống. Đứa lớn hỏi :

“Em thế nào lại không sợ ?” Đứa nhỏ đáp rằng : “Lấy cắp, đó là thi hành điều lẽ ?” Về sau, Khổng Dung bị bắt, tất cả mọi người đều rất sợ. Lúc đó, con trai lớn của Khổng Dung đã 9 tuổi, đứa nhỏ đã 8 tuổi đang chơi nghe tin, một tý cũng không sợ.

Khổng Dung nói với sứ giả : “Mong rằng tội chỉ đối với bản thân tôi, hai đứa con của tôi, có thể đảm bảo được không ?” Đứa nhỏ nói : “Người lớn nhìn thấy ở bị chọc phá, thì liệu trứng ở đó có còn nguyên không ?” Chẳng bao lâu, hai đứa con của Khổng Dung cũng bị bắt ⁽¹⁾

Lời nói không dễ. Cần phải nói lời đẹp càng không dễ. Mà lời nói của người địa vị thấp đối với người địa vị cao, người trẻ đối với người lớn lại càng không dễ. Lời nói cần phải khiêm tốn mà không phải là tự tiện, cần phải cứng rắn mà không phải là ngang

(1) Xem “Thế thuyết tân ngữ”

bướng. Không ngangướng và không hạ thấp, phù hợp là tốt nhất. Nói thật không phải là dễ nói ! Tinh cảm chân thành thuần túy, sắt đá cũng phải rung động, chỉ cần lời thực, nói thực, cũng đã đủ rồi. Nếu không thì hoa ngôn, xảo ngữ, chỉ lừa dối người một lúc và trái lại, không lừa dối người cả đời được.



Tử viết : “Mạnh Chi Phán bất phạt : bôn nhi diện; tương nhập môn, sách kỳ mã, viết : Phi cảm hậu dã, mã bất tiến dã” (Ung Dã)

“Khổng Tử khen rằng : “Ông Mạnh Chi Phán ⁽¹⁾ chẳng khoe mình. Lúc quân thua mà chạy, thì ông ở lại sau. Khi vào cửa thành, ông giơ roi, quất ngựa mà nói rằng : “Chẳng phải ta mạnh dạn gì mà dám ở lại sau, tại con ngựa của ta chẳng xông tới mà thôi”.

Thiên “Hoài Âm hầu liệt truyện”, trong sách “Sử Ký” ghi chép : “Hàn Tín sau khi đánh Tề, đã sai người xin Hán Vương Lưu Bang phong cho ông làm Tề Vương tạm thời. Khi ấy Lưu Bang đang bị vây đánh, tình cảnh rất tồi tệ. Sứ giả đến, mở thư ra xem, cả giận mắng :

“Ta đang nguy khốn ở đây, thế mà mày lại muốn tự lập làm

(1) Mạnh Chi Phán làm đại phu nước Lỗ. Năm Lỗ Ai Công thứ 10, biên giới phía bắc nước Lỗ bị Tề xâm lăng. Quân Lỗ xông ra chống lại quân Tề. Đánh nhau thua, Tướng nước Lỗ đều bỏ chạy về kinh thành. Chỉ có Mạnh Chi Phán vừa rút lui, vừa đánh quân Tề.

vương à ?” Trương Lương, Trần Bình giẫm vào chân Hán Vương, nhân đây ghé vào tai Hán Vương, nói :

“Nhà Hán hiện nay đang bất lợi, có thể cấm không cho Tín làm vương được không ? Chi bằng nhân đây mà lập, đối xử với ông ta cho tử tế, khiến ông ta vì mình mà giữ. Nếu không sẽ sinh biến”.

Hán Vương tỉnh ngộ, nhân đáp lại rằng : Đại vương như đã bình định được chư hầu tức là làm “vua” thật rồi, chứ làm “vua” giả gì nữa ?

Hán Vương liền sai Trương Lương đi lập Tín làm Tề Vương.

Sự việc này chẳng qua : “Hán Vương tức giận, Trương Lương, Trần Bình can ngăn mà vẫn cho phép lập Hán Tín làm vương”. Nếu như ghi chép như thế thì thiết tưởng còn có gì để đọc nữa ?” Đọc “Sử ký” mỗi lần khen ngợi Lưu Bang thông minh, phản ứng nhanh, không biết do Thái Sử Công ⁽¹⁾ dùng ngòi bút nhập thần, mới dẫn dắt người đọc vào suốt quá trình này. Đoạn này của “Luận ngữ” không quá 23 chữ, mà trái lại, hình tượng của Mạnh Chi Phán vẫn như sống động xuất hiện. Truyện ngắn là dùng văn tự tinh tế nhất để biểu hiện chủ đề nhất định, đồng thời, đột phá tính cách của nhân vật chính. Đoạn “Mạnh Chi Phán không đánh” trong “Luận ngữ” là truyện ngắn sớm nhất trình bày hay nhất trong lịch sử văn học Trung Quốc. “Văn

(1) Tức Tư Mã Thiên, nhà văn và nhà sử học đời Hán, tác giả của bộ “Sử Ký”

chương vốn do trời tạo nên, thủ đoạn kỳ diệu không ngờ có được !
thật là không sai”



Không Tử đứng ở bên cạnh dòng nước, nhìn dòng nước cuộn cuộn chảy đi, nói : “Cuộc đời của năm tháng mất đi cũng giống như thế ! Ngày đêm không ngừng, không nghỉ. Đúng là : “Sông lớn chảy ngày đêm, lòng khách buồn chưa hết”. Khi chúng ta đối diện với vũ trụ mênh mông và dòng nước cuộc đời róc rách, có thể không nghĩ đến sự chuyển động thời gian và sự mất đi của năm tháng !” Người xưa tiếc thời gian ngắn, nhớ điều đó khiến người ta sợ”. Chúng ta có thể không thể nghĩ đến việc rèn đức tu nghề, tự cường không nghỉ ! Thiên “Ly vân” sách “Mạnh Tử” nói rằng : “Từ Du nói : “Trọng Nị tự xưng mình như nước, Nước vậy ! nước vậy ! sao giữ được nước ?”

Mạnh Tử nói : “nguồn suối cuộn cuộn không kể ngày đêm đầy chỗ lõm mà chảy về sâu, đến bốn biển. Kề có gốc là như thế. Là giữ lấy cây”. Tự nhiên, vĩ đại Túc Mục đã nói với chúng ta rằng : “Tạo hóa vô tình, không chọn vạn vật, sắc xuân cũng đến trong núi sâu”. Tỏ rõ với chúng ta rằng : “Vô tư, bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông thay đổi lần lượt, ngày tháng vận hành, vĩnh viễn không ngừng, không nghỉ. Tỏ rõ với chúng ta rằng : Tự cường liên tục, nhìn dòng nước đó cuộn cuộn chảy, không lười biếng, không biết ngừng nghỉ ! Khi

chúng ta học tập một việc mới, tức là đứng trước một thách thức mới, không lẽ vứt bỏ áo giáp binh mà chạy mà phải nghĩ cách đột phá — Tức là giống nước chảy đầy chỗ trũng mà tiếp tục chảy đi. Thành công hay thất bại xuất hiện ở đó.

Cả đời của Không Tử đã để lại cho người đời sau hình ảnh bất diệt, giáo huấn vĩnh hằng. Thật đúng “Trời không sinh ra Không Tử, vạn cổ như đêm dài”

BÀN VỀ “LUẬN NGŨ”

Có một người Tây Phương hỏi chúng ta : “Anh đã đọc “Luận ngữ” rồi phải không ?” Câu trả lời sẽ là : “Chưa đọc”. Chúng ta hỏi một người đọc sách của nước Anh : “Anh đã đọc Séchxpia rồi phải không ?” Câu trả lời sẽ là : “Chưa đọc”. Sự phản ứng của người Phương Tây đặt câu hỏi này và cách nghĩ của chúng ta đại khái là giống nhau. Người Trung Quốc có lẽ không quen thuộc Lão Tử, Trang Tử và Hàn Phi Tử, nhưng không biết Khổng Tử e rằng không nhiều. Người đọc sách có thể không đọc Lão Tử, Trang Tử và Hàn Phi Tử, nhưng vẫn phải đọc qua “Luận ngữ”. Khổng Tử là người mà mọi người làm người khắp nơi đều biết. “Luận ngữ” là cuốn sách mà người ở mọi nơi đều đọc. Có người đã bàn về con người của Khổng Tử. Ở chương I của cuốn sách này, căn cứ vào sự ghi chép của “Luận ngữ”, chúng tôi đã trình bày tỉ mỉ. Ở đây không nhắc lại nữa, chỉ trình bày những vấn đề của “Luận ngữ” có liên quan đến cuốn sách này.

I. Địa vị của “Luận ngữ” trong sách vở Trung Quốc.

Chúng ta đã xem những ghi chép đơn giản, rõ ràng của “Luận ngữ”, lại đọc những trường thiên đại luận của Mạnh Tử không thể không kêu lên rằng : Trong khoảng một trăm năm, thái độ của người đọc sách đối với sáng tác có sự chuyển biến như thế (Đương nhiên : Sự cải tiến điều kiện vật chất, tình hình của giới tư tưởng, cũng là nhân tố tạo nên chuyển biến của hình thái sáng tác). Hai bộ sách “Luận ngữ” và “Mạnh Tử” tuy có phần giản lược, nhưng trái lại nó phát huy rất to lớn tư tưởng của Nho gia. “Luận ngữ” chỉ là ghi chép lại một số lời nói và việc làm, khuôn khổ không nhiều (số bạch thoại không quá 12.700 chữ). Văn tự giản dị, nhưng trái lại “Luận ngữ” là cuốn sách tốt nhất đầu tiên của Trung Quốc, là cuốn sách mà mọi người cần đọc — Cuốn sách cần đọc kỹ. Nguyên nhân vì sao làm cho “Luận ngữ” chiếm được địa vị độc tôn trong sách vở kinh điển mênh mông ?

“Luận ngữ” là một bộ sách ghi lời nói và việc làm — Ghi chép lời nói và việc làm của Khổng Tử. Do địa vị của Khổng Tử trên lịch sử tư tưởng Trung Quốc, do người đời sau tôn sùng Khổng Tử tập ghi chép lời nói và việc làm của Khổng Tử, theo đó “Chư Tử” được nâng lên là “Kinh” trở thành tư liệu ban đầu đáng dựa nhất của người đời sau để tìm hiểu Khổng Tử. “Cao luận vô cùng như Cú Tiết, thơ nhỏ có vị tựa liên châu”. Văn tự đơn giản của những đoạn văn ngắn, tinh tế và mạnh mẽ của “Luận ngữ”, ngược lại, làm cho người ta yêu thích. Sự ghi chép của “Luận ngữ” tuy đơn giản, nhưng đơn giản mà có “Thú” đơn giản

ma có “Vị” - “Thú vị”, đó là hàm súc, trường tồn, làm cho người ta trầm tư suy nghĩ. “Luận ngữ” không phải là một bộ sách để người mới đọc đã say mê đến chết, tức giận không thể miệng nuốt nhai hết, cũng không phải đọc xong sẽ ném sang một bên, mãi mãi không biết muốn cần phải nhặt lại “cuốn sách bán chạy” đó. Cả đời của Khổng Tử đề xướng “Nhân”, “Thứ”, mở trường dạy học, chu du các nước, tư tưởng vĩ đại biết bao, ý chí và hành động cao cả biết nhường nào ! Nhưng xuyên qua việc ghi chép đơn giản của “Luận ngữ”, tư tưởng của Khổng Tử, ý chí và hành động đã hiện rõ trước mắt của người đời sau. Chúng ta không thể không nói : “Luận ngữ” là sách truyện ký thành công nhất và sớm nhất trong văn học Trung Quốc.

II. Ghi chép và biên soạn của “Luận ngữ”

“Luận ngữ” là do ai viết ? Và do ai biên soạn ? Ban Cố, người thời Đông Hán, trong “Hậu Hán thư nghệ văn chí lục nghệ lược” có nói rõ : “Luận ngữ”, Khổng Tử ứng đáp với học trò, người thời đó và học trò đều nói với nhau, họ trực tiếp nghe lời của Phu Tử. Các học trò thời đó đều ghi nhớ, đến khi Phu Tử qua đời, các học trò cùng với những người sưu tầm mà biên soạn ra những bài luận đó, cho nên gọi là “Luận ngữ”.

Do đó có thể biết “Luận ngữ” là cuộc nói chuyện giữa Khổng Tử và các trò hoặc người đương thời với ông và các học trò ghi chép lại cuộc nói chuyện đó. Ghi chép ban đầu là xuất phát từ các học trò của Khổng Tử. Chúng ta nhớ rằng sự bất tiện của công cụ viết sách đương thời, không biết có bao nhiêu cuộc nói

chuyện, không có người đương thời ghi chép lại.

Biên tập của “Luận ngữ” là từ sau khi Khổng Tử qua đời. Tăng Tử lâm bệnh. Mạnh Kính Tử thăm hỏi ông”. Mạnh Kính Tử là con của Mạnh Vũ Bá. Trọng Tôn Tiếp sau khi chết được đặt thụy. Trong “Luận ngữ” đã xưng thụy của Mạnh Kính Tử, tất nhiên không phải là biên soạn trước khi Mạnh Kính Tử còn sống.

Người ghi chép và biên tập của “Luận ngữ” cuối cùng có phải là trong số học trò đó của Khổng Tử hay không ? Tóm lại không dễ gì xác định. Sách “Kinh điển thích văn” dẫn ý kiến của Trịnh Huyền nói rằng : “Luận ngữ” vẫn do Trọng Ni (Khổng Tử), Tử Hạ v.v... tuyển chọn. “Hình Bính chú sớ”, đời Tống cho rằng “Trọng Ni nói đến hai chữ “Tử Du”. Trong thiên “Tiên Tán” của “Luận ngữ” có ghi chép : “Về văn học có Tử Du và Tử Hạ”. Cách nói của Trịnh Huyền và Hình Bính e rằng dựa vào sự phỏng đoán. Đương nhiên trong “Luận ngữ” hoặc có sự ghi chép của ba người. Ba người cũng có thể tham gia vào công tác biên tập, nhưng nếu như cần nói “Luận ngữ” là do ba người biên soạn là không đủ. Trong “Luận ngữ” thuật lại và học trò tự xưng, nhưng : “Ông Hiên ⁽¹⁾ hỏi thế nào là xấu hổ ? Khổng Tử đáp : “Lúc nước nhà yên ổn thì làm quan mà ăn lương, đến khi nước nhà loạn lạc, cũng làm quan mà ăn lương, như vậy là xấu hổ”. (Hiên Vấn)

Ghi chép này rất có thể xuất phát từ ở người có tên gốc là Nguyên, bởi vì xưng danh mà không xưng tự. Loại phép thuật ghi

(1) Tức Nguyên Tử, học trò của Khổng Tử.

chép này và nói chung của “Luận ngữ” là không phù hợp nhau. Chúng ta nghĩ rằng Khổng Tử khi còn sống và sau khi qua đời, trong cửa Khổng có nhiều người còn giữ lại những ghi chép lời nói chuyện của Khổng Tử, hoặc ít hoặc nhiều. “Hoàng Khảm Luận ngữ nghĩa sơ” của đời Lương cho rằng : “Luận ngữ là do 70 học trò sau khi Khổng Tử qua đời cùng chung ghi chép, biên soạn”. Cách nói này cũng có thể gần với sự thực. (Trong “Luận ngữ” ghi chép rằng học trò của Khổng Tử thông thường đều xưng tự, như : “Tử Cống”, “Nhan Uyên”, (trên tự thêm họ). Chỉ có “Hữu Nhược”, “Tăng Sâm”, xưng là “Tử” như “Hữu Tử”, “Tăng Tử”. Trình Tử, đời Tống cho rằng, sách “Luận ngữ” hoàn toàn do các học trò như Hữu Tử và Tăng Tử ghi chép. Vì vậy trong “Luận ngữ” chỉ gọi hai người này là “Tử”. Đây là một cách nói đáng tin).

Đề mục mà hiện nay chúng ta nhìn thấy đương nhiên không phải là người viết “Luận ngữ” sắp xếp ban đầu. Những đề mục này đều là dùng hai hoặc ba chữ mở đầu của mỗi thiên mà thành. (Đề mục của Mạnh Tử và Kinh Thi đều như thế). Chúng ta nghĩ, thứ nhất : có thể do người dạy “Luận ngữ” và người học “Luận ngữ” để tiện gọi tên, thì dùng hai hoặc ba chữ đầu của mỗi thiên để làm tiêu biểu cho thiên đó. Thứ hai, có thể do người viết sách, do sách viết trên lụa, chương mục hạn chế, hoặc mỗi thiên viết trên lụa về sau cuộn gấp, nên cách dùng hai hoặc ba chữ dùng để làm đề mục cho mỗi thiên, trở thành đề mục cho thiên đó. Nếu như nói thứ tự trước sau của “Luận ngữ” có 20 thiên đều có ý

nghĩa. Thậm chí nói thứ tự trước sau của các chương trong mỗi thiên cũng đều có ý nghĩa. Ngày nay chúng ta không dám làm như vậy, nhưng một bộ sách lấy “Học nhi” đặt ở đầu, chúng ta không thể không nói hoặc là xuất phát từ ý đồ của người viết sách (Tuân Tử lấy thiên “Khuyến học” để mở đầu, lấy thiên “Nghĩêu văn” đặt ở cuối, đại khái là sự mô phỏng theo “Luận ngữ”).

III. Ý nghĩa của tên sách “Luận ngữ”

Giải thích ý nghĩa của hai chữ “Luận ngữ” thì ở mục “Nghệ văn chí” của sách “Hán thư” là sớm nhất. Căn cứ theo cách giải thích của “Nghệ văn chí” thì tên “Luận ngữ” là : “Ngữ” của Khổng Tử, còn “Luận” là do các học trò soạn sách đặt. Vì vậy gọi là “Luận ngữ”. Giải thích này hình như không thể làm cho mọi người thỏa mãn. “Thuyết văn” nói : “Luận tức là nghị (bàn bạc) vậy “nghị” tức là “Luận” (bàn bạc). Ba chữ này liên hoàn với nhau. Nội dung và ý nghĩa của “Luận từ” giống với “Nghị luận”. Đại khái hàng ngày Khổng Tử thường nói chuyện với học trò hoặc với mọi người. Vô luận là dùng văn tự để ghi chép hoặc truyền miệng với nhau, đương thời các học trò đều gọi là “Luận ngữ”. Đến khi ghi chép lại những lời nói chuyện đó mà biên soạn thành một bộ sách, thì bộ sách này cũng gọi là “Luận ngữ” (ông Mao Tử Thủy nói).

IV. Các bản “Luận ngữ”

Hoàng Khâm trong “Luận ngữ nghĩa sơ” dẫn theo “Biệt lục”

của Lưu Hưởng, đời Hán nói rằng : “Người Lỗ giỏi việc học, vì vậy có “Lỗ luận”, người Tề giỏi việc học, vì vậy có “Tề luận”, bậc tướng của họ Không thu thập được sách vở, vì vậy có “Cổ luận”.

Do đó có thể biết ở đời Hán có hai loại bản “Luận ngữ” lưu hành. Cái gọi là “Bức tường họ Không” là chỉ việc Tần Thủy Hoàng đốt sách, người có tâm lòng đã đem những sách vở có cất giấu đi, về sau những sách vở này rải rác xuất hiện. Ví dụ như : “Cuối đời Vũ Đế, Lỗ Công Vương đập phá nhà cửa của Không Tử, để muốn mở rộng hoàng cung mà tìm thấy những sách cổ văn như : “Thượng thư”, “Lễ ký”, “Luận ngữ”, “Hiếu kinh” gồm 10 thiên, đều là chữ cổ cẩu” (Nghệ Văn Chí, sách Hán Thư) mà khác biệt có ba loại : “Lỗ luận”, “Tề luận” và “Cổ luận”.

21 thiên của “Cổ luận” là đem thiên cuối “Nghĩu viết” thành “Tứ Trương vấn ư Không Tử” làm thành một thiên riêng, đặt tên là thiên “Tứ Trương”. Vì vậy “Cổ luận” có hai thiên “Tứ Trương” mà các thiên kế tiếp của “Tề luận” và “Lỗ luận” không giống nhau. “Tề luận” gồm 22 thiên mà trong đó 20 thiên câu đoạn phần lớn đều giống với “Lỗ luận”. Riêng “Ngoại an xương hầu Trương Vũ” bản thì chịu ảnh hưởng của “Lỗ luận”, lại giảng “Tề thuyết” nên đặt tên là “Trương Hầu Luận”. “Bao hàm”, “Chu thị” có chương, có câu riêng. “Cổ luận” có lời giảng giải của Không An Quốc, về sau lại có lời giáo huấn của Mã Dung. Cuối đời Hán, Trịnh Huyền đã lấy “Lỗ luận” làm thành chương, khảo cứu “Tề luận”, “Cổ luận” và chú thích kỹ. Riêng “Ngoại Vương Túc”, “Chu sinh liệt” đều làm nghĩa thuyết. Hà Anh, đời Ngụy tập hợp

các sách trên. Đó là những bản “Luận ngữ” lưu truyền đến ngày nay. Hoàng Kham giải nghĩa sơ lược, Hình Bính, đời Tống chú sơ, Chu Hy tập chú, Lưu Bảo Nam, người đời Thanh giải nghĩa chính. Bản của Hoàng Khảm đã thất truyền từ lâu về sau từ Nhật Bản mới truyền lại Trung Quốc. Bản của Hình Bính liệt kê trong 13 kinh chú sơ. Chu Hy tập hợp “Đại học chương cú”, “Trung dung chương cú” và “Mạnh Tử tập chú” làm thành “Tứ thư tập chú” lưu hành nhất. Sách “Lưu sơ tổng tập chứng thuyết”, khảo chứng tường tận nhất.

V. Ý nghĩa khả nghi có liên quan đến “Luận ngữ”.

Sách vở của thời cổ đại lưu truyền đến ngày nay, trải qua thiên tai địch họa, triều chính thời đại đổi thay và thay nhau biên soạn, ghi chép, thêm thắt, sửa chữa, lẫn lộn, pha tạp là điều dĩ nhiên không thể tránh khỏi. Thôi Thuật, người đời Thanh trong “Chu Tử khảo biến lục” và “Luận ngữ dư thuyết” đối với các chương, đoạn đều đáng khả nghi, phần lớn có lập luận, phân bác. Khang Hữu Vi trong “Tân học ngục kinh khảo” và “Khang Hai Văn tập luận ngữ chú trị”, đối với thứ văn giả của “Luận ngữ” cũng có bài luận. Lương Khải Siêu trong “Cổ thư chân ngục cập kỳ niên đại”, đối với thiên “Dương hóa”, đoạn “Công Sơn Phát Nhiễm chiếm lấy Phí mà làm phân lại họ Quý. Bèn sai sứ đến triệu Khổng Tử, ông muốn đến”. ông đều có sự bàn luận thỏa đáng, dù mơ mang cho việc học của đời sau. Chúng ta đọc bộ sách này, trong đó có chỗ không thể lý giải được. Đây là việc không được hài lòng. Nhưng đối với một số thư tịch cổ đã trải qua hai

mười thế kỷ, không phải là do chúng ta không có lòng giữ gìn và yêu mến nó. Ngay cả rất nhiều chỗ không lý giải được, chúng ta tạm thời để sang một bên. Đây là bảo vật có giá trị nhất của dân tộc Trung Hoa. Bảo vật này trải qua sự lưu truyền của thời gian dài, trải qua sự sàng lọc của lịch sử, đối diện với nó, chúng ta không tránh khỏi tình cảm tôn kính. Toàn bộ sách “Luận ngữ” có thể dùng một câu bao trùm là “Lời giản dị mà ý sâu xa”. Thời Khổng Tử, công cụ viết sách còn rất thiếu thốn, người viết đương nhiên chỉ có thể ghi chép lại những câu nói quan trọng nhất, ý tứ chủ yếu nhất trong lời nói của Khổng Tử. Những câu nói này mỗi câu đều bao hàm ý tưởng rất phong phú, đúng là lời ít, ý nhiều, nồng thắm sâu xa. Đọc những câu nói giản dị, mỗi câu đều hàm chứa triết lý sâu sắc. Do “Luận ngữ” là thể ngữ lục, vì vậy không giống như công văn, không giống như “Thượng thư” của hình thức công báo “khó nhai khó nuốt” ! lại do lời ít nghĩa nhiều, vì vậy sau khi đọc dư vị của nó vô cùng sâu sắc, khiến cho mọi người tiếp thu được ích lợi cho bản thân. Trong thư tịch cổ xưa của Trung quốc, “Luận ngữ” là một tác phẩm già trẻ đều cảm thấy thích hợp. Trẻ em sau khi mở mang trí óc có thể coi sách này là đáng ghi nhớ và tuổi trẻ lớn dần lên, trải qua cuộc đời “Luận ngữ” càng làm cho con người lãnh hội và cảm thụ càng thêm sâu sắc hơn. Đây đúng là một bộ kinh điển Trung Hoa quý báu, càng lâu càng trở nên mới mẻ.

Người đời sau coi trọng “Luận ngữ”, bởi vì “luận ngữ” là tác phẩm duy nhất phản ánh tư tưởng của Khổng Tử mà giá trị

của tư tưởng Khổng Tử trên lịch sử Triết học Trung quốc là không dễ gì nghi ngờ. Từ những lời nói của Khổng Tử mà “Luận ngữ” ghi chép, chúng ta thấy có rất nhiều bài học quý báu liên quan đến việc học, làm người, xử thế và việc chính trị. Đương nhiên trong “Luận ngữ” có những chương, đoạn chúng ta không thể dễ dàng hiểu được :

“Tử vị Công Dã Tràng : “Khả thế dã, tuy tai luy tiết chi trung, phi kỳ tối dã.” Dĩ kỳ tử thế chi” (Công Dã Tràng).

“Khổng Tử nói về Công Dã Tràng rằng : “nên gả con cho trò ấy. Tuy hiện nay trò bị giam ở nơi tù ngục, nhưng chính trò không có phạm tội”. Ông đem con gái mà gả cho Công Dã Tràng”.

Công Dã Tràng là học trò của Khổng Tử. Chữ “thế” dùng làm động từ, nghĩa là đem con gái cho người khác làm vợ. chữ “luy”, “tiết” đều là tên gọi của sự trói buộc, là thứ dùng để bắt người phạm tội. Chương “Khúc lễ” trong sách “Lễ Ký” có câu như sau : “Tử ư phụ mẫu” và chú thích : “Nói “tử” tức phải hiểu là nam, nữ”. Còn “tử” ở đoạn “Dĩ kỳ tử” này là chỉ con gái của Khổng Tử. Chữ “Chi” của “Thế chi” là chỉ Công Dã Tràng. Ở đây Khổng Tử chỉ nói : “Công Dã Tràng có thể lấy vợ” mà không nói lý do của việc có thể lấy vợ. Hoàng Sơ dẫn lời của Phạm Ninh, nói : “Công Dã Tràng đang bị ghép tội, tội chẳng phải tội, Khổng Tử đem con gái của mình gả cho anh ta, lấy việc thiện để uốn nắn hình phạt, khuyên tương lai giữ cho được con người chân chính”. Chúng ta nghĩ rằng Khổng Tử nói Công Dã Tràng có thể lấy vợ, chắc là có nguyên nhân, quyết không phải là duyên cớ của “Tội

chẳng phải tội”. Có thể có người vì Công Dã Tràng phạm tội mà ngờ vực việc hôn nhân này. Vì vậy Khổng Tử biện bạch cho anh ta. Câu “Ông đem con gái mà gả cho Công Dã Tràng” là lời ghi thêm của người ghi chép lời nói. Có thể về sau Khổng Tử nói : “Nên gả con cho trò ấy” và cũng có thể là ông nói trước lời này. Nếu là “về sau” càng có thể sau đó là mấy tháng, hoặc mấy năm. Hoàng Sơ cho rằng : “Phê bình đến cuối mà bèn lấy con gái gả cho anh ta”. Cách nói này thực không hiểu. Ngay cả việc nói Công Dã Tràng hiểu tiếng chim mà bị tội (Xem Hoàng Sơ dẫn), tự nhiên là kẻ thích ngụy tạo ra, càng không đủ để hiểu.

Có chương, đoạn trong “Luận ngữ” cơ bản chúng ta không hiểu :

“Sắc, tư cử hỹ ! Tương nhi hậu tập. Viết : “Sơn lương thư trí, thời tai ! thời tai ! Tử Lộ cộng chi; tam khứu nhi tác” (Hương đảng)

“Con chim kia khi nó thấy người có khí sắc dữ tợn, thì nó cất cánh bay đi. Khi đáp xuống, nó liệng vòng tròn để xem chừng, rồi nó mới đậu”. Thấy vậy, Khổng Tử khen rằng : “Kìa con chim trí mải kia đương đậu trên cầu trong núi, nó biết thời cơ lâm thay !” Tử Lộ chực vỗ bắt, nó liền kêu lên ba tiếng mà bay đi !”

Chu Hy chú : “Nói chim thấy người có khí sắc dữ tợn không tốt, thì bay đi. Khi đáp xuống nó liệng vòng tròn để xem chừng; người nhìn thấy nó mấy lần mà làm, xét chọn chỗ ở, cũng nên làm như thế. Từ đó trên dưới, chắc chắn là có khuyết văn

vậy. Huỳnh Thi nói : “lương”, tức là cái cầu. “Thời tai” là nói chim trĩ ăn mổ đúng lúc. Tử Lộ không đạt được, cho rằng thời vật mà cùng chung đều có. Nó không ăn, kêu lên ba tiếng mà bay đi. Triệu Thi nói : “Đã kêu lên là phải gõ; gọi là chim trĩ kêu vậy”. Liêu Tùng Quân nói : “Khiếu” nên gọi là “xú”, từ cổ, nó là trái ngược với “Khuất”, có nghĩa là trương hai cánh mà bay lên (xem Thiên Nhị Nhã). Nếu như hai cách nói sau cùng một chữ mà nghĩa khác nhau, từ đó nhất định là có khuyết văn, không thể nhấn mạnh lời nói được”. Thiên “Thẩm Kỳ” sách “Lã thị Xuân Thu” nói : “Cho nên Tử Lộ vồ bắt chim mà trở lại thả nó”. Câu chuyện Tử Lộ vồ bắt chim mà trở lại thả nó, thời Chiến quốc chắc chắn đã có lưu truyền. Vì vậy “Lã thị Xuân Thu” đã dẫn và nói. Nhưng, đoạn văn này của “Lược ngữ” là căn cứ theo câu chuyện này mà biên soạn ra chăng ? Hoặc câu chuyện này là để giải thích đoạn văn này của “Lược ngữ” mà tạo ra chăng ? Ngày nay chúng ta rất khó đoán đúng. Đoạn văn này khó hiểu, chắc chắn không phải là thủ bút của người có tư chất thông minh. Mặt khác, đoạn văn này ở cuối thiên “Hương đẳng”, e rằng là do người đời sau thêm vào mà không phải là nguyên văn của người đương thời đã theo Khổng Tử ghi chép lại.

Chu Chú đã dẫn ghi chép của Hình Sơ, lại tồn tại hai cách nói của Triệu, Lưu; hơn nữa lại nhấn mạnh “Tất nhiên là có khuyết văn”. Ngoài ra làm cho độc giả nhiều nhận thức về ý nghĩa giáo huấn của triết học trước kia, lại tỏ rõ góc độ nhận thức bao trùm. Ngoài đó ra : “Thiên “Hiển văn” ghi : “Khổng Tử nói

rằng : “Hiện nay ở nước Lỗ đã có 7 người bỏ đi ăn dật rồi”. Thiên “Vi Tử” nói : “chương “Dân dật”, thiên “Chu hữu bát sĩ chương”. v.v.. Có người ghi chép đã giản lược, chúng ta không có cách gì để nắm được ý nghĩa. Có chương giống như cùng đi chơi với văn tự, chúng ta không cần phải giải thích. Phàm là những chương, đoạn này, chúng ta cứ tự cho là khả nghi, là rất thỏa đáng.

VI. Chúng ta đọc “Luận ngữ”

Tư tưởng của Khổng Tử đáng quý ở chỗ : Tung ra bốn biển đều đúng, truyền đến hàng trăm đời vẫn thích hợp. Tư tưởng của Khổng Tử đương nhiên là một tiếng mõ gõ ở bên tai, nhưng đã vang đến ngày nay, vẫn có thể làm nguyên tắc chuẩn mực cho lời nói và việc làm của chúng ta. Chúng ta đọc “Luận ngữ” vẫn có một cảm thụ : ngôn ngữ rất giản đơn, đạo lý rất bình thường, trong đó không hề có những lời nguy hiểm để lừa dối mọi người, càng không có những lời bàn luận cao siêu.

Chúng ta có một quan niệm : Chúng ta cần muốn phải đề cao phẩm chất của đời sống nhân loại và cải thiện trật tự của xã hội, mà giáo dục là điều đáng dựa nhất. Chúng ta nghĩ rằng Khổng Tử nhất định cũng từ cơ sở nhận thức này mà đề xướng việc học — Lấy thân mình làm phép tắc, dạy học không phân biệt bất cứ ai. Khổng Tử đề xướng Nhân, Thử, chỉ là để thức tỉnh mọi người : Chỉ cần làm nên từ hoạt động hằng ngày và cuộc sống hằng ngày cơ bản và bình thường nhất để thay đổi mối quan hệ giữa con người và con người. Đem ném một viên sỏi xuống hồ nước, phần nước trong hồ sẽ bị va chạm, làm cho sóng và các

phân tử của nước trở nên xao động. Chúng ta nhìn thấy những đợt sóng gợn lăn tăn trên mặt nước. Cũng giống như thế, hành vi của mỗi người đều ảnh hưởng đến những người xung quanh. Vì vậy chúng ta cần phải lấy cái Tâm để so với cái Tâm, luôn luôn nghĩ đến sự cảm thụ của người khác. “Việc gì mình không muốn, chớ làm cho người”. Đạo “Thứ” là như vậy. “Nhân” là đức hạnh cao nhất trong trái tim và con mắt của Khổng Tử. Chúng ta thấy Khổng Tử rất ít lấy điều “Nhân” cho phép con người, có thể biết rằng làm điều “Nhân” là không dễ. Không dễ làm điều “Nhân” không phải là đạo của điều “Nhân” có thể ngắm nhìn, không thể theo kịp, cao không thể với tới, khó khăn phát sinh ở con người rất khó có được lâu dài. Một việc rất dễ, nếu như không có “hằng tâm” cũng không dễ làm được. Trên thực tế Khổng Tử không cao giọng, điều “Nhân” tuy là đức hạnh cao nhất của đời người, trái lại chỉ cần “gạt bỏ dục vọng, nén mình, thực hành theo đúng lễ” tức là điều “Nhân”. Gạt bỏ dục vọng, nén mình, tự nhiên là kèm chế mình, trói buộc mình; thực hành theo đúng lễ là dựa vào “Lễ” mà thực hành. Thời đại của Khổng Tử “Lễ” bị phá vỡ, “làm quan đối với vua mà giữ hết Lễ, thì người ta lại bảo rằng mình nịnh hót”. Khổng Tử vì thế mà đề xướng Lễ, lấy sự giám bớt ít nhất sự vượt phạm trái Lễ, làm xã hội tuần tự tiến lên, hợp tình, hợp lý. (“Lễ Nhạc Ký” nói : Lễ, tức là cái lý không thể dễ thay đổi). Chính trị là việc quản lý số đông con người (chúng nhân), cái đó thực là việc phức tạp, phiền phức, nghìn vạn công việc, nhưng Khổng Tử nói với chúng ta rằng : “Cai trị, chăm sóc cho dân trở nên ngay thẳng”. Biết bao đơn giản, rõ ràng ! Một người làm chính trị, bản thân ngay thẳng, thiên hạ còn không biết ngay thẳng hay sao ? Nếu như người làm chính trị, bản thân mình bất

chính, thì làm sao là người khác ngay thẳng ? Người Trung quốc giảng hiếu đạo, vẫn nói hiếu thuận. Khổng Tử trái lại không chủ trương làm con nên thuận theo cha mẹ, cũng không cho rằng trên đời cha mẹ nào cũng tốt. Khổng Tử cho rằng : Cha mẹ có chỗ không đúng, chúng ta cần phải lấy những lời dịu ngọt để khuyên can. Nếu cha mẹ không nghe, chúng ta cũng cần phải giữ vững lập trường của mình, quyết không vứt bỏ những lời nhẹ nhàng của mình. Khổng Tử nói : “Làm con thờ cha mẹ, nếu thấy cha mẹ làm lỗi thì nên can gián một cách dịu ngọt” (Lý Nhân). Xem ra, Khổng Tử là người tương đối có lý tính — Khổng Tử nhìn thấy “ngu hiếu” mà không phải là “chân hiếu”.

Đương nhiên do sự thay đổi của thời thế và không gian có một số ngôn ngữ đối với chúng ta ngày nay đã không có ý nghĩa. Ví dụ như : Khổng Tử nói : “Trong khi cha mình còn sống, mình nên xem xét chí hướng, ý tứ của cha mình; như tốt lành, chính đáng thì mình bắt chước theo. Cha mình mất trong ba năm mà mình chẳng đổi đạo nghề của cha, đó mới gọi là con có hiếu” (Học nhi). Đây là nói phương pháp xem xét một người con có hiếu hay không có hiếu. Nhưng người con này là chỉ nói con người kế thừa ngôi vua (bao gồm chư hầu và đại phu), chứ không phải là nói con người bình dân thông thường. Loại ngôn ngữ này đã mất hết ý nghĩa thời đại. Chúng ta không giảng giải.

“Người có đức tất có lời”. Khổng Tử giống như người như thế. Cả đời ông có rất nhiều lời nói giàu trí tuệ mà thường người ghi chép có thể nắm vững lời nói và tinh thần của lời nói lúc đó. Vì thế, “Luận ngữ” có rất nhiều chương, đoạn giàu sắc thái, tinh

túy. Ví dụ như : Có người hỏi về ý nghĩa của việc tế Đế, Khổng Tử nói : “Ta không biết !” Người nào biết ý nghĩa của cuộc ấy, thì trị thiên hạ cũng như coi cái này”. Ông vừa nói vừa đưa bàn tay ra. “Bát dật” là tên một loại tế của thời cổ đại. Về hình thức của loại tế này chúng ta không được biết. Thời Khổng Tử cũng có người không biết ! Lời nói của Khổng Tử lúc đó chỉ rõ ở bàn tay của mình. Vì vậy, “Cái này” (Tư), tức là chỉ bàn tay của Khổng Tử. Lý do Khổng Tử không trả lời về việc hỏi tế Đế, chúng ta tuy không được rõ, nhưng xuyên suốt, qua việc ghi chép của 28 chữ này, chúng ta tưởng tượng như nhìn thấy hai con mắt của Khổng Tử nhắm lại, ông lấy tay chỉ ra cái tinh thần của bàn tay. Chúng ta đọc “Sử ký” không những là sách lịch sử mà cũng là tác phẩm văn học; bởi vì thông qua sự ghi chép của Thái Sử Công (tức Tư Mã Thiên), người xưa đều như chết đi sống lại, vẫn tồn tại mãi mãi ! “Luận ngữ” tuy phản ánh lời nói và việc làm của Khổng Tử, nhưng thông qua một số ghi chép, làm cho chúng ta thấy phảng phất cũng giống như được ngồi ở giảng đường, được tắm gội gió xuân. Phần thứ 7 của quyển sách này — “Mỗi người đều nói ra cái chí của mình” — tức là lấy nhân quan của văn học để miêu tả.

Trình Tử nói : “Phàm xem “Luận ngữ”, chẳng những muốn lĩnh hội văn tự, mà cần phải nhận thức khí chất của Thánh hiền”. Nếu như chúng ta, “Lúc chưa đọc, là con người đó, sau khi đọc lại là con người đó, càng là không nên đọc”. “Triết nhân ngày xưa đã xa, điển hình đã xưa cũ, gió mát ở trên thềm, mở sách ra đọc, cái đạo xưa phản chiếu trên sắc mặt”. (Văn Thiên Tường — Chính Khí Ca). Để cho chúng ta khích lệ lẫn nhau vậy.

TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC

LUẬN NGŨ

THÁNH KINH CỦA NGƯỜI TRUNG HOA

HỒ SỸ HIỆP dịch
TRẦN KIẾT HÙNG hiệu đính

Chịu trách nhiệm xuất bản :
HOÀNG VĂN BÓN
Biên tập : **HIẾU DŨNG**
Sửa bản in : **ANH VŨ**
Trình bày : **CHÂU NHIÊN KHANH**

In 1000 cuốn khổ 14,5 x 20,5 tại XN in Thủ Đức
Số đăng ký KHXB 49/VH/ĐN/642. Cục Xuất Bản cấp ngày 17.11.1994
Quyết định xuất bản số 638/QĐXB ngày 12.12.94
In xong và nộp lưu chiểu tháng 3.1995

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI, Số 4 Nguyễn Trãi, Biên Hòa, Đồng Nai
Điện thoại : (01.61) 22613 — Ban Biên tập : (01.61) 25292

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Trân trọng giới thiệu :

BỘ SÁCH QUÝ TRỌN BỘ 52 TẬP

SẼ ĐƯỢC ẤN HÀNH LẦN LƯỢT TRONG NĂM 1995

BÁCH KHOA TOÀN THƯ
TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC



Trung Quốc — Đất nước có chiều dài lịch sử lâu đời, có nền triết học văn học nghệ thuật phát triển sớm nhất phương Đông.

Từ thời Xuân Thu Chiến Quốc đến cuộc Cách mạng Tân Hợi 1911, trải qua hơn 2000 năm chế độ phong kiến đã bảo tồn và gìn giữ một kho tàng văn hóa triết học, văn học nghệ thuật, nho học tinh tú đồ sộ. Trong đó phải kể đến : Kinh Thi, Tả truyện, Chiến Quốc sách; với Lão Tử, Mạnh Tử, Trang Tử, Hàn Phi Tử... Có thể nói đó là những hạt châu sáng chói ngàn năm, soi sáng trí tuệ cho các thế hệ sau, bằng những giá trị tinh thần sâu sắc.

Ngày nay, nó vẫn giữ vị trí trong các giá trị tinh thần làm giàu thêm kiến thức cho con người. Các nhà nghiên cứu văn học cổ điển TQ đã thông qua hàng trăm tác phẩm tiêu biểu biên soạn thành hệ thống, với 52 tập văn học tinh hoa cổ điển bằng lời văn bạch thoại, văn phong giản dị, ngôn từ dễ đọc, dễ hiểu và dễ nhớ, nhằm phổ biến rộng rãi cho mọi trình độ có thể học hỏi và nghiên cứu.

Bộ sách do một nhóm các nhà nghiên cứu và giảng dạy Trung văn của Trường Đại Học Sư Phạm dịch và hiệu đính. Gồm : Trần Kiệt Hùng, Phan Kỳ Nam, Lê Văn Sơn, Giáp Văn Cường, Hồ Sỹ Hiệp, Nguyễn Văn Ai, Nguyễn Thiện Chí, Hàn Thế Chân, Võ Ngọc Liên, Phùng Quý Sơn, Hoàng Tuyết Nga...

Trần Kiệt Hùng — Giảng viên văn học TQ và là Phó chủ nhiệm Khoa Trung Văn Trường Đại Học Sư Phạm TP Hồ Chí Minh hiệu đính và giới thiệu.

Chúng tôi tin rằng bộ sách này sẽ giúp ích cho bạn đọc làm giàu thêm kiến thức của mình.

SÁCH PHÁT HÀNH TẠI

Cửa hàng sách

56A BÀ TRIỆU - HÀ NỘI

ĐT : 267207